

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Ministère de l'éducation et de la Formation)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI (École Normale Supérieure de Hanoi)



KỶ YẾU TÓM TẮT
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ
“GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP:
THÀNH TỰ VÀ TRIỂN VỌNG”

ACTES DU COLLOQUE INTERNATIONAL
“ÉCHANGES CULTURELS FRANCO-VIETNAMIENS:
RÉALISATIONS ET PERSPECTIVES”
(VERSION RÉSUMÉE)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
Maison D'édition de l'école Normale Supérieure

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ “GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP: THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG”

Thời gian: 16 – 17/4/2018

Địa điểm: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

NGÀY LÀM VIỆC THỨ NHẤT (16/4/2018)

8h00 – 8h30: Đón tiếp đại biểu

8h30 – 10h00: PHIÊN KHAI MẠC (Hội trường K1)

Công tác tổ chức và giới thiệu đại biểu

Phát biểu chào mừng

* GS.TS. Nguyễn Văn Minh – Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

* GS. Michel ESPAGNE – Trường Sư phạm Cao cấp (ENS), Giám đốc nghiên cứu Trung tâm NCKH Quốc gia (CNRS), Giám đốc LABEX TransferS.

* Ngài Etienne ROLLAND-PIEGUE, Tham tán Hợp tác và Văn hoá Đại sứ quán Pháp, Giám đốc Viện Pháp tại Việt Nam.

Báo cáo đề dẫn Hội thảo

* GS.TS. Đỗ Việt Hùng – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trưởng ban Tổ chức Hội thảo .

Ra mắt sách dịch từ tiếng Pháp và sách xuất bản tại Pháp trong khuôn khổ hợp tác giữa hai Trường.

10h00 – 10h20: Chụp ảnh lưu niệm và nghỉ giải lao

10h20 – 11h50: PHIÊN THẢO LUẬN TOÀN THỂ (Hội trường K1)

3 báo cáo viên trình bày liên tiếp, sau đó tập trung thảo luận

Ghi chú: Mỗi báo cáo viên trình bày trong khoảng thời gian không quá 15 phút bằng tiếng Việt hoặc không quá 20 phút bằng tiếng Pháp. Sau 3 báo cáo được trình bày, Chủ tọa sẽ điều hành thảo luận về nội dung của mỗi báo cáo.

11h50 – 11h55: Thông báo Chương trình các Phiên làm việc tại các Tiểu ban chuyên môn

PHIÊN THẢO LUẬN THỨ NHẤT CỦA CÁC TIỂU BAN CHUYÊN MÔN

13h30 – 15h00 (16/4/2018): Trình bày và thảo luận các báo cáo

Tiểu ban	Địa điểm
A. Giáo dục học – Tâm lí học – Xã hội học – Công tác xã hội	Phòng Hội thảo 203 K1
B. Văn học – Ngôn ngữ học	Phòng Hội thảo 204 K1
C. Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học – Nhân học; Địa lí – Kinh tế – xã hội	Hội trường K1
D. Triết học – Tôn giáo học	Phòng Hội thảo 205 K1
E. Nghệ thuật học – Kiến trúc đô thị	Phòng Hội thảo 206 K1

15h00 – 15h20: Nghỉ giải lao

15h20 – 17h00 (16/4/2018): Trình bày và thảo luận các báo cáo

PHIÊN THẢO LUẬN THỨ HAI CỦA CÁC TIỂU BAN CHUYÊN MÔN

Tiểu ban	Địa điểm
A. Giáo dục học – Tâm lý học – Xã hội học – Công tác xã hội	Phòng Hội thảo 203 K1
B. Văn học – Ngôn ngữ học	Phòng Hội thảo 204 K1
C. Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học – Nhân học; Địa lí – Kinh tế – xã hội	Hội trường K1
D. Triết học – Tôn giáo học	Phòng Hội thảo 205 K1
E. Nghệ thuật học – Kiến trúc đô thị	Phòng Hội thảo 206 K1

NGÀY LÀM VIỆC THỨ HAI (17/4/2018)

PHIÊN THẢO LUẬN THỨ BA CỦA CÁC TIỂU BAN CHUYÊN MÔN

8h30 – 10h00 (17/4/2018): Trình bày và thảo luận các báo cáo

Tiểu ban	Địa điểm
A. Giáo dục học – Tâm lý học – Xã hội học – Công tác xã hội	Phòng Hội thảo 203 K1
B. Văn học – Ngôn ngữ học	Phòng Hội thảo 204 K1
C. Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học – Nhân học; Địa lí – Kinh tế – xã hội	Hội trường K1
D. Triết học – Tôn giáo học	Phòng Hội thảo 205 K1
E. Nghệ thuật học – Kiến trúc đô thị	Phòng Hội thảo 206 K1

10h00 – 10h20: Nghỉ giải lao

PHIÊN THẢO LUẬN THỨ TƯ CỦA CÁC TIỂU BAN CHUYÊN MÔN

10h20 – 11h50 (17/4/2018): Trình bày và thảo luận các báo cáo

Tiểu ban	Địa điểm
A. Giáo dục học – Tâm lý học – Xã hội học – Công tác xã hội	Phòng Hội thảo 203 K1
B. Văn học – Ngôn ngữ học	Phòng Hội thảo 204 K1
C. Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học – Nhân học; Địa lí – Kinh tế – xã hội	Hội trường K1
D. Triết học – Tôn giáo học	Phòng Hội thảo 205 K1
E. Nghệ thuật học – Kiến trúc đô thị	Phòng Hội thảo 206 K1

11h50 – 12h00: Tổng kết các phiên thảo luận tại các Tiểu ban chuyên môn

PHIÊN HỘI THẢO THỰC TẾ

Thời gian: 13h00 – 17h00 (17/4/2018)

Địa điểm: Bảo tàng Kinh thành Thăng Long dưới lòng đất Nhà Quốc hội mới và nhà Đại tướng Võ Nguyên Giáp

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

PROGRAMME COLLOQUE INTERNATIONAL "ÉCHANGES CULTURELS FRANCO-VIETNAMIENS: RÉALISATIONS ET PERSPECTIVES"

Dates: 16 – 17/4/2018

Lieu: École Normale Supérieure de Hanoi, 136 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội

LUNDI 16 AVRIL

Matinée: Amphi K1

8h00 – 8h30: Accueil des participants

8h30 – 10h00: SÉANCE D'OUVERTURE

Organisation et présentation des participants

Allocutions de bienvenue:

* Professeur *Nguyễn Văn Minh* – Président de l'École Normale Supérieure de Hanoi.

* Professeur *Michel ESPAGNE* – Directeur de recherche CNRS, Directeur du LABEX TransferS, ENS de Paris.

* Monsieur *Etienne ROLLAND-PIEGUE* – Conseiller de coopération et d'action culturelle, Directeur de l'Institut français du Vietnam, Ambassade de France au Vietnam

Discours inaugural:

Professeur *Đỗ Việt Hùng* – Vice-président de l'École Normale Supérieure de Hanoi, Chef du Comité d'organisation

Présentation/Exposition des 3 ouvrages traduits du français en vietnamien, réalisé dans le cadre de la coopération entre ENS de Paris et ENS de Hanoi.

10h00 – 10h20: Photo de famille et pause-café

10h20 – 11h50: SÉANCE PLÉNIÈRE

3 Interventions et débat

Chaque intervenant a 15 minutes (exposé en vietnamien) ou 20 minutes (exposé en français) pour présenter son exposé. Après les 3 communications, le modérateur organise la discussion sur le contenu de chaque exposé.

11h50 – 11h55: Rappel du Programme de travail de chaque atelier

APRÈS-MIDI

SÉANCE 1

13h30 – 15h00 (16/4/2018): Interventions et débat

Atelier	Lieu
A. Éducation, Sociologie – Psychologie – Travaux sociaux	Salle de conférence 203 K1
B. Littérature – Linguistique	Salle de conférence 204 K1
C. Histoire – Archéologie – Ethnographie – Anthropologie ; Géographie – Économie – Société	Amphi K1
D. Philosophie – Religion	Salle de conférence 205 K1
E. Arts – Architecture urbaine	Salle de conférence 206 K1

15h00 – 15h20: Pause - café

SÉANCE 2

15h20 – 17h00: Interventions et débat

Atelier	Lieu
A. Éducation, Sociologie – Psychologie – Travaux sociaux	Salle de conférence 203 K1
B. Littérature – Linguistique	Salle de conférence 204 K1
C. Histoire – Archéologie – Ethnographie – Anthropologie ; Géographie – Économie – Société	Amphi K1
D. Philosophie – Religion	Salle de conférence 205 K1
E. Arts – Architecture urbaine	Salle de conférence 206 K1

MARDI 17 AVRIL

SÉANCE 3

8h30 – 10h00: Interventions et débat

Atelier	Lieu
A. Éducation, Sociologie – Psychologie – Travaux sociaux	Salle de conférence 203 K1
B. Littérature – Linguistique	Salle de conférence 204 K1
C. Histoire – Archéologie – Ethnographie – Anthropologie ; Géographie – Économie – Société	Amphi K1
D. Philosophie – Religion	Salle de conférence 205 K1
E. Arts – Architecture urbaine	Salle de conférence 206 K1

10h00 – 10h20: Pause-café

SÉANCE 4

10h20 – 11h50: Interventions et débat

Atelier	Lieu
A. Éducation, Sociologie – Psychologie – Travaux sociaux	Salle de conférence 203 K1
B. Littérature – Linguistique	Salle de conférence 204 K1
C. Histoire – Archéologie – Ethnographie – Anthropologie ; Géographie – Économie – Société	Amphi K1
D. Philosophie – Religion	Salle de conférence 205 K1
E. Arts – Architecture urbaine	Salle de conférence 206 K1

11h50 – 12h00: Bilan

VISITE

Date: 13h00 – 17h00 (17/4/2018)

Lieu: Visite du musée de la Cité Impériale de Thang Long et de la maison du Général Võ Nguyên Giáp.

COMITÉ D'ORGANISATION

PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

GS.TS. Nguyễn Văn Minh
Trưởng Ban Chỉ đạo tổ chức Hội thảo

Kính thưa Quý vị đại biểu khách quý!

Thưa các nhà khoa học quốc tế và trong nước!

Trước hết, thay mặt lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tôi nhiệt liệt chào mừng và trân trọng cảm ơn sự hiện diện quý vị đại biểu, các nhà khoa học, các thầy cô giáo và các bạn sinh viên tới dự **Hội thảo khoa học “Giao lưu văn hoá Việt – Pháp: Thành tựu và triển vọng”**.

Việt Nam và Pháp có quan hệ từ rất lâu. Văn hoá và giáo dục Pháp có những ảnh hưởng nhất định đối với Việt Nam. Nếu đi vào phố cổ của Hà Nội, các bạn sẽ tìm được những nét giao thoa về kiến trúc, về phong cách của các café vỉa hè; nếu vào Thư viện Quốc gia, các bạn sẽ tìm thấy rất nhiều sách, nhất là tiểu thuyết của các nhà văn Pháp được dịch ra tiếng Việt. Đối với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường sư phạm đầu tiên của chế độ dân chủ cộng hoà của một nước Việt Nam độc lập, tự do đã có nhiều giáo sư được đào tạo từ Pháp. Trong quá trình xây dựng và phát triển của mình, các đại học của Pháp cũng đã có những hỗ trợ nhất định trong đào tạo cán bộ cho Nhà trường, có những hợp tác trong nghiên cứu và các hoạt động khác.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có quan hệ hợp tác với hơn 100 Đại học và Viện Nghiên cứu của các nước trên thế giới, trong đó có các đơn vị của Pháp. Hiện nay, tiếng Anh đang trên đà phát triển, tiếng Pháp đang chịu tác động co cụm. Vì vậy, hội thảo không chỉ là dịp để các nhà khoa học Pháp và Việt Nam giới thiệu những nghiên cứu mới trên các lĩnh vực thuộc khoa học giáo dục, khoa học xã hội và nhân văn mà còn là cơ sở tốt để tăng cường vị thế của tiếng Pháp, tăng cường hợp tác giữa hai Nhà trường mà cầu nối là các nhà khoa học.

Nhân dịp này, tôi gửi lời cảm ơn tới Giáo sư Marc MEZARD – Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Cao cấp Paris đã cùng tôi thống nhất ủng hộ các nội dung hợp tác, cảm ơn Giáo sư Michel ESPAGNE và các đồng nghiệp của ông đã cùng với các giảng viên của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội triển khai hiệu quả một số hợp tác trong thời gian qua. Nhà trường mong muốn tiếp tục thúc đẩy các nội dung hợp tác sâu rộng và thực chất hơn trong đào tạo, nghiên cứu và xuất bản.

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn Quý vị đại biểu, các nhà khoa học quốc tế và trong nước tham dự Hội thảo.

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

ALLOCUTION DE SALUTATION DU PRÉSIDENT DE L'ECOLE NORMALE SUPÉRIEURE DE HANOI

*Professeur NGUYEN Van Minh
Chef du Comité de direction du Colloque*

Mesdames, messieurs, chers collègues,

Tout d'abord, au nom de la Direction de l'Ecole Normale Supérieure de Hanoi, je voudrais adresser mes salutations chaleureuses et mes remerciements distingués à tous ceux qui sont ici présents pour participer au colloque "Echanges culturels franco-vietnamiens: réalisations et perspectives"

Le Vietnam et la France ont depuis longtemps une relation particulière. La culture et l'éducation françaises ont des influences importantes sur celles du Vietnam. Si vous baladez dans le Quartier Ancien de Hanoi, vous trouverez les empreintes françaises dans l'architecture des monuments et dans le style des terrasses de café, si vous venez à la Bibliothèque nationale, vous trouverez beaucoup de livres dont plusieurs sont des romans français traduits en vietnamien. Pour l'ENS de Hanoi, la première université de la République Démocratique du Vietnam indépendant et libre, plusieurs professeurs ont été formés en France. Durant des années de construction et de développement, l'ENS de Hanoi a reçu aussi des soutiens des universités françaises dans la formation du corps enseignant et cadres de l'université, à côté de la recherche et d'autres activités scientifiques.

A l'heure présente, l'ENS de Hanoi a des coopérations fructueuses avec plus de cent universités et d'instituts de recherche dans le monde, notamment celles de la France. Face au recul du français au Vietnam, le colloque est une occasion pour les chercheurs français et vietnamiens non seulement de présenter les nouvelles recherches en matière de science de l'éducation et des sciences sociales et humaines, mais aussi de consolider la place du français en promouvant la coopération scientifique entre nos deux universités.

A cette occasion, permettez-moi d'adresser les remerciements sincères au professeur Marc Mézard – le Président de l'ENS rue d'Ulm avec qui nous travaillons sur les contenus de coopération, les remerciements particuliers au professeur Michel Espagne – Directeur de LABEX TransfertS et ses collègues qui ont accompagné des lecteurs de l'ENS de Hanoi pour mettre en place plusieurs projets de coopération durant ces dernières années. Nous espérons que cette coopération sera approfondie et élargie dans la formation, dans les échanges académiques, dans les recherches scientifiques aussi bien que dans la publication internationale.

Merci à vous tous!

ALLOCUTION DE BIENVENUE

Professeur Michel Espagne

Directeur de recherche CNRS, Directeur du LABEX TransferS, ENS de Paris.

La date de notre rencontre coïncide très heureusement avec le quarante-cinquième anniversaire des relations diplomatiques entre la République démocratique du Vietnam et la France. Et c'est à ce moment précis que s'engage une intensification des échanges entre l'Ecole normale supérieure de Paris, ses équipes de recherche, rassemblées dans le laboratoire d'excellence TransferS, et l'Ecole normale supérieure de Hanoï. L'interruption a été trop longue, et surtout elle apparaît peu naturelle. Il existe chez les universitaires et les jeunes chercheurs français une curiosité de plus en plus vive vis-à-vis des productions intellectuelles vietnamiennes, et le Vietnam est un pays où la francophonie a encore un sens : une partie des archives vietnamiennes sont en langue française, le Vietnam a fourni des écrivains importants qui se sont parfois exprimés en langue française. Il a fait rêver des générations d'écrivains français. C'est autour du destin d'un philosophe vietnamien de l'Ecole normale supérieure de Paris, Tran Duc Thao, particulièrement important pour les philosophes français des années 1940 et 1950 que des contacts ont été repris il y a déjà plusieurs années. Depuis nous avons reçu des professeurs de Hanoi pour prononcer des conférences rue d'Ulm. De nouvelles visites sont prévues cette année. Des collègues parisiens sont aussi venus régulièrement pour des conférences à l'Ecole normale supérieure de Hanoï ou à l'Académie des sciences, et ces échanges, soutenus aussi par la Bibliothèque nationale de France qui ouvre cette année, avec la Bibliothèque nationale du Vietnam, un portail franco-vietnamien, doivent se renforcer. Des traductions d'ouvrages français de sciences humaines et sociales en vietnamien et de livres vietnamiens en français ont été ou vont être engagées. Nous espérons recevoir dans les années qui viennent des étudiants vietnamiens à l'Ecole normale, des doctorants notamment, intéressés par toute la palette de disciplines que regroupe le labex TransferS. Car s'il s'agit d'accélérer la coopération, c'est aussi dans l'espoir de former une nouvelle génération de chercheurs franco-vietnamiens.

Aujourd'hui nous avons un programme particulièrement ambitieux. Aussi bien en France qu'au Vietnam les sciences humaines et sociales sont confrontées à des mutations qui touchent de nombreux domaines, de l'histoire sociale à la philosophie en passant par la linguistique, l'esthétique ou l'anthropologie ou les études littéraires. On ne peut aborder ces mutations dans un seul cadre national. Pourquoi ne pas tenter alors d'en parler dans un cadre franco-vietnamien ? Celui-ci présente l'intérêt de reposer sur

un siècle d'histoire commune, partagée, imbriquée, traversée par des guerres mais aussi par des aspirations commune. Que va apporter à des chercheurs et enseignants français la manière de concevoir l'esthétique, l'humanisme, l'histoire des religions ou l'histoire culturelle dans un pays comme le Vietnam ? Que signifie faire de la philosophie ou de la linguistique ou de l'histoire littéraire ou penser la pédagogie à Hanoï ? Et inversement dans quelle mesure les théories contemporaines qui servent de référence en France ont-elle un intérêt dans le contexte d'une Université vietnamienne visiblement soucieuse d'accélérer, elle aussi, les transformations de ses perspectives et de ses méthodes ? Le domaine à aborder est évidemment beaucoup trop vaste pour être traité durant un seul colloque. Il faut susciter des groupes de travail dans la durée autour des divers axes de notre rencontre, en organiser de nouvelles. Aussi ce colloque est-il avant tout une première exploration, guidée par la conviction que nous avons à apprendre les uns des autres et surtout que d'un croisement des perspectives française et vietnamienne pourrait naître des formes de savoir ou de recherche nouvelles.

Je voudrais d'abord remercier le président de l'École normale supérieure de Hanoi, le professeur Nguyen Van Minh, pour avoir rendu possible ce colloque. Je suis aussi particulièrement reconnaissant au professeur Nguyen Ba Cuong qui a, au cours des dernières années, aidé au développement d'échanges qui se sont déjà concrétisés par plusieurs publications. Je remercie Monsieur le conseiller culturel pour sa présence et tous les collègues vietnamiens et français qui ont bien voulu marquer leur disponibilité à participer à cette expérience nouvelle.

PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG CỦA ĐẠI BIỂU TRƯỜNG SƯ PHẠM CAO CẤP (ENS)

GS. Michel ESPAGNE

Giám đốc nghiên cứu Trung tâm Nghiên cứu khoa học Quốc gia (CNRS),

Giám đốc LABEX TransferS

Cuộc hội ngộ của chúng ta hôm nay thật là thuận lợi vì trùng khớp với sự kiện Kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Pháp. Đây cũng chính là giai đoạn tăng cường các cuộc trao đổi giữa Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Sư phạm Cao cấp Paris, gồm các nhóm nghiên cứu thành viên của Phòng Nghiên cứu Chuyển giao (Labex-TransferS). Việc gián đoạn hoạt động trao đổi và hợp tác của chúng ta đã diễn ra trong một thời gian khá dài và dường như không mấy bình thường. Các giáo sư đại học, các nhà nghiên cứu trẻ của Pháp ngày càng có nhiều mối quan tâm đến nền học thuật và nghiên cứu khoa học của Việt Nam, và Việt Nam lại là một nước, trong đó Pháp ngữ còn mang một ý nghĩa: một phần tư liệu lưu trữ của Việt Nam là bằng tiếng Pháp, Việt Nam có những nhà văn lớn, một số nhà văn còn viết và xuất bản bằng tiếng Pháp. Điều này đã tạo nhiều cảm hứng cho các thế hệ nhà văn Pháp. Nhờ những quan tâm xung quanh hành trình của một triết gia Việt Nam, cựu sinh viên Trường Sư phạm Cao cấp Paris, là Giáo sư Trần Đức Thảo, gương mặt đặc biệt quan trọng đối với những nhà triết học Pháp những năm 1940-1950, mà mối liên hệ trao đổi đã được tái khởi động cách đây vài năm. Từ đó, chúng tôi đã đón tiếp nhiều giáo sư và học giả của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sang thuyết trình khoa học tại Trường Sư phạm Cao cấp Paris. Trong năm nay, chúng tôi cũng dự kiến đón tiếp thêm các nhà khoa học khác nữa. Các nhà khoa học của Trường Sư phạm Cao cấp Paris cũng đã thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Viện Khoa học. Những trao đổi học thuật này cần được củng cố thêm, vì chúng vốn đã luôn nhận được sự trợ giúp tích cực từ phía Thư viện Quốc gia Pháp, và cùng với Thư viện Quốc gia Việt Nam, trong năm nay, đã mở ra một chuyên đề “Cánh cổng Pháp – Việt”... Một số tác phẩm về khoa học xã hội và nhân văn bằng tiếng Pháp đã và đang được dịch và xuất bản bằng tiếng Việt, bên cạnh đó cũng có một số tác phẩm bằng tiếng Việt được dịch và xuất bản bằng tiếng Pháp. Chúng tôi mong muốn tiếp nhận sinh viên Việt Nam tại trường Sư phạm Cao cấp Paris, đặc biệt là các nghiên cứu sinh quan tâm đến ngành và lĩnh vực nghiên cứu của Phòng Nghiên cứu TransferS. Bởi vì, thúc đẩy hợp tác cũng là mong muốn đào tạo thế hệ các nhà nghiên cứu Pháp – Việt cho tương lai.

Hôm nay, chúng ta có một chương trình với rất nhiều tham vọng. Ở Pháp cũng như ở Việt Nam, các ngành khoa học nhân văn và xã hội đang phải đối mặt với những thay

đổi lớn, diễn ra trên nhiều lĩnh vực, từ lịch sử xã hội đến triết học, ngôn ngữ học, mỹ học, nhân chủng học và nghiên cứu văn học. Chúng ta không thể đề cập đến những thay đổi này nội trong phạm vi của một nước. Do vậy, tại sao chúng ta lại không thử tiếp cận vấn đề trong khuôn khổ Pháp – Việt? Một khung cảnh nghiên cứu như thế sẽ có lợi thế khi chúng ta đã có một giai đoạn lịch sử chung, đan xen và trải qua các cuộc chiến tranh nhưng cũng là lịch sử của những khát vọng chung nữa. Cách thức diễn đạt về thẩm mỹ, nhân văn, lịch sử các tôn giáo hay lịch sử văn hoá trong một đất nước như Việt Nam sẽ mang lại điều gì cho các nhà khoa học Pháp? Nghiên cứu triết học, ngôn ngữ học, lịch sử văn học hay nghiên cứu tư pháp ở Việt Nam có ý nghĩa gì? Và ngược lại, ở mức độ nào các lý thuyết đương đại, mang tính nền tảng đang được vận dụng ở Pháp sẽ mang lại ích lợi cho chúng ta trong bối cảnh một Đại học của Việt Nam cũng đang mong muốn thúc đẩy sự chuyển đổi về định hướng và phương pháp? Các lĩnh vực đề cập quả thực là rất rộng để có thể trao đổi, bàn luận chỉ trong khuôn khổ một hội thảo. Chúng ta cần hỗ trợ tạo ra những nhóm nghiên cứu dài hạn tập trung vào các mảng khác nhau từ hội thảo lần này và có thể tổ chức thêm những hội thảo khác nữa.

Chính vì vậy, hội thảo lần này trước hết là một sự khai phá, với một niềm tin chắc chắn rằng có nhiều điều chúng ta có thể học hỏi lẫn nhau, và đặc biệt là việc trao đổi so sánh những định hướng của các nhà khoa học Pháp và Việt Nam có thể tạo ra những tri thức và những nghiên cứu mới.

Trước hết, tôi xin trân trọng cảm ơn GS. Nguyễn Văn Minh, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hội thảo này. Tôi cũng bày tỏ lòng biết ơn PGS.TS. Nguyễn Bá Cường, người đã rất tích cực giúp đỡ và phát triển mối quan hệ trao đổi, hợp tác trong những năm qua bằng những việc làm cụ thể như xuất bản nhiều đầu sách. Tôi cũng chân thành cảm ơn ngài Tùy viên hợp tác văn hoá Pháp và đặc biệt là cảm ơn các bạn đồng nghiệp, các nhà khoa học Việt Nam và Pháp đã dành sự quan tâm tham dự hội thảo lần này.

ALLOCUTION DE BIENVENUE

Monsieur Etienne ROLLAND

*Conseiller de coopération et d'action culturelle,
Directeur de l'Institut français du Vietnam
Ambassade de France au Vietnam*

Monsieur le Président de l'Ecole normale supérieure de Hanoi, Professeur Nguyen Van Minh,

*Monsieur le directeur du programme TransferS de l'ENS, Professeur Michel Espagne,
Mesdames et Messieurs les Professeurs,*

Chers amis,

C'est un grand honneur pour moi d'intervenir en ouverture de ce colloque international sur les échanges culturels franco-vietnamiens.

Ce colloque intervient dans une période particulièrement faste pour les relations franco-vietnamiennes.

Nous célébrons le 45^{ème} anniversaire de nos relations diplomatiques, le 5^{ème} anniversaire de notre partenariat stratégique. Pour la première fois, nos deux pays procèdent la même année à un échange de visites au plus haut niveau. M. Nguyen Phu Trong, Secrétaire général du Parti communiste vietnamien, numéro un dans l'ordre protocolaire, s'est rendu en France il y a quinze jours et s'est entretenu avec le Président de la République, le Premier ministre, et les présidents de l'Assemblée nationale et du Sénat. Le Premier ministre français, M. Edouard Philippe, a confirmé qu'il se rendrait au Vietnam à la fin de l'année. Deux ans après la visite d'Etat du Président François Hollande, le Président Emmanuel Macron a indiqué qu'il répondrait à l'invitation à se rendre au Vietnam en 2019.

Cette année est également propice aux échanges culturels franco-vietnamiens. Le champ des études vietnamiennes commence à se structurer en France, et une nouvelle génération de chercheurs formés au Vietnam et en vietnamien lors de l'ouverture du pays atteint l'âge de la maturité académique. Les publications savantes se multiplient en histoire, sociologie, anthropologie, archéologie, sciences politiques, études littéraires, etc., et plusieurs ouvrages sortent cette année dans des collections visant le grand public. Un intérêt croissant se manifeste pour l'apprentissage de la langue vietnamienne. Loin des clichés qui ont longtemps marqué la perception de l'autre, clichés hérités de la littérature coloniale et entretenus par le tourisme de masse et les films à grand spectacle, une perception plus juste et plus sereine se fait jour du Vietnam, de son passé, et de notre histoire commune.

L'Ecole normale supérieure de la rue d'Ulm participe à ce dynamisme par le biais du laboratoire d'excellence TransferS soutenu par le Collège de France, l'union d'universités PSL et le CNRS. Elle entretient depuis près de cinq ans des relations nourries avec l'ENS de Hanoi qui se traduisent par des échanges de chercheurs, l'accueil de doctorants, l'aide à la publication d'ouvrages en vietnamien et en français et des colloques de haut niveau dont celui qui nous réunit aujourd'hui fournit le dernier exemple.

Certains d'entre vous se souviennent peut-être du programme Vent d'Est créé au milieu des années 1990 par le ministère français des Affaires étrangères. Ce programme offrait des bourses de deux ans pour des étudiants français désireux d'effectuer un séjour de recherche prolongé au Vietnam dans le cadre de leur préparation doctorale, qu'elle relève des sciences sociales ou de celles dites "exactes". Les boursiers bénéficiaient en outre de cours personnalisés de vietnamien, que l'Ambassade de France prenait à sa charge pendant toute la durée de leur séjour. Je formule le vœu que le partenariat entre nos deux ENS, soutenu par le laboratoire d'excellence TransferS, fasse se lever un nouveau "Vent d'Est" qui insufflera aux échanges culturels entre nos deux pays un nouveau dynamisme.

Je vous remercie.

PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG CỦA ĐẠI BIỂU ĐẠI SỨ QUÁN PHÁP TẠI VIỆT NAM

Ngài Etienne ROLLAND-PIEGUE

Tham tán Hợp tác và Văn hoá Đại sứ quán Pháp,

Giám đốc Viện Pháp tại Việt Nam

Kính thưa GS.TS. Nguyễn Văn Minh, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,

Kính thưa GS. Michel Espagne, Giám đốc Phòng Nghiên cứu Labex TransfertS,

Thưa các quý vị đại biểu cùng toàn thể hội nghị,

Đây thực sự là một vinh dự lớn đối với tôi được đứng đây và phát biểu mở màn cho hội thảo quốc tế về chủ đề: “Giao lưu văn hoá Việt–Pháp: thành tựu và triển vọng”.

Hội thảo này diễn ra trong một bối cảnh hết sức đặc biệt đối với mối quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam và Pháp.

Chúng ta đang cùng nhau tổ chức kỉ niệm 45 năm chính thức đặt quan hệ ngoại giao và 5 năm ngày Việt Nam và Pháp là đối tác chiến lược. Lần đầu tiên trong lịch sử, cả hai nước cùng tổ chức các chuyến thăm ngoại giao ở cấp cao nhất: Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng của Việt Nam vừa có cuộc gặp gỡ với Tổng thống Pháp Emmanuel Macron, với ngài Thủ tướng và với các vị lãnh đạo cấp cao của Quốc hội Pháp. Đồng thời ngài Thủ tướng Pháp Edouard Phillipe đã nhận lời mời đến thăm Việt Nam vào cuối năm nay. Hai năm sau chuyến thăm cấp Nhà nước của cựu Tổng thống François Hollande, ngài Tổng thống Emmanuel Macron cũng đã chính thức nhận lời mời của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng sẽ sang thăm Việt Nam vào năm 2019.

Năm 2018 cũng là một năm hết sức đặc biệt đối với những sự kiện giao lưu văn hoá Pháp Việt. Một hướng mới trong nghiên cứu về Việt Nam đang dần hình thành tại Pháp và bên cạnh đó là một thế hệ các nhà nghiên cứu ở Việt Nam và bằng tiếng Việt từ khi Việt Nam mở cửa đã đạt đến sự khảng định khoa học. Rất nhiều công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện trong các lĩnh vực như lịch sử, xã hội học, nhân học, khảo cổ, khoa học chính trị hay văn học... Và trong năm nay có biết bao nhiêu tác phẩm sẽ ra đời trong sự đón chào của một lượng độc giả lớn. Nhu cầu học tiếng Việt cũng đang có xu hướng tăng cao. Những nét vẽ về Việt Nam xuất hiện qua lăng kính chiến tranh, trong văn học cổ điển, trong những thước phim cũ, đã lùi xa nhường chỗ cho những hình ảnh về một Việt Nam mới mẻ và êm đềm bắt đầu nhen nhóm từ lịch sử chung của hai nước.

Trường Đại học Sư phạm Cao cấp Paris đã tích cực tham gia vào hướng đi mới mẻ này thông qua những hoạt động nghiên cứu và trao đổi học giả của Phòng Nghiên cứu

Labex TransfertS cùng với sự hỗ trợ của trường College de France, cụm Đại học Paris Sciences et Lettres (PLS) và Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia Pháp (CNRS). Từ gần 5 năm trở lại đây, Trường Đại học Sư phạm Cao cấp Paris đã cùng hợp tác với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội để triển khai nhiều dự án như trao đổi học giả, dịch và xuất bản sách Pháp – Việt và Việt – Pháp, tổ chức những hội thảo khoa học, trong đó Hội thảo mà chúng ta đang tham dự ngày hôm nay là một ví dụ tiêu biểu.

Trong số các bạn có lẽ có người còn nhớ đến chương trình học bổng Đông Phong (Vent d'Est) do Bộ Ngoại giao Pháp thành lập vào khoảng giữa thập niên 1990. Đây là một chương trình cho phép các nghiên cứu sinh của Pháp mong muốn đến Việt Nam trong hai năm để nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. Ngoài các hoạt động chuyên môn của mình, các sinh viên này còn được tham gia các khoá học tiếng Việt do Đại sứ quán Pháp tổ chức trong suốt chương trình.

Tôi hi vọng rằng hai trường Sư phạm của chúng ta, thông qua sự hỗ trợ của Phòng Nghiên cứu Labex TransferS, sẽ cùng lập một dự án “Đông Phong” mới và đem lại một làn gió mới cho sự trao đổi văn hoá, trao đổi học giả giữa hai quốc gia.

Trân trọng cảm ơn!

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

“GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP: THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG”

GS.TS. Đỗ Việt Hùng

Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Trưởng Ban tổ chức Hội thảo

Kính thưa Quý vị đại biểu khách quý!

Thưa các nhà khoa học quốc tế và trong nước!

Sự xuất hiện vừa đúng lúc vừa thiết thực của hội thảo nhân dịp kỉ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Pháp (1973 – 2018); sự hợp tác chân thành và hiệu quả giữa Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Sư phạm Cao cấp Paris trong việc tiến hành hội thảo; và đặc biệt là sự đặt vấn đề khoa học vừa đúng trọng tâm vừa rộng mở của Hội thảo **“Giao lưu văn hoá Việt – Pháp: Thành tựu và triển vọng”** (trên nhiều lĩnh vực) đã khiến cho hội thảo dành được sự quan tâm, tham gia viết bài của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Quả như kì vọng của Ban Tổ chức, **Hội thảo khoa học quốc tế “Giao lưu văn hoá Việt – Pháp: Thành tựu và triển vọng”** đã nhận được tất cả 102 bài tham luận. Các tham luận có nội dung rất phong phú, viết về nhiều lĩnh vực khác nhau như: Giáo dục học – Tâm lí học – Xã hội học – Công tác xã hội; Văn học – Ngôn ngữ học; Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học – Nhân học – Địa lí – Kinh tế – Xã hội; Triết học – Tôn giáo; Nghệ thuật – Kiến trúc đô thị (được Ban Tổ chức tạm chia làm 5 Tiểu ban). Nội dung cụ thể, chuyên sâu của các bản tham luận sẽ được các tiểu ban phân tích, tổng kết, đánh giá trong các phiên họp của mỗi tiểu ban. Ở đây, nhìn ở góc độ tổng thể có tính liên ngành và xuyên ngành, chúng tôi tạm nhận thấy các tham luận tập trung vào **10 nội dung lớn** sau đây:

1. Nghiên cứu, đánh giá khái quát về sự tiếp xúc giao lưu văn hoá Pháp – Việt nói riêng và châu Âu – Đông Nam Á nói chung, như: bối cảnh lịch sử và sự tiếp xúc giữa châu Âu và Đông Nam Á (thế kỉ XVI – XIX) (GS. Romain BERTRAND); một lịch sử Việt Nam ở nước Pháp (GS. Michel ESPAGNE); giao lưu và tiếp biến văn hoá Pháp – Việt (PGS.TS. Lê Nguyên Cẩn); văn hoá cung đình Huế đầu thế kỉ XX và cuộc tiếp xúc với văn minh phương Tây (TS. Huỳnh Thị Ánh Vân); biến đổi đời sống Việt Nam thế kỉ XIX – XX qua sự tiếp xúc với phương Tây (Nhà nghiên cứu, họa sĩ Phan Cẩm Thượng)...

2. Nghiên cứu quan hệ ngoại giao giữa Pháp và Việt Nam từ năm 1949 đến nay, như: quan hệ ngoại giao giữa Pháp và Việt Nam giai đoạn 1949 – 1955 qua nguồn lưu trữ tại Pháp (ThS. Ninh Xuân Thao); quan hệ Việt – Pháp từ 1973 đến 2018 (PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh); vai trò của nước Pháp đối với quá trình hội nhập quốc tế của

Việt Nam (TS. Hoàng Hải Hà)...

3. Nghiên cứu các sản phẩm văn hoá như là kết quả của quá trình tương tác, giao lưu văn hoá Pháp – Việt (chủ yếu là các di sản để lại từ thời Pháp thuộc) trên các bình diện khác nhau, như: Đông Dương Tân tạp chí (TS. Phạm Văn Quang); sách giáo khoa đầu thế kỉ XX ở Việt Nam (PGS.TS. Trần Văn Toàn); kho sách Việt Nam tại Thư viện Quốc gia Pháp (TS. Nguyễn Giáng Hương); “hương ước cải lương” ở Việt Nam đầu thế kỉ XX (PGS.TS. Đinh Khắc Thuân); minh hoạ bìa báo Phong hoá thời Pháp thuộc (PGS.TS. Hoàng Minh Phúc và ThS. Trần Thị Thy Trà); đồ hoạ báo chí Việt Nam thời Pháp Thuộc (TS. Nguyễn Hồng Ngọc); các biệt thự mang phong cách kiến trúc Pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh (ThS. Phạm Trần Hải); di sản kiến trúc Công giáo ở Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh (TS. Nguyễn Thị Hậu và ThS. Trương Phúc Hải), di sản kiến trúc Pháp tại TP. Hồ Chí Minh (TS. Ngô Minh Hùng và PGS.TS. Hoàng Minh Phúc); khu phố châu Âu ở Hà Nội cuối thế kỉ XIX – nửa đầu XX (TS. Nguyễn Thị Bình); nhà thờ Công giáo kiểu Gothic tại Hà Nội (ThS. Dương Văn Biên); trang trí ở lăng các bà hoàng thời Nguyễn có phong cách Rococo (ThS. Trần Thị Hoài Diễm...);...

4. Nghiên cứu so sánh các hiện tượng tương đồng trong lịch sử văn hoá Pháp – Việt, như: Liên hệ, so sánh việc lựa chọn tiếng Latinh hay tiếng Pháp ở Pháp với việc lựa chọn tiếng Hán hay tiếng Việt ở Việt Nam thời trung đại (GS. Guillaume BONNET); so sánh các nghi lễ và biểu tượng thiêng liêng của Nho giáo với nền Công hoà của Pháp (GS. Benoit VERMANDER); so sánh triết học và bối cảnh triết học Pháp với Việt Nam (GS. Charlotte MOREL); nghiên cứu sự tương đồng quan niệm của Hồ Xuân Hương và Simon de Beauvoir (PGS.TS. Bùi Thị Tĩnh); so sánh ngôn ngữ thơ Charles Baudelaire và Hàn Mặc Tử (Hoai Huong Aubert-Nguyen); so sánh giáo dục gia đình ở Pháp và Việt Nam từ góc độ phụ huynh (TS. Nguyễn Khánh Trung); so sánh việc đào tạo giáo viên ở Pháp (và châu Âu) với Việt Nam (TS. Nguyễn Văn Toàn); quan điểm về tôn giáo của các nhà triết học Khai sáng Pháp (PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn); sự biến đổi của Phật giáo Việt Nam hiện nay so sánh với Phật giáo ở Pháp (PGS.TS. Chu Văn Tuấn); sự biến đổi tục thờ cúng Thành hoàng làng (ThS. Hoàng Thị Thu Hường); quan hệ kinh tế – tôn giáo và đạo Tin Lành ở Việt Nam (TS. Hoàng Văn Chung và ThS. Trần Thị Phương Anh); hành vi tiêu dùng của nữ ở Việt Nam (TS. Bùi Ngọc Như Nguyệt); dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ ở nhà trường Việt Nam (PGS.TS. Đào Huy Linh và TS. Nguyễn Việt Anh);...

5. Nghiên cứu ảnh hưởng của các hiện tượng văn hoá của Pháp đến Việt Nam (chủ yếu từ 1954 trở về trước), như: Ảnh hưởng của tiếng Pháp trong ngôn ngữ tiếng Việt (PGS.TS. Trịnh Văn Minh và ThS. Trịnh Thuỳ Dương); ảnh hưởng của văn hoá Pháp đến trí thức Việt Nam đầu thế kỉ XX (TS. Nguyễn Thị Thanh Tùng và Trần Ngọc Viên); ảnh hưởng của triết học Khai sáng Pháp ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX (ThS. Vũ Thị Hải và ThS. Hoàng Phương Thảo); ảnh hưởng của giáo dục Pháp trong nền giáo dục Việt Nam giai đoạn cuối thế kỉ XIX nửa đầu thế kỉ XX (PGS.TS. Phạm

Công Nhất; ThS. Nguyễn Hoa Mai); ảnh hưởng của văn hoá Pháp trong việc giáo dục và sử dụng lao động nữ ở Bắc Kỳ giai đoạn 1907 – 1945 (TS. Trần Thị Phương Hoa); Phạm Quỳnh với quá trình giới thiệu triết học Pháp vào Việt Nam (PGS.TS. Nguyễn Bá Cường); ảnh hưởng của văn hoá, tư tưởng Pháp đối với Hồ Chí Minh (TS. Đỗ Thị Ngọc Anh); ảnh hưởng của cách mạng Pháp đối với Hồ Chí Minh (TS. Trần Thị Phúc An); ảnh hưởng của một số luật xã hội của Pháp đến pháp luật Việt Nam đầu thế kỉ XX (TS. Trần Xuân Trí); ảnh hưởng của văn học Pháp đến văn học Việt Nam (PGS.TS. Đặng Anh Đào); ảnh hưởng của văn hoá Pháp với sân khấu, tiểu thuyết và thơ mới của Việt Nam (PGS.TS. Lê Nguyên Cẩn); ảnh hưởng của văn học Pháp đối với thơ văn Hồ Chí Minh (PGS.TS. Nguyễn Thanh Tú, ThS. Bùi Quang Vinh); các công trình sưu tầm, nghiên cứu Folklore của người Pháp ở Việt Nam và sự hình thành ngành Folklore học của Việt Nam (PGS.TS. Nguyễn Việt Hùng); ảnh hưởng của kịch Pháp và chủ nghĩa lãng mạn trong kịch Việt Nam những năm 1930 (TS. Nguyễn Thuỳ Linh); ảnh hưởng của thơ tượng trưng Pháp đến thơ Mới Việt Nam (TS. Đinh Minh Hằng); ảnh hưởng của văn hoá Pháp trong vùng thuộc Pháp giai đoạn 1945 – 1954; việc tiếp thu tư tưởng dân chủ và cách mạng tư sản của Nguyễn Mạnh Tường và Phan Ngọc (Nhà báo Kiều Mai Sơn); ảnh hưởng của văn hoá Pháp đến hội hoạ Việt Nam (TS. Hoạ sĩ Phạm Văn Tuyền); ảnh hưởng văn hoá Pháp đến ca khúc Việt Nam (ThS. Tạ Hoàng Mai Anh);...

6. Nghiên cứu các “không gian chuyển giao văn hoá” Pháp – Việt, đồng thời cũng là sản phẩm của quá trình chuyển giao đó, như: Đại học Đông Dương và Sư phạm Đông Dương (ThS. Lê Xuân Phán); Trường Viễn Đông Bác cổ và Đại học Đông Dương (TS. Nguyễn Mạnh Dũng); đô thị Hải Phòng thời kì thuộc Pháp (TS. Trần Văn Kiên); giáo hội Phật giáo Bắc Kỳ (TS. Ninh Thị Sinh); các trường mỹ thuật ở Việt Nam đầu thế kỉ XX (PGS.TS. Hoàng Minh Phúc); Việt Nam, Pháp và Pháp ngữ (ThS. Vũ Đoàn Kết và TS. Nguyễn Hoàng Như Thanh); cộng đồng Pháp ngữ tại Việt nam và cộng đồng Việt ngữ tại Pháp (ThS. Nguyễn Thảo Hương);...

7. Nghiên cứu các tác phẩm, tư liệu, công trình nghiên cứu của người Pháp viết về Việt Nam, như: một lịch sử Việt Nam ở nước Pháp (GS. Michel ESPAGNE); quan niệm về ngữ pháp phổ quát và ngữ pháp đặc thù trong cách mô tả tiếng Việt của người Pháp (GS. Daniel PETIT); nghiên cứu bản vẽ Truyện Lục Vân Tiên và Kỹ thuật của người An Nam (PGS.TS. Olivier TESSIER); ghi chép của Alexandre de Rhodes về tục thờ cúng tổ tiên của người Việt (ThS. Trương Thuý Trinh); Việt Nam học nhìn từ nước Pháp (TS. Cao Việt Anh); công trình Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ của Pierre Gourou (TS. Vũ Diệu Trung); văn hoá Óc Eo dưới cái nhìn của học giả Pháp (TS. Phạm Thu Trang và ThS. Phạm Phương Hà); nghiên cứu đô thị Việt Nam của học giả Pháp (giai đoạn 1865 – 1954) (PGS.TS. Hoàng Anh Tuấn và ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt), nghệ thuật trang trí trên đồ đồng thời Nguyễn qua con mắt của học giả Pháp trong tập Những người bạn cổ đô Huế - B.A.V.H (ThS. Phan Lê Chung); nguồn tài liệu tiếng Pháp nói về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa (TS. Trần Đức Anh Sơn); giáo dục

làng xã cổ truyền Bắc Kỳ qua nghiên cứu của người Pháp (PGS.TS. Nguyễn Thị Thọ, TS. Hồ Công Lưu và ThS. Nguyễn Văn Biểu); tiểu thuyết của Marguerite Duras viết về Đông Dương (TS. Trần Văn Công); hiện tượng phe phái, nhóm lợi ích và quyền lực ở Việt Nam đầu thế kỉ XIX (ThS. Vũ Đức Liêm); quan điểm của Pháp về sự thương vong của Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ (MA. Peter HUNT); hình ảnh Việt Nam trên điện ảnh Pháp thập niên 1990 (ThS. Đinh Mỹ Linh), tiếp cận lí thuyết của Émile Durkheim trong nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam (ThS. Phạm Thị Thu Huyền);...

8. Nghiên cứu các tác phẩm, tư liệu của người Việt Nam viết về nước Pháp, người Pháp, như: thơ văn đi sứ nước Pháp cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX (PGS.TS. Nguyễn Công Lý; PGS.TS Nguyễn Thanh Tùng); hình dung về người Pháp trên báo chí Đông Dương – trường hợp Tự lực văn đoàn (TS. Phùng Ngọc Kiên), văn minh phương Tây trong quan niệm của trí thức Nho học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX (TS. Phan Thị Thu Hằng);...

9. Nêu những thành tựu giao lưu văn hoá Pháp – Việt những năm gần đây, như: Việc dịch và xuất bản các sách nghiên cứu của Pháp ở Việt Nam (GS.TS. Trần Đình Sử); việc biên soạn sách giáo khoa theo hướng mới của nhóm Cánh Buồm (Nhà giáo Phạm Toàn và GS. Alain FENET); việc chuyển đổi mô hình hợp tác giáo dục đại học tại Viện Quốc tế Pháp ngữ (TS. Ngô Tự Lập); hoạt động thực hành lâm sàng theo trường phái Pháp ở Trung tâm Nghiên cứu Tâm lí trẻ em Việt Nam (PGS.TS. Nguyễn Minh Đức); giới thiệu chương trình đào tạo kĩ sư chất lượng cao Việt – Pháp (các nhà nghiên cứu: Nguyễn Quang Vinh, Lê Thị Mỹ, Trần Thị Đan, Đào Quang Bình);...

10. Nghiên cứu việc đào tạo tiếng Pháp và nhân lực tiếng Pháp trong các nhà trường Việt Nam từ xưa đến hiện nay, như: việc dạy tiếng Pháp từ thời kì Pháp thuộc đến nay (PGS.TS. Trần Đình Bình và TS. Nguyễn Văn Toàn); thực trạng dạy tiếng Pháp ở trường Trung học phổ thông hiện nay (ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga); dạy văn học Pháp cho sinh viên Pháp ngữ ở Khoa tiếng Pháp – Đại học Hà Nội (TS. Trần Văn Công); xây dựng chương trình đào tạo về môi trường và phát triển bền vững cho các cán bộ Pháp ngữ hiện nay (ThS. Hoàng Thị Vân Anh); kinh nghiệm dịch tác phẩm của Samuel Beckett ra tiếng Việt (ThS. Nguyễn Vũ Hưng)...

Ngoài ra, một số báo cáo trình bày các kết quả nghiên cứu mới ở từng lĩnh vực của các nhà nghiên cứu khác.

Kính thưa quý vị đại biểu, khách quý!

Thưa các nhà khoa học quốc tế và trong nước!

Nhìn chung, các bản tham luận đều có giá trị khoa học cao, được tiến hành một cách công phu, nghiêm túc và đầy nhiệt huyết. Các phương pháp nghiên cứu, hướng tiếp cận được sử dụng cũng rất đa dạng, tin cậy và hiện đại. Nhiều vấn đề khoa học đã được đặt ra và giải quyết một cách sâu sắc, đem lại nhiều nhận thức mới mẻ về các nội dung đã nêu ở trên. Có thể nói, các bản tham luận đều chỉ ra mối quan hệ giao lưu văn

hoá hai chiều, lâu dài, sâu đậm và đa dạng giữa Việt Nam và nước Pháp; trong đó, nổi bật là các bản tham luận đều cho thấy tác động, ảnh hưởng rõ nét của văn hoá Pháp đến văn hoá Việt Nam, đặc biệt trong thời kì Pháp thuộc. Dù thế nào chăng nữa, dù chủ quan hay khách quan, không thể phủ nhận dấu ấn của văn hoá Pháp trong quá trình hiện đại hoá và phát triển của Việt Nam. Dấu ấn ấy có mặt tích cực, cũng có mặt tiêu cực; nhưng truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam (và có lẽ cũng như của dân tộc Pháp) là muốn nhìn nhiều hơn, sâu hơn và mong muốn giữ lại những điểm tích cực, xếp lại những “quá khứ đau buồn” để hướng tới tương lai, vì vậy, những dấu ấn tốt đẹp vẫn là đối tượng chủ đạo của các bài tham luận. Tinh thần của chúng ta là “ôn cái cũ để biết cái mới”, nhìn vào quá khứ là để hướng tới tương lai. Và quả vậy, nhiều báo cáo cũng đã đề cập đến những thành quả to lớn trong sự giao lưu, hợp tác giữa hai nước những năm gần đây và triển vọng giao lưu, hợp tác tươi sáng của nó trong tương lai. Bản thân hội thảo này cũng là một biểu hiện cụ thể của sự giao lưu, hợp tác đó. Theo chúng tôi, ngoài những cống hiến cụ thể, chuyên sâu của các bài nghiên cứu cho từng lĩnh vực tri thức cụ thể về lịch sử quan hệ giao lưu văn hoá Việt – Pháp, tinh thần, nhiệt huyết trên đây chính là thành công lớn của hội thảo lần này.

Tất nhiên, trong một hội thảo khoa học, chúng ta không thể kì vọng mọi mục đích hay vấn đề khoa học đặt ra đều được giải quyết toàn diện, rõ ràng. Một số nội dung mới chỉ dừng lại ở mức độ đặt vấn đề, tổng quan. Một số vấn đề có thể còn gây tranh luận, bất đồng. Nhưng, trong nghiên cứu khoa học cũng như trong giao lưu hợp tác, khó lòng có tiếng nói cuối cùng, tiếng nói duy nhất ở một nơi, một lúc. Điều đó có nghĩa là, trong thời gian tới, chúng ta cần và nên tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động như Hội thảo khoa học này hơn nữa để vừa đạt được các thành quả nghiên cứu khoa học vừa thúc đẩy mối quan hệ giao lưu, hợp tác giữa các bên, các nhà khoa học. Hi vọng, chúng ta sẽ còn được gặp lại nhau trong những dịp như vậy trong tương lai ở Pháp và Việt Nam.

Cuối cùng, thay mặt Ban Tổ chức, tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến các nhà khoa học đã viết bài và tham dự hội thảo; tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đã có những đóng góp tích cực cho việc tổ chức Hội thảo này. Kính chúc các quý vị đại biệt khách quý, các nhà khoa học sức khoẻ, hạnh phúc và thành đạt. Chúc các quý cơ quan, tổ chức luôn phát triển thịnh vượng và thành công.

*Chúc hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp!
trân trọng cảm ơn!*

COMMUNICATION INTRODUCTIVE

COLLOQUE INTERNATIONAL "ÉCHANGES CULTURELS FRANCO-VIETNAMIENS: RÉALISATIONS ET PERSPECTIVES"

Prof. Do Viet Hung

Vice-président de l'École Normale supérieure de Hanoi

Chef du Comité d'organisation du colloque

Chers invités

Chers collègues enseignants

Chers participants au colloque

Si ce colloque international sur les "Échanges culturels franco-vietnamiens: réalisations et perspectives" a tellement captivé l'attention et la participation des scientifiques d'horizons divers, ce n'est pas tout à fait par hasard. Il y a eu un contexte favorable à cette manifestation: la célébration du 45^e anniversaire des relations diplomatiques entre le Vietnam et la France, la coopération efficace et fructueuse entre l'École Normale supérieure de Hanoi et l'École Normale supérieure de la rue d'Ulm, et surtout la problématique à la fois pertinente et transversale du colloque. Effectivement, comme l'attente du Comité d'organisation, ce colloque a reçu au totale 102 contributions de différents champs d'investigation, tels que sciences de l'éducation, psychologie, sociologie, travail social, littérature, linguistique, histoire, archéologie, ethnologie, anthropologie, géographie, économie, philosophie, sciences de la religion, arts, architecture urbaine. Les problèmes abordés dans chacune des contributions seront présentés, discutés et évalués dans les réunions des ateliers. Ici, dans une perspective interdisciplinaire et transdisciplinaire, nous y reconnaissons, à première vue, les grandes thématiques suivantes:

1. Il s'agit d'abord des études et des observations sur les contacts et échanges culturels franco-vietnamiens en particulier et dans le cadre plus large entre l'Europe et l'Asie du Sud-Est. Nous avons par exemple les contributions des professeurs: Prof. Michel Espagne, Prof. Romain Bertrand, Prof.as. Lê Nguyễn Căn, Dr. Huỳnh Thị Ánh Vân, Peintre Phan Cẩm Thượng...

2. La deuxième thématique porte sur les relations diplomatiques entre la France et le Vietnam de 1949 à nos jours, avec les études de: Prof.as. Nguyễn Thị Hạnh, Dr. Hoàng Hải Hà, Ninh Xuân Thao...

3. Quelques contributions abordent des biens culturels comme les réalisations d'un processus d'interactions et d'échanges culturels franco-vietnamiens (essentiellement de l'époque coloniale), comme par exemple les recherches de: Dr. Phạm Văn Quang, Prof.as.Dr. Trần Văn Toàn, Dr. Nguyễn Giáng Hương (Cộng hoà Pháp), Prof.as.Dr. Đinh Khắc Thuân, Prof.as.Dr. Hoàng Minh Phúc và Trần Thị Thy Trà, Dr. Nguyễn Hồng Ngọc, Phạm Trần Hải, Dr. Nguyễn Thị Hậu và Trương Phúc Hải, Dr. Ngô Minh Hùng và Prof.as.Dr. Hoàng Minh Phúc, Dr. Nguyễn Thị Bình, Dương Văn Biên, Trần Thị Hoài Diễm...

4. Nous y rencontrons les études comparatives des similitudes dans l'histoire franco-vietnamienne, à travers les contributions de: Prof. Guillaume Bonnet, Prof. Benoit Vermander, Prof. Charlotte Morel, Prof.as.Dr. Bùi Thị Tĩnh, Prof.as.Dr. Hoai Huong Aubert-Nguyen, Dr. Nguyễn Khánh Trung, Dr. Nguyễn Văn Toàn, Prof.as.Dr. Nguyễn Anh Tuấn, Prof.as.Dr. Chu Văn Tuấn, Hoàng Thị Thu Hương, Dr. Hoàng Văn Chung và Trần Thị Phương Anh, Dr. Bùi Ngọc Như Nguyệt, Prof.as.Dr. Đào Huy Linh et Dr. Nguyễn Việt Anh...

5. Une autre grande thématique se focalise sur l'apport des phénomènes culturels français au Vietnam (jusqu'en 1954). C'est le cas des études de: Prof.as.Dr. Trịnh Văn Minh và Trịnh Thủy Dương, Dr. Nguyễn Thị Thanh Tùng và Trần Ngọc Viên, Vũ Thị Hải và Hoàng Phương Thảo, Prof.as.Dr. Phạm Công Nhất; Nguyễn Hoa Mai, Dr. Trần Thị Phương Hoa, Prof.as.Dr. Nguyễn Bá Cường, Dr. Đỗ Thị Ngọc Anh, Dr. Trần Thị Phúc An, Dr. Trần Xuân Trí, Prof.as.Dr. Đặng Anh Đào, Prof.as.Dr. Lê Nguyên Cẩn, Prof.as.Dr. Nguyễn Thanh Tú, Bùi Quang Vinh, Prof.as.Dr. Nguyễn Việt Hùng, Dr. Nguyễn Thủy Linh, Dr. Đinh Minh Hằng, Journaliste Kiều Mai Sơn, Dr. Peintre Phạm Văn Tuyến, Tạ Hoàng Mai Anh...

6. Viennent ensuite les études sur les "espaces de transferts culturels" franco-vietnamiens, qui sont aussi les réalisations de ce processus. Nous voulons parler des contributions de: Dr. Nguyễn Mạnh Dũng, Lê Xuân Phán, Dr. Trần Văn Kiên, Dr. Ninh Thị Sinh, Prof.as.Dr. Hoàng Minh Phúc, Vũ Đoàn Kết và Dr. Nguyễn Hoàng Như Thanh, Nguyễn Thảo Hương...

7. Certains auteurs étudient les œuvres, les documents ou les ouvrages des Français, qui portent sur le Vietnam. Ce sont les sujets d'exposé de: Prof. Michel Espagne, Prof. Daniel Petit, Prof.as.Dr. Olivier Tessier, Trương Thuý Trinh, Dr. Vũ Diệu Trung, Dr. Phạm Thu Trang và Phạm Phương Hà, Prof.as.Dr. Hoàng Anh Tuấn và Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Phan Lê Chung, Dr. Trần Đức Anh Sơn, Prof.as.Dr. Nguyễn Thị Thọ, Dr. Hồ Công Lưu và Nguyễn Văn Biểu, Dr. Trần Văn Công, Vũ Đức Liêm, MA. Peter Hunt, Đinh Mỹ Linh, Phạm Thị Thu Huyền,...

8. Dans un autre sens, nous trouvons ici les études consacrées à des œuvres, des documents ou des ouvrages des Vietnamiens qui parlent de la France. Il s'agit par exemple des contributions de: Prof.as.Dr. Nguyễn Công Lý, Prof.as.Dr. Nguyễn Thanh Tùng, Dr. Phùng Ngọc Kiên, Dr. Phan Thị Thu Hằng...

9. Il serait intéressant de se rendre compte des résultats des échanges culturels franco-vietnamiens des années récentes, comme le montrent: Prof.Dr. Trần Đình Sủ; Éducateur Phạm Toàn và Prof. Alain Fenet, Dr. Ngô Tự Lập, Prof.as.Dr. Nguyễn Minh Đức, Lê Thị Mỹ...

10. Il ne faut pas se passer des recherches sur les questions de l'enseignement et du corps enseignants de français à l'école du Vietnam de ses origines à aujourd'hui. Ces questions sont soulevées par: Prof.as.Dr. Trần Đình Bình và Dr. Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Thị Thanh Nga, Dr. Trần Văn Công, Hoàng Thị Vân Anh, Nguyễn Vũ Hưng...

À ces grandes thématiques s'ajoutent quelques contributions représentant de

nouvelles réalisations apportées par les scientifiques dans différents domaines.

Mesdames, messieurs,

Chers collègues internationaux et nationaux,

Globalement, les communications scientifiques qui révèlent leur bonne qualité justifient les résultats de recherche sérieux et laborieux ainsi que le dévouement pour la science des auteurs. Elles reposent pour la plupart sur des méthodes et des approches diverses et contemporaines. Plusieurs problématiques et solutions correspondantes y ont été formulées de manière adéquate et fournissent de nouvelles connaissances dans les domaines abordés. On constate que les travaux montrent les échanges, les relations bidirectionnels, de longue durée, et approfondies entre la France et le Vietnam, notamment de l'époque coloniale. Il s'agit, en tout cas, des impacts de la culture française sur le développement du Vietnam. Certes, on peut y voir à la fois des aspects positifs et négatifs, mais les Vietnamiens, dans leur tradition de conduite, (il est peut-être de même pour la culture française), cherchent à mieux comprendre le passé avec ses points positifs, pour s'orienter vers l'avenir. Aussi est-il souhaitable de voir dans les communications une dominance des échanges bénéfiques pour les deux pays. En effet, plusieurs communications ont montré des réalisations considérables dans les échanges multiformes entre la France et le Vietnam. Elles ouvrent aussi des pistes prometteuses pour la coopération bilatérale dans l'avenir. Ce colloque, lui-même, en est un bon exemple. Selon nous, outre les contributions scientifiques de chaque communication, l'intérêt et le dévouement des scientifiques témoignent aussi du succès de cette rencontre.

Il est évident que dans le cadre d'un colloque scientifique, nous ne pouvons pas résoudre de manière adéquate toutes les questions évoquées. Certaines problématiques restent encore au niveau sommaire, général. Certains sujets font encore l'objet de débat entre les participants. Mais dans la science, comme dans la coopération entre les partenaires, il est difficile de trouver l'unanimité, la réponse unique pour toutes les questions. Ce qui veut dire aussi que, dans l'avenir, nous devrions organiser d'autres colloques, d'autres rencontres, au profit du renforcement de la bonne relation entre nos deux pays, entre les scientifiques. Nous souhaitons vivement vous revoir très prochainement en France et/ou au Vietnam.

Enfin, au nom du Comité d'organisation, je tiens à exprimer mes remerciements les plus chaleureux aux collègues qui ont contribué à la réussite du colloque. Mes remerciements vont également aux différents institutions, organisations, individus qui nous soutiennent avec efficacité. Sans leur aide, cette manifestation culturelle et scientifique n'aurait pas pu avoir lieu.

Je vous souhaite, mesdames, messieurs, mes chers collègues une excellente santé et beaucoup de bonheur et de réussite.

Que cette conférence soit, dans son ensemble, couronnée de succès.

ECRIRE UNE HISTOIRE VIETNAMIENNE DE LA FRANCE?

✍ **Prof. Michel ESPAGNE**

📄 *Directeur de recherche CNRS*

✉ *Courriel: michel.espagne@ens.fr*

Résumé: L'histoire des pays vise généralement à illustrer la construction d'une identité culturelle, de sa cohérence et de son originalité. Quand on écrit l'histoire récente de France on est certes nécessairement conduit à parler de l'histoire des pays voisins. Ces emprunts de proximité qui permettent par exemple d'élaborer progressivement une histoire allemande de la France ont retrouvé une actualité particulière depuis les tentatives de construire une histoire européenne commune.

Pourrait-on imaginer, malgré la distance et les contextes culturels à l'origine très différents, entre le Vietnam et la France, un type d'histoire similaire. Existerait-il quelque chose comme une histoire vietnamienne de la France? Ou même de l'Europe?

Le Vietnam a subi l'histoire de France sous forme d'une colonisation qui s'amorce au milieu du XIX^e siècle et s'achève par une guerre de libération au milieu du XX^e siècle. En même temps les deux histoires sont intimement liées, de la participation de HỒ Chi Minh au congrès de Tours en 1921 jusqu'à la médaille Fields de NGÔ Bao Chau, élève vietnamien de l'ENS, en passant par la contribution de TRAN Duc Thao à la philosophie européenne ou la contribution de l'EFEO à une science orientaliste française. Plus largement, l'Allemagne avec près de 130000 vietnamiens, a été aussi marquée par cette présence qu'on retrouve dans la littérature contemporaine (PHAM Thi Hoai), le paysage religieux, voire politique, avec même des épisodes tragiques comme les exactions qui ont suivi la réunification

La contribution tentera d'imaginer ce que pourrait être une histoire vietnamienne de la France, soulignant le rôle des communautés de la diaspora et les apports de membres de cette diaspora à la construction d'une culture française ou plus largement européenne. Une histoire vietnamienne de la France impliquerait la prise en compte de moments de l'histoire politique ou intellectuelle française qui ont aidé à l'élaboration d'une spécificité vietnamienne. Dire par exemple quelle fut la présence de Rousseau ou de La Fontaine au Vietnam, c'est en même temps écrire une histoire culturelle vietnamienne de la France en mettant en évidence les virtualités de moments de la littérature française ou de la philosophie des Lumières. Une histoire vietnamienne de la France ou de l'Europe, loin d'être une considération périphérique sur un territoire lointain, pourrait être un schéma interprétatif nouveau de l'histoire de France et du Vietnam simultanément. Contrairement aux continuités d'une histoire purement nationale de la France, une histoire vietnamienne soulignerait fortement certains segments historiques, en particulier bien sûr ceux où ont été impliqués des phénomènes ou des figures importantes pour le Vietnam lui-même, mais elle pourrait également mettre en perspective les éléments constitutifs de l'histoire européenne, faire des transferts dans la longue durée le point de départ d'une histoire partagée dont la période coloniale et ses conséquences ne seraient qu'un moment.

CÓ THỂ VIẾT MỘT LỊCH SỬ VIỆT NAM Ở NƯỚC PHÁP?

Tóm tắt: Lịch sử của một quốc gia thường là nhằm để minh giải cho quá trình xây dựng bản sắc văn hoá, sự hài hoà cũng như là tính độc đáo của quốc gia ấy. Khi viết lịch sử của nước Pháp, ta bắt buộc phải nói đến lịch sử của các quốc gia lân cận. Sự vay mượn từ những nước láng giềng, mà nhờ vào đó ta đang dần viết nên lịch sử Đức của nước Pháp, đang trở nên là vấn đề thời sự cùng với mong muốn xây dựng một lịch sử châu Âu chung.

Chúng ta có nên nghĩ đến một trường hợp tương tự như vậy giữa Việt Nam và Pháp chăng, dù những cách biệt về địa lí và bối cảnh văn hoá. Liệu có tồn tại một dạng thức nào đó kiểu như lịch sử Việt Nam về nước Pháp? Hay xa hơn nữa là lịch sử Việt Nam về châu Âu?

Việt Nam đã từng trải qua giai đoạn của chế độ thực dân Pháp, bắt đầu từ giữa thế kỉ XIX và kết thúc bằng cuộc chiến tranh giải phóng vào giữa thế kỉ XX. Song song đó, lịch sử của hai nước đã có những mối gắn kết chặt chẽ, từ việc Hồ Chí Minh tham dự Đại hội Tours năm 1921 đến chiếc Huy chương Fields của Ngô Bảo Châu, là một sinh viên Việt Nam đã từng theo học ở Trường Sư phạm Cao cấp Paris, hay những cống hiến của Trần Đức Thảo vào trong nền triết học châu Âu và những đóng góp của Viện Viễn Đông Bác cổ cho nền khoa học về Đông phương của Pháp. Xa hơn nữa, với cộng đồng 130 000 người định cư, người Việt cũng ghi dấu ấn của mình trên nước Đức, qua nền văn học đương đại (với Phạm Thị Hoài), qua đời sống tín ngưỡng hay kể cả chính trị, với những khủng hoảng thời kì hậu thống nhất nước Đức.

Tham luận này nhằm phác hoạ nên cái mà ta có thể gọi là một nền lịch sử Việt Nam của nước Pháp, thông qua việc nhấn mạnh đến vai trò của những cộng đồng người Việt di dân và những đóng góp của họ vào trong việc xây dựng nền văn hoá Pháp, hay rộng hơn nữa là nền văn hoá châu Âu. Bàn về lịch sử Việt Nam của nước Pháp hàm ý rằng ta cần xem xét kĩ càng những thời khắc lịch sử chính trị và trí tuệ của Pháp, những yếu tố dẫn đến sự hình thành nên tính độc đáo của Việt Nam. Chẳng hạn, khi nói đến sự hiện diện của Rousseau hay của La Fontaine ở Việt Nam, đó cũng là lúc ta viết nên lịch sử văn hoá Việt Nam của nước Pháp vì rằng ta đã nhắc đến những giai đoạn của nền văn học Pháp và của nền triết học Ánh sáng. Viết lịch sử Việt Nam của nước Pháp, hay của châu Âu, không phải là phóng chiếu một nhãn quan mơ hồ về một vùng đất xa xôi nào đó, mà là một sự kiến giải mới mẻ và đồng thời về hai nền lịch sử Pháp và Việt Nam. Không giống như việc viết tiếp lịch sử thuần tuý về nước Pháp, lịch sử Việt Nam của nước Pháp nhấn mạnh đến một số giai đoạn lịch sử có sự xuất hiện của những hiện tượng hay những gương mặt quan yếu đối với Việt Nam, nhưng đồng thời cũng có ảnh hưởng đến việc hình thành nên nền lịch sử châu Âu. Khi xem xét lịch sử thông qua các cuộc chuyển giao đã được thực hiện trong thời gian dài, thì sự khởi đầu của một lịch sử chung, trong đó có thời kì thực dân và những hệ lụy của nó, chỉ là một khoảnh khắc mà thôi.

TIỂU BAN A

GIÁO DỤC HỌC – TÂM LÝ HỌC
XÃ HỘI HỌC – CÔNG TÁC XÃ HỘI

Éducation – Psychologie
Sociologie – Activités sociales

LA FORMATION DES ÉLITES NATIONALES FRANÇAISES, DE LA RENAISSANCE À LA FIN DU XIXE SIÈCLE: ENTRE LATIN ET FRANÇAIS

✉ **Prof. Guillaume BONNET**

📄 *Université de Bourgogne-Franche-Comté*

✉ *Email: guillaume.bonnet@u-bourgogne.fr*

Résumé: La présentation visera à déterminer comment, malgré la généralisation de l'emploi du français dans l'administration nationale (ordonnance de Villers-Cotterêts, 1539), le latin, langue "de prestige" autant que langue religieuse, a continué à servir massivement dans la formation universitaire des élites françaises malgré les changements de régime et l'abandon de la référence officielle à la religion catholique par le pouvoir laïcisé. Cette communication appelle un "écho" vietnamien sur la place du chinois mandarin dans la formation intellectuelle des cadres de la société du Vietnam à la même période.

NỀN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÁC TINH HOA DÂN TỘC PHÁP, TỪ THỜI KÌ PHỤC HƯNG ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX: TIẾNG LATINH HAY TIẾNG PHÁP

✉ **GS. Guillaume BONNET**

📄 *Đại học Bourgogne-Franche-Comté*

✉ *Email: guillaume.bonnet@u-bourgogne.fr*

Tóm tắt: Bài tham luận nhằm chỉ ra rằng làm thế nào trong một bối cảnh mà tiếng Pháp đang dần được phổ biến đại trà trong hệ thống cai trị (đạo dụ Villers-Cotterêts năm 1539), tiếng Latinh, một ngôn ngữ "danh giá" và đồng thời cũng là ngôn ngữ của Giáo hội Công giáo, vẫn tiếp tục được các đại học của Pháp sử dụng rộng rãi để đào tạo ra giới tinh hoa của dân tộc bất chấp những biến động của các triều đại và sự chuyển đổi từ thiết chế Công giáo sang thiết chế thế tục. Tham luận cũng gợi cho ta thấy trường hợp của Việt Nam về vị trí của chữ Hán trong việc đào tạo ra các quan lại cho xã hội Việt Nam ở cùng thời kì.

VAI TRÒ CỦA NƯỚC PHÁP TRONG VIỆC THAY ĐỔI NỀN GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CỦA VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẾN THẾ KỈ XX

✉ **PGS.TS. Phạm Công Nhất**

📄 *Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*

✉ *Email: nhatpc2010@gmail.com*

Tóm tắt: Bài viết trên cơ sở các cứ liệu lịch sử đã đi sâu phân tích và chỉ ra những tác động khác nhau từ cuộc chiến tại Đông Dương của nước Pháp đã góp phần làm thay đổi mang tính chất bước ngoặt cả nội dung và hình thức của nền giáo dục truyền thống của chế độ phong kiến Việt Nam trước đó theo hướng khoa học, thực dụng, hiện đại và gắn với các mô hình giáo dục của một số nước phương Tây, đặc biệt là phong cách giáo dục Pháp. Những tác động và thay đổi đó có một ý nghĩa hết sức to lớn và cũng là

những bài học sâu sắc được rút ra khi liên hệ với công cuộc đổi mới và phát triển nền giáo dục Việt Nam hiện nay.

Từ khoá: nền giáo dục Pháp, giáo dục truyền thống Việt Nam, triết lý giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đổi mới giáo dục Việt Nam

LE RÔLE DE LA FRANCE DANS L'ÉVOLUTION DE L'ÉDUCATION TRADITIONNELLE DU VIETNAM DANS LA SECONDE PARTIE DU XIX^È SIÈCLE ET AU DEBUT DU XX^È SIÈCLE

✉ **Prof.as.Dr. Phạm Công Nhất**

📖 *Université des sciences sociales et humaines, Université nationale de Hanoi*

✉ *Courriel: nhatpc2010@gmail.com*

Résumé: Le présent texte se base sur les documents historiques profondément analysés et montre les différents impacts de la guerre d'Indochine française qui ont contribué à l'évolution significative de l'éducation traditionnelle de la féodalité du Vietnam vers les sciences, le pragmatisme, la modernité et près de l'éducation de certains pays occidentaux, particulièrement l'éducation française. Ces impacts et influences ont une signification assez grande et constituent des leçons profondes acquises lors de la comparaison à la réforme et au développement de l'éducation au Vietnam aujourd'hui.

Mots-clés: Éducation française, éducation traditionnelle du Vietnam, philosophie de l'éducation, contenu éducatif, méthode éducative, réforme de l'éducation du Vietnam

TIẾP BIẾN VĂN HOÁ PHÁP – VIỆT TRONG NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1884 – 1945

✉ **ThS. Nguyễn Hoa Mai**

📖 *Tạp chí Lí luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

✉ *Email: hoamainguyen1982@gmail.com*

Tóm tắt: Tiếp biến văn hoá Pháp – Việt Nam diễn ra từ rất sớm, vào khoảng thế kỉ XV, qua giao thương buôn bán và truyền bá Kito giáo. Quá trình tiếp xúc diễn ra sâu rộng hơn cả là khi Pháp xâm chiếm và bình định Việt Nam, đánh dấu bằng Hiệp ước Patonot (1884). Từ đó, quá trình tiếp xúc văn hoá chuyển sang giai đoạn mới (thực dân) với nhiều biến chuyển. Quá trình tiếp xúc này chủ yếu diễn ra theo chiều Pháp – Việt mà không có chiều ngược lại. Do đó, dấu ấn văn hoá Pháp trong các lĩnh vực đời sống Việt Nam rõ nét, nhất là trong lĩnh vực giáo dục. Từ nhiều chiều kích khác nhau, xem xét và đánh giá nền giáo dục giai đoạn này, còn nhiều ý kiến trái chiều: nền giáo dục giai đoạn này hoàn toàn mang bản chất thực dân hay có những đóng góp, giá trị? Từ góc nhìn văn hoá học, bài viết xác định 5 thành tố làm nên nền giáo dục từ góc nhìn văn hoá: triết lý, tư tưởng giáo dục; giá trị, chuẩn mực giáo dục; thể chế, thiết chế; nhân cách giáo dục và hệ thống ngoại hiện. Bằng các phương pháp liên ngành, so sánh – đối chiếu, phân tích – tổng hợp, bài viết tìm hiểu ba thành tố: giá trị, chuẩn mực giáo dục; thể chế,

thiết chế; nhân cách giáo dục, từ đó khẳng định: nền giáo dục giai đoạn 1884 – 1945 tại Việt Nam do người Pháp tổ chức, thực hiện bên cạnh một số hạn chế có nhiều giá trị, từ tư tưởng, chuẩn mực, thể chế, thiết chế đến nhân cách nhà giáo và người học. Những đóng góp cụ thể là:

- Nội dung chương trình phong phú, bao gồm cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, tri thức phục vụ đời sống, càng lên cao nội dung càng được mở rộng;
- Thành lập và chú trọng đến các trường dạy nghề: nhân viên hành chính, nghề nông, kĩ nghệ...;
- Thành lập các trường nữ sinh, mở rộng giáo dục cho miền núi;
- Xây dựng được thể chế, thiết chế giáo dục ổn định, hiện đại, cụ thể;
- Nhân cách nhà giáo dục và nhân cách người học được định hình.

Từ những nội dung trên, có thể khẳng định, dấu ấn của văn hoá Pháp rất sâu đậm, làm thay đổi căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam giai đoạn này, ảnh hưởng đến tư tưởng, hành động của nhiều thế hệ người Việt Nam nhưng cũng góp phần làm sâu sắc, phong phú nền văn hoá giáo dục Việt Nam. Nghiên cứu tiếp biến văn hoá Pháp – Việt trong lĩnh vực giáo dục, trong mối quan hệ với bảo tồn, giữ gìn và làm phong phú bản sắc văn hoá dân tộc có ý nghĩa với giai đoạn hiện nay.

Từ khoá: tiếp biến, văn hoá Pháp – Việt, văn hoá giáo dục, giáo dục Pháp thuộc

ACCULTURATION FRANCAISE DANS L'ÉDUCATION DU VIETNAM DU 1884 AU 1945

✍ **Nguyễn Hoa Mai**

📖 *Journal de la théorie politique, Académie politique nationale de Ho Chi Minh*

✉ *Courriel: hoamainguyen1982@gmail.com*

Résumé: L'acculturation franco-vietnamienne a eu lieu très tôt dans l'histoire, vers le XV^e siècle, à travers le commerce et la diffusion du christianisme. Le processus de contact s'est le plus largement approfondi lorsque la France a envahi et pacifié le Vietnam, marqué par le Traité de Patonot (1884). Depuis lors, le contact culturel a été transformé en une nouvelle étape (le colonialisme) avec de nombreux changements. Il se déroulait principalement en direction de la France vers le Vietnam, et non pas dans le sens inverse. Par conséquent, la marque de la culture française dans les domaines de la vie au Vietnam était claire, notamment dans le domaine de l'éducation. De diverses dimensions, l'examen et l'évaluation de l'éducation de cette période ont montré plusieurs idées opposantes: l'éducation de cette époque était-elle pleinement de nature coloniale ou a-t-elle des contributions et des valeurs? Du point de vue de la culture, l'article identifie cinq facteurs qui composent l'éducation: la philosophie, l'idéologie de l'éducation; les valeurs, les normes d'éducation; les institutions; la personnalité éducative et système externe. En utilisant les méthodes de l'interdisciplinarité, de la comparaison comparative, de l'analyse et de la synthèse, l'auteur étudie trois

composantes: les valeurs, les normes éducatives; les institutions et la personnalité éducative. Cette étude permet de confirmer que le système éducatif pendant la période 1884 – 1945 au Vietnam qui a été organisé et animé par les Français avait, en dehors de certaines restrictions, de nombreux points forts: de l'idéologie, des normes, des institutions à la personnalité des enseignants et des apprenants. Les contributions spécifiques sont:

- Le contenu du programme était varié, y compris les sciences naturelles, les sciences humaines et sociales ainsi que le savoir pour la vie, d'autant plus élevé que le contenu était élargi;
- la création et la mise en importance des écoles professionnelles, des agents de l'administration, de l'agriculture et l'industrie,
- la création des écoles pour les filles, l'élargissement de l'éducation pour les zones montagneuses,
- la construction des institutions éducatives stables et modernes, concrètes,
- La personnalité des enseignants et des apprenants a été mise en forme.

En nous basant sur les contenus ci-dessus, nous pouvons affirmer que la marque de la culture française qui était très profonde, a changé fondamentalement et complètement l'éducation du Vietnam à cette période, a affecté les pensées et les actions de nombreuses générations. Pourtant, elle a contribué à l'approfondissement et à l'enrichissement de l'éducation vietnamienne. L'étude de l'acculturation franco-vietnamienne dans le domaine de l'éducation, en relation avec la préservation, et l'enrichissement de l'identité culturelle du peuple porte une signification à l'heure actuelle.

Mots-clés: acculturation, culture franco-vietnamienne, la culture dans l'éducation, l'éducation française

CHUYỂN ĐỘNG CÙNG HIỆN ĐẠI – NỮ GIÁO VIÊN VÀ VIỆC LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ TRONG BỐI CẢNH GIÁO DỤC NỮ Ở BẮC KÌ THỜI THUỘC ĐỊA (1907 – 1945)

✉ **TS. Trần Thị Phương Hoa**

📄 Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: tranphhoa@yahoo.com

Tóm tắt: Gần đây, đã có một nền tảng học thuật nghiên cứu các điểm chung của bối cảnh xã hội ở nhiều nước và khu vực liên quan đến khái niệm “phụ nữ mới” như một bằng chứng về “hiện đại”. Mối liên hệ giữa hai hiện tượng này ở nhiều quốc gia đã được nhìn thấy trong bối cảnh thuộc địa vào đầu thế kỉ XX. Trong các lĩnh vực xã hội và văn hoá như báo chí, văn học, nghệ thuật, giáo dục, phụ nữ đã sử dụng lợi thế của bối cảnh hiện đại để trở thành những phụ nữ hiện đại, thể hiện sự bình đẳng với nam giới và đóng một vai trò nhất định trong xã hội. Đặc biệt, giáo dục là một môi trường xã hội

và tri thức đã giúp phụ nữ nhận ra giá trị và khẳng định vị trí xã hội của họ. Giáo dục tạo ra một trong những môi trường việc làm chuyên môn đầu tiên dành cho phụ nữ. Trong xã hội Khổng giáo như Bắc Kỳ, sự xuất hiện của phụ nữ trong các vị trí giảng dạy là chưa từng có. Trong khi các trường học nữ khai trương tại một số thành phố lớn của Bắc Kỳ đã thu hút được con gái của các gia đình giàu có, dẫn đến sự gia tăng nhu cầu giáo viên nữ, sự chú ý của xã hội và thái độ khe khắt của dư luận đối với giáo viên nữ là những vấn đề nổi lên trong môi trường giáo dục trong nửa đầu của thế kỉ XX.

Hình thành như một nhóm nghề nghiệp chuyên môn nữ đầu tiên ở Bắc Kỳ, giống như các đồng nghiệp nam giới, họ làm việc dưới sự chỉ đạo và giám sát của chính quyền Pháp và Bộ Giáo dục. Với số lượng khoảng 150 người vào năm 1940, các giáo viên nữ nổi bật trong xã hội Bắc Kỳ và thu hút được sự quan tâm của dư luận, đặc biệt là khi các tờ báo nữ xuất hiện vào cuối những năm 1920.

Bước vào thị trường lao động ở Bắc Kỳ trong thập kỉ đầu tiên của thế kỉ XX, giáo viên nữ gặp nhiều thách thức xã hội cũng như nghề nghiệp, trong đó có việc liên tục bị luân chuyển. Cải cách giáo dục liên tục, việc mở rộng hệ thống trường học, nhu cầu mở trường học cho học sinh nữ và cải tiến đào tạo giáo viên nữ đã khiến giáo viên nữ phải thường xuyên di chuyển. Trong báo chí, văn học, hình ảnh của họ xuất hiện ở những góc độ khác nhau, từ những phụ nữ đức hạnh, những người làm gương sáng về đạo đức và trí tuệ cho tới những phụ nữ ưa phù phiếm phải chịu điều tiếng xấu. Rõ ràng, nghĩa vụ của họ ngày càng nhiều thêm. Ngoài các nhiệm vụ gia đình và quan hệ họ hàng như làm vợ, mẹ, con gái, con dâu, họ phải đảm nhiệm các chức năng của một viên chức dân sự, làm việc cho nhà nước. Tài liệu lưu trữ cung cấp một cái nhìn sâu hơn về công việc của họ. Hầu hết trong số họ là những cô gái trẻ, trở thành giáo viên sau khi hoàn thành 9 năm học, ở tuổi 17. Khoảng từ 2 đến 3 năm, những giáo viên trẻ này thường bị điều động công tác ở nhiều trường học khác nhau, hoặc phải nghỉ do thai sản. Mặc dù sự quan tâm của công chúng vào việc giáo dục nữ giới gia tăng, nhưng công việc của họ đã không được quan tâm nhiều. Trong khi đó, dư luận tập trung nhiều hơn vào hành vi, luân lí và vụ bê bối của họ. Dựa trên tài liệu lưu trữ cũng như báo chí đương đại, đặc biệt là báo và tạp chí phụ nữ, bài viết tìm hiểu về giáo dục nữ ở Bắc Kỳ, trong đó cuộc đời và công việc của nữ giáo viên là một điểm nhấn.

Từ khoá: giáo dục thực dân, giáo dục nữ, thuộc địa, cận đại Việt Nam

LA MODERNITÉ EN MOUVEMENT: LES INSTITUTRICES ET LA MOBILITÉ DANS LE CONTEXTE DE LA CROISSANCE DE L'ÉDUCATION FÉMININE AU TONKIN COLONIAL

✉ **Dr. Trần Thị Phương Hoa**

📖 *Institut d'histoire, Académie des sciences sociales du Vietnam*

✉ *Courriel: tranphhoa@yahoo.com*

Résumé: Depuis un certain temps, de nombreuses études ont situé, dans leurs contextes nationaux et régionaux, le concept de la “femme nouvelle”, une notion qui

s'alliait directement avec celle de la modernité. Le lien entre le premier et le second est particulièrement percutant dans les contextes coloniaux au début du vingtième siècle où la présence occidentale provoqua une certaine prise de conscience nationale et où la survie nationale devait nécessairement passer par cette modernité. Fondamental à la notion de modernité fut le statut des femmes et plusieurs administrations coloniales, telle la France en Indochine, perçurent l'éducation des femmes vietnamiennes comme la voie vers cette modernité. Dans ce contexte, bon nombre de femmes vietnamiennes bénéficièrent de cette scolarisation, une situation qui leur permettait d'élever leur statut au sein de leur société et leur permettant aussi de jouer un rôle plus large au sein de la société vietnamienne. Le milieu scolaire permit aux femmes de réaliser la valeur de leurs efforts sociaux. L'éducation devint donc le premier site public et professionnel dans lequel pouvaient participer les femmes. Dans une société confucéenne telle que celle du Tonkin, l'apparition des femmes dans des postes d'institutrices, par exemple, fut sans précédent. Les premières écoles de filles, ouvertes dans certaines villes majeures du Tonkin, attirèrent les filles de familles tonkinoises prospères et il résulta en une demande accrue d'institutrices. Cependant, ces femmes sont victimes des attitudes et des opinions rigides envers leurs nouveaux rôles.

Les institutrices Tonkinoises furent le premier groupe professionnel féminin au Tonkin. Comme leurs collègues masculins, elles œuvraient sous la nomination et sous la surveillance des autorités coloniales françaises et du Département d'éducation. Constituant un petit groupe d'environ 150 en 1940, ces femmes se démarquèrent dans la société tonkinoise et attirèrent l'attention de la sphère publique, surtout suite à l'apparition des journaux féminins.

Se retrouvant sur le marché du travail au Tonkin dès la première décennie du vingtième siècle, les institutrices subirent des défis professionnels, dont celui de la mobilité. Les nombreuses réformes scolaires, la croissance du système scolaire, les demandes pour de nouvelles écoles de filles et l'amélioration des secteurs de formation firent que les institutrices se voyaient souvent mutées d'un endroit à l'autre. Dans les journaux, ces femmes furent parfois représentées comme des femmes modèles, vertueuses qui devaient servir d'exemple de sagesse et de bonnes mœurs. Leurs tâches devenaient plus larges. En plus des responsabilités familiales, tels leur rôles en tant qu'épouses, mères, et filles, elles devenaient aussi membres du fonctionnariat, travaillant pour l'État. Un examen des sources d'archives nous permet d'approfondir notre analyse de leur travail et de leurs rôles. La plupart de ces femmes étaient jeunes, devenant institutrices après neuf ans de scolarisation vers l'âge de dix-sept ans. Malgré le fait que l'intérêt envers ces jeunes femmes était vif, on peut noter que ce n'est pas leur travail qui suscita le plus d'attention, mais plutôt leur comportement, leur moralité. Ma communication se veut une étude de l'éducation des filles au Tonkin, en particulier celles des institutrices, une analyse formée suite à l'examen de sources d'archives et de

journaux et périodiques féminins d'époque et qui démontre les tensions entre le désir de modernité, les responsabilités familiales traditionnelles et les perceptions engendrées par la mobilité exigée par leurs fonctions professionnelles.

Mots-clés: éducation coloniale, éducation féminine, institutrices, Tonkin colonial

TỪ SONG PHƯƠNG ĐẾN ĐA PHƯƠNG: KINH NGHIỆM CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH HỢP TÁC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆN QUỐC TẾ PHÁP NGỮ (IFI)

✍ **TS. Ngô Tự Lập**

📄 *Viện Quốc tế Pháp ngữ, IFI*

Tóm tắt: Hợp tác giáo dục Pháp – Việt thường được nhìn nhận như là một quá trình song phương và một chiều, trong đó công nghệ giáo dục, bao gồm cả chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục Pháp, được chuyển giao từ Pháp sang Việt Nam, trong nhiều trường hợp dựa trên sự tài trợ của Pháp. Mặc dù có nhiều thành tựu không thể phủ nhận, mô hình này đang bị đặt thành vấn đề khi hầu hết các chương trình hợp tác rơi vào khủng hoảng khi nguồn tài trợ chấm dứt. Trong bối cảnh đó, Viện Quốc tế Pháp ngữ (Institut de la Francophonie pour l'Innovation, IFI) là một trong số những trường hợp ít ỏi vượt qua được khủng hoảng nhờ chiến lược đa phương hoá hợp tác quốc tế.

Hình thành trên cơ sở tích hợp Viện Tin học Pháp ngữ (Institut de la Francophonie pour l'Informatique, thành lập năm 1993) và Trung tâm Đại học Pháp tại Hà Nội (Pôle universitaire français à Hanoi, thành lập năm 2006), IFI đã đề xuất và thực hiện một mô hình hợp tác ba bên độc đáo Pháp – Việt – châu Phi và trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu liên ngành có tính quốc tế hoá cao nhất Việt Nam, với 90% học viên là người nước ngoài, đến từ 17 quốc gia của cộng đồng Pháp ngữ.

Từ khoá: hợp tác giáo dục Pháp – Việt, cộng đồng Pháp ngữ, giáo dục đại học, quốc tế hoá giáo dục đại học

DE BILATÉRAL À MULTILATÉRAL: CHANGEMENT DU MODEL DE LA COOPÉRATION UNIVERSITAIRE À L'INSTITUT DE LA FRANCOPHONIE POUR L'INNOVATION (IFI)

✍ **Dr. Ngô Tự Lập**

📄 *Institut de la Francophonie pour l'Innovation, IFI*

Résumé: La coopération franco-vietnamienne en matière d'éducation est souvent considérée comme un processus de transfert bilatéral et unidirectionnel, qui est basé souvent sur le financement français, dans lequel la technologie éducative, y compris le programme, le contenu et la méthode de l'éducation, est transférée de la France au Vietnam. Malgré des réalisations indéniables, ce modèle est aujourd'hui remis en question lorsque la plupart des programmes de coopération tombent dans la crise après la fin du financement. Dans ce contexte, l'Institut International de la Francophonie (IFI) en est l'un des rares survivants grâce à sa stratégie de multilatéralisation de la coopération internationale.

Créé sur la base de l'intégration de l'*Institut de la Francophonie pour l'Informatique* (fondé en 1993) et du *Pôle Universitaire Français à Hanoi* (fondé en 2006), l'IFI a réussi à mettre en place un modèle innovant triangulaire de coopération France – Vietnam – Afrique pour devenir le centre de formation et de recherche interdisciplinaire le plus internationalisé au Vietnam, où 90% des étudiants sont étrangers, venant de 17 pays de la Francophonie.

Mots-clés: coopération éducative franco-vietnamienne, Francophonie, Formation universitaire, Internationalisation de l'enseignement supérieur

REMARQUES SUR LE DOCUMENT DU GROUPE CANH BUOM "DES MANUELS SCOLAIRES COMME UN VŒU DE MODERNISATION DE L'ÉDUCATION DU VIET NAM"

✍ **Prof. Emeritus. Alain FENET**

📄 *Université de Nantes*

Résumé: Le groupe Canh Buom (La Voile) s'est lancé dans la réalisation de manuels scolaires pour l'école primaire d'un genre nouveau au Viet Nam, en mettant en œuvre les acquis de la recherche pédagogique et les techniques qui en résultent. Par ce biais, il cherche à "propager une stratégie de modernisation de l'éducation du pays".

Le groupe Canh Buom met l'enfant au centre de l'institution éducative. Le thème de sa première conférence à L'Espace, en 2009, était: "*Comprendre les enfants – Eduquer les enfants*". En 2010, aussi à L'Espace, il a présenté les manuels de la première classe: "*Salut – cours enfantin*". En 2011, le thème retenu est emblématique de l'orientation pédagogique promue par le groupe: "*S'instruire et s'éduquer soi-même*".

Mots-clés: Groupe La Voile, manuel scolaires, modernisation de l'éducation, L'Espace

PHẢN BIỆN VỀ CÔNG TRÌNH CỦA NHÓM CÁNH BUỒM QUA BẢN BÁO CÁO "SÁCH GIÁO KHOA CỦA CÁNH BUỒM – MỘT ƯỚC VỌNG GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI"

✍ **GS. Alain FENET**

📄 *Đại học Nantes, Pháp*

Tóm tắt: Trong mấy năm qua, một nhóm nghiên cứu lí luận và kĩ thuật thực thi sư phạm ở Việt Nam có tên Cánh Buồm đã bắt tay vào viết một bộ sách giáo khoa cho cấp Tiểu học theo cách hoàn toàn mới. Bằng con đường vòng này, nhóm Cánh Buồm muốn "truyền bá một cách làm để hiện đại hoá nền giáo dục của đất nước".

Quan niệm của nhóm Cánh Buồm là phải đặt trẻ em vào vị trí trung tâm. Quan niệm này được thể hiện ở chủ đề của cuộc hội thảo đầu tiên do nhóm tổ chức vào năm 2009 tại L'Espace có tên: "*Hiểu trẻ em – Dạy trẻ em*". Tại cuộc hội thảo năm 2011, cũng tại L'Espace, nhóm Cánh Buồm vẫn giữ lại chủ đề nói trên như là một cách nói mang tính biểu tượng về định hướng sư phạm của mình: "*Tự học và Tự giáo dục*".

Từ khoá: Nhóm Cánh Buồm, sách giáo khoa, hiện đại hoá giáo dục, L'Espace

HỢP TÁC VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP TỪ NHỮNG TRẢI NGHIỆM CỦA NHÓM CÁNH BUỒM

✍ **Phạm Toàn**

📖 *Nhà giáo, dịch giả; thành viên nhóm Cánh Buồm*

Tóm tắt: Chuyện hợp tác văn hoá Pháp – Việt là công việc chung, to tát, nhưng lại được tiến hành qua những cá nhân cụ thể, với tính nết dễ nhớ hay dễ quên, với nét mặt và dáng người trộn không lẫn, để có những kết quả sờ nắn được.

Trải nghiệm hợp tác văn hoá Pháp – Việt của riêng tôi gói lại ở sự giúp đỡ tận tình của Trung tâm Văn hoá Pháp tại Hà Nội *L’Espace* với nhóm *Cánh Buồm*. Và trong việc này, tôi sẽ không bao giờ quên ông Giám đốc hai nhiệm kỳ Patrick Michel cùng cô trợ lý Minh Nguyệt.

Nhóm Cánh Buồm (La Voile) ra mắt lần đầu tiên năm 2009 tại *L’Espace* Trung tâm Văn hoá Pháp tại Hà Nội. *L’Espace* chính là nơi Nhóm Cánh Buồm tổ chức cuộc hội thảo ra mắt sách đầu tiên, *Hiểu trẻ em – Dạy trẻ em*.

Bài viết ngắn này nhìn lại 9 năm hoạt động của Nhóm và một vài “kỉ niệm” gắn với những dấu mốc quan trọng trong 9 năm Nhóm gắn bó với *L’Espace*, có thể còn sớm để gọi là sự “hợp tác” song sự giúp đỡ của *L’Espace* thực sự là một nghĩa cử cao đẹp dành cho một nhóm độc lập nghiên cứu-biên soạn sách giáo khoa phổ thông dành cho Trẻ em Việt Nam.

Từ khoá: Nhóm Cánh Buồm, Trung tâm Văn hoá Pháp *L’Espace*, Alliance Française, hợp tác văn hoá Pháp – Việt.

“LE PETIT POT DE L’ESPACE” ET MES HEUREUSES EXPÉRIENCES SUR LA COOPÉRATION CULTURELLE FRANCO – VIETNAMIENNE

✍ **Phạm Toàn**

📖 *Éducateur et membre du Groupe La Voile*

Résumé: La coopération culturelle est une œuvre communautaire de grande envergure et de longue haleine. Toutefois sa réalisation repose entre les mains d’individus bien réels, avec leur caractère spécifique, leurs traits physiques uniques, pour finalement aboutir à des réalisations palpables.

La coopération culturelle franco-vietnamienne ici décrite touche apparemment les activités des deux parties, *L’Espace – Centre Culturel Français à Hà Nội* et notre groupe *Cánh Buồm* (La Voile).

Notre groupe *La Voile* a fait son apparition avec sa couvée en 2009 juste dans son nid, “dans l’espace”, *L’Espace – Centre Culturel Français à Hà Nội*. C’était 2009, et le centre *Espace* nous a aidé à organiser un premier évènement intitulé *Comprendre les Enfants – Éduquer les Enfants*.

Nous avons fini notre parcours de neuf ans. Il est temps de regarder en arrière juste un petit peu...

Mots-clés: Groupe Cánh Buồm, La Voile, *L’Espace*, Alliance Française, coopération franco-vietnamienne

GIÁO DỤC GIA ĐÌNH: MỘT NGHIÊN CỨU SO SÁNH GIỮA CÁC PHỤ HUYNH PHÁP VÀ VIỆT NAM

✉ **TS. Nguyễn Khánh Trung**

📄 Nhà sáng lập – Giám đốc Emile Việt Education (EVE), TP. Hồ Chí Minh

✉ Email: nktrung2012@gmail.com

Tóm tắt: Bài tham luận được rút ra từ nội dung một nghiên cứu mà chúng tôi đã thực hiện trong 2 năm (2015 – 2016) do Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục (IRED) tổ chức và đầu tư, đã được Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành năm 2016.

Mục tiêu của nghiên cứu này là mô tả, phân tích so sánh những tương đồng và khác biệt trong cách thức tư duy và thực hành hằng ngày của các phụ huynh Pháp và Việt Nam. Trước hết, chúng tôi tìm cách mô tả, so sánh và phân tích quan niệm, suy nghĩ của các phụ huynh về vai trò của con trẻ trong quá trình giáo dục gia đình, kế đó là về những chờ đợi và mong muốn của họ về tương lai của con, và cuối cùng là những thực hành hằng ngày của họ trong giáo dục con cái. Chúng tôi cũng phân tích khuynh hướng thay đổi trong cách tư duy và thực hành đặt trong bối cảnh riêng của từng quốc gia và bối cảnh thế giới với sự thống trị của văn hoá số và toàn cầu hoá ngày nay.

Về mặt phương pháp, chúng tôi đã sử dụng tiếp cận định tính, và đã thực hiện một số cuộc phỏng vấn sâu với các phụ huynh Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực lân cận cùng một số phụ huynh Pháp tại tỉnh Vendee, cũng như đã thực hiện nghiên cứu tài liệu tại cả hai nước...

Từ khóa: giáo dục gia đình, thực hành giáo dục, mục tiêu giáo dục, phụ huynh, con trẻ, thay đổi xã hội

L'ÉDUCATION FAMILIALE: UNE ÉTUDE COMPARATIVE ENTRE LES PARENTS FRANÇAIS ET VIETNAMIENS

✉ **Dr. Nguyễn Khánh Trung**

📄 Fondateur - Directeur d'Emile Viet Education (EVE), Hồ Chí Minh-Ville

✉ Courriel: nktrung2012@gmail.com

Résumé: Cet exposé est tiré de notre recherche, réalisée pendant 2 ans (2015 – 2016), financée par l'IRED et publiée par l'Édition des Sciences Sociales – Viet Nam en 2016.

Ce travail a pour objectif de décrire, analyser et comparer les similitudes et les différences dans les opinions et pratiques éducatives quotidiennes des parents français et vietnamiens. Nous avons cherché d'abord à décrire et comparer leurs opinions sur le rôle des enfants dans le processus éducatif dans la famille, puis leurs attentes sur l'avenir des enfants et enfin leurs pratiques éducatives quotidiennes. Nous avons aussi analysé l'orientation de changement du mode de pensée et des pratiques dans le contexte socioculturel de chaque pays et dans la situation internationale avec la domination de la culture numérique et la mondialisation actuelle.

En utilisant l'approche qualitative, nous avons procédé à des entretiens approfondis avec les parents vietnamiens à Ho Chi Minh – Ville et avec les parents français en Vendée et entrepris des recherches documentaires dans les deux pays...

Mots-clés: éducation familiale, pratique éducative, objectif de l'éducation, parent, enfant, changement social

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC DẠY HỌC TIẾNG PHÁP VÀ BẰNG TIẾNG PHÁP Ở VIỆT NAM THEO CÁCH TIẾP CẬN LỊCH ĐẠI TỪ THỜI KÌ PHÁP THUỘC ĐẾN NAY

✉ **PGS.TS. Trần Đình Bình**

📄 Trường Đại học ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

✉ Email: tbinhfrance@gmail.com

✉ **TS. Nguyễn Văn Toàn**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: toannv@hnue.edu.vn

Tóm tắt: Bài báo cáo trình bày ảnh hưởng của việc dạy học tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp ở Việt Nam theo cách tiếp cận lịch đại: Từ thời kì thực dân Pháp đến nay.

Bằng phương pháp diễn tả với các kĩ thuật và thao tác riêng, bài nghiên cứu tiến hành phân tích định lượng và định tính những ảnh hưởng của việc dạy học tiếng Pháp ở Việt Nam và các nước nói tiếng Pháp liên quan, nhất là nước Pháp, đối với đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao biết tiếng Pháp.

Thời kì 1858 – 1954 đã chứng kiến việc triển khai giảng dạy tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp nhằm đào tạo nhân viên giúp việc cho chính quyền Pháp và thực hiện sứ mạng khai sáng văn minh của Pháp. Trong hơn tám mươi năm, một tầng lớp trí thức Việt Nam ra đời dưới trường học Pháp tại Việt Nam và tại Pháp. Nhiều người đã trở nên nổi tiếng, trong đó phải kể đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và rất nhiều nhân vật nổi tiếng khác trong các lĩnh vực khoa, học kĩ thuật, văn hoá.

Thời kì 1954 – 1986, việc giảng dạy tiếng Pháp trải qua những bước thăng trầm. Tiếng pháp đã mất đi vị thế ngôn ngữ giảng dạy để trở thành một trong bốn ngoại ngữ được dạy trong hệ thống giáo dục của chúng ta.

Từ năm 1986 đến năm 2000, tiếng Pháp đã được phục hồi nhờ các dự án lớn do Cơ quan Đại học Pháp ngữ tài trợ (AUF): Dự án các lớp song ngữ, Dự án chuyên ngành Đại học Pháp ngữ, nhằm đào tạo một thế hệ trẻ biết tiếng Pháp có khả năng đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế, văn hoá xã hội.

Từ năm 2000 đến nay, các đối tác Pháp ngữ như Cơ quan Đại học Pháp ngữ (AUF), Tổ chức quốc tế Pháp ngữ (OIF), các Đại sứ quán Pháp ngữ tại Hà Nội và Chính phủ Việt Nam chú trọng đến chất lượng đào tạo. Họ cùng cố gắng đa dạng hoá các hình thức đào tạo cho lớp trẻ ưu tú được thực hiện tại Việt Nam, tại Pháp và tại các nước nói tiếng Pháp thông qua các dự án đào tạo với nhiều đối tác tham gia như Dự án Đào tạo kĩ sư chất lượng cao Pháp – Việt (PFIEV), Dự án Đào tạo quản lí kinh tế (CFVG), dự án Viện Đào tạo Tin học Pháp ngữ (IFI), Dự án trường Đại học Khoa học và Công nghệ

Hà Nội (USTH), các chương trình học bổng 859, 322, 911 đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chương trình học bổng tiến sĩ của Đại sứ quán Pháp, Bỉ, Canada. Sau khi kết thúc chương trình đào tạo, các kỹ sư, kiến trúc sư, bác sĩ... đã trở về nước làm việc trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, giáo dục và văn hoá. Họ là cầu nối cho sự hợp tác đa phương hiệu quả giữa Việt Nam, Pháp và các nước Pháp ngữ; họ đưa văn hoá của Pháp và của cộng đồng Pháp ngữ trở lại Việt Nam. Nhiều trí thức biết tiếng Pháp đang giữ nhiều trọng trách trong bộ máy nhà nước hiện nay như: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Lê Minh Hưng; Chủ nhiệm Ủy ban Văn hoá, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội Phan Thanh Bình; Trưởng ban Thời sự Đài Truyền hình Việt Nam Lê Quang Minh; Đại sứ Dương Chí Dũng, Trưởng Phái đoàn thường trực Việt Nam bên cạnh Liên hợp quốc tại Genève; Thứ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Lê Quân. Trong nhiều trường đại học, bệnh viện, viện nghiên cứu, nhiều cán bộ phụ trách biết tiếng Pháp.

Tóm lại, bài nghiên cứu của chúng tôi nêu rõ những đóng góp to lớn không thể phủ định được của việc dạy học tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam đối với một giai đoạn dài của lịch sử đương đại. Vấn đề còn lại là phát huy các mặt tích cực của nó trong hoàn cảnh đa ngôn ngữ, đa văn hoá vì sự phát triển cá nhân, nghề nghiệp của thanh niên Việt Nam trong nền kinh tế tri thức trước diễn biến của toàn cầu hoá.

Từ khoá: chủ nghĩa thực dân, dạy học, tiếng Pháp, quan hệ, nguồn nhân lực

IMPACT DE L'ENSEIGNEMENT-APPRENTISSAGE DU ET EN FRANÇAIS AU VIETNAM SELON APPROCHE DIACHRONIQUE DEPUIS L'ÉPOQUE COLONIALE JUSQU'À PRÉSENT

✉ **Prof.as.Dr. Trần Đình Bình**

📄 *Université de langues et d'études internationales,
Université Nationale de Ha Noi*

✉ *Courriel: tbinhfrance@gmail.com*

✉ **Dr. Nguyễn Văn Toàn**

📄 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: toan.fle@gmail.com*

Résumé: Notre communication a pour but de présenter l'impact de l'enseignement-apprentissage du et français au Vietnam selon l'approche diachronique: de l'époque coloniale jusqu'à nos jours.

Par la méthode descriptive, avec ses techniques, ses opérations propres, notre travail consiste essentiellement à l'analyse quantitative et qualitative de l'influence de cet enseignement-apprentissage sur la formation des ressources humaines francophones qualifiées au Vietnam et dans les pays francophones concernés, notamment en France.

L'époque 1858 – 1954 a assisté à la mise en place de l'enseignement du et en français pour former un personnel auxiliaire au service de l'administration française et réaliser la mission civilisatrice dictée par le Métropole. Pendant plus de 80 ans de colonisation française, une nouvelle classe intellectuelle vietnamienne a vu le jour à l'école française au Vietnam et en France. Beaucoup sont devenus célèbres parmi lesquels il faut citer le

Président Ho Chi Minh défunt, le Premier ministre Pham Van Dong défunt, le Général Giap défunt et tant d'autres dans bien des domaines scientifiques, techniques et culturels.

Pour la période contemporaine, de 1954 jusqu'à nos jours, l'enseignement-apprentissage du français connaît des hauts et des bas. De 1954 à 1986, le français a perdu son statut de langue d'enseignement pour devenir une des quatre langues étrangères dispensées dans notre système éducatif.

De 1986 à l'an 2000, le français a gagné du terrain grâce aux projets phares financés par l'AUF: classes bilingues et Filières universitaires francophones dont l'objectif était de former une nouvelle génération francophone capable de contribuer au développement national en période de sa transformation économique socioculturelle.

De 2000 à présent, les partenaires francophones comme l'AUF et l'OIF et les ambassades francophones à Ha noi et notre gouvernement accordent une grande importance à la qualité de formation. Ils déploient des efforts conjoints en diversifiant les offres de formation à nos jeunes élites au Vietnam, en France et dans les pays francophones à travers les projets multi-partenariaux comme PFIEV, CFVG, IFI, USTH, programmes de bourse 859, 322 et 911 du MEF, programme de bourse doctorale de l'Ambassade de France, du Canada, de Belgique. Au terme de leur formation, bien des docteurs, d'ingénieurs, de médecins, d'architectes, etc... sont rentrés travailler dans différents secteurs économique, scientifique, éducatif et culturel. Ils constituent le pont de coopération multilatérale fructueuse entre le Vietnam et la France et d'autres pays francophones et ramènent la culture française et francophone au Vietnam. Bien des intellectuels francophones occupent des postes de responsabilité dans l'appareil d'Etat actuel comme Monsieur Lê Minh Hùng, Gouverneur de la Banque d'Etat; Monsieur Phan Thanh Binh, Chef de la Commission de la culture, de l'éducation, de la jeunesse, des pionniers, de l'enfance de l'Assemblée Nationale; Lê Quang Minh, Chef du Service d'actualité de VTV1; Dương Chí Dũng, Ambassadeur du Vietnam auprès de l'ONU à Genève; Lê Quân, Vice-Ministre du Ministère du Travail et des invalides, des affaires sociales etc... Dans presque tous les hôpitaux, les universités, bon nombre de responsables ont été formés en France.

En conclusion, cette recherche met en évidence une grande contribution indéniable de l'enseignement-apprentissage du et en français au développement durable du Vietnam pour une longue période de son histoire contemporaine. Il reste à revaloriser ses points positifs dans notre contexte plurilingue et pluriculturel en faveur de l'épanouissement personnel et professionnel de nos jeunes vietnamiens dans l'économie du savoir face à la globalisation en cours.

Mots-clés: colonialisme, enseignement-apprentissage, français, impact, relations, ressources humaines

DAY VĂN HỌC PHÁP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRÁNH LỐI MÒN?

✉ **TS. Trần Văn Công**

📖 Đại học Hà Nội

✉ Email: tran_vancong@yahoo.fr; congTV@hanu.edu.vn

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, môn Văn học dường như ngày càng bị coi nhẹ trong các chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngữ: số giờ dạy – học văn học giảm, giáo trình không được cập nhật, ít giáo viên lựa chọn dạy môn này, sinh viên ít hứng thú với giờ học... Tuy nhiên, các văn bản văn học là những tài liệu hoàn chỉnh nhất cung cấp cho người học các kỹ năng ngôn ngữ cũng như kiến thức về lịch sử, văn hoá, xã hội, tâm lý của từng thời kì. Thông qua các văn bản văn học, sinh viên có thể khám phá nhân sinh quan của các tác giả, của nhân vật và so sánh với cách nhìn nhận của chính bản thân mình về cuộc sống. Cảm thụ tốt một tác phẩm văn học cho phép sinh viên thể hiện bằng ngôn từ cảm xúc cá nhân cũng như quan điểm riêng của mình đối với vấn đề được đề cập. Như vậy, văn bản văn học là công cụ giúp sinh viên hoàn thiện ngôn ngữ, mở rộng tầm nhìn ra thế giới bên ngoài và phát triển tư duy phê bình, lập luận.

Để đem lại cho môn Văn học vị trí đích thực của nó trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngữ nói chung, cử nhân ngành tiếng Pháp nói riêng, bài viết đề xuất những giải pháp sư phạm tạo hứng khởi cho người dạy và người học. Sau khi đã xác định rõ ràng các mục tiêu giảng dạy, bài viết sẽ đưa ra một chiến lược sư phạm với các bước lên lớp phù hợp với đối tượng sinh viên học ngoại ngữ, để môn học này trở nên hấp dẫn tương xứng với vai trò của nó trong tổng thể chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp giao tiếp đang phổ biến hiện nay.

Từ khoá: văn học, giảng dạy, hứng khởi, gợi ý sư phạm

ENSEIGNER LA LITTÉRATURE FRANCOPHONE AUX ÉTUDIANTS À L'UNIVERSITÉ DE HANOI COMMENT ÉVITER LA ROUTINE?

✉ **Dr. Trần Văn Công**

📖 Université de Hanoi

✉ Courriel: tran_vancong@yahoo.fr; congTV@hanu.edu.vn

Résumé: Ces dernières années, la littérature semble avoir été de plus en plus négligée dans les programmes de licence: le nombre d'heures de cours de littérature a diminué, le programme n'a pas été mis à jour, peu d'enseignants ont choisi d'enseigner cette matière. Cependant, les textes littéraires sont les matériaux les plus complets qui fournissent aux apprenants des compétences linguistiques ainsi que des connaissances sur l'histoire, la culture, la société, la psychologie de chaque période. Grâce aux textes

littéraires, les élèves peuvent explorer la vision des auteurs et des personnages et les comparer avec leurs propres perceptions de la vie. La connaissance approfondie d'une oeuvre littéraire permet aux étudiants d'exprimer leur émotion ainsi que leur propre point de vue sur le sujet. Ainsi, les textes littéraires sont des outils qui aident les élèves à améliorer leur niveau de langue, à élargir leur vision sur le monde extérieur et à développer la pensée critique et le raisonnement.

Pour donner à la littérature sa vraie place dans le programme de formation en général, dans la licence en langue française en particulier, cet article propose des solutions pédagogiques susceptibles de motiver les enseignants et les étudiants.

Mots-clés: littérature, enseignement, motivation, suggestions pédagogiques

ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN Ở PHÁP VÀ MỘT SỐ NƯỚC CHÂU ÂU THAM KHẢO MỘT SỐ MÔ HÌNH THÔNG QUA PHÂN TÍCH SO SÁNH

✍ **TS. Nguyễn Văn Toàn**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: toannv@hnue.edu.vn

Tóm tắt: Đứng trước những thách thức của quá trình toàn cầu hoá và sự phát triển của nền kinh tế tri thức, từ khoảng 30 năm trở lại đây, việc đào tạo giáo viên là mối quan tâm lớn đối với hầu hết các quốc gia. Quá trình, nội dung và phương thức đào tạo giáo viên đang là đối tượng của các cuộc cải cách sâu rộng của các hệ thống giáo dục. Trong bối cảnh Việt Nam cũng đang tiến hành cải cách toàn diện hệ thống giáo dục nói chung và đào tạo giáo viên nói riêng, việc nghiên cứu so sánh cách thức đào tạo giáo viên của các nước có nền giáo dục phát triển ở châu Âu sẽ cho phép chúng ta có một số thông tin tham khảo về mô hình, nội dung đào tạo và cách thức triển khai... Những phân tích này sẽ đóng góp tích cực vào quá trình tranh luận và tư duy về cải cách đào tạo giáo viên ở nước ta.

Những điểm phân tích và so sánh của bài viết sẽ tập trung vào:

- Mô hình đào tạo giáo viên;
- Thời gian đào tạo;
- Nội dung và tính chất đào tạo;
- Mối liên hệ giữa đào tạo kiến thức hàn lâm và năng lực nghề nghiệp;
- Mô hình hỗ trợ giáo viên gia nhập nghề.

Từ những phân tích trên tác giả rút ra những kết luận lớn mang tính tham khảo và định hướng giúp những nhà quản trị giáo dục ra quyết định và các trường sư phạm có căn cứ để đổi mới chương trình đào tạo giáo viên của nhà trường.

Từ khoá: cải cách giáo dục, mô hình đào tạo giáo viên, nội dung đào tạo, đổi mới chương trình

ANALYSE COMPARATIVE DE LA FORMATION DES ENSEIGNANTS EN FRANCE ET DANS CERTAINS PAYS EUROPÉENS

✉ **Dr. Nguyễn Văn Toàn**

📄 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: toannv@hnue.edu.vn*

Résumé: Pour faire face aux défis de la mondialisation et du développement de l'économie du savoir, depuis il y a environ 30 ans, la formation des enseignants est une préoccupation majeure pour la plupart des pays. Le processus, le contenu et les méthodes de formation des enseignants font l'objet de réformes profondes, de remises en question ou de remaniements. Dans le contexte où le Vietnam mène également une réforme radicale du système éducatif en général et celle de la formation des enseignants en particulier, l'étude comparative des divers systèmes de formation des pays qui ont la culture éducative avancée en Europe nous permettra d'avoir des informations de référence sur le modèle, le contenu de la formation et les méthodes de mise en œuvre, etc. Ces analyses permettraient ainsi d'enrichir les débats et la réflexion sur la réforme de la formation des enseignants au Vietnam.

L'analyse et la comparaison de cet article porteront principalement sur:

- Modèle de formation;
- Durée de la formation;
- Contenu des formations;
- Relations entre savoir académique et compétences professionnelles;
- Modèles de passage à la vie professionnelle en début de carrière.

À partir de ces analyses, l'auteur s'appuie tire quelques conclusions de référence et d'orientation pour aider les éducateurs, les décideurs et les écoles normales supérieures à innover leur programme de formation des enseignants.

Mots-clés: réforme éducative, modèle de formation, contenu des formations, innovation des programmes

THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG PHÁP ĐỐI VỚI HỌC SINH TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CỦA VIỆT NAM

✉ **ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga**

📄 *Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

✉ *Email: thanhnga.2606@yahoo.fr*

Tóm tắt: Một trong những yếu tố quan trọng của quá trình đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay ở nước ta đó là việc đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng đánh giá năng lực. Đối với ngoại ngữ nói chung và tiếng Pháp nói riêng cũng không phải trường hợp ngoại lệ. Để thực hiện nghiên cứu này, trước tiên nhóm tác giả muốn làm rõ một số cơ sở lí thuyết liên quan trực tiếp. Đó là các khái niệm: năng lực ngôn

ngữ, năng lực giao tiếp. Sau đó, thông qua việc phân tích tài liệu và phỏng vấn các giáo viên của một số trường trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội về phương pháp kiểm tra – đánh giá đối với bộ môn Tiếng Pháp, nghiên cứu nhằm chỉ ra thực trạng đánh giá năng lực học sinh ở nước ta hiện nay. Từ đó, đưa ra được những kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nhiệm vụ đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng đánh giá năng lực mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề ra.

Từ khóa: tiếng Pháp, đánh giá, năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp

ÉVALUATION DE LA COMPÉTENCE DU FRANCAIS POUR LES ÉLÈVES DANS LES LYCÉES AU VIETNAM

✉ **Nguyễn Thị Thanh Nga**

📄 *Institut de Lexicographie et d'Encyclopédie du Vietnam – Académie des sciences sociales du Vietnam*

✉ *Courriel: thanhnga.2606@yahoo.fr*

Résumé: L'évaluation par compétences des résultats d'études est un des éléments les plus importants de la réforme de l'enseignement secondaire actuel au Vietnam. L'évaluation de niveau des langues étrangères en général et du français en particulier ne font pas exception. Pour réaliser cette étude, d'abord on se base sur les fondements théoriques liés au sujet. Il s'agit des concepts: compétence linguistique et compétence de communication. Et après, à travers de l'analyse de la documentation et des entretiens avec les enseignants de quelques écoles secondaires de Hanoi, cette étude consiste à montrer l'état de lieux de l'évaluation de la compétence du français des élèves dans les lycées au Vietnam actuellement. A partir de ces analyses, les recommandations seront formulées pour améliorer la tâche d'évaluation des résultats d'apprentissage des élèves que le ministère de l'Éducation et de la Formation a prescrite.

Mots-clés: français, évaluation par compétences, compétence linguistique, compétence de communication

ĐÀO TẠO KỸ SƯ CHẤT LƯỢNG CAO Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH THÍCH NGHI VÀ HỘI NHẬP TOÀN CẦU HOÁ GIÁO DỤC: ĐIỂN HÌNH VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ CHẤT LƯỢNG CAO VIỆT PHÁP (PFIEV)

✉ **Nguyễn Quang Vinh; ThS. Trần Đan Tâm; Lê Thị Mỹ; ThS. Đào Quang Bình**

📄 *Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

✉ *Email: coral.lemy@gmail.com*

Tóm tắt: Nguồn nhân lực luôn là tâm điểm của phát triển xã hội. Đứng trước đòi hỏi của công nghiệp hoá và hiện đại hoá, Việt Nam có những nỗ lực trong việc đi tìm *triết lý mới và động lực mới* cho việc nâng cao một cách căn bản chất lượng đào tạo kỹ sư. Với những tư liệu có sẵn và kết hợp với các khảo sát ban đầu, bài viết cung cấp thông tin về những tiến trình kinh tế – xã hội toàn cầu đã thúc đẩy và chế ước quá trình toàn cầu hoá giáo dục; đồng thời gợi ra những cơ hội mới và thách thức mới cần xử lý trong quá

trình thích nghi, hội nhập tiến trình toàn cầu hoá giáo dục ở Việt Nam. Điển hình về chủ đề đổi mới đào tạo kỹ sư, chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) – một thử nghiệm khá thành công ở cấp độ hai nhà nước – là dấu hiệu tích cực ban đầu của mối quan hệ hợp tác và đối thoại đa dạng với hệ thống giáo dục và công nghệ thế giới trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Từ khoá: Toàn cầu hoá giáo dục, kỹ sư chất lượng cao, mô hình đào tạo, chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV)

FORMATION D'INGÉNIEURS D'EXCELLENCE AU VIETNAM DANS LE CONTEXTE D'ADAPTATION ET D'INTÉGRATION DE L'ÉDUCATION À LA GLOBALISATION: CAS DU PROGRAMME DE FORMATION D'INGÉNIEURS D'EXCELLENCE AU VIETNAM (PFIEV)

✉ **Nguyễn Quang Vinh; Trần Đan Tâm; Lê Thị Mỹ; Đào Quang Bình**

📄 *Institut des Sciences de la Région Sud, Académie des sciences sociales du Vietnam*

✉ *Courriel: coral.lemmy@gmail.com*

Resumé: Les ressources humaines ont toujours été au centre des préoccupations dans le développement social. Devant la double exigence de l'industrialisation et de la modernisation, le Vietnam cherche à renouveler sa philosophie et sa motivation dans ses efforts pour améliorer fondamentalement la formation de ses ingénieurs. À partir de matériaux existants et d'une investigation initiale, nous nous proposons d'apporter des informations sur les processus socio-économiques à travers le monde qui ont stimulé en même temps qu'inhibé le processus de globalisation de l'éducation; et aussi de suggérer de nouvelles opportunités et de nouveaux défis à prendre en compte au cours de l'effort d'adaptation et d'intégration au processus de globalisation de l'éducation au Vietnam. Illustrant le thème de rénovation dans la formation d'ingénieurs, le programme de formation d'ingénieurs d'excellence au Vietnam (PFIEV) – une expérience assez réussie au niveau des deux États – constitue des prémices encourageantes dans la coopération et le dialogue diversifiés avec le système d'éducation et de technologie mondial dans le contexte de globalisation.

Mots-clés: Éducation à la globalisation, ingénieurs d'excellence, modèle de formation, programme de formation d'ingénieurs d'excellence au Vietnam (PFIEV)

ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH GIẢI THÍCH HÀNH VI TIÊU DÙNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI: ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TIÊU DÙNG NỮ TẠI VIỆT NAM

✉ **TS. Bùi Ngọc Như Nguyệt**

📄 *Phòng Nghiên cứu Đô thị, Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế – Xã hội Đà Nẵng*

✉ *Email: bnnnguyet@gmail.com*

✉ **GS.TS. Pierre VALETTE-FLORENCE**

📄 *Đại học Grenoble Alpes*

Tóm tắt: Người tiêu dùng muốn hành vi tiêu dùng của mình có ý nghĩa bằng cách cân nhắc đến những tác động có thể có đối với môi trường hoặc xã hội khi tiêu dùng.

Cách thức tiêu dùng này được gọi là tiêu dùng có trách nhiệm xã hội (CSR). Ngày nay, tiêu dùng có trách nhiệm đã trở thành một hiện tượng phổ biến và khái niệm CSR đã được nghiên cứu khắp thế giới. Ở Việt Nam, bất chấp những quan tâm về xã hội và môi trường của các bên liên quan như người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ, mà chúng tôi đang chứng kiến, khái niệm về CSR vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức. Nghiên cứu của chúng tôi đã phát triển một thang đo về CSR với cấu trúc năm chiều, gồm: định hướng xã hội, định hướng đạo đức, sự nhạy cảm về môi trường, và tiêu dùng địa phương và quan ngại về tính kinh tế. Chúng tôi cũng đã xác định được ba hành vi điển hình của Việt Nam trong thang đo này. Thang đo cũng cho thấy hiệu suất thoả đáng về tỉ lệ phần trăm của phương sai hồi phục (62,12%), tiêu chuẩn tính hợp lệ và độ tin cậy. Với kết quả nghiên cứu của mình chúng tôi cũng đã đề xuất mô hình ra quyết định của người tiêu dùng từ quan điểm giá trị. Kỹ thuật Mô hình Phương trình Cấu trúc – Bình phương tối thiểu từng phần (SEM-PLS) đã cho phép kiểm định một phần mô hình đề xuất và do đó xác nhận vai trò xác định của ba tham số (cá nhân và tình huống): các giá trị cá nhân hướng tới người khác; giá trị cảm nhận và hiệu quả nhận thức của người tiêu dùng. Đặc biệt, lí thuyết giá trị cá nhân của Schwartz (phiên bản 19 giá trị) đã được kiểm định thành công tại Việt Nam và cho thấy khả năng giải thích rất tốt hành vi CSR.

Từ khoá: hành vi tiêu dùng có trách nhiệm xã hội, mô hình phương trình cấu trúc, giá trị cá nhân, giá trị cảm nhận, hiệu quả nhận thức

PROPOSITION D'UN MODÈLE EXPLICATIF DE LA CONSOMMATION SOCIALEMENT RESPONSABLE: UNE APPLICATION PORTANT SUR LES CONSOMMATRICES VIETNAMIENNES

✉ **Dr. Bùi Ngọc Như Nguyệt**

📄 *Département des Études Urbaines, Institut des Recherches pour le développement socio-économique de Da Nang*

✉ *Courriel: bnnnguyet@gmail.com*

✉ **Prof. Dr. Pierre VALETTE-FLORENCE**

📄 *Université Grenoble Alpes*

Résumé: Les consommateurs souhaitent donner du sens à leurs actes de consommation en prenant en compte leurs impacts potentiels sur l'environnement ou la société. Cette manière de consommer est appelée consommation socialement responsable (CSR). Aujourd'hui, la consommation responsable est devenue un phénomène de masse et le concept de CSR a été bien exploré dans le monde entier. Au Vietnam, malgré la montée en puissance des préoccupations sociales et environnementales des parties prenantes de la société vietnamienne: les consommateurs, les entreprises et le gouvernement, auxquelles nous assistons actuellement, le concept de CSR n'a cependant pas fait l'objet d'une étude au Vietnam. Notre volonté est donc d'investir ce concept. Premièrement, notre recherche nous a conduits à élaborer une échelle de mesure de la CSR en cinq dimensions dans lesquelles

il y a trois comportements vietnamiens typiques. L'échelle montre des performances satisfaisantes sur les critères de pourcentage de variance restituée (62,12%), de validité et de fiabilité. Pour proposer un modèle expliqué les comportements de CSR, nous avons choisis d'utiliser une nouvelle version de la théorie des valeurs humaines fondamentales de Schwartz (Schwartz et al., 2012) dans notre travail de recherche afin de fournir un plus grand pouvoir heuristique et explicatif par rapport à la théorie originale des dix valeurs (Schwartz, 1992). De même, après avoir examiné les travaux portant sur l'impact des valeurs personnelles sur la CSR, nous avons décidé d'employer la valeur perçue et l'efficacité perçue du consommateur en tant que médiatrices qui interviennent dans cette relation. Enfin, en observant l'attention croissante au cours des dernières années concernant l'influence de la culture sur la consommation (Soares et al. 2007), nous ajouterons les orientations culturelles dans notre modèle de recherche en tant que variables exogènes influençant directement les valeurs personnelles et la CSR. Notre recherche nous a donc conduits à proposer un processus de prise de décision du consommateur dans la perspective des valeurs. Par SEM-PLS, celles-ci ont partiellement validé le modèle proposé et confirment donc le rôle déterminant de trois paramètres à la fois personnels et situationnels: les valeurs personnelles orientées vers les autres, la valeur perçue et l'efficacité perçue du consommateur. De plus, la théorie raffinée de Schwartz est valide au contexte du Vietnam.

Mots-clés: consommation socialement responsable, PLS-SEM, valeurs personnelles, valeur perçue, efficacité perçue

KINH NGHIỆM GẦN 30 NĂM THỰC HÀNH LÂM SÀNG THEO TRƯỜNG PHÁI PHÁP TẠI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÂM LÝ TRẺ EM Ở VIỆT NAM

✉ **PGS.TS. Nguyễn Minh Đức**

📄 *Học viện Quản lý giáo dục; Giám đốc chuyên môn Trung tâm N-T*

✉ *Email: ngminhduc1@gmail.com*

Tóm tắt: Vào cuối thập niên 1980, Việt Nam trải qua thời kì Đổi mới với những biến đổi lớn về kinh tế – xã hội, những khó khăn tâm lý của trẻ em ngày càng được phát hiện. Trong bối cảnh đó, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, nguyên là bác sĩ nhi khoa có nhiều năm làm việc ở Pháp đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu tâm lý trẻ em, gọi tắt là Trung tâm N-T, huy động các chuyên gia Pháp và Việt Nam từ nhiều lĩnh vực, trong đó có tâm lý học lâm sàng. Trung tâm N-T có nhiệm vụ phát triển các cơ sở can thiệp các vấn đề tâm lý của trẻ em theo mô hình của Pháp, đồng thời vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp theo trường phái Pháp, nhằm tìm ra giải pháp cho trẻ em gặp khó khăn.

Sau khi tốt nghiệp tâm lý học tại Đại học Sư phạm Hà Nội, làm giảng viên của Trường Cán bộ quản lý giáo dục, sau này là Học viện Quản lý giáo dục, tôi đã được gia nhập vào Trung tâm N-T từ năm 1989 và được đào tạo về tâm lý học lâm sàng từ các chuyên gia Pháp đến Việt Nam và được gửi đi thực tập và học tập ở Pháp.

Sau quá trình đào tạo như vậy, tôi tiếp tục giảng dạy về tâm lý học lâm sàng ở Học viện Quản lý giáo dục và làm Giám đốc chuyên môn của Trung tâm Nghiên cứu tâm lý trẻ em. Càng làm việc, tôi càng thấy được giá trị của trường phái Pháp. Chính vì vậy, tôi muốn giới thiệu ảnh hưởng của trường phái Pháp để đối thoại với các trường phái lâm sàng khác.

Tham luận này sẽ làm rõ hai kinh nghiệm sau:

– Kinh nghiệm làm việc trong êkíp của Trung tâm Can thiệp tâm lý, Y học và Giáo dục Đồng Đa – Trung tâm can thiệp đầu tiên theo mô hình của Pháp;

– Kinh nghiệm quan sát trẻ em và các thành viên gia đình tại nhà theo định hướng của các chuyên gia Pháp trong lĩnh vực phân tâm học nhóm và gia đình.

Tính độc đáo trong hai kinh nghiệm này là tạo ra được sự chia sẻ của tất cả các nhà thực hành trong Trung tâm can thiệp về cách giải mã các hành vi quan sát được trên trẻ theo hướng phân tâm học để cùng đi đến một chiến lược trị liệu phù hợp. Điều này góp phần bổ sung cho các trường phái lâm sàng khác nhờ giá trị nhân văn và khoa học của nó.

Từ khoá: lâm sàng, tâm lý học lâm sàng, trường phái Pháp, tiếp cận chiết trung, thăm khám gia đình, quan sát theo chiều dọc

UNE TRENTAINE D'ANNÉES D'EXPÉRIENCE DE PRATIQUE CLINIQUE SELON L'ÉCOLE FRANÇAISE À LA FONDATION D'ÉTUDES EN PSYCHOLOGIE ET PSYCHOPATHOLOGIE DE L'ENFANT AU VIETNAM

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Minh Đức**

📄 *National Academy of Education Management; Directeur professionnel de la Fondation N-T*

✉ *Courriel: ngminhduc1@gmail.com*

Résumé: A la fin des années 1980, le Vietnam a connu un grand changement socio-économique, appelé la période Doimoi, dans lequel le problème psychologique de l'enfant est bien observé. Compte tenu de cette difficulté répandue chez l'enfant vietnamien, le Docteur NGUYEN Khac Vien, ancien pédiatre, formé et ayant travaillé pendant de longues années en France, a créé la Fondation d'Études en Psychologie et Psychopathologie de l'Enfant, une ONG appelée Fondation N-T. Dans ce projet, il avait mobilisé des spécialistes français et vietnamiens dans plusieurs domaines, dont la psychologie clinique. La Fondation N-T a pour tâche de développer des structures de soins pour les enfants selon le modèle français, en même temps de faire des recherches théorico-clinique par études de cas, inspirées par des spécialistes français, tout en contribuant à une solution pour les enfants en difficultés.

En qualité d'un psychologue diplômé de l'École Supérieure de Pédagogie de Hanoi, enseignant à l'École Supérieure de Formation des Cadres d'Éducation, (devenue plus tard National Academy of Education Management, appelé NAEM), je me suis intéressé par le travail du Docteur Vien et accepté par lui comme un des membres de la

Fondation N-T à 1989. Depuis cette date, j'ai été formé par des cliniciens français qui sont venus au Vietnam et par des bourses de stages et d'études en France: à l'Hôpital Saint Maurice, au CMPP Choisy le Roi, à l'Université Toulouse le Mirail, à l'Université Paris 7.

Après ces formations, j'ai une double fonction: enseignant de psychologie clinique à NAEM et directeur professionnel de la Fondation N-T. Dans ces deux services, je fais non seulement de la clinique, mais dirige mes étudiants dans leurs stages cliniques. A travers mes longs parcours professionnel, je trouve la valeur du courant français dans notre mission d'aider les enfants en difficulté. C'est la raison pour laquelle, je voudrais développer l'influence de ce courant pour dialoguer avec d'autres courants cliniques qui sont mis en œuvre au Vietnam. Cette communication donne au public vietnamien une autre orientation à choisir, parmi les tendances cliniques actuelles. Je vais donc essayer de développer les deux expériences cliques suivantes:

- Le travail en équipe dans le CMPP Dongda, premier CMPP, inspiré par le modèle français;
- Le travail d'observation de l'enfant et de la famille à domicile selon l'orientation des spécialistes français en Psychanalyse groupale et familiale.

L'originalité clinique dans ces deux expériences est de faire partager tous les praticiens de chaque structure de soins une lecture profonde, inspirée par la psychanalyse, des comportements observés chez l'enfant en problème pour pouvoir arriver à une stratégie thérapeutique appropriée. Cette originalité et différence pourrait faire un complément à d'autres écoles cliniques du monde, grâce à sa valeur humaine et scientifique.

Mots-clés: clinique, psychologie clinique, école française, approche éclectique, visite familiale, observation longitudinale

ĐẠI HỌC ĐÔNG DƯƠNG VÀ CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐÔNG DƯƠNG: RA ĐỜI, HOẠT ĐỘNG VÀ THÀNH TỰU

✍ **ThS. Lê Xuân Phán**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Nghiên cứu sinh tại Đại học Lumière Lyon 2, Cộng hoà Pháp

✉ Email: phanlx@hnue.edu.vn

Tóm tắt: Được thành lập vào năm 1902, Trường Y Hà Nội được coi là khởi đầu của giáo dục đại học bằng tiếng Pháp tại Đông Dương. Bốn năm sau, để ngăn cản giới tinh hoa và thanh niên đang hướng theo phong trào Đông Du, Đại học Đông Dương được thành lập, bao gồm Trường Y và các khoá giảng dạy về khoa học, văn học và pháp lí. Nhưng không may, theo chính sách của Toàn quyền Klobukowski, Đại học Đông

Dương bị đóng cửa vào năm 1908, trừ Trường Y. Phải đợi đến năm 1917, dưới thời toàn quyền Albert Sarraut, Đại học Đông Dương mới được mở cửa trở lại. Trong giai đoạn 1917 – 1945, các trường thành viên của Đại học Đông Dương được lập ra, như: Trường Pháp Chính (sau là Trường Luật); Trường Sư phạm; Trường Nông Lâm; Trường Thương mại; Trường Mĩ thuật và Trường Khoa học. Bài báo này đề cập đến lịch sử khái quát của Đại học Đông Dương, một trong số ít những trung tâm văn hoá, khoa học quan trọng nhất ở Đông Dương thuộc Pháp. Đồng thời, bài báo cũng tập trung vào một trong những trường thành viên của Đại học Đông Dương, Trường Cao đẳng Sư phạm, nơi diễn ra cuộc tiếp xúc, trao đổi văn hoá Pháp – Việt và cũng là một trong những nơi đã đào tạo được một số trí thức tên tuổi của Việt Nam. Từ mô hình Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, chúng tôi cũng không quên rút ra những kinh nghiệm cho việc đào tạo giáo viên ở Việt Nam hiện nay.

Từ khoá: Đại học Đông Dương, Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, giáo dục đại học

UNIVERSITÉ INDOCHINOISE ET ÉCOLE SUPÉRIEURE DE PÉDAGOGIE DE L'INDOCHINE: NAISSANCE, FONCTIONNEMENT ET BILAN

✍ **Lê Xuân Phán**

📄 *L'École normale supérieure de Hanoi; Doctorant à l'IAO, Université Lumière Lyon 2*

✉ *Courriel: phanlx@hnue.edu.vn*

Résumé: Créée en 1902, l'École de Médecine de Hanoi est considérée comme le premier établissement de l'enseignement supérieur en français en Indochine. L'Université indochinoise (UI) est fondé 4 ans plus tard pour faire obstacle au mouvement Dong Du. L'UI comporte l'École de Médecine et trois sections: une section scientifique, une section littéraire et une section juridique. A l'exception de l'École de Médecine, L'UI est malheureusement, fermée au public en 1908 par le Gouverneur Klobukowski. Il faudra attendre jusqu'en 1917 pour que l'UI rouvre ses portes sous le mandat du gouverneur Albert Sarraut. Pendant la période 1917 – 1945 ont été créé de nouvelles écoles supérieures: une École de Droit et d'Administration, une École supérieure de Pédagogie, une École supérieure d'Agriculture et de Sylviculture, une École de commerce, une École des Beaux-arts et une École des sciences. Dans le cadre de cet article, nous détaillons l'histoire générale de l'UI, une des plus importantes œuvres de la colonisation française. L'article analyse aussi la biographie des membres les plus éminents de l'UI. On souligne le rôle de l'École supérieure de Pédagogie, comme un lieu d'échange culturel franco-vietnamien et son importance dans la formation des intellectuels vietnamiens dans le champ des sciences de l'éducation. Enfin nous voudrions en tirer quelques leçons pour améliorer la formation les enseignants au Vietnam actuellement.

Mots-clés: Université de l'Indochine, École supérieure de Pédagogie de l'Indochine, enseignement supérieur en Indochine

**CÔNG NGHỆ SỐ VÀ KIỂM ĐỊNH ĐÀO TẠO:
LÀM THẾ NÀO ĐỂ XÂY DỰNG MỘT CÁCH TIẾP CẬN VỀ CHẤT LƯỢNG
CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM?**

✉ **ThS. Hoàng Thị Vân Anh**

📄 Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

✉ Email: hoang-thi-van.anh@usth.edu.vn

Tóm tắt: Sự phát triển của các ngành công nghiệp thâu lại tại một số thành phố lớn ở Đông Nam Á đã dẫn đến tác động bất lợi đối với môi trường và sức khỏe của người dân ở đó. Những tác động về môi trường địa lí, chính sách giữa các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương trở thành một vấn đề quan trọng. Việc nâng cao kỹ năng cho các cán bộ điều hành, các chuyên gia về các vấn đề quốc tế trở thành một điều cần thiết. Xây dựng các chương trình đào tạo cho các cán bộ Pháp ngữ sẽ kết hợp việc sử dụng tối ưu các nguồn lực sẵn có và đảm bảo tính đa dạng văn hoá. Hoạt động này không chỉ giúp họ cải thiện trình độ ngôn ngữ mà còn củng cố kỹ năng đàm phán thương lượng tại các hội nghị – diễn đàn quốc tế về sức khỏe, môi trường và phát triển bền vững.

Từ khoá: công nghệ số, đào tạo liên tục, ngành nghề quốc tế, Luật, chính sách, sức khỏe, môi trường và phát triển bền vững

TITRE DE LA COMMUNICATION: DISPOSITIF NUMÉRIQUE ET AUDIT DE FORMATION: COMMENT METTRE EN PLACE UNE DÉMARCHE QUALITÉ EN FORMATION CONTINUE À L'ENVIRONNEMENT ET AU DÉVELOPPEMENT DURABLE DANS LE CONTEXTE DU VIETNAM?

✉ **Hoàng Thị Vân Anh**

📄 Université des Sciences et des Technologies de Hanoi; Doctorante de l'Université de Polynésie Française

✉ Courriel: hoang-thi-van.anh@usth.edu.vn

Résumé: Le développement des industries sous-traitantes dans certaines grandes villes en Asie du Sud Est a engendré des effets néfastes vis à vis de l'environnement et de la santé de la population. Il devient important de mettre en évidence et de comparer des interactions environnementales, géopolitiques entre les pays de la région en Pacifique. Le renforcement des compétences des cadres, experts francophones aux problématiques internationales devient une nécessité. La mise en place des plans de formation aux cadres francophones favorisera l'usage des ressources collaboratives francophones disponibles en respectant la diversité culturelle. La formation permettra de consolider la maîtrise du français mais aussi des techniques aux négociations internationales en santé environnementale et au développement durable.”

Mots-clés: Dispositif numérique, Formation et Education, Métiers de l'international, Droit, Politique, Santé, Environnement et Développement durable.

HẠNH PHÚC Ở TRƯỜNG HỌC: NGHIÊN CỨU TRÊN HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI VIỆT NAM

✉ **PGS.TS. Trần Thu Hương, TS. Nguyễn Hạnh Liên, TS. Ngô Thanh Huệ, TS. Trần Thu Hương**

📄 *Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*

✉ *Email: tranthuhuong@vnu.edu.vn, nguyenhanhlien@gmail.com, ngothanhhue@gmail.com, huonghn1987@gmail.com*

Tóm tắt: Dựa trên quan điểm của Randolph, Kangas & Ruokamo (2009), nghiên cứu có mục đích tìm hiểu sự cảm nhận hạnh phúc về trường học nói chung cũng như những chiều kích cụ thể được đánh giá bởi học sinh trung học cơ sở Việt Nam (tại Hà Nội). Nghiên cứu sử dụng thang đo NJSCS-MSHS (New Jersey School Climate Survey Middle – High School Students) được xây dựng và phát triển tại trường Đại học New Jersey năm 2014, gồm 48 câu đánh giá sự hạnh phúc của học sinh ở trường học trong nhiều chiều kích. Kết quả thu được bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi từ 535 học sinh cho thấy: học sinh có cảm nhận hạnh phúc về trường học ở mức trung bình. Học sinh cảm thấy hài lòng nhất về các hoạt động ngoại khóa và các mối quan hệ bạn bè trong trường học. Các chiều kích mà học sinh cảm thấy ít hài lòng hơn là vấn đề an toàn trường học, sự lo lắng về học tập (đánh giá học đường). Nghiên cứu gợi mở một cách tiếp cận đa chiều trong việc đánh giá sự hạnh phúc của học sinh ở trường học tại Việt Nam.

Từ khoá: hạnh phúc, hạnh phúc ở trường học, học sinh trung học cơ sở Việt Nam

BIEN-ÊTRE SCOLAIRE: UNE ETUDE DES COLLEGIENS AU VIETNAM

✉ **Prof.as.Dr. Trần Thu Hương, Dr. Nguyễn Hạnh Liên, Dr. Ngô Thanh Huệ, Dr. Trần Thu Hương**

📄 *Université des sciences sociales et humaines, Université nationale de Hanoi*

✉ *Courriel: tranthuhuong@vnu.edu.vn, nguyenhanhlien@gmail.com, ngothanhhue@gmail.com, huonghn1987@gmail.com*

Résumé: Basé sur le modèle de Randolph, Kangas & Ruokamo (2009), cette étude a pour but de comprendre la perception générale du bien-être scolaire ainsi que ses dimensions spécifiques évaluées par les collégiens au Vietnam (à Hanoi). Cette étude utilise l'échelle NJSCS-MSHS (New Jersey School Climate Survey Middle-High School Students), un instrument élaboré et développé par l'Université de New Jersey en 2014. Elle se compose de 48 items de la satisfaction des élèves dans des dimensions différentes. Les résultats obtenus par un sondage auprès de 535 élèves ont montré que les élèves ont leur bien-être scolaire à un niveau moyen. Les élèves se sentent plus à l'aise au sujet des activités para-scolaires et de l'amitié à l'école. Les dimensions dans lesquelles les étudiants se sentent moins satisfaits sont la sécurité à l'école, l'anxiété scolaire (évaluation à l'école). L'étude suggère une approche multidimensionnelle pour évaluer le bien-être scolaire des collégiens au Vietnam.

Mots-clés: Bien-être, bien-être scolaire, collégien vietnamien

TRẺ EM BỎ HỌC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ CỦA CHA MẸ VÀ CƠ CẤU GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

✉ **PGS.TS. Vũ Tuấn Huy**

📄 Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: huytuanhk@gmail.com

Tóm tắt: Bài báo sử dụng số liệu từ đề tài nghiên cứu “Biến đổi gia đình trong bối cảnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hướng đến phát triển bền vững ở Việt Nam” thực hiện trong 2 năm 2015 – 2016. Phân tích hồi quy các yếu tố nhân khẩu học, đặc điểm địa vị kinh tế – xã hội của cha mẹ, tâm thế và hành vi, đặc điểm của con cái cho thấy, bỏ học không phải là nguyên nhân riêng lẻ nào mà là một quá trình. So sánh theo nhóm năm kết hôn cho thấy số trẻ em bỏ học của hộ gia đình thay đổi so với trước năm 1986. Học vấn của bố mẹ, loại hình gia đình hạt nhân, sự kiểm soát của cha mẹ và con cái thường xuyên tham gia thể dục thể thao là những yếu tố giảm số trẻ em bỏ học trong hộ gia đình. Ngược lại, các yếu tố khác biệt vùng, số con hiện có và con cái của cha mẹ kết hôn giai đoạn 1986 – 1995 làm tăng số trẻ em bỏ học. Một số yếu tố được kì vọng nhưng không có ý nghĩa gợi ý những vấn đề đặt ra trong phát triển ở Việt Nam và những vấn đề cần nghiên cứu sâu hơn.

Từ khóa: Trẻ em bỏ học trước lớp 12, gia đình, địa vị kinh tế – xã hội, định hướng giá trị của cha mẹ, hiện đại hoá

L'ABANDON SCOLAIRE DES ENFANTS, LES IMPACTS DE L'ORIENTATION DES VALEURS PARENTALES ET LA STRUCTURE FAMILIALE AU VIETNAM

✉ **Prof.as.Dr. Vũ Tuấn Huy**

📄 Institut de recherche régionale pour le développement durable

✉ Courriel: huytuanhk@gmail.com

Résumé: Cet article utilise les données du projet de recherche “Changements familiaux dans le contexte de l’industrialisation et de la modernisation voué au développement durable au Vietnam” pour la période 2015 – 2016. Analyser la régression des facteurs démographiques, le statut socio-économique des parents, les caractéristiques psycho-sociales et comportementales des parents et caractéristiques des enfants. L’abandon scolaire ne résulte pas d’une cause unique mais c’est un processus. Les comparaisons par année de mariage montrent des changements dans les abandons parmi les ménages avant 1986. Le niveau d’instruction des parents, la famille nucléaire, le contrôle parental sur leurs enfants et la participation des enfants aux activités sportives sont des facteurs qui réduisent l’abandon scolaire des enfants. En revanche, les différences régionales, le nombre d’enfants et les enfants de parents mariés entre 1986 et 1995 ont augmenté le nombre d’enfants quittant l’école avant le terminal. Bien qu’un certain nombre de facteurs soient attendus, il n’y a aucun sens à suggérer des problèmes de développement au Vietnam et d’autres problèmes de recherche.

Mots-clés: abandon scolaire des enfants avant le terminal, famille, statut socio-économique, orientation des valeurs des parents, modernisation

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI MẸ TRONG GIÁO DỤC GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM TRƯỚC THẾ KỈ XX (QUA TỤC NGŨ, CA DAO VIỆT NAM)

✍ **TS. Phạm Thị Quỳnh**

📖 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: quynhsp1@gmail.com

Tóm tắt: Việt Nam là một quốc gia nằm trong khu vực Đông Nam Á – cội nguồn của nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Lịch sử đã chứng minh, chính cơ sở kinh tế của nền văn minh lúa nước đã khẳng định vai trò trụ cột trong lao động sản xuất của người phụ nữ. Phụ nữ làm chủ gia đình, họ có vai trò lớn lao trong sinh hoạt kinh tế, đời sống xã hội cũng như trong đời sống văn hoá tinh thần. Người Việt cổ sống theo nguyên lí “Mẹ” chứ không theo nguyên lí “Cha”. Truyền thống đó được tiếp nối trong lịch sử dân tộc Việt Nam qua các thời kì xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, lịch sử Việt Nam cho đến thời phong kiến cũng cho thấy, cùng với thời gian, vai trò “quyết định” của người phụ nữ Việt ngày càng giảm dần. Thời kì phong kiến ở Việt Nam (từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XX), đặc biệt giai đoạn từ thế kỉ XV đến thế kỉ XX, là thời kì xã hội chịu ảnh hưởng của Tống Nho trong nhiều lĩnh vực. Nho giáo xuất phát từ chế độ tông pháp, coi trọng huyết thống và coi rẻ phụ nữ. Tuy nhiên, trên thực tế người phụ nữ – với tư cách là người Mẹ – trong các gia đình Việt Nam thời phong kiến giữ vai trò vô cùng quan trọng trong giáo dục gia đình ở những khía cạnh: Chăm sóc, nuôi dạy con từ thuở ấu thơ; Dạy con gái; Dạy con trai;... Đảm nhiệm trọn vẹn tất cả những trọng trách đó đã khiến người phụ nữ Việt trở thành “nội tướng”, “tay hòm chìa khoá”, là trung tâm, linh hồn chủ đạo của mỗi gia đình Việt Nam trước thế kỉ XX.

Từ khóa: vai trò của người mẹ Việt, giáo dục gia đình, tục ngữ ca dao, Việt Nam

LE RÔLE DE LA MÈRE DANS L'ÉDUCATION FAMILIALE AU VIETNAM A L'ÉPOQUE FÉODALE

✍ **Dr. Phạm Thị Quỳnh**

📖 École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)

✉ Courriel: quynhsp1@gmail.com

Résumé: Le Vietnam se situe en Asie du Sud Est d'où l'origine de la riziculture irriguée. L'histoire a bien prouvé, c'est sur la base économique de la riziculture irriguée qu'est déterminé le rôle pilier des femmes dans la production matérielle. La femme est la patronne de la famille, elle s'occupe d'une place centrale tant dans les activités économiques et sociales que dans la vie spirituelle et intellectuelle. Les Vietnamiens anciens suivent les lois de “Mère” et pas celles de “Père”. Cette tradition est héritée dans l'histoire du peuple vietnamien au fil du temps, passée de différentes étapes de

construction et de développement du pays. Cependant, on remarque qu'avec le temps, le rôle décisif maternel a beaucoup baissé. L'époque féodale au Vietnam (du XI^{ème} siècle au XX^{ème} siècle), et plus particulièrement durant le temps du XV^{ème} siècle jusqu'au XX^{ème} siècle, est une époque où la société vietnamienne subit de grandes influences confucéennes dans beaucoup de domaines. Le Confucianisme prend source de la philosophie du Dharma qui importe la consanguinité en méprisant les femmes. Malgré cette négligence, en réalité, la femme, à la place d'une Mère dans les familles vietnamiennes à l'époque féodale, joue un rôle indispensable dans l'éducation familiale: éduquer les filles, éduquer les fils, surveiller les enfants.... Toutes ces missions permettent aux femmes vietnamiennes de devenir la "patronne du foyer", "le gestionnaire financier", le centre spirituel et l'âme centrale de chaque famille du Vietnam avant le XX^{ème} siècle.

Mots clés: rôle des mères vietnamiennes, éducation familiale, proverbes et expressions imagées, le Vietnam

TIỂU BAN B

VĂN HỌC – NGÔN NGỮ HỌC

Littérature – Linguistique

GẶP GỠ VĂN HỌC PHÁP

✉ **PGS.TS. Đặng Anh Đào**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: danganhdao@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết nêu vấn đề đi tìm những con đường giao lưu với văn học Pháp. Xuất phát từ thể nghiệm của bản thân, đặc biệt là ở khoảng thời thơ ấu với không khí gia đình, nhà trường, thiên hướng nghề nghiệp, môi trường xã hội với những đổi thay theo những biến cố chính trị đã góp phần nuôi dưỡng tình yêu và sự hiểu biết sâu sắc về nền văn học Pháp của tác giả. Những gì đẹp đẽ nhất trong quầng thời thơ ấu của tác giả gắn với Victor. Trước hết, Victor Hugo là đại dương, là biển và màu xanh biếc, là những sắc màu rực rỡ với những Esméralda, Quasimodo, với những Thu Dan Mot, Saigon, Cho-len... của một tác giả chưa từng đặt chân đến Việt Nam. Đến khi trưởng thành, tác giả lại đi tìm Stendhal, Rimbaud Baudelaire với *Đỏ và Đen* và thần tượng Julien Sorel. Tiếp theo, tác giả trình bày sự gặp gỡ, giao lưu với nền văn học ấy qua một giai đoạn đỉnh điểm 1930 – 1945 và một thể loại hẳn rõ dấu vết của sự gặp gỡ – đó là thơ. Sự gặp gỡ này được thể hiện rõ nét thông qua việc phân tích, đối chiếu với thơ truyền thống trên ba bình diện: những môtip và đề tài mới xuất hiện; phân tích về từ vựng; cấu trúc câu thơ đổi mới. Từ đó, có thể thấy rằng điều quan trọng nhất trong tất cả mọi đổi mới khi gặp gỡ với thơ Pháp là chúng đã khiến cho thơ có tính chất riêng tư hơn. Từ sự giao lưu với văn học Pháp, bản tham luận cho rằng: chỉ trong sự tiếp nhận và giao lưu với “Kẻ khác”, văn học Việt Nam mới có thể đổi mới và đuổi kịp nhịp độ của thời đại. Cuối cùng là ghi nhận của một dịch giả từ việc tập trung phân tích Balzac – một trong những tác giả được dịch nhiều nhất và dịch giả tương ứng là Huỳnh Lý minh chứng cho bản chất của hành động chuyển ngữ. Tác giả đối chiếu nguyên bản một tác phẩm (*Eugénie Grandet*) với bản dịch ở các mục mà dịch giả đã thực hiện để phù hợp với thị hiếu của độc giả tiếp nhận tác phẩm tương ứng với thời điểm xuất hiện, trên các phương diện: hình ảnh in ấn; những lược bỏ; sự thêm thắt: nhịp và điệu. Bản báo cáo này đặt ra những câu hỏi thay vì giải quyết vấn đề. Vấn đề lớn nhất là: làm sao mỗi đóng góp nhỏ đều quy tụ vào một hướng để có thể giải quyết vấn đề.

Từ khóa: thể nghiệm cá nhân, phân tích, đối chiếu tác phẩm, thực nghiệm, đối chiếu văn bản dịch

A LA RENCONTRE DE LA LITTÉRATURE FRANÇAISE

✉ **Prof.as.Dr. Đặng Anh Đào**

📄 École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)

✉ Courriel: danganhdao@gmail.com

Résumé: 1. Le but de l'intervention: présenter quelques points de rencontres de la littérature française et celle du Vietnam. A partir de l'expérimentation personnelle, l'analyse d'un moment et d'un genre littéraire, notre intervention démontre les marques de l'apogée du rendez-vous et le rôle de la traduction.

2. Les éléments contribuant à la rencontre des littératures L’ambiance familiale (bibliothèque, conversations en langues étrangères, disques...) peut rendre une littérature familière pour l’enfant. Ensuite, viennent l’enseignement, l’ambiance sociale, les penchants professionnels. Mes premiers livres préférés sont ceux de V. Hugo. Ensuite, ce sont Stendhal, Rimbaud, Verlaine. Mon idole, c’est Julien Sorel...

3. Le rendez-vous avec la littérature française marque son apogée dans la période qui va de 1930 à 1945 et les traits les plus visibles sont perçus dans la poésie: des thèmes nouveaux, une rentrée des mots non-poétiques (selon la conception traditionnelle) dans le vocabulaire, la structure des vers.

4. La traduction est un pont qui relie les rivages des pays mais elle varie selon le goût des lecteurs et la temporalité. Pour démontrer cette remarque, cette intervention a choisi une œuvre des plus rééditées (Eugénie Grandet) traduite par un spécialiste émérite (Huynh Ly). Pour conformer à l’habitude du lecteur de son temps, il a “modifié” le texte de Balzac en faisant des omissions, des ajouts et le rythme. Maintenant, la traduction de Huynh Ly est déjà surannée mais on pourra toujours en tirer des expérimentations..., “on a les traductions qu’on mérite” Elles sont le fruit du moment historique et le rapport entre langues-comme Henri Meschonnic l’a dit.

* Mon intervention pose des problèmes au lieu de les résoudre. Mais j’espère toujours que la connaissance de l’Autre nous donne des bonnes résolutions.

Mots-clés: expérimentation personnelle; analyse des textes; confrontation des textes; pratique de la traduction

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ SÁCH NGHIÊN CỨU CỦA PHÁP ĐƯỢC DỊCH Ở VIỆT NAM THỜI GIAN GẦN ĐÂY

✍ **GS.TS. Trần Đình Sử**

📖 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: dinhstran@yahoo.com

Tóm tắt: Bài viết trình bày một số nhận xét tản mạn, cá nhân, chưa đầy đủ về các sách nghiên cứu của Pháp (chủ yếu ở mảng sách triết học, nghiên cứu văn học, giáo dục học, văn hoá học...) được dịch ra tiếng Việt ở Việt Nam trong thời gian gần đây (từ thập niên 1980 trở lại đây, tức thời kì Đổi mới). Chúng tôi nhận thấy, hầu hết các sách được dịch nhờ nỗ lực của các dịch giả – nhà nghiên cứu trong nước có tài năng, tâm huyết và tầm nhìn rộng với sự tài trợ của các cơ quan văn hoá Pháp (tiêu biểu là Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam). Các sách nghiên cứu của Pháp được dịch có chất lượng khoa học cao, nội dung mới mẻ, hiện đại, phong phú... Chúng đã góp phần bổ sung, làm mới thêm các tri thức khoa học giáo dục và khoa học xã hội – nhân văn của các nhà nghiên cứu Việt Nam, trong đó có bản thân tác giả, trong bối cảnh khoa học xã hội – nhân văn, khoa học giáo dục trong nước ngay trước đó chủ yếu theo trường phái Nga – Xô viết hay sau này chủ yếu lại đi theo trường phái Anh – Mỹ. Bản thân tác giả được thụ hưởng

nhiều lợi ích từ các công trình dịch thuật đó (đặc biệt là các công trình về nghiên cứu văn học). Tác giả bài viết mong muốn các tổ chức, cơ quan văn hoá Pháp nói riêng và chính phủ Pháp nói chung, các dịch giả và nhà nghiên cứu có tâm và tài tiếp tục quan tâm, lựa chọn, dịch và giới thiệu nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, hiện đại khác của Pháp cho độc giả Việt Nam, góp phần thúc đẩy sự chuyển giao văn hoá Pháp – Việt một cách tích cực và hiệu quả hơn nữa trong tương lai.

Từ khoá: sách dịch, văn học Pháp, chuyển giao văn hoá, trường phái nghiên cứu Pháp, thời kì Đổi mới

QUELQUES OBSERVATIONS SUR LA TRADUCTION DES OUVRAGES FRANÇAIS DE LA RECHERCHE LITTÉRAIRE

✉ **Prof.Dr. Trần Đình Sử**

📖 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: dinhsutran@yahoo.com*

Résumé: Notre contribution propose quelques observations personnelles sur la traduction des études littéraires françaises depuis les années 80 jusqu’aujourd’hui. Si les ouvrages français sont publiés au Việt Nam tout d’abord grâce aux efforts personnelles des traducteurs, qui les ont choisis avec prudence à la base d’une connaissance profonde de leur domaine d’étude, il faut bien compter les concours financés de manière efficace par le Gouvernement français à travers l’Ambassade de la France à Hà Nội. Ces traductions en apportant les nouvelles connaissances ont contribué beaucoup aux sciences humaines et sociales vietnamiennes, qui ont été influencées par les théories soviétiques avant et anglo-américaines aujourd’hui. Il s’agit vraiment d’une diversification culturelle dans la perspective de la mondialisation. En voulant exprimer les gratitudes aux auteurs français, nous attendons à la coopération entre les deux pays, qui permettra à la parution des nouvelles collections académiques importantes dans l’avenir.

Mots-clés: traduction, études littéraires, transfert culturel, écoles critiques françaises, Đổi Mới

LOẠN LUÂN TRONG TIỂU THUYẾT VỀ ĐÔNG DƯƠNG CỦA MARGUERITE DURAS

✉ **TS. Trần Văn Công**

📖 *Đại học Hà Nội*

✉ *Email: tran_vancong@yahoo.fr; congvtv@hanu.edu.vn*

Tóm tắt: Năm 1984, cuốn *Người tình* của Marguerite Duras được xuất bản hé lộ mối quan hệ bí mật, hàm ẩn giữa các thành viên trong cùng một gia đình. Mối quan hệ này được thể hiện rõ ràng hơn một chút trong *Người tình Hoa Bắc* (1991), một phiên bản mới của *Người tình* được viết dựa trên cuốn *Đập ngăn Thái Bình Dương* xuất bản năm 1950. Ba tiểu thuyết về Đông Dương này cho thấy người mẹ và cô con gái si mê những người con trai trong gia đình. Tuy nhiên, ham muốn loạn luân liên tục phải đối mặt với những rào cản vô hình và không thể diễn tả được, đó là các công ước xã hội và gia đình.

Giả thiết của chúng tôi là Marguerite Duras luôn bị ám ảnh bởi mối quan hệ loạn luân mà bà chỉ có thể hé lộ từ năm 1956 khi mẹ bà qua đời. Quan hệ đó được thể hiện ngày càng rõ ràng theo dòng thời gian không chỉ trong tiểu thuyết của Marguerite Duras mà cả trong những tác phẩm phi văn học và trong những cuộc phỏng vấn của bà dành cho báo giới.

Nghiên cứu các tác phẩm về Đông Dương cho thấy tác giả đã sử dụng nhiều “thủ thuật” để thể hiện một cách kín đáo quan hệ loạn luân: từ cách thể hiện văn học hàm ẩn các nhân vật đến việc sử dụng xen kẽ các thì của động từ, đại từ và tính từ sở hữu cũng như lồng ghép các yếu tố văn hoá, xã hội, tâm lí. Việc sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Đông Dương đã có ảnh hưởng lớn đến quan niệm của cô bé Marguerite – sau này là nhà văn Duras – về loạn luân, một điều cấm kị trong mọi xã hội.

Từ khoá: Marguerite Duras, tiểu thuyết về Đông Dương, loạn luân, hàm ẩn, ngôn ngữ, văn hoá xã hội, tâm lí

L'INCESTE DANS LES ROMANS INDOCHINOIS DE MARGUERITE DURAS

✉ **Dr. Trần Văn Công**

📖 *Université de Hanoi*

✉ *Courriel: tran_vancong@yahoo.fr; congtrv@hanu.edu.vn*

Résumé: En 1984, la publication de *L'Amant* de Marguerite Duras révèle une relation secrète entre les membres de la même famille. Cette relation est un peu plus éclairée dans *L'Amant de la Chine du Nord* (1991), une nouvelle version de *L'Amant* qui, lui-même, a été écrit sur la base d'*Un barrage contre le Pacifique* publié en 1950. Ces trois romans sur l'Indochine montrent que la mère et la fille sont “amoureuses” des deux fils de la famille. Cependant, les désirs incestueux affrontent constamment des barrières invisibles et inexprimables, qui sont des conventions sociales et familiales.

Notre hypothèse est que Marguerite Duras a toujours été obsédée par les relations incestueuses qu'elle ne pouvait révéler qu'en 1956 après la mort de sa mère. Cette relation est exprimée de façon de plus en plus évidente au fil du temps, non seulement dans les romans mais aussi dans les œuvres non littéraires et les interviews qu'elle a accordées à la presse.

L'étude des œuvres indochinoises montre que l'auteur a utilisé de nombreuses “astuces” pour exprimer discrètement des relations incestueuses: de l'utilisation des expressions littéraires qui masquent des personnages à celle des verbes, des pronoms et des adjectifs possessifs ainsi que le recours aux facteurs culturels, sociaux et psychologiques. Sa naissance et sa jeunesse en Indochine ont exercé une grande influence sur sa conception de l'inceste, un tabou dans chaque société.

Mots-clés: Marguerite Duras, cycle indochinois, inceste, implicite, aspects linguistiques, socioculturels et psychologiques

NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN HỌC PHÁP

✉ **PGS.TS. Nguyễn Thanh Tú**

📄 *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*

✉ *Email: thanhhaiha2005@yahoo.com.vn*

✉ **ThS. Bùi Quang Vinh**

📄 *Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Lào Cai*

Tóm tắt: Việc làm chủ ngôn ngữ, am hiểu văn hoá Pháp như một phương tiện hiệu quả đã góp phần giúp Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh sáng tạo những kiệt tác văn chương thể hiện khát vọng giải phóng con người, giải phóng đất nước. Bài viết tìm hiểu tác giả tiếp thu, vận dụng văn học Pháp ở ba phương diện: văn học dân gian, văn học hiện đại và các biểu trưng, khái niệm văn hoá, văn học. Những châm ngôn giàu tinh thần đạo lí, những câu chuyện ngụ ngôn Pháp hài hước mà sâu sắc lại trở thành vũ khí đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp, chống chủ nghĩa đế quốc đồng thời thức tỉnh lòng yêu nước ở nhân dân các xứ thuộc địa, bày tỏ lập trường chính nghĩa, yêu hoà bình, quyết tâm bảo vệ chân lí và công lí của cách mạng Việt Nam. Tác giả đặc biệt ưa thích ngụ ngôn La Fontaine, mượn những ngụ ngôn này vào mục đích cách mạng, tinh tế, hóm hỉnh và hiệu quả. Thật thâm thúy và hài hước khi tác giả lấy chính tác phẩm yêu thích của người Pháp để mỉa mai, giễu nhại những người Pháp xấu – những kẻ thực dân. Tiếp thu, học tập, kế thừa tinh hoa văn học Pháp đã góp phần tạo ra một phong cách văn chương Hồ Chí Minh đa dạng, độc đáo, đặc sắc, tinh tế.

Từ khoá: văn hoá Pháp, văn học dân gian, văn học hiện đại, ngụ ngôn, các biểu trưng

NGUYEN AI QUOC – HO CHI MINH ET LA LITTÉRATURE FRANÇAISE

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Thanh Tú**

📄 *Magazine des arts Militaires*

✉ *Courriel: thanhhaiha2005@yahoo.com.vn*

✉ **Bùi Quang Vinh**

📄 *Département de la Culture, des Sports et du*

Tourisme Lao Cai

Résumé: Maîtriser la langue, comprendre la culture française comme un moyen efficace a aidé Nguyễn Ái Quốc à créer des chefs-d'œuvre littéraires exprimant la volonté de libérer le pays et la nation. Le texte explore l'approche de l'auteur révolutionnaire de servir de la littérature française dans trois aspects: le folklore, la littérature modernes et les symboles culturels. D'après Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh, les maximes de la morale, les fables françaises humoristiques et profonde se servent à lutter contre le colonialisme et l'impérialisme français. En même temps, ces armes ont éveillé le patriotisme des peuples. Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh aiment emprunter les fables de La Fontaine dans le but de la littérature révolutionnaire pour se moquer ironiquement des colonialistes français. L'héritage de la littérature française classique a contribué à créer le style de Ho Chi Minh.

Mots-clés: culture française, folklore, littérature moderne, fables, symboles figuratifs

GRAMMAIRE UNIVERSELLE ET GRAMMAIRE PARTICULIÈRE: UN DÉBAT RÉCURRENT DE LA LINGUISTIQUE EUROPÉENNE DEPUIS LE XIX^E SIÈCLE

✉ **Prof. Daniel PETIT**

📄 *Ecole Normale Supérieure, Paris*

✉ *Courriel: petit.daniel.dpt@gmail.com*

Résumé: Un débat récurrent qui a longtemps pesé sur l'analyse des langues en Europe et ailleurs est la distinction entre traits universels et traits particuliers des langues. Deux approches pré-scientifiques peuvent, à cet égard, être identifiées: la première traite comme universels des traits qui ne sont propres qu'à une langue particulière; la seconde traite comme particuliers et originaux des traits qui sont en fait beaucoup plus répandus. Ces deux approches pré-scientifiques se fondent en général sur la simple ignorance ou déconsidération des faits d'autres langues. Elles ont l'une et l'autre joué un rôle important dans l'histoire de la linguistique en Europe: la première approche a conduit dès l'époque classique (XVII^e– XVIII^e siècles) à définir une grammaire universelle ou générale (d'inspiration logique) sur la base du latin ou du français, voir par exemple Nicolas Beauzée (1717 – 1789); la seconde s'est développée avec le romantisme national (XVIII^e – XIX^e siècles) qui a visé à définir de manière distincte l'esprit national original présent dans chaque langue, voir par exemple Johann Gottfried von Herder (1744 – 1803). C'est à ce moment précis que se sont développées les premières approches scientifiques de la diversité des langues, visant à les intégrer dans des familles linguistiques (linguistique génétique) ou dans des types linguistiques (linguistique typologique). La coexistence de ces deux modèles a permis de tracer une ligne de recherche qui laissait de côté les prétentions à la grammaire universelle (même si ces prétentions ont finalement resurgi avec la linguistique générative au XX^e siècle), mais en même temps elle n'a pas permis de résoudre clairement la question de la diversité des langues en synchronie, ni surtout celle de la diversité de leur évolution en diachronie. L'objet de cet exposé est de montrer les différentes étapes de ce débat avec un regard particulier sur la manière dont la linguistique européenne a abordé des langues très différentes dans leur structure, comme par exemple les langues d'Asie.

NGŨ PHÁP PHỔ QUÁT VÀ NGŨ PHÁP ĐẶC THÙ: CUỘC TRANH LUẬN CỦA NGÔN NGỮ HỌC CHÂU ÂU VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ TRONG MÔ TẢ TIẾNG VIỆT

✍ **GS. Daniel PETIT**

📄 *Trường Sư phạm Cao cấp, Paris*

✉ *Email: petit.daniel.dpt@gmail.com*

Tóm tắt: Một tranh luận quen thuộc từ lâu đã quan tâm đến việc phân tích ngôn ngữ tại châu Âu và ở nơi khác chính là sự khác biệt giữa các đặc điểm phổ quát và các đặc tính riêng biệt của mỗi ngôn ngữ. Hai xu hướng tiếp cận tiền khoa học có thể được xác định: Hướng thứ nhất coi là phổ quát các đặc điểm chỉ thuộc về một ngôn ngữ cụ thể duy nhất; Hướng thứ hai liên quan đến các đặc tính riêng biệt và nguyên thủy mà trên thực tế mang tính phổ biến rộng rãi hơn trong các ngôn ngữ. Hai phương pháp tiếp cận tiền khoa học này thường dựa trên sự thiếu hiểu biết sơ đẳng hoặc sự bỏ qua những sự kiện ngôn ngữ của các ngôn ngữ khác. Cả hai đều đóng vai trò quan trọng trong lịch sử ngôn ngữ học ở châu Âu: Cách tiếp cận thứ nhất xuất hiện từ thời cổ điển (thế kỉ XVII – XVIII) nhằm định nghĩa một ngữ pháp phổ quát hoặc tổng quát (lấy cảm hứng từ logic) căn cứ trên nền tảng tiếng Latinh hoặc tiếng Pháp, có thể tham khảo Nicolas Beauzée (1717 – 1789). Hướng thứ hai phát triển cùng thời với chủ nghĩa lãng mạn dân tộc (thế kỉ XVIII – XIX) nhằm định nghĩa một cách minh bạch tinh thần dân tộc đặc thù hiện diện trong mỗi ngôn ngữ, xem ví dụ Johann Gottfried von Herder (1744 – 1803). Chính vào thời điểm này, các phương pháp tiếp cận khoa học đầu tiên về sự đa dạng trong ngôn ngữ được phát triển, nhằm tập hợp chúng vào các ngữ hệ (ngôn ngữ theo quan hệ thân thuộc) hoặc vào các loại hình ngôn ngữ (ngôn ngữ theo quan hệ loại hình). Sự tồn tại song song hai mô hình này đã vạch ra hướng nghiên cứu biết gạt sang một bên những tham vọng về ngữ pháp phổ quát (ngay cả khi các tham vọng này cuối cùng lại nổi lên cùng với sự ra đời của trường phái ngôn ngữ học tạo sinh vào thế kỉ XX), nhưng đồng thời hướng nghiên cứu mới này cũng không cho phép giải quyết một cách triệt để vấn đề về sự đa dạng của ngôn ngữ theo quan điểm đồng đại và nhất là sự đa dạng trong sự phát triển các ngôn ngữ theo lịch đại. Mục đích của tham luận này là để trình bày các giai đoạn khác nhau của cuộc tranh luận trên với một cái nhìn cụ thể về cách thế mà ngôn ngữ học châu Âu đã tiếp cận các ngôn ngữ có cấu trúc rất khác với ngôn ngữ châu Âu như là các ngôn ngữ châu Á.

DỊCH TÁC PHẨM SONG NGỮ CỦA SAMUEL BECKETT RA TIẾNG VIỆT: VĂN BẢN THỨ BA VÀ NGƯỜI DỊCH PERFORMATIF

✉ **ThS. Nguyễn Vũ Hưng**

📄 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;

Nghiên cứu sinh Université Paris 8

✉ Email: 01.nguyenvuhung@gmail.com

Tóm tắt: Thông qua phân tích hiện tượng tự dịch giữa tiếng Pháp và tiếng Anh ở Samuel Beckett như là phương tiện sáng tạo và thi pháp, nghiên cứu này biện luận sự tồn tại của một văn bản thứ ba, và một người dịch performatif, xuất hiện trong quá trình dịch từ phiên bản này sang phiên bản khác. Từ đó cho thấy cần thiết phải dịch những yếu tố này trong khi dịch Beckett sang ngôn ngữ thứ ba nói chung, và sang tiếng Việt nói riêng.

Từ khoá: dịch văn học, song ngữ, performatif, Samuel Beckett, Vietnam

COMMENT TRADUIRE L'OEUVRE BILINGUE DE SAMUEL BECKETT EN VIETNAMIEN: TROISIÈME TEXTE ET TRADUCTEUR PERFORMATIF

✉ **Nguyễn Vũ Hưng**

📄 Université Nationale du Vietnam à HCMV (USSH);

Doctorat Université Paris 8 (ED31 Pratiques et Théories du Sens)

✉ Courriel: 01.nguyenvuhung@gmail.com

Résumé: En analysant la pratique bilingue en tant que force productive et poétique chez Samuel Beckett, cette étude se propose de plaider pour l'existence d'un troisième texte et d'un traducteur performatif, qui apparaissent dans le passage du texte original au texte traduit. D'où la nécessité de rendre ces facteurs visibles dans la traduction en une langue tierce en général et en vietnamien en particulier.

Mots-clés: traduction littéraire, bilinguisme, performatif, Samuel Beckett, Vietnam

SÁNG TÁC SONG NGỮ PHÁP – HÁN: MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỘC ĐÁO TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX

✉ **PGS.TS. Nguyễn Công Lý**

📄 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

✉ Email: nguyencongly54@yahoo.com.vn

Tóm tắt: Sáng tác bằng song ngữ không phải là chuyện hiếm trong văn chương ở nước ta và trên thế giới. Riêng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XVIII đến cuối thế kỉ XIX, đã có nhiều tác giả sáng tác bằng chữ Hán rồi tự dịch sang chữ Nôm, hoặc ngược lại, hay xen kẽ Hán – Nôm. Nhưng sáng tác bằng chữ Hán rồi chuyển ngữ sang Pháp văn, rồi xuất bản thành tập, in theo công nghệ hiện đại là một trường hợp hiếm có, độc đáo, chưa từng thấy trước đó, mà Nguyễn Trọng Hiệp có thể là tác giả tiên phong của hiện tượng này.

Bài viết này sẽ giới thiệu trường hợp vừa nêu qua tập thơ song ngữ Pháp – Hán “*Đại Pháp quốc Pari đô thành tập vịnh*” của Nguyễn Trọng Hiệp sáng tác năm 1894 trong chuyến công cán nước Pháp với tư cách là Chánh sứ, và xuất bản năm 1897.

Từ khóa: sáng tác song ngữ Pháp – Hán; Nguyễn Trọng Hiệp; Đại Pháp quốc Pari đô thành tập vịnh; Chánh sứ đoàn sang Pháp; viết năm 1894, xuất bản năm 1897

AUTEUR BILINGUE FRANCO – SHINO:

UN PHENOMENE UNIQUE DANS LA LITTERATURE VIETNAM EN FIN DU XIX^e SIECLE

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Công Lý**

📖 *École Supérieure des Sciences Sociales et Humaines, Université nationale du Vietnam à Ho Chi Minh Ville*

✉ *Courriel: nguyencongly54@yahoo.com.vn*

Résumé: L’écriture bilingue au Việt Nam et dans le monde n’est pas rare. Depuis le début du XVIII^e siècle jusqu’à la fin du XIX^e siècle, de nombreux auteurs s’expriment en chinois et se traduisent eux-mêmes en Nôm (sino-vietnamien). Mais l’écriture en sino, et puis traduite en français et publiée en volumes, conformément à la technologie moderne n’est jamais vue auparavant. Nguyen Trong Hiep est l’auteur exemplaire de ce phénomène.

Cette contribution présentera l’événement ci-mentionné à travers le recueil de poèmes bilingue français-chinois intitulé “Paris capitale de la France – Recueil de vers” par Nguyen Trong Hiep en 1894, issu de son voyage d’affaires en France en tant qu’Ambassadeur, et édité en 1897.

Mots-clés: bilinguisme sino – français; Nguyen Trong Hiep; Paris; Mission 1894; 1897

AUTHOR BILINGUAL FRANCO-SHINO:

A UNIQUE PHENOMENON IN LITERATURE VIETNAM LATE NINETEENTH CENTURY

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Công Lý**

📖 *École Supérieure des Sciences Sociales et Humaines-Université nationale du Vietnam à Ho Chi Minh Ville*

✉ *Courriel: nguyencongly54@yahoo.com.vn*

Summary: Writing in bilingual is not uncommon in literature in our country and in the world. Particularly in Vietnam from the early eighteenth century to the late nineteenth century, many authors have written in Shino characters and then translated into Nôm, or vice versa, or alternating Han – Nom. But writing in Shino characters and then translated into French, then published into a collection, printed in modern technology is a rare case, unique, unprecedented, that Nguyen Trong Hiep can be the author pioneer of this phenomenon.

This article will introduce the case in the French-Chinese bilingual book “*Paris capital of France – collection of verses*” by Nguyen Trong Hiep in 1894 during his visit to France as the chief of Ambassador, and published in 1897.

Key words: French-Shino bilingualism, Nguyen Trong Hiep, Paris capital of France – collection of verses, Chief Mission to France, written in 1894, published in 1897

LE PARFUM DANS LA POÉSIE DE CHARLES BAUDELAIRE ET DE HÀN MẶC TỬ

✉ **PGS.TS. Hoai Huong Aubert NGUYEN**

📖 *Université de Versailles*

✉ *Courriel: hoaihuong.nguyen-aubert@iut-velizy.uvsq.fr*

Résumé: Le parfum offre un intéressant angle d'étude de la poésie de Charles Baudelaire et de celle de Hàn Mặc Tử. C'est un élément insaisissable qui, dans l'œuvre de ces deux poètes, ouvre à une dimension imaginaire et poétique invitant à l'exploration. Dans *Les Fleurs du Mal* (1857), le parfum fait surgir des paysages lointains, éblouissants de vie, expression de l'harmonie et idéal de beauté. Dans "Hương thơm", "le parfum", la première partie du recueil *Đau thương, la Douleur d'aimer* (1938), la senteur émane d'un univers empreint d'innocence et de clarté où l'amour apparaît comme une promesse trahie, puisque la bien-aimée, incarnation de l'absolu, s'éloigne du poète d'une manière irrémédiable dans "Mặt đấng", "L'amertume" et "Máu cuồng và hồn điên", "Le sang en délire et l'âme folle".

Par-delà les singularités de la langue française et de la langue vietnamienne, le parfum constitue un lien entre le réel et le rêve, entre la chair et l'esprit. Il ouvre une voie de circulation entre le passé, le présent et l'avenir, entre la finitude et l'infini. Il fonctionne comme une métaphore de la poésie, révélant les pouvoirs de suggestion et de réminiscence de la parole poétique qui semble un remède à l'absence, à la séparation et à la mort. C'est une invitation à explorer un "vert paradis" ou un "vert printemps" (xuân xanh) à jamais perdus que les mots font renaître, à moins qu'ils ne les créent, dans un espace textuel, révélateur de correspondances. On étudiera la poétique du parfum dans la langue et l'imaginaire de Baudelaire et de Hàn Mặc Tử, dont le chant s'élève sous la forme d'une chevelure ou d'un encensoir, d'une fumée de bois d'aloès (khói trầm) ou d'un clair de lune embaumé (Sáng trắng).

"HƯƠNG THƠM VÀ TÂM HỒN"

NGHIÊN CỨU TRONG THƠ CHARLES BAUDELAIRE VÀ HÀN MẶC TỬ

✉ **Prof.as.Dr. Hoai Huong-Aubert NGUYEN**

📖 *Đại học Versailles*

✉ *Email: hoaihuong.nguyen-aubert@iut-velizy.uvsq.fr*

Tóm tắt: Hương thơm cung cấp một góc nhìn thú vị khi nghiên cứu về thơ của Charles Baudelaire và thơ của Hàn Mặc Tử. Đó là một yếu tố không thể nắm bắt được, nhưng trong tác phẩm của hai thi sĩ này, nó mở ra một chiều kích tưởng tượng và thi vị, mời gọi chúng ta đi vào cuộc khai phá. Trong tập thơ *Hoa ác* (1857), hương thơm làm trở hiện những cảnh vật xa xăm, rục rờ của cuộc sống, cách diễn đạt về sự hài hòa và lí

tưởng về cái đẹp. Trong “Hương thơm”, phần thứ nhất của tập thơ *Đau Thương* (1938), mùi hương toả ra từ một vũ trụ mang dấu ấn của sự trong trắng ngây thơ, mà tình yêu xuất hiện như một lời hứa không thành, bởi vì người yêu, hiện thân của cái tuyệt đối, đã vĩnh viễn xa biệt thi sĩ, như trong “Mặt đấng”, “Máu cuồng và hồn điên”.

Ngoài những nét đặc thù của tiếng Pháp và tiếng Việt, hương thơm tạo nên mối liên hệ giữa hiện thực và mơ mộng, giữa xác và hồn. Nó mở ra lộ trình lưu chuyển giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, giữa cái nhất thời và cái vô hạn. Nó vận hành như một ẩn dụ của thơ, vén mở những quyền lực gợi tả và tưởng tượng của thi ngôn như là một phương thế cho sự vắng mặt, chia cắt và cái chết. Đó là một lời mời gọi để khám phá một “thiên đường xanh” hay một “xuân xanh” đã từng biến mất mà ngôn từ làm cho tái sinh trong không gian văn bản, nơi hiển lộ những giao cảm. Chúng ta sẽ xem xét nghệ thuật thi pháp về hương thơm trong ngôn ngữ và tưởng tượng của Baudelaire và Hàn Mặc Tử, với khúc du dương cất lên dưới hình thức của một mái tóc hay một lư hương, một làn hương trầm hay một ánh trăng thơm.

THƠ TƯỢNG TRƯNG PHÁP VÀ THƠ MỚI VIỆT NAM NHÌN TỪ THUYẾT TƯƠNG GIAO

✍ **TS. Đinh Minh Hằng**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: dingminhhangvn@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu so sánh thơ tượng trưng Pháp qua trường hợp của Charles Pierre Baudelaire trong tập thơ *Les Fleurs du mal* và Thơ Mới Việt Nam qua các trường hợp của Xuân Diệu và Chế Lan Viên từ điểm nhìn của người nghiên cứu về văn hoá châu Á. Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra việc chủ nghĩa tượng trưng Pháp đã đến với bối cảnh văn hoá và văn học Việt Nam những năm 1940 như thế nào. Một đóng góp quan trọng của bài báo là việc đánh giá: quan niệm về ‘Correspondances’ (thuyết tương giao) đã tạo nên dấu ấn của thơ Baudelaire trong thơ Pháp. Việc ứng dụng lí thuyết tương giao của Baudelaire trong thơ Việt Nam cũng định hướng cho sự phát triển tư duy thơ của các nhà thơ hiện đại trong nước theo hướng tượng trưng. Thuyết tương giao, do đó, là một căn cứ có ý nghĩa trong việc nhận diện có hay không một giai đoạn thơ Việt Nam theo trường phái tượng trưng và giúp việc định danh một bài thơ tượng trưng Việt Nam được dễ dàng. Thông qua việc nghiên cứu thơ tượng trưng Pháp và thơ Việt Nam thời kì những năm 1940, bài báo cũng chỉ ra rằng: việc tiếp biến thơ Baudelaire là một quá trình nhận diện có ý thức của các nhà thơ Việt Nam trong việc bảo toàn và truyền bá thơ tượng trưng Pháp đến độc giả nước nhà. Điều này cũng khai mở vấn đề về sự Việt hoá thơ tượng trưng Pháp ở Việt Nam giai đoạn 1940 và vấn đề về ý thức sáng tạo cá nhân, mang ảnh hưởng của văn hoá châu Á của các nhà thơ tượng trưng Việt Nam. Vì vậy, bài báo cũng nhằm đưa ra những quan niệm mới về việc đánh giá những thành tựu nghệ thuật của thơ tượng trưng Việt Nam thông

qua việc dẫn giải một cách có hệ thống những lí thuyết của chủ nghĩa tượng trưng Pháp và thuyết Correspondances của Baudelaire.

Từ khoá: văn học so sánh, chủ nghĩa tượng trưng Pháp ở Việt Nam, Baudelaire, thuyết tương giao

POESIE SYMBOLISTE FRANÇAISE ET LA POESIE MODERNE VIETNAMIENNE VUE DES CORRESPONDANCES

✉ **Dr. Đinh Minh Hằng**

📄 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: dinhminhhangvn@gmail.com*

Résumé: L'article propose une étude comparée entre la poésie symboliste française via le cas du poète Charles Pierre Baudelaire et la poésie moderne vietnamienne via les cas des poètes Xuân Diệu, et Chế Lan Viên. Par ailleurs, l'article montre comment le symbolisme français s'est approché du contexte culturel et littéraire vietnamien des années 1940. L'article remarque que la conception des "Correspondances" a contribué à la création de l'empreinte baudelairienne dans la poésie française. L'application de la théorie des "Correspondances" de Baudelaire à la poésie vietnamienne oriente la pensée poétique des poètes modernes du Vietnam vers le symbolisme. Les "correspondances" sont, donc, les révélateurs du symbolisme poétique au Việt Nam. De plus, l'article montre que la réception et l'adaptation des poèmes de Baudelaire sont un processus de l'identification consciente des poètes vietnamiens pour la conservation et la diffusion des poèmes symbolistes auprès des lecteurs vietnamiens. D'où l'étude sur la vietnamisation du symbolisme français au Vietnam pendant les années 1940 et la conscience créative personnelle des symbolistes vietnamiens à la base de la culture asiatique. Alors, l'article vise à donner de nouvelles conceptions relatives à l'évaluation de la poésie symboliste du Vietnam via la considération systématique des théories du symbolisme français et des Correspondances de Baudelaire.

Mots-clés: Littérature comparée, Symbolisme français au Vietnam, Baudelaire, Correspondances

VAI TRÒ CỦA NHỮNG CÔNG TRÌNH SƯU TẦM, NGHIÊN CỨU FOLKLORE CỦA NGƯỜI PHÁP VÀ SỰ HÌNH THÀNH NGÀNH FOLKLORE HỌC Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

✉ **PGS.TS. Nguyễn Việt Hùng**

📄 *Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

✉ *Email: viethungspnh@yahoo.com*

Tóm tắt: Lịch sử sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam bắt đầu từ khoảng thế kỉ XV khi *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái* được ra đời. Nhưng thực sự ngành nghiên cứu văn học dân gian được tổ chức, có tính định hướng khoa học khi xuất hiện một số bộ giáo trình đại học (đầu những năm 60 thế kỉ XX) và việc thành lập Hội

Văn nghệ dân gian Việt Nam (1966). Để góp phần hình thành nên ngành khoa học mới mẻ này, nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu, nhà khoa học đã dành nhiều công sức, trí tuệ và hết sức nỗ lực đem lại những thành tựu nghiên cứu. Trong lịch sử hình thành ngành folklore học Việt Nam không thể không kể đến sự đóng góp của những người Pháp, qua những công trình sưu tầm, nghiên cứu của họ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. Đã có nhiều ý kiến đánh giá về những công trình đó cũng như những đóng góp, những hạn chế của người Pháp với ngành nghiên cứu, sưu tầm văn học truyền miệng ở Việt Nam. Nhìn chung, các ý kiến có chê, có khen, có phủ nhận, có trân trọng... Bài viết này của chúng tôi tập trung vào việc đánh giá vai trò của những công trình sưu tầm nghiên cứu của người Pháp ở Việt Nam đối với sự hình thành ngành folklore học Việt Nam.

Từ khoá: sưu tầm, nghiên cứu, người Pháp, folklore, folklore học

RÔLE DES TRAVAUX DE COLLECTION ET DE RECHERCHE FOLKLORIQUE DES FRANÇAIS, FORMATION DU SECTEUR DU FOLKLORE AU VIETNAM FIN DU XIX^È – DÉBUT DU XX^È SIÈCLE

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Việt Hùng**

📖 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: viethungsphn@yahoo.com*

Résumé: L'histoire des collections et de l'étude de la littérature populaire vietnamienne a commencé au XV^{ème} siècle dès la naissance de “*Việt điển u linh, Lĩnh Nam chích quái*”. Cependant, l'étude de la littérature populaire n'a été organisée, scientifiquement orientée qu'avec l'apparition des manuels universitaires (au début des années 60 du XX^e siècle) et qu'avec la création de l'Association des folkloristes vietnamiens (en 1966). Afin de contribuer à la formation de cette nouvelle étude, les chercheurs et scientifiques ont consacré beaucoup d'effort. Pourtant il faut certainement mentionner la contribution des Français, à travers le travail des collectionneurs et des chercheurs à la fin du XIX^e et au début du XX^e siècle. Nous nous proposons à l'évaluation du rôle des travaux de collection et de recherche des Français au Vietnam dans la formation du folklore vietnamien.

Mots-clés: collections, littérature populaire, folklorique, Français

ĐÔNG DƯƠNG TÂN TẠP CHÍ: MỘT KHÔNG GIAN CHUYỂN GIAO VĂN HOÁ

✉ **TS. Phạm Văn Quang**

📖 *Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*

✉ *Email: quangpv@hcmussh.edu.vn*

Tóm tắt: *Đông Dương Tân tạp chí (NRI)* (1936 – 1940) ra đời trong những hoàn cảnh thời gian và không gian đặc biệt: một tạp chí thuộc trường lực văn hoá Pháp nhưng lại hiện diện trên bán đảo Đông Dương. Chính những hoàn cảnh địa lí đó đã cho phép tạp chí “trở thành cây cầu nối giữa hai đất nước Đông – Pháp” và đưa con người của thời đại đến “khám phá hai bên bờ”. Tạp chí cũng xuất hiện trong một thời đại mà

nền báo chí đang nở rộ ở Đông Dương và nó đặc biệt nhạy bén với những vấn đề tri thức và văn hoá đương thời. Đi theo mô hình của *Tân Tạp chí Pháp, Đông Dương Tân tạp chí* liên quan trực tiếp đến trường lực văn chương, nhất là ở thời điểm mà các trí thức trẻ Việt Nam Pháp ngữ đang cố gắng thể hiện tiếng nói của mình trên văn đàn thế giới. Chính giáo sư, nhà văn Christiane Fournier, người sáng lập tờ tạp chí, đã luôn sẵn sàng và nhiệt tình cổ vũ cho những người trẻ này, đồng thời nhìn nhận tờ tạp chí như một không gian gặp gỡ, chia sẻ, một không gian chiến thuật và thể nghiệm văn chương. Như vậy, dù là một tạp chí có tuổi đời không dài, nhưng dưới góc độ xã hội học, nó đã có thể trở thành một không gian thiết chế để các tác nhân tiến hành chinh phục các vị thế và chiếm hữu quyền lực trong trường lực văn hoá và tri thức. Từ viễn cảnh xã hội học, chúng tôi muốn xem xét vị trí của *Đông Dương Tân tạp chí* trong đời sống văn hoá nói chung và trong trường lực văn chương nói riêng. Một cách cụ thể, chúng tôi sẽ phân tích các trạng huống xã hội, tri thức và văn hoá của các tác nhân tham gia vào tạp chí này, cũng như chiến thuật vận hành và sự định vị của tạp chí trong không gian tạp chí nói chung ở Đông Dương. Mục đích cuối cùng là làm nổi bật tạp chí như một mô hình chuyển giao văn hoá và chuyển lưu kí ức cộng đồng.

Từ khoá: Đông Dương Tân tạp chí, Xã hội học văn học, chuyển giao văn hoá

LA NOUVELLE REVUE INDOCHINOISE: UN VECTEUR DE TRANSFERT CULTUREL

✍ **Dr. Phạm Văn Quang**

📖 *École Supérieure des Sciences sociales et humaines, Université nationale du Vietnam à Ho Chi Minh Ville*

✉ *Courriel: quangpv@hcmussh.edu.vn*

Résumé: *La Nouvelle Revue Indochinoise (NRI)* (1936 – 1940) est née dans des situations spacio-temporelles particulières: une revue appartenant au champ culturel français mais présente sur la péninsule indochinoise, ce qui lui permet de “jeter un pont entre nos deux pays, France et Indochine” et amène les gens de l’époque à “connaître deux rivages”. Elle a apparu également dans une période où le monde de la presse était en plein épanouissement en Indochine et qu’elle était particulièrement sensible aux débats intellectuels et culturels de l’époque. À l’instar de *La Nouvelle Revue Française*, la *NRI* ressortit directement au champ littéraire, notamment au moment où de jeunes intellectuels vietnamiens francophones cherchaient à faire entendre leur voix dans le concert de la littérature internationale. Sa fondatrice, Christiane Fournier, écrivaine et professeur, s’acharnait à la promotion pour ces jeunes recrues, tout en considérant la revue comme un espace de rencontres et de partages, un espace stratégique et expérimental du champ littéraire. Aussi la *NRI*, malgré sa vie éphémère, peut-elle, dans une perspective sociologique, devenir un instant d’institution par lequel les acteurs procèdent à conquérir des positions et prennent le pouvoir dans le champ culturel et intellectuel. De ce point de vue sociologique, nous voudrions nous interroger sur la position de la *NRI* dans la vie culturelle en général et au sein du champ littéraire en

particulier. Il s'agira, plus précisément, de mettre en évidence les dispositions sociales, intellectuelles et culturelles des acteurs de la *NRI*, son positionnement dans l'espace des revues en Indochine et ses stratégies de fonctionnement. L'objectif final est de faire ressortir cette revue comme un modèle de transfert culturel et de transmission de mémoire collective.

Mots-clés: Nouvelle Revue Indochinoise, sociologie littéraire, transfert culturel

HÌNH DUNG VỀ NGƯỜI PHÁP TRÊN BÁO CHÍ ĐÔNG DƯƠNG, TRƯỜNG HỢP TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

✍ **TS. Phùng Ngọc Kiên**

📄 Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: phungkien03@gmail.com

Tóm tắt: Xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX lần đầu tiên chứng kiến sự chung sống của nhiều nếp sống giai tầng khác nhau, và điều này in đậm trên báo chí đương thời. Tạp chí Phong Hoá của nhóm Tự lực văn đoàn với khẩu hiệu *Âu hoá* đã tự nhiệm vai trò thay đổi lối sống cho lớp tư sản thành thị mới xuất hiện. Đây cũng là một chiến lược chiếm giữ vị thế trong trường trí thức của một tờ báo mới với những trí thức trẻ Tây học. Vị thế này, mang tính tư sản và nhanh chóng trở nên áp đảo, gắn với những hình dung về nước Pháp như các chuẩn mực xã hội và văn chương, chúng nhanh chóng trở thành một phần của xã hội Việt Nam hiện đại. Do thế chúng tôi dự định xem xét những biểu hiện của sự hình dung này, theo hướng nghiên cứu hình ảnh trong văn học, nhằm chỉ ra sự cụ thể hoá những lựa chọn của giới trí thức trên tiến trình chinh phục một sự tự chủ bán phần của trường văn học Việt Nam thời thuộc địa.

Từ khoá: trường văn học, trường trí thức, Tự lực văn đoàn, Phong Hoá, Âu hoá, nghiên cứu hình ảnh

REPRÉSENTATION FRANÇAISE DANS LA PRESSE COLONIALE CAS DE TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

✍ **Dr. Phùng Ngọc Kiên**

📄 Institut de Littérature, l'Académie des Sciences sociales du Vietnam

✉ Courriel: phungkien03@gmail.com

Résumé: La société vietnamienne du début du XX siècle connaît la juxtaposition de différentes manières de vie en concurrence l'une avec l'autre, qui s'inscrivent pratiquement dans la presse contemporaine. La revue Phong Hoá de Tự lực văn đoàn (Corps des littéraires autonomes), avec le mot d'ordre *Âu hoá* (rendre européenne à la société vietnamienne), s'assume le rôle de civiliser la bourgeoisie vietnamienne. Il s'agit de la stratégie de la prise de la position dans le champ intellectuel d'une nouvelle revue des nouveaux arrivés formés à la française. Cette position, plutôt bourgeoise et rapidement devenue dominante, habite la représentation française comme une des

normes à la fois sociale et littéraire, qui participent de la société moderne du Việt Nam. Alors la considération des représentations françaises dans Phong Hoá, suivant la piste d'imagologie dans les études littéraires, nous permettra de concrétiser les choix des intellectuels à la conquête d'une autonomie partielle du champ littéraire dans le Việt Nam colonial.

Mots-clés: champ littéraire, champ intellectuel, Tự lực văn đoàn, Phong Hoá, Âu hoá, imagologie

TƯƠNG TÁC QUYỀN LỰC/ TRI THỨC TRONG BỐI CẢNH THUỘC ĐỊA (Trường hợp Quốc văn giáo khoa thư và Luân lí giáo khoa thư)

✉ **PGS.TS. Trần Văn Toàn**

📖 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: toantransphn@gmail.com

Tóm tắt:

Theo Foucault, quyền lực và tri thức có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:

“[Q]uyn lực và tri thức bao hàm một cách trực tiếp lẫn nhau; không có quan hệ quyền lực bên ngoài sự thiết lập có tính chất tương ứng của một trường tri thức và cũng không có bất kì một tri thức nào không bao hàm và thiết lập đồng thời với những quan hệ quyền lực” ([P]ower and knowledge directly imply one another; that there is no power relation without the correlative constitution of a field of knowledge, nor any knowledge that does not presuppose and constitute at the same time power relations.)

Sara Mills – một chuyên gia về Foucault – khi bình luận về lí thuyết diễn ngôn của Foucault có một lưu ý thú vị về mối quan hệ giữa quyền lực và tri thức:

“[Ở] đâu có sự mất cân bằng về quan hệ quyền lực giữa các nhóm người hoặc giữa các thiết chế/ nhà nước thì ở đó sẽ có một sự sản xuất về tri thức” ([w]here there are imbalances of power relations between groups of people or between institutions/states, there will be a production of knowledge.)

Đây chính là những gợi mở lí thuyết của Foucault cho những nghiên cứu về diễn ngôn thuộc địa sau này. Như E.W. Said đã chỉ ra trong *Đông phương luận* (Orientalism): chính trên tương quan bất bình đẳng về quyền lực giữa phương Tây và phương Đông đã hình thành một hệ thống các diễn ngôn viết về phương Đông được thực hiện bởi các học giả, nhà văn, thương gia, chính khách phương Tây kéo dài trong suốt nhiều thế kỉ. Tuy nhiên, dù giành được sự đánh giá rất cao thì *Orientalism* vẫn luôn bị đặt trước một chất vấn: phải chăng trong khi nhấn mạnh quyền lực của chủ thể thực dân (the coloniser) Said đã bỏ qua sự phản ứng, kháng cự của chủ thể thuộc địa (the colonised). Trong cách hình dung của Said, trong văn cảnh thuộc địa chỉ vang lên duy nhất tiếng nói của chủ thể thực dân. Tiếng nói của các dân tộc thuộc địa là hoàn toàn vắng bóng.

Sẽ là gần với thực tế hơn khi chúng ta hình dung về một không gian thuộc địa ở đó

trong mọi diễn ngôn luôn có sự đan xen và tương tác quyền lực giữa tiếng nói/ tri thức của thực dân và tiếng nói/tri thức của các dân tộc thuộc địa. Không chỉ có chủ thể thực dân kiến tạo những tri thức/diễn ngôn về thuộc địa. Các chủ thể thuộc địa cũng giành lấy quyền tự kiến tạo về chính mình qua đó kháng cự với quyền lực thực dân. Cổ nhiên, trong thực tế, đây là một quan hệ quyền lực với rất nhiều những thương thoả (negotiation) tế nhị và phức tạp.

Bài viết này sẽ làm sáng tỏ vấn đề lí thuyết về tương quan quyền lực/tri thức trên qua việc phân tích sự ra đời và nội dung biên soạn *Quốc văn giáo khoa thư* của tập thể tác giả: Trần Trọng Kim – Nguyễn Văn Ngọc – Đặng Đình Phúc – Đỗ Thận.

Từ khóa: quyền lực/tri thức, diễn ngôn, hậu thuộc địa (postcolonialism), quốc ngữ, văn học Việt Nam hiện đại

INTERACTION DES POUVOIRS DANS LA PERSPECTIVE COLONIALE (cas de *Quốc văn giáo khoa thư* et *Luân lí giáo khoa thư*)

✉ **Prof.as.Dr. Trần Văn Toàn**

📖 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: toantransphn@gmail.com*

Résumé: Le pouvoir et le savoir sont, selon Foucault, intimement liés:

“Le pouvoir et le savoir impliquent directement les uns les autres, qu'il n'y a pas de relation de pouvoir sans la constitution corrélatrice d'un champ de savoir, ni aucun savoir qui ne présuppose et ne constitue en même temps des relations de pouvoir” ([P]ower and knowledge directly imply one another; that there is no power relation without the correlative constitution of a field of knowledge, nor any knowledge that does not presuppose and constitute at the same time power relations.)

Sara Mills – spécialiste de Foucault – a exprimé, dans son commentaire sur la théorie du discours de Foucault, une remarque intéressante au sujet du rapport entre le pouvoir et le savoir:

“Le savoir se constitue où il y a un rapport de forces déséquilibré entre les pouvoirs des peuples ou des nations” ([w]here there are imbalances of power relations between groups of people or between institutions/states, there will be a production of knowledge.)

Cette suggestion, insistée par E.W. Said dans l'*Orientalisme* que ce sont les discours sur l'Orient qui sont écrits par les Occidentaux au cours des siècles. Néanmoins, on peut se demander si, en soulignant les pouvoirs des colonialistes (the coloniser), Said a mis dans la parenthèse la résistance des colonisés (the colonised). Il nous semble que pour Said, il n'y a que la voix colonisatrice dans la perspective coloniale, alors que la voix des colonisés est sourdine. Nous proposons alors les discours, colonialistes et colonisés, occupant et occupés, dominants et dominés, se voient croisées dans l'espace colonial à

travers les négociations, subtiles et compliquées. Nous analyserons ce dialogue à travers la rédaction de *Quốc văn giáo khoa thư* [Manuel national des lettres du Việt Nam] et *Luân lí giáo khoa thư* [Manuel national des morales] des auteurs Trần Trọng Kim – Nguyễn Văn Ngọc – Đặng Đình Phúc – Đỗ Thận, paru dans les années 1930.

Mots-clés: pouvoirs/connaissances, discours, postcolonialisme, lettres nationales, littérature vietnamienne moderne, Manuel national des lettres du Việt Nam, Manuel national des morales.

GIAO LƯU VĂN HOÁ PHÁP – VIỆT: TIẾP XÚC VÀ TIẾP BIẾN

✉ **PGS.TS. Lê Nguyên Cẩn**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: lenguyencan@yahoo.com.vn

Tóm tắt: Báo cáo của chúng tôi, thể hiện trong: Một cuộc tiếp xúc lịch sử; Một tiếp biến văn hoá tương hỗ; Ảnh hưởng của văn hoá Pháp đối với lĩnh vực sân khấu Việt Nam; Ảnh hưởng của văn hoá Pháp trong lĩnh vực tiểu thuyết Việt Nam; Ảnh hưởng của văn hoá Pháp đối với Thơ mới Việt Nam, hướng tới làm sáng tỏ các kết luận sau đây:

1. Cuộc tiếp xúc Pháp – Việt là cuộc tiếp xúc mang tính lịch sử, diễn ra trong thời điểm thế giới được trải phẳng, trong thời điểm mà phương Tây nói chung, Pháp nói riêng đã có là chủ nghĩa duy lí Descartes, đỉnh cao về mặt triết học và các thành tựu quan trọng liên quan tới kĩ thuật hàng hải và quân sự. Cuộc tiếp xúc Pháp – Việt nằm trong hành trình Đông tiến của phương Tây dẫn tới sự giao thoa văn hoá, cho dù, sự giao thoa này mang tính cưỡng bức ở một mức độ nhất định, nhưng nó góp phần mở rộng và hoàn thiện bản đồ thế giới, mở rộng sự hiểu biết của nhân loại về nhân loại.

2. Việc tiếp xúc văn hoá Pháp – Việt diễn ra theo quy luật tiếp hợp văn hoá dựa trên bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam. Bản chất của quy luật tiếp hợp theo quan niệm văn hoá Việt Nam là đảm bảo sự toàn vẹn của đất nước, của dân tộc. Đối với người Việt Nam, cái thiêng liêng nhất là Tổ quốc và gia đình, Tổ quốc hoà bình, gia đình hạnh phúc. Đây là loại hình văn hoá nhân cách luận, khác với loại hình văn hoá cá nhân luận của phương Tây. Vì thế cuộc tiếp xúc văn hoá Pháp – Việt hàm chứa trong nó những cái mà người Việt Nam luôn luôn muốn gìn giữ và bảo tồn, mà cũng vì thế người Việt Nam đã tiếp nhận nền văn hoá Pháp – một nền văn hoá nhân văn dựa trên nền tảng duy lí luận để bổ sung vào kho tàng văn hoá nhân cách luận vốn có của người Việt Nam.

3. Nền văn hoá Pháp, mà các đại diện ưu tú của chủ nghĩa cổ điển Pháp là La Fontaine, J.B.P. Molière..., những nhà ngoại giao không hộ chiếu, đã mang lại cho sân khấu Việt Nam một tinh thần Pháp mang tính nhân văn và khả năng dung hợp cộng đồng lớn. Tinh thần Pháp này mang tầm chiến lược gắn với thời kì Pháp hoàn thành việc thuộc địa hoá Việt Nam, tạo ra điều kiện ổn định và phát triển kinh tế. Chủ nghĩa cổ điển Pháp đã góp công sức tạo dựng nền kịch nói Việt Nam, ngoài Nhà hát lớn – công trình kiến trúc cổ điển mang tầm vóc thế kỉ ở Hà Nội, thì còn để lại những dấu ấn

đậm nét qua một số đại diện của sân khấu Việt Nam đầu thế kỉ XX như Vũ Đình Long (với *Chén thuốc độc*), và sau này như Lòng Chương (với *Quần*), Lưu Quang Vũ (với *Bệnh sĩ*).

4. Cuộc giao lưu tiếp xúc Pháp – Việt đã làm thay đổi diện mạo văn học Việt Nam, kiến tạo nền tiểu thuyết Việt Nam. Nền văn hoá Pháp, với đặc trưng duy lí của nó, đã tạo ra tính chất hàng hoá cho lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật ngôn từ, chuyển đổi nền văn học nghệ thuật mang tính chất biểu tượng trước đây trở thành loại hàng hoá tinh thần đáp ứng cho thị hiếu mới đang nảy sinh, thị hiếu được sản sinh ra từ tầng lớp thị dân và những trí thức tiểu tư sản. Hình thức văn học biểu tượng trước đây thiên về những hình thức quy phạm chặt chẽ (thơ ngâm vịnh, câu đối, thơ mừng tuổi, thơ chúc Tết, cho chữ...) khi chuyển thành hình thức văn học mang tính hàng hoá thì đã tạo ra sự thay đổi về chất liệu và hình thức: xuất hiện các đề tài và mô hình kể chuyện mới. Nghệ thuật kể chuyện trong văn xuôi Việt Nam, với đỉnh cao là các tiểu thuyết thời kì 1930 – 1945, khai thác các kĩ thuật phân tích tâm lí và khả năng thẩm định phê phán theo mô hình tiểu thuyết Pháp. Cho dù dấu ấn cá nhân chủ nghĩa theo kiểu A. Gide khá rõ trong những năm đầu của giai đoạn này (tiêu biểu là cuốn *Tiêu Sơn tráng sĩ* của Khải Hưng).

5. Ảnh hưởng của nền văn hoá Pháp thể hiện khá đậm nét trong cuộc cách mạng thơ ca Việt Nam mang tên Thơ Mới, giai đoạn 1930 – 1945. Trước 1930, trên thi đàn Việt Nam, nhà thơ Nguyễn Khắc Hiếu với bút danh Tản Đà – một bút danh khẳng định đậm nét dấu ấn cá nhân qua sự kết hợp của hai thực thể thiêng liêng trong tâm linh người Việt: núi Tản Viên và sông Đà Giang. Nhưng rồi Tản Đà đã bị thế hệ của Thế Lữ vượt qua, bởi lẽ nỗi buồn thân phận nhẹ nhàng không phản kháng của Tản Đà không còn là thị hiếu của thời đại nữa. Thơ của thế hệ Thế Lữ mang lại cho thi đàn một cái tôi mới, khẳng định cái cá nhân nhiều hơn. Nhưng Thơ Mới, thực sự trở thành Thơ Mới với thế hệ của Xuân Diệu, một nền thơ có lí luận có cá tính sáng tạo mãnh liệt, dùng triết lí phương Tây để khẳng định cái tôi.

6. Nhìn chung, cuộc tiếp xúc văn hoá Pháp – Việt trên bình diện văn chương, diễn ra theo chiều thời gian và vận động theo trình tự: thứ nhất, giữ lại những tính chất văn hoá đã có và từng bước thêm vào những cái mới cần thiết mà cuộc sống đòi hỏi và thực tiễn cung cấp; thứ hai, tạo ra các tác phẩm văn chương phỏng tác hay sao chép theo mức độ và tuỳ thuộc tác giả; thứ ba, tạo ra những tác phẩm mới ở đó sự tiếp thu, tiếp biến và giao lưu văn hoá hoà quyện vào nhau, tạo thành sự vượt trội về chất lượng, thể hiện trong tiểu thuyết và Thơ Mới giai đoạn 1930 – 1945.

Từ khoá: giao lưu văn hoá, tiếp biến văn hoá, bản sắc văn hoá Việt Nam, tiểu thuyết Việt Nam, Thơ Mới Việt Nam, kịch nói Việt Nam

L'INTERCHANGE DE LA CULTURE FRANCO-VIETNAMIEN: LA RENCONTRE ET L'ACCULTURATION

✉ **Prof.as.Dr. Lê Nguyễn Cần**

📄 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: lenguyencan@yahoo.com.vn*

Résumé: Notre rapport se compose des parties: Une rencontre historique; Une acculturation mutuelle; L'influence de la culture française sur le théâtre vietnamien; L'influence de la culture française dans le domaine des romans vietnamiens; L'influence de la culture française sur la Nouvelle Poésie vietnamienne; D'où les conclusions suivantes:

1. Le contact franco-vietnamien est une rencontre historique qui se déroule à une époque où le monde est plat, à une époque où l'Occident en général et la France en particulier sont influencés par le rationalisme de Descartes, et aussi par les succès importants des techniques maritimes et militaires. Le contact franco-vietnamien fait partie de la marche réalisée par l'Occident vers l'Orient, une marche historique qui conduit vers les échanges culturels, bien que celle-ci soient contraignants dans une certaine mesure, mais elles contribuent à la perfection la carte du monde et élargissent la compréhension humaine.

2. Le contact culturel franco-vietnamien se produit selon la loi d'intégration culturelle à la base de l'identité nationale vietnamienne. L'essence de cette loi est d'assurer l'intégrité du pays et de la nation. Pour les Vietnamiens, le plus sacré est la paix de la patrie et la bonheur de la famille. Il s'agit du personnalisme, différent de l'individualisme occidental. Ainsi, la rencontre culturelle franco-vietnamienne contenait ce que les Vietnamiens ont toujours voulu garder et préserver, et ainsi les Vietnamiens ont enrichi sa culture grâce à la culture française – une culture des caractères humaines et rationaliste.

3. La culture française, dont les représentations élites du classicisme français comme Corneille, Molière..., sont des diplomates sans passeport, a apporté au théâtre vietnamien un esprit d'humanisme français et une capacité immense de réunir la communauté vietnamienne. Cet esprit français porte un rôle stratégique liée à l'époque colonial au Viet Nam. Sans compter l'Opéra – architecture néoclassique qui est devenu l'héritage architectural à Ha Noi – le classicisme français a contribué à la création des drames théâtraux au Vietnam à travers quelques représentants du théâtre vietnamien du XX^e siècle, comme Vu Dinh Long (*Une coupe de poison*), et plus tard, comme Lộng Chương (*L'homme affolé*), Luu Quang Vu (*Maladie orgueilleux*).

4. L'échange de la culture franco-vietnamienne a modifié l'apparence de la littérature vietnamienne en contribuant de former le roman vietnamien. Le caractère rationnel de la culture française a créé la qualité de marchandise dans la littérature

vietnamienne, transformant le caractère du don de cette littérature en marchandise. Le caractère de marchandise rend les nouveaux goûts aux citadins. En effet, les anciennes formes du don demandent les règles strictes (la poésie chantonnée, les sentences parallèles, la poésie en but de souhaiter, de féliciter l'anniversaire, d'offrir des bons lettres...), or la littérature convertie en une littérature de la marchandise ont des changements principaux au niveau de matériau et de forme: l'apparition de thèmes nouveaux et de modèles de narration. La narration de la prose, à l'apogée des 1930 – 1945, explore les techniques d'analyse psychique et critique selon le modèle français, malgré l'empreinte individuelle d' A. Gide assez sensible dans les premières années de cette période (typique est le roman intitulé *L'homme valeureux à Xiaoshan* de Khai Hung).

5. L'influence française s'exerce sur la révolution poétique *Nouvelle poésie*. Avant 1930, le poète Nguyen Khac Hieu, sous le nom de plume Tan Da domine le Parnasse vietnamien. Mais la génération de The Lu l'a dépassé, parce que sa tristesse douce et sans protestant ne convient plus aux goûts du temps des citadins. La génération de The Lu apporte à la poésie un nouvel ego plus personnel. Mais la Nouvelle Poésie ne devient, en réalité, la nouvelle poésie qu'avec la génération de Xuan Dieu. Cette génération forme une poésie raisonnable et créative d'une personnalité intense grâce à la philosophie occidentale.

6. Brièvement, la rencontre culturelle franco-vietnamienne au niveau littéraire se déroule dans un ordre chronologique et suit une séquence de mouvements: d'abord, conserver des biens culturels existants et y ajouter progressivement la nouvelle nécessité que la vie exige et que procure la réalité; deuxièmement, adapter des œuvres littéraires françaises ou l'imiter selon le degré et selon l'auteur; troisièmement, créer de nouveaux écrits dans lesquels l'acquisition, la transformation et l'échange interculturel s'épanouissent dans le roman et la nouvelle poésie de la période 1930 – 1945.

Mots-clés: acculturation, interchange culturelle, adaptation culturelle, identité culturelle vietnamienne, romans vietnamiens, la Nouvelle Poésie vietnamienne, drames vietnamiens

KỊCH PHÁP VÀ KHUYNH HƯỚNG LÃNG MẠN TRONG KỊCH VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1930 (TRƯỜNG HỢP ĐOÀN PHÚ TỬ)

✍ **TS. Nguyễn Thuỳ Linh**

📖 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

✉ Email: thuylinh.ussh@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết phân tích tác động của văn học Pháp tới quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam thời kì thuộc địa từ góc nhìn thể loại kịch. Đã có một thời kì mà sân khấu Việt Nam mang đậm dấu ấn kịch lãng mạn Pháp. Tại sao điều đó lại diễn ra vào thập niên 30 của thế kỉ XX, trong khi kịch Việt Nam những năm 20 còn nặng thuyết lí về đạo đức? Từ đầu thế kỉ, Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh công bố những bản dịch kịch cổ điển

Pháp thì đến thập niên 30, việc dịch thuật đã mở rộng ra các tác giả kịch Pháp hiện đại. Nếu như những tiếp xúc với kịch Pháp giai đoạn đầu thế kỉ tạo tiền đề cho việc khai sinh ra thể loại kịch nói Việt Nam thì đến thập niên 30, việc ảnh hưởng văn học Pháp đã tạo điều kiện cho sự phát triển của những khuynh hướng sáng tác đa dạng. Xem xét sự xuất hiện của khuynh hướng lãng mạn trong kịch Việt Nam những năm 1930 (qua trường hợp Đoàn Phú Tứ) cho phép chúng ta nhìn nhận tác động kịch Pháp tới sự chuyển biến về tư tưởng và nghệ thuật trong sáng tác kịch Việt Nam. Các nhà soạn kịch đương thời phần lớn là những trí thức Tây học, được thụ hưởng nền giáo dục Pháp. Đoàn Phú Tứ vừa là nhà soạn kịch vừa là nhà dịch thuật. Đặt kịch trong trường văn học những năm 1930, chúng ta chứng kiến những thành tựu rực rỡ của khuynh hướng lãng mạn ở phong trào Thơ Mới và tiểu thuyết Tự lực văn đoàn. Trong các tiểu thuyết lãng mạn đương thời, tâm sự của nhân vật Hồng trong *Thoát li* và Mai trong *Nửa chừng xuân* của Khải Hưng cũng là tâm sự của biết bao cô gái tân thời những năm 30 của thế kỉ trước. Nàng đi xem kịch, khi trở về nhà trong lòng chất chứa bao mộng mơ. Nàng nghĩ đến người chồng tương lai đang ở bên Pháp. Những vở kịch lãng mạn! Và nước Pháp! Vào thời kì này, cần nhấn mạnh hiện tượng những tiểu thuyết lãng mạn như *Nửa chừng xuân*, *Đoạn tuyệt* được phóng tác thành kịch để diễn trên sân khấu.

Từ khoá: kịch Việt Nam, kịch Pháp, văn học lãng mạn, hiện đại hoá văn học

THÉÂTRE FRANÇAIS ET TENDANCES ROMANTIQUES DANS LE THÉÂTRE VIETNAMIEN DES ANNÉES 1930 (CAS DE ĐOÀN PHÚ TỨ)

✉ **Dr. Nguyễn Thuỳ Linh**

📖 *Université des sciences sociales et humaines, Université nationale du Vietnam de Hanoi*

✉ *Courriel: thuylinh.ussh@gmail.com*

Résumé: L'article se concentre sur l'impact du l'échange de littérature franco-vietnamienne au cours de la modernisation littéraire vietnamienne à partir de la vue des genres théâtraux. Considérant les tendances romantiques dans le théâtre vietnamien des années 30 (cas de Vi Huyền Đắc et Đoàn Phú Tứ), on voit le changement de la pensée et de l'art dans le théâtre vietnamien grâce à l'influence française. Il s'agit de l'abandon des sujets moraux au profit des sujets romantiques. Dans les années 1920, Pham Quỳnh parlait de la traduction du théâtre classique (Molière, Racine, Corneille), alors que dans les années 1930, la traduction du théâtre moderne français (Sacha Guitry, J.J. Bernard...) a vu le jour. Si dans les années 1920, le théâtre se base sur l'imitation et l'adaptation classique, dans les années 1930, la composition des pièces domine. Ainsi le contact avec le théâtre français dans les premières décennies du siècle a créé une condition préalable à la naissance du théâtre parlé Vietnamien dans les années 1930 avec les pièces romantiques. Mis dans le champ littéraire de l'époque, dans lequel les dramaturges comme Đoàn Phú Tứ sont tous éduqués à la française, le développement théâtral est parallèle avec celui

romanesque. On pense alors des adaptations théâtrales des romans romantiques vietnamiens tels *Nửa chừng xuân*, *Đoạn tuyệt*. En fait, les confessions des héroïnes romanesques telle Hồng dans *Thoát li* et Mai dans *Nửa chừng xuân* par Khái Hưng étaient aussi celles de nouvelles jeunes filles. Elles vont au théâtre et en revenons pleines de rêves. Elles pensent de leur mari futur, qui sont encore en France. Les pièces romantiques! et la France!

Mots-clés: théâtre vietnamien, théâtre français, littérature romantique, modernisation littéraire

TIẾNG PHÁP VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CHO SỰ ĐA DẠNG NHẬN THỨC, VĂN HOÁ VÀ KHOA HỌC: TRƯỜNG HỢP ĐỐI VỚI TIẾNG VIỆT

✍ **PGS.TS. Trịnh Văn Minh**

📖 Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

✍ **ThS. Trịnh Thuỳ Dương**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Nghiên cứu sinh Viện Quốc gia về Văn hoá và Ngôn ngữ phương Đông – Paris

Tóm tắt: 235 năm trước (năm 1783), Antoine Rivarol, một nhà văn Pháp, đã được Học viện Khoa học và Ngôn ngữ Berlin trao tặng giải thưởng cho bài diễn văn nổi tiếng của ông về Tính phổ quát của ngôn ngữ Pháp. Phần thưởng này đạt được thực chất là nhờ vào niềm tin của ông và đặc biệt là cách ông bảo vệ tiếng Pháp: tiếng Pháp rõ ràng và hợp lí. Điều không rõ ràng không phải là tiếng Pháp.

Nhưng chúng ta biết rằng trong thời đại phát triển hiện nay, có rất nhiều nghiên cứu trong ngành ngôn ngữ đã được tiến hành vượt qua công thức đẹp và niềm tin của Rivarol: chúng quan tâm nhiều hơn đến sự đa dạng của ngôn ngữ cả về chức năng nội tại cũng như những mối liên hệ bên ngoài của nó.

Với việc khẳng định chất lượng nội tại của ngôn ngữ Pháp, Rivarol mong muốn chỉ ra rằng tiếng Pháp tồn tại một thứ logic mà những thứ tiếng khác không có. Tính logic phù hợp theo suy nghĩ tự nhiên. Vì vậy, tiếng Pháp trở nên rõ ràng và rõ ràng hơn tất cả các ngôn ngữ khác. Tuy nhiên, sự rõ ràng này, theo ông, lại được ẩn giấu sau trật tự nổi tiếng: chủ ngữ + động từ + bổ ngữ: “*tiếng Pháp (hoặc người Pháp / người nói tiếng Pháp) (nt) trước tiên sẽ nêu chủ ngữ-chủ thể, sau đó là động từ (là hành động của chủ thể) và cuối cùng là đối tượng của hành động*”. Lí luận theo kiểu Cartes này được xem như là một nguyên tắc được giải thích đối lập lại với kiểu diễn thuyết tình cảm hay là theo chủ nghĩa tình cảm.

Hình ảnh vượt trội này của tiếng Pháp vẫn còn sống động như lời phát biểu của F. Mitterand tại lễ khai mạc triển lãm của thư viện Beaubourg dành cho tiếng Pháp: “*Đối với tiếng Pháp, rất khó để khen ngợi nó thêm nữa về tính chặt chẽ, rõ ràng, lịch lãm, sắc thái, sự phong phú của các thì và các thức, sự tinh tế của âm thanh, tính logic...*”.

Trong bài báo này, chúng tôi sẽ cố gắng xem xét những ảnh hưởng của tiếng Pháp đến tiếng Việt với những ảnh hưởng về văn hoá, nhận thức và khoa học.

Từ khoá: ngôn ngữ, tiếng Pháp

LA LANGUE FRANÇAISE ET SES APPORTS À LA DIVERSITÉ COGNITIVE, CULTURELLE ET SCIENTIFIQUE: UN POINT DE VUE VIETNAMIEN

✉ **Prof.as.Dr. Trịnh Văn Minh**

📄 *Université de l'éducation, Université Nationale de Hanoi*

✉ **Trịnh Thuỳ Dương**

📄 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE); Doctorante PLIDAM – INALCO*

Résumé: Il y a 235 ans (en 1783), Antoine Rivarol, écrivain français s'est vu décerné le prix de l'Académie des sciences et des lettres de Berlin pour son fameux Discours sur l'universalité de la langue française. Cette récompense fut en fait due à sa conviction et surtout à sa manière de défense de la langue française: le français est clair et logique. Ce qui n'est pas clair, n'est pas français.

Mais l'on sait bien que les temps ont évolué, que les recherches menées en sciences du langage surtout vont au-delà de cette belle et heureuse formule de Rivarol: elles s'intéressent davantage à la diversité des langues tant du côté du fonctionnement interne qu'à celui des contacts externes.

Tout en proclamant cette qualité intrinsèque de la langue française, Rivarol voulait dire manifestement que le français avait une logique qui ferait défaut dans d'autres langues. Logique conforme à l'ordre présumé naturel de la pensée. Ainsi, la clarté fut pour lui constitutive de la langue française et plaçait celle-ci au-dessus de toutes les langues. Cette clarté du français se trouve cachée, selon Rivarol, derrière le fameux ordre "direct": *sujet + verbe + complément*: "Le français (ou les Français/Francophones nomme (nt) d'abord le sujet du discours, ensuite le verbe qui est l'action et enfin l'objet de cette action". Ce raisonnement cartésien fut considéré comme principe explicatif contre les discours du type sentimental ou sensualiste.

Cette image dite de "supériorité" de la langue française reste encore vivace comme en témoignent ces propos de F. Mitterand à l'inauguration de l'exposition consacrée par la bibliothèque de Beaubourg à la langue française: "A propos de la langue française, il est difficile d'ajouter, après tant d'autres, des éloges tant de fois répétés sur sa rigueur, sa clarté, son élégance, ses nuances, la richesse de ses temps et de ses modes, la délicatesse de ses sonorités, la logique de son ordonnancement...".

Dans cet article, nous allons essayer de traiter les influences de la langue française à un point de vue vietnamien sur les aspects: culturel, cognitif et scientifique.

Mots-clés: linguistique, langue française

TỔNG QUAN VỀ THƠ VĂN ĐI SỨ NƯỚC PHÁP CỦA NGƯỜI VIỆT NAM THỜI TIỀN HIỆN ĐẠI

✉ **PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: nguyentunghnue@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu các tác phẩm thơ văn đi sứ nước Pháp của người Việt Nam thời tiền hiện đại (từ khoảng năm 1900 trở về trước). Bài viết xem tác phẩm này là một thành quả của sự giao lưu văn hoá Việt – Pháp trong lịch sử. Trong phạm vi một tham luận hội thảo, bài viết chỉ giới thiệu một cách tổng quát về hoàn cảnh ra đời, tác giả, tình hình văn bản, nội dung chủ đạo, ngôn ngữ, thể loại, phong cách của các tác phẩm này. Một nghiên cứu chi tiết hơn, ở một quy mô lớn hơn, sẽ được tiến hành trong tương lai.

Từ khóa: thơ văn đi sứ nước Pháp, thời tiền hiện đại, Việt Nam, giao lưu văn hoá Việt – Pháp, bang giao Việt – Pháp

VUE D'ENSEMBLE SUR DES ŒUVRES LITTÉRAIRES ET POÉTIQUES DE DIPLOMATES VIETNAMIENS ENVOYÉS EN FRANCE PENDANT DES ANNÉES DE LA FIN DU XIX SIÈCLE

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Thanh Tùng**

📄 École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)

✉ Courriel: nguyentunghnue@gmail.com

Résumé: Nous nous concentrons aux écrits littéraires et poétiques composées par certains diplomates vietnamiens en mission en France avant 1900. Selon nous, ces écrits littéraires étaient le fruit de l'échange culturel Franco-vietnamien. Dans le cadre de cette contribution, nous présenterons le contexte de l'écriture, les auteurs, le contenu, le style, le langage, etc. Nous espérons continuer ce sujet dans l'avenir.

Mots-clés: œuvres littéraires et poétiques, échange culturel Franco-vietnamien, la relation diplomatique Franco-vietnamienne.

ĐƯỜNG HƯỚNG DẠNG HỌC TRONG GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ: CHUYỂN DI NGÔN NGỮ VÀ/HAY CHUYỂN DI VĂN HOÁ? TRƯỜNG HỢP DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

✉ **TS. Nguyễn Việt Anh**

📄 PLIDAM, INALCO

✉ Email: vitvitanh@gmail.com

✉ **PGS.TS. Đào Huy Linh**

📄 CRLAO, INALCO, USPC

✉ Email: dao.huy.linh@gmail.com

Tóm tắt: Việc nghiên cứu tiếng Việt, trong một thời gian dài, đã chịu ảnh hưởng lớn của những nghiên cứu và mô hình vốn được đưa ra để phân tích những ngôn ngữ Ấn Âu. Việc rập khuôn trong nghiên cứu này, vô hình chung, đã dẫn đến một cái nhìn có phần sai lệch và chưa đầy đủ về thực tế ngôn ngữ trong tiếng Việt. Chẳng hạn như những thông số xã hội và văn hoá phần nào được mã hoá, nếu không muốn nói là ăn sâu, trong tiếng Việt như một cấu thành cơ bản. Thiếu hiểu biết về các thông số này, người học tiếng Việt, dù đã nắm được một số cấu trúc ngữ pháp cơ bản, với một vốn từ vựng tương đối, đủ để đặt những câu đúng trên bình diện ngữ pháp – ngữ nghĩa, có thể

vẫn sẽ gặp nhiều khó khăn trong giao tiếp thực với người bản địa, bởi như chúng tôi vẫn thường nói với sinh viên Pháp rằng họ mới đang chỉ đang sử dụng từ vựng tiếng Việt để nói tiếng mẹ đẻ của mình chứ chưa thực sự nói chuẩn tiếng Việt.

Có thể nói đến việc sử dụng đại từ nhân xưng như một biểu hiện của tôn ti xã hội, hay việc sử dụng những tiểu từ tình thái, phạm trù vốn vô cùng đa dạng nhưng dường như bị các nhà ngôn ngữ nghiên cứu về “câu” đặt ra ngoài phạm vi nghiên cứu, hoặc bàn đến một cách dè dặt. Thế nhưng, thực tế cho thấy rằng tiếng Việt “thường nhật” sử dụng một cách có hệ thống những yếu tố này. Lược bỏ chúng sẽ khiến tiếng Việt trở nên thiếu tự nhiên, thậm chí là sai ngữ pháp.

Vậy, giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, muốn hiệu quả và chân thực nhất có thể, không thể bỏ qua được việc đưa vào nội dung những yếu tố này. Đường hướng dạy học, nhấn đến tầm quan trọng của các chuyển di văn hoá trong quá trình dạy và học tiếng Việt cho người nước ngoài là một trong những giải pháp cần được đưa ra xem xét cụ thể.

Từ khoá: tiếng Việt như một ngoại ngữ, đường hướng dạy học, chuyển di văn hoá

APPROCHE PRAGMATIQUE EN DIDACTIQUE DES LANGUES ÉTRANGÈRES: TRANSFERTS LINGUISTIQUES ET/OU TRANSFERTS CULTURELS? LE CAS DU VIETNAMIEN LANGUE ÉTRANGÈRE

✉ **Dr. Nguyễn Việt Anh**

📁 PLIDAM, INALCO

📧 Courriel: vitvitanh@gmail.com

✉ **Prof.as.Dr. Đào Huy Linh**

📁 CRLAO, INALCO, USPC

📧 Courriel: dao.huy.linh@gmail.com

Résumé: Un des composants qui fait défaut dans les analyses grammaticales traditionnelles du vietnamien est l'absence d'éléments extralinguistiques véhiculés dans et par la langue. Or, ce qui fait la beauté de la langue vietnamienne et, en même temps, la rend difficile aux apprenants “européens”, c'est, justement, à notre avis, la charge culturelle des unités linguistiques, et plus encore leur mode d'emploi dans le discours et dans l'interaction. Ainsi, malgré une maîtrise suffisante de la langue pour produire des phrases grammaticalement correctes et douées de sens, un apprenant du vietnamien langue étrangère, ignorant la charge culturelle des éléments linguistiques serait en difficulté lors des contacts directs avec des locuteurs natifs car, comme nous le disons souvent à nos étudiants français, ils ne parlent pas encore le vietnamien, ils ne parlent que leur langue maternelle avec du vocabulaire vietnamien. Tout cela résulte d'un enseignement qui reste très traditionnel d'une langue vietnamienne essentiellement analysée, sous la lumière de la linguistique structurale et/ou fonctionnelle, en comparaison avec des langues européennes. Alors, ne devrait-on pas envisager une nouvelle approche dans l'enseignement/ apprentissage du vietnamien langue étrangère: approche pragmatique qui mettrait l'accent non seulement sur les transferts linguistiques mais également, voire principalement, sur les transferts culturels et socio-culturels?

Mots-clés: vietnamien langue étrangère, charge culturelle des éléments linguistiques, approche pragmatique, transfert linguistique, transfert culturel

TIỂU BAN C

SỬ HỌC – KHẢO CỔ HỌC – DÂN TỘC HỌC
NHÂN HỌC; ĐỊA LÍ – KINH TẾ – XÃ HỘI

Histoire – Archéologie – Ethnographie
Anthropologie; Géographie – Economie – Société

VERS UNE HISTOIRE-MONDES. POUR UNE HISTOIRE “À PARTS ÉGALES” DES SITUATIONS DE CONTACT ENTRE L'EUROPE ET L'ASIE DU SUD-EST (XVI^e – XIX^e SIÈCLE)

✉ **Romain BERTRAND**

📄 CERI, Sciences Po-CNRS

✉ Courriel: romain.bertrand@sciencespo.fr

Résumé: J'ai poursuivi, à travers plusieurs ouvrages (“Etat colonial, noblesse et nationalisme à Java”, 2005, “L’Histoire à parts égales”, 2011, et “Le Long remords de la Conquête”, 2016), un programme d’ethnographie historique des situations de contact entre l’Europe et l’Insulinde du XVI^e au XIX^e siècle. Ce programme repose sur trois propositions théoriques. Premièrement, il est toujours dommageable de réunir en une téléologie de l’occidentalisation du monde des situations (de “premier contact”, de “conquête” et de “coexistence coloniale”) dont la description compréhensive ne peut s’opérer qu’à “ focale réduite”, en termes spatiaux comme chronologiques. Deuxièmement, il faut appliquer à l’ensemble des documentations disponibles, extra-européennes aussi bien qu’européennes, un même principe de “symétrie” capable, en rendant justice à leurs régimes propres d’historicité (partant à leurs discordances), de distribuer équitablement entre elles les “effets d’étrangeté” chers aux micro-historiens. Troisièmement, il faut s’abstenir de déduire de la densité documentaire de la “zone de contact” entre Européens et Asiatiques que le fait de l’interaction s’est imposé comme un évènement, digne de narration et de remémoration, pour toutes les parties en présence. Je voudrais ici revenir sur chacune de ces propositions théoriques en illustrant les possibilités et les difficultés de leur mise en œuvre au moyen d’exemples tirés de mes recherches passées et actuelles – lesquelles concernent l’arrivée des Hollandais à Java en 1596, la “conquête” espagnole des Philippines entre 1565 et 1580, et l’installation du premier représentant de la British North Borneo Chartered Company sur la côte nord-est de Bornéo en 1878.

VỀ MỘT LỊCH SỬ-CÁC THỂ GIỚI. MỘT LỊCH SỬ “ĐỒNG ĐẲNG” VỀ CÁC BỐI CẢNH TIẾP XÚC GIỮA CHÂU ÂU VÀ ĐÔNG NAM Á (TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX)

✉ **Romain BERTRAND**

📄 CERI, Khoa học Chính trị, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia Pháp

✉ Email: romain.bertrand@sciencespo.fr

Tóm tắt: Qua nhiều công trình (“Nhà nước thuộc địa, giới quý tộc và dân tộc chủ nghĩa ở Java”, 2005; “Lịch sử đồng đẳng”, 2011 và “Trường hận của cuộc Chinh phục”, 2016), tôi đã theo đuổi một chương trình dân tộc học lịch sử về các bối cảnh tiếp xúc giữa châu Âu và Đông Nam Á từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX. Chương trình này dựa trên ba đề nghị về mặt lí thuyết. Trước tiên, luôn đáng tiếc khi tập trung vào một loại thuyết mục đích của châu Âu hoá thế giới về các bối cảnh (“của tiếp xúc ban đầu”, “của cuộc chinh phục” và “của sự đồng tồn tại thuộc địa”) mà sự mô tả bao quát chỉ có thể được

thực hiện theo “tiêu cự thu nhỏ” cả về mặt không gian và thời gian. Thứ hai, phải vận dụng vào tổng thể các tư liệu sẵn có, của châu Âu cũng như bên ngoài châu Âu, cùng một nguyên lý “cân xứng” có khả năng phân phát một cách công minh giữa các tư liệu ấy những “hiệu ứng xa lạ” rất được ưu tiên nơi các nhà sử học vi mô, bằng cách trả lại sự công bằng cho những chế độ sử tính riêng của chúng (từ đó thừa nhận những hiện tượng bất hoà hợp của chúng). Thứ ba, phải tránh suy diễn về khối dày đặc tư liệu của “vùng tiếp xúc” giữa những người châu Âu và những người châu Á mà sự kiện tương tác đặt ra như một biến cố, đáng được kể và đáng được hồi tưởng, cho tất cả các phía hiện diện. Ở đây, tôi muốn trở lại với ba đề nghị lí thuyết này bằng cách chứng minh những khả năng và những khó khăn để diễn giải chúng thông qua các ví dụ rút ra từ những nghiên cứu đã thực hiện và những nghiên cứu hiện nay của tôi – những nghiên cứu này liên quan đến sự cập bến của những người Hà Lan vào Java năm 1596, cuộc “chinh phục” của Tây Ban Nha vào Philippines giữa năm 1565 và 1580, và sự kiện Công ty Bắc Borneo thuộc Anh thiết lập khu định cư trên bờ biển đông bắc Borneo vào năm 1878.

TRƯỜNG VIỄN ĐÔNG BÁC CỔ PHÁP VÀ ĐẠI HỌC ĐÔNG DƯƠNG – DI SẢN NÀO ĐỂ LẠI? (Một cách tiếp cận từ lịch sử Khoa học và Giáo dục)

✉ **TS. Nguyễn Mạnh Dũng**

📖 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

✉ Email: nmd@vnu.edu.vn

Tóm tắt: Sau khi (và cùng với) bình định và từng bước áp đặt chế độ thực dân, từ cuối thế kỉ XIX, người Pháp đã du nhập mạnh mẽ nền khoa học và giáo dục tiên tiến vào Việt Nam. Trên nền tảng của xã hội thực dân nửa phong kiến, Khoa học và Giáo dục Việt Nam mang nhiều đặc điểm, dạng thức và trình độ khác nhau. Với sự xuất hiện của các nhân tố mới, quá trình *phá cấu trúc và tái cấu trúc* hệ thống Khoa học và Giáo dục cổ truyền Việt Nam diễn ra mạnh mẽ. Mặc dù vậy, trong suốt giai đoạn Pháp thuộc, dường như diễn trình đó vẫn chỉ dừng lại chặng đường đầu của *tiếp biến văn hoá* trong cấu trúc hệ thống khoa học và giáo dục.

Một trong những tác động lớn của người Pháp ở Việt Nam chính là sự ra đời của hai mô hình Khoa học và Công nghệ là Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp và Đại học Đông Dương (*Université Indochinoise*). Qua các hoạt động đa dạng, phong phú, trên cả lĩnh vực Khoa học Tự nhiên và Khoa học Xã hội và Nhân văn, cũng như việc tích hợp với trình độ khoa học truyền thống của người Việt, các tổ chức Khoa học và Công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực hiện đại trên thực sự đã đánh dấu một giai đoạn hội nhập quốc tế đầu tiên về Khoa học và Giáo dục hiện đại của Việt Nam.

Tham luận này muốn nhìn nhận lại sự du nhập, đóng góp tiêu biểu, hạn chế của những tổ chức trên dưới góc độ lịch sử Khoa học và Giáo dục và lí thuyết biến đổi *paradigma*. Trên cơ sở đó, bài viết muốn thảo luận với giới nghiên cứu về một sự nhận thức toàn diện hơn về những di sản này, trong đó có phần so sánh với một số nước Đông Nam Á.

L'ÉCOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME-ORIENT ET L'UNIVERSITÉ INDOCHINOISE – DE QUOI ONT-ELLES HÉRITÉ? (Une approche de l'histoire de la science et de l'éducation)

✉ **Dr. Nguyễn Mạnh Dũng**

📖 *Université des sciences sociales et humaines, Université nationale du Vietnam de Hanoi*

✉ *Courriel: nmd@vnu.edu.vn*

Résumé: Après (et avec) la pacification et l'établissement du régime colonialiste, à partir de la fin du XIX^e siècle, les Français ont fortement introduit la science et l'éducation moderne au Vietnam. Sur la base d'une société coloniale semi-féodale, la science et l'éducation vietnamienne ont connu des changements en termes de caractéristiques et de système. Avec l'émergence de nouveaux éléments, le processus de déstructuration et de restructuration du système scientifique et éducatif traditionnel a été estimé florissant. Néanmoins, pendant la période coloniale française, il semble que le processus était encore le début de l'acculturation dans la structure scientifique et éducative.

L'une des grandes influences des Français au Vietnam était la création de deux organisations scientifiques et éducatives: l'Ecole française d'Extrême-Orient (EFEO) et l'Université Indochinoise. Compte tenu de leurs activités diversifiées et multidimensionnelles dans le domaine des sciences de base (sciences naturelles) et des sciences sociales et humaines, les organisations interdisciplinaires et multisectorielles ont marqué la première phase de l'intégration du Vietnam dans la science et l'éducation moderne.

L'objectif de cette étude est de réévaluer l'introduction, les contributions et les limitations des organisations mentionnées sous l'angle de l'histoire de la science et de l'éducation.

Mots-clés: EFEO, Université Indochinoise, histoire, science, éducation, Vietnam, France, colonialisme

THE "BILAN" FRENCH PERSPECTIVES ON VIETNAMESE CASUALTIES AT THE BATTLE OF DIEN BIEN PHU

✉ **MA, M Soc.Sci. Peter HUNT**

📖 *King's College London*

✉ *Courriel: peter.hunt@kcl.ac.uk*

Abstract: The French estimates of the losses that they inflicted on the People's Army of Vietnam at the Battle of Dien Bien Phu in 1954 exceeded the official Vietnamese losses by between 64 – 115%, depending upon which French estimates are used, and over 60 years after the battle the French estimates are still widely quoted by historians and authors. This paper examines how the French made their estimates of Vietnamese losses. Using the original French signals traffic from the battle it tracks how

losses were first reported, how these were interpreted and sometimes altered by headquarters in Hanoi and Saigon, and how these numbers were then propagated and used by the French and their allies. The paper then compares the French estimates with first-hand Vietnamese accounts of the battle and suggests that whilst some of the French numbers were reasonably accurate others were exaggerations, and that the estimates were further distorted by problematic methodology, and by manipulation at rear headquarters. The paper concludes that without access to detailed Vietnamese figures the French estimates cannot be definitively tested in every area, but that there is enough evidence to indicate they are unreliable in several areas and should be used with caution by historians.

Keywords: Nine-Year Resistance War Against the French; French Indochina War, Dien Bien Phu; casualties

THE “BILAN” QUAN ĐIỂM CỦA PHÁP VỀ THƯƠNG VONG CỦA VIỆT NAM TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

✉ **MA, M Soc.Sci. Peter HUNT**

📄 King's College London

✉ Email: eter.hunt@kcl.ac.uk

Tóm tắt: Con số thương vong mà Pháp ước tính là đã gây ra cho Quân đội nhân dân Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 cao hơn tổn thất chính thức mà Việt Nam công bố từ 64 – 115%, tùy vào con số ước tính của Pháp được sử dụng. Và hơn 60 năm sau trận chiến, những con số ước tính của Pháp vẫn được các tác giả và sử gia trích dẫn thường xuyên. Nghiên cứu này đánh giá xem phương pháp mà phía Pháp sử dụng để tính toán tổn thất về người của Việt Nam. Bằng cách sử dụng các bức điện gốc của Pháp, nghiên cứu tìm hiểu xem người Pháp đã báo cáo những tổn thất đầu tiên như thế nào, các sở chỉ huy Pháp ở Hà Nội và Sài Gòn đã diễn giải và đôi khi là thay đổi những con số này ra sao, và sau đó Pháp và đồng minh đã tuyên truyền, sử dụng những con số này như thế nào. Sau đó, nghiên cứu so sánh ước tính của Pháp với báo cáo trực tiếp của Việt Nam về cuộc chiến và cho rằng: một số con số của Pháp tương đối chính xác, trong khi một số số liệu lại bị thổi phồng và những con số đó bị bóp méo thêm bằng các phương pháp khó hiểu và bị thay đổi tại sở chỉ huy hậu phương. Từ đó, nghiên cứu kết luận rằng: do không thể tiếp cận con số chi tiết của Việt Nam, ước tính của Pháp không thể được kiểm tra chắc chắn trong mọi khía cạnh, nhưng có đủ bằng chứng cho thấy những con số này không đáng tin cậy trong một số khía cạnh và các sử gia cần thận trọng khi sử dụng.

Từ khóa: 9 năm kháng chiến chống Pháp, Chiến tranh Đông Dương của Pháp, Điện Biên Phủ, con số thương vong

HƯƠNG ƯỚC CẢI LƯƠNG Ở VIỆT NAM THỜI THUỘC PHÁP ĐẦU THẾ KỈ XX

✉ **PGS.TS. Đinh Khắc Thuân**

📄 Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: thuanhannom@gmail.com

Tóm tắt: Hương ước là quy ước của làng xã người Việt được xuất hiện từ khá sớm, nhưng được văn bản hoá từ thế kỉ XV dưới đời vua Lê Thánh Tông (1460 – 1497).

Ở Việt Nam có hai loại hương ước. Đó là Hương ước cổ truyền xuất hiện trước Hương ước cải lương (từ năm 1921 trở về trước), thường được viết bằng chữ Hán và Hương ước cải lương (gắn với cuộc Cải lương hương chính từ năm 1921 của Chính quyền Bảo hộ Pháp, kéo dài đến trước tháng 8 năm 1945) được viết bằng chữ Nôm, chữ Pháp và chữ Quốc ngữ.

Hương ước cải lương được soạn theo mẫu của Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, gồm hai phần: Chính trị và Phong tục.

Hương ước cổ truyền có nhiều đóng góp tích cực trong quản lí làng xã và sinh hoạt cộng đồng, nhất là vai trò tự quản và đoàn kết, cố kết cộng đồng. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có một số mặt hạn chế, nhất là tư tưởng cục bộ địa phương, bè phái, tư tưởng địa vị ngôi thứ, làm tăng thêm hủ tục nặng nề, tốn kém trong cưới xin, ma chay, khao vọng...

Nội dung hương ước cải lương có những thay đổi tích cực với làng xã truyền thống, nhất là đã giảm bớt phiền phức tốn kém trong tang ma, cưới xin và khao vọng; hoặc là đã xoá bỏ được một số hình phạt hà khắc mà tục lệ cũ quy định như đuổi khỏi làng, đánh đập.

Bài viết này giới thiệu khái quát về hương ước, đặc điểm văn bản hương ước cải lương, nội dung và vai trò hương ước cải lương của chính quyền thuộc địa với quản lí làng xã người Việt, cũng như biên soạn hương ước mới ngày nay ở Việt Nam.

Từ khoá: Hương ước, hương ước cải lương, cải lương hương chính, thời thuộc Pháp

LES CONVENTIONS VILLAGEOISES RÉFORMÉES DU VIETNAM SOUS LA PÉRIODE FRANCAISE AU DÉBUT DU XX^e SIÈCLE

✉ **Prof.as.Dr. Đinh Khắc Thuân**

📄 L'Institut d'études sino-nôm, l'Académie des Sciences sociales du Vietnam.

✉ Courriel: thuanhannom@gmail.com

Résumé: *Huong uoc*, ce sont les mots clés vietnamiens. Ils ont apparu longtemps, et documenté dans le XV^e siècle sous le règne de Le Thanh Tong (1460 – 1497).

Au Vietnam il y a deux types de conventions. Ce sont *Huong uoc* traditionnels apparaissaient avant 1921, l'année où apparaissaient les *Huong uoc* réformés, et s'écrivaient absolument en caractères chinois. Et les *Huong uoc cai luong*, qui associaient avec le *Cai-luong huong-chinh* (la Réforme administrative de la village) de

l'Administration de protectorat français de 1921 à l'août 1945, sont écrits en caractères chinois anciens, en Français et en Quoc ngu (langue vietnamienne romanisée).

Les *Huong uoc* traditionnels ont eu de nombreuses contributions positives dans le village et la gestion des activités communautaires, en particulier l'autonomie de rôle et la solidarité, la cohésion communautaire. Cependant, en plus de cela, il y a quelques inconvénients, en particulier la pensée position locale, sectaire, idéologique d'ordre de préséance etc. En conséquence, il a ajouté des habitudes lourdes et coûteuses dans les mariages, funérailles, festin aux autorités communales à l'occasion de l'obtention d'un titre etc.

Huong uoc cai luong (Les Conventions villageoises réformées) était rédigées d'après le modèle de la Résidence Supérieure du Tonkin. Il se composait de deux parties: La partie politique et celle des mœurs.

Avec ce contenu, les *Huong uoc cai luong*, les autorités coloniales avaient des changements positifs envers les villages vietnamiens, surtout réduisaient les tracasseries et les paiements coûteux des funérailles, des mariages et de donner festins aux autorités communales à l'occasion de l'obtention d'un titre, annulaient une certaine nombre de la punition draconienne des coutumes anciennes tels comme l'expulsion du village ou mesures de sanction pour crimes.

Cette étude voulait présenter les sources documentatives, le contenu des *Huong uoc*, leur valeurs historiques, leur rôles dans la gestion de villages, la relation entre les *Huong uoc* et la loi, comment se rédiger et exécuter *Huong uoc* nouvel au Vietnam d'aujourd'hui.

Mots-clés: Conventions, Conventions villageoises réformées, Réforme administrative des communes, l'époque coloniale

LES COLLECTIONS VIETNAMIENNES DE LA BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DE FRANCE: UN TÉMOIGNAGE SUR L'HISTOIRE CULTURELLE ET SOCIALE DU VIETNAM

 **Dr. Nguyễn Giáng Hương**

 *Bibliothèque nationale de France*

Résumé: À la Bibliothèque nationale de France – Bibliothèque François Mitterrand, le Vietnam est le premier des pays asiatiques pour lequel a été créé, en 1977, un fonds particulier sous la cote propre (XO11), intégré au fonds général des Imprimés. Le vietnamien est la première des langues asiatiques pour laquelle a été constitué un service autonome au sein du Service Asie, Département des Entrées Étrangères. Son rôle pionnier s'est encore affirmé en 1988, puisque le vietnamien est la première langue asiatique à avoir été intégrée dans la base BN-OPALE, avec tous les signes diacritiques nécessaires. Les collections vietnamiennes nous offrent une image fidèle de la société de ce pays durant différentes périodes, depuis XVI^e siècle avec le premier dictionnaire du vietnamien d'Alexandre de Rhode jusqu'à nos jours. Le Vietnam est présent dans tous

les départements thématiques et spécialisés de la Bibliothèque: département Littérature et Art, département Philosophie et Sciences de l'Homme, département des Manuscrits, département des Estampes et de la Photographie, département des Cartes et Plans, département des Monnaies et Médailles. Le fonds vietnamien de la Bibliothèque nationale de France est placé, par son richesse et son importance historique, en tête de classement mondial à l'extérieur du Vietnam.

Dans cette communication, nous allons illustrer l'histoire culturelle du Vietnam à travers les collections de la Bibliothèque Nationale de France. Ce travail est pour objectif de démontrer aux chercheurs vietnamiens et internationaux la richesse et la valeur scientifique indiscutable des fonds d'archives et de documents imprimés sur le Vietnam dans l'étude de l'histoire et de la civilisation vietnamiennes.

TỦ SÁCH VIỆT NAM TẠI THƯ VIỆN QUỐC GIA PHÁP MỘT KHO TÀNG LỊCH SỬ VĂN HOÁ XÃ HỘI

 **TS. Nguyễn Giáng Hương**

 Thư viện Quốc gia Pháp

Tóm tắt: Tại Thư viện Quốc gia Pháp hay còn gọi là Thư viện François Mitterrand, Việt Nam là nước đầu tiên trong các quốc gia châu Á, được lập, vào năm 1977, một kho sách chuyên biệt với mã kí tự XO11, trực thuộc Tổng kho các Ấn phẩm in. Tiếng Việt cũng là ngôn ngữ đầu tiên trong số các ngôn ngữ châu Á được lập ra một tiểu ban chuyên trách, sau này trực thuộc vào Ban Phương Đông, Khoa Ngoại văn. Vai trò tiên phong của tiếng Việt càng được củng cố khi vào năm 1988, tiếng Việt là ngôn ngữ châu Á đầu tiên được đưa vào Cơ sở dữ liệu BN-OPALE, với hệ thống gõ chính tả tiếng Việt quy chuẩn. Các tủ sách về Việt Nam tại Thư viện Quốc gia Pháp ngày nay phản ánh một cách chân thực và tổng quát diện mạo xã hội Việt Nam qua từng thời kì, kể từ thế kỉ XVI mà dấu mốc là cuốn từ điển tiếng Việt đầu tiên của Alexandre de Rhode. Hiện nay, Việt Nam có mặt trong tất cả các Khoa chuyên ngành cũng như các Khoa tư liệu vật phẩm ngoài sách: Khoa Văn học và Nghệ thuật, Khoa Triết học và Khoa học Nhân văn, Khoa Văn tự và Bản thảo, Khoa Tranh hoạ và Ảnh, Khoa Bản đồ và bình đồ, Khoa Tiền cổ. Trên thế giới, sau Thư viện Quốc gia Việt Nam – nơi lưu trữ toàn bộ ấn phẩm quốc gia theo luật Nộp lưu chiếu –, tủ sách Việt Nam của Thư viện Quốc gia Pháp được xếp hàng đầu trong bảng phân loại thế giới bởi tính phong phú và tầm quan trọng lịch sử của nó.

Trong tham luận này, chúng tôi muốn phác hoạ lại lịch sử văn hoá Việt Nam thông qua các bộ sưu tập của Thư viện Quốc gia Pháp, nhằm mục đích chứng minh cho các nhà nghiên cứu Việt Nam và quốc tế thấy sự phong phú và giá trị khoa học to lớn của kho tài liệu lưu trữ và các tài liệu in ấn về Việt Nam trong các ngành nghiên cứu lịch sử và văn minh Việt Nam.

NGUỒN TÀI LIỆU TIẾNG PHÁP LIÊN QUAN VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

✍ **TS. Trần Đức Anh Sơn**

📄 Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế – Xã hội Đà Nẵng

✉ Email: anhsontd@gmail.com

Tóm tắt: *Fond tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, là đề tài do Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế – Xã hội Đà Nẵng thực hiện từ năm 2009.*

Nhóm nghiên cứu đã sưu tầm, thu thập được nhiều bản đồ, hình ảnh và thư tịch cổ được viết bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, như: Hán – Nôm, Quốc ngữ, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Đức... có liên quan đến vấn đề chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa). Trong số đó, tài liệu viết bằng tiếng Pháp chiếm tỉ lệ khá lớn và rất có giá trị trong việc góp phần chứng minh chủ quyền biển đảo của Việt Nam, đặc biệt là chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tham luận này giới thiệu tổng quát nguồn tài liệu tiếng Pháp mà chúng tôi đã thu thập, phân loại và dịch thuật để sử dụng, gồm:

– Các văn bản được công bố, xuất bản trong các thế kỉ XVIII – XIX của các học giả người Pháp và người châu Âu nói chung, viết về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, khí hậu, động thực vật sinh sống trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhận thức của người phương Tây đương thời về Biển Đông và các đảo ở Biển Đông; đồng thời ghi nhận quá trình khai phá, chiếm hữu, xác lập chủ quyền của người Việt ở Biển Đông nói chung và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng.

– Các văn thư ngoại giao, văn bản hành chính, báo cáo quân sự; báo cáo khảo sát khoa học, khí tượng...; các hiệp ước, hiệp định quốc tế do Bộ Ngoại giao, Bộ Hải quân, Bộ Thuộc địa của Chính phủ Pháp, các cơ quan ngoại giao của Pháp ở Trung Quốc và Nhật Bản, chính quyền Pháp ở Đông Dương, các đơn vị quân sự, dân sự hoạt động ở Hoàng Sa và Trường Sa... ban hành, công bố từ cuối thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX. Đây là những tài liệu ghi nhận người Pháp, cụ thể là chính quyền Pháp ở Đông Dương đã trực tiếp tham gia vào việc thực thi và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam, thông qua sự bảo hộ của Pháp, đối với quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa), kể từ khi Pháp kí với triều Nguyễn *Hiệp ước Giáp thân* (06/6/1884), đến khi Chính phủ Pháp tham gia kí Hiệp định Genève lập lại hoà bình ở Đông Dương (tháng 7/1954).

– Các bài báo, bài nghiên cứu, báo cáo kết quả khảo sát địa lí, địa chất, thủy văn, sinh vật... ở quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa), cùng những bài báo phản ánh quan điểm và cung cấp những tư liệu liên quan chủ quyền của Việt Nam (mà Pháp đang đại diện) đối với quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa), được công bố trên báo chí đương thời ở Pháp và báo chí xuất bản bằng tiếng Pháp ở Việt Nam.

Từ khoá: tài liệu tiếng Pháp, Đông Dương, Việt Nam, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, chủ quyền

LES SOURCES DOCUMENTATIVES EN FRANÇAIS CONCERNANT LA SOUVERAINETÉ DU VIETNAM POUR LES ARCHIPELS PARACELS

✉ **Dr. Trần Đức Anh Sơn**

📄 *L'Institut d'Étude du Développement Économique et Sociale de Danang*

✉ *Courriel: anhsontd@gmail.com*

Résumé: Le dossier de la souveraineté territoriale des archipels Paracels du Vietnam est réalisé en 2009 par l'Institut d'Études du Développement Économique et Social de Danang (IEDES)

Les chercheurs d'IEDES ont recueilli plusieurs documents en toutes langues différentes: chinois, chino-vietnamien, vietnamien, portugais, français, espagnol, hollandais, anglais, italien, allemand... tels que des cartes géographiques et politiques, des photos, et des anciennes œuvres concernant la souveraineté des archipels Paracels (et ceux de Spratleys) du Vietnam.

La plupart de ces précieux documents en français ont justifié à la souveraineté territoriale et maritime du Vietnam sur les archipels Paracels et les archipels Spratleys.

Cette étude présente un aperçu des documents en français que nous avons traduit et caractérisé comprenant:

– Les documents sont publiés du 18^e siècle au 19^e siècle par les auteurs Français en particulier et par les auteurs Européens en général en ce qui concerne la description de la géographie, de la nature, du climat, de la flore et de la faune de deux archipels Paracels et Spratleys, la conception des Occidentaux vis-à-vis la mer de l'Est et les îles en mer de l'Est (mer de Chine autrefois) en constatant les étapes de la conquête puis l'établissement de la souveraineté des Vietnamiens en mer de l'Est en général et sur les archipels Paracels et Spratleys en particulier.– Les lettres diplomatiques, les instruments administratifs, les rapports militaires, scientifiques et météorologiques, les Traités et les Accords Internationaux sont promulgués et publiés du XIX^e siècle au XX^e siècle par le Ministère des Affaires Étrangères, le Ministère de la Marine, l'Indochine Française du Gouvernement français et par les organismes diplomatiques français en Chine et au Japon, les services militaires et civils vécus sur les archipels Paracels et Spratleys. Ces documents justifiaient la réalisation du droit de la souveraineté territoriale du Vietnam représentant par les Français et le Protectorat français d'Annam sur deux archipels Paracels et Spratleys selon le Traité de Hué (le 06/6/1884) durant les Accords de Genève (le 20/7/1954)

– Les magazines et les recherches scientifiques, géographiques, méthodologiques, biologiques et etc ont justifié et fourni les preuves indiscutables de la souveraineté du Vietnam sur les deux archipels Paracels et Spratleys, ces documents à cette époque sont publiés dans les journaux en France et dans les journaux en français au Vietnam.

Mots-clés: Documents en français, l'indochine, Vietnam, Vietnam, les archipels Paracels, les archipels Spratleys, souveraineté

VIỆT NAM HỌC NHÌN TỪ PHÁP QUỐC: GÓC NHÌN SỬ HỌC

✍ **TS. Cao Việt Anh**

📄 Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: hannom.vn@gmail.com

Tóm tắt: Nước Pháp là quốc gia phương Tây đầu tiên áp đặt thiết chế hành chính của mình tại Việt Nam, nước Pháp cũng là quốc gia phương Tây đầu tiên thành lập cơ quan khảo cứu khoa học về Việt Nam. Trong lịch sử hơn 100 năm Việt Nam học của Pháp, khai thác tư liệu Hán Nôm Việt Nam là một hướng tiếp cận nghiên cứu sử học của người Pháp về văn hoá Việt Nam. Bài viết là góc nhìn về nghiên cứu sử học Việt Nam trong toàn cảnh nghiên cứu khoa học nhân văn và xã hội của Pháp về Việt Nam. Trên cơ sở đó, người đọc sẽ tự nhận thức triển vọng nghiên cứu Việt Nam ở Pháp và các quốc gia hải ngoại khác trong tương lai.

Từ khoá: Việt Nam học của Pháp, tư liệu Hán – Nôm, Việt Nam học

ÉTUDES SUR LE VIETNAM VUE À PARTIR DE FRANCE: À TRAVER DES RECHERCHES HISTORIQUES

✍ **Dr. Cao Việt Anh**

📄 Institut d'études sino-nôm, Academie des Sciences sociales du Vietnam

✉ Courriel: hannom.vn@gmail.com

Résumé: Étant le premier pays occident qui imposa son institution administrative au Vietnam, la France constitua aussi le pays d'abord qui en ait créé la section des recherches sur l'Indochine. Ayant l'expérience de plus de cent ans sur la vietnamologie (études vietnamiennes), des études sur les documents en caractères sino-nôm avaient comme des études anciennes souvent un rôle d'une des approches historiques qui étaient pratiqués par les français. Cette étude est la présentation d'un point de vue sur la valeur des sources documentatives en caractères sino-nôm comme historiques par rapport au panorama de la situation des recherches de sciences sociales et humaines sur le Vietnam en France. La perspective des recherches d'outre-mer sur le Vietnam sera bien retirée selon les connaissances de chaque lecteur.

Mots-clés: documents en caractères sino-nôm, études sur le Vietnam, vietnamologie en France

VĂN HOÁ CUNG ĐÌNH HUẾ ĐẦU THẾ KỈ XX VÀ CUỘC TIẾP XÚC VỚI VĂN MINH PHƯƠNG TÂY

✍ **TS. Huỳnh Thị Ánh Vân**

📄 Giám đốc Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế

✉ Email: huynhthianhvan@gmail.com

Tóm tắt: Vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, xã hội Việt Nam đã chứng kiến nhiều thay đổi và bước đầu tiếp thu những ảnh hưởng từ bên ngoài trên nhiều mặt. Chế độ quân chủ Nho giáo truyền thống, hình thức tổ chức chính trị duy nhất mà người Việt Nam đã từng biết đến, đã trở thành một hệ thống yếu kém không thể giúp phát triển đất nước.

Trong cuộc tiếp xúc với nền văn hoá và văn minh phương Tây thời kì này, một số hoạt động văn hoá truyền thống đã từng tồn tại hàng trăm năm như một hình thức thể hiện bản sắc dân tộc đã bị tác động, thay đổi và thậm chí bị huỷ bỏ. Những người theo truyền thống quân chủ, các học giả Nho giáo, những người tuân thủ luân lí “tam cương” của Nho giáo như một hình thức duy trì kỉ cương xã hội theo hệ thống trật tự chặt chẽ đã bắt đầu theo tư tưởng tự do, trong đó các hình thức ràng buộc quan hệ xã hội theo kỉ cương của Nho giáo dễ dàng bị phá vỡ. Quá trình này đã cho ra đời một thế hệ học giả mới ở Việt Nam, những người tiếp thu tư tưởng mới, những khái niệm và kĩ thuật mới một cách tích cực. Tư tưởng thể hiện ý thức về tính chính thống của thời quân chủ liên quan đến vai trò, quyền lực và ý chí tối cao của hoàng đế, sự bình đẳng về giới hay nhận thức về di sản văn hoá cũng bị tác động bởi những tư tưởng mới. Nữ giới trong hoàng tộc từng chịu sự phân biệt đối xử trong vai trò xã hội trước đây giờ có thể xuất hiện trong các sự kiện xã hội với các nghi thức mới, thể hiện sự tự do ở mức độ nhất định và được xã hội công nhận.

Văn hoá cung đình Huế đã có thêm nhiều yếu tố mới kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong các hoạt động của triều đình, trong sinh hoạt đời thường hay tập quán ăn uống, thể hiện đậm nét qua các sưu tập cổ vật và các công trình kiến trúc hiện vẫn còn khá nguyên vẹn ở Huế. Quá trình giao lưu và hội nhập ấy cũng chính là sự hội nhập có chọn lọc để tồn tại, dung hợp, hình thành và tiếp tục phát triển một bản sắc văn hoá độc đáo ở Huế trong bối cảnh quốc tế và khu vực đầu thế kỉ XX.

Mục đích của bài viết này là tìm hiểu những vấn đề sau: Văn hoá cung đình chịu ảnh hưởng của nền văn minh phương Tây vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX ra sao và bằng cách nào? Chúng ta nên hiểu những thay đổi ấy như thế nào và ảnh hưởng ra sao đối với các học giả Việt Nam theo tư tưởng Nho giáo cũng như đối với văn hoá cung đình Huế? Điều gì có thể giúp chúng ta rút ra được bài học để đối phó với những thách thức trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay dưới tác động của công nghệ cao đang ngày càng phát triển mạnh mẽ?

Bài viết sẽ dựa trên các tài liệu lịch sử, các kết quả nghiên cứu sưu tập bảo tàng và quá trình điền dã ở khu di sản Huế để tìm ra câu trả lời cho những câu hỏi trên.

Từ khoá: Văn hoá cung đình, văn minh phương Tây, truyền thống, hiện đại, bản sắc văn hoá

LA CULTURE ROYALE DE HUÉ AU DÉBUT DU VINGTIÈME SIÈCLE ET LE CONTACT AVEC LA CIVILISATION OCCIDENTALE

✉ **Dr. Huỳnh Thị Ánh Vân**

📄 *Directeur, Musée royal des antiquités à Hue, Centre des conservations pour les monuments de Hue)*

✉ *Courriel: huynhthianhvan@gmail.com*

Résumé: À la fin du dix-neuvième siècle et au début du vingtième siècle, la société vietnamienne s'est changée rapidement et influencée par les facteurs extérieurs en

plusieurs domaines. Le système d'une monarchie absolue du Confucianisme traditionnel, la formule unique pratiquée par les Vietnamiens, devient un système périmé et un obstacle le développement du pays.

Dans le contact avec la culture et la civilisation occidentale dans cette période, quelques formes culturelles traditionnelles qui existent depuis des centaines d'années sont influencées, modifiées, même disparues. Des monarchistes, des lettrés confucianistes, qui ont pratiqué en respectant strictement le règlement social principal "Tam cương" ("trois liens sociaux" qui sont roi et sujet, père et enfants, mari et femme), commencent à se familiariser et à suivre les idées libérales. En conséquence, les anciens liens du Confucianisme sont successivement détruits. Ce processus donne la naissance à une nouvelle génération de lettrés au Viêt-Nam qui apprennent activement des nouvelles idées, des nouveaux termes et des nouvelles techniques. Les pensées sur la légitimité de la monarchie absolue concernant le rôle, les pouvoirs et la volonté suprême du Roi, sur l'égalité de genre ou sur la conception à l'égard des patrimoines culturels sont également influencées par les nouvelles tendances d'idée.

Dans ces contacts, la culture royale de Hué est prise en charge des nouveaux facteurs en alliant la tradition et la modernité dans les activités de la Cour, dans la vie quotidienne royale ou les coutumes gastronomiques. En conséquence, leurs vestiges sont montrés clairement par les collections des antiquités et les monuments architecturaux qui sont restés intacts à Hué. Cette échange et cette intégration culturelle sont également l'intégration sélective en vue d'être, de concorder, de former et de continuer à développer une culture originale à Hué dans le contexte international et régional au début du vingtième siècle.

Cet article est pour but d'étudier les thèmes suivants: Comment et par quelles manières la culture royale de Hué est influencée par la civilisation occidentale à la fin du dix-neuvième siècle et au début du vingtième siècle? Par quelles façons pouvons – nous comprendre les changements de la culture royale de Hué sous l'influence de la civilisation occidentale? Comment ces changements influent sur les lettrés confucianistes vietnamiens et sur la culture royale de Hué soi-même? Quelles sont les leçons historiques et comment pouvons – nous les appliquer à la conservation des patrimoines royaux de Hué face aux défis contemporains sous l'influence de la révolution technologique et de la globalisation? Nous étudions ces thèmes en appuyant sur les archives, les documents historiques, les collections des musées et les résultats sur le terrain à l'ensemble de monuments de Hué.

Mots-clés: culture royale, la civilisation occidentale, traditionnel, moderne, identité culturelle

NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HOÁ ỐC EO DƯỚI GÓC NHÌN CỦA CÁC NHÀ KHOA HỌC PHÁP (QUA KHẢO SÁT NGUỒN TƯ LIỆU TẠI THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI)

✉ **TS. Phạm Thu Trang**

📖 Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: trangissi@gmail.com

✉ **ThS. Phạm Phương Hà**

📖 Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: rikapham@gmail.com

Tóm tắt: Văn hoá Ốc Eo là một nền văn hoá khảo cổ có trình độ phát triển cao, phân bố trên một không gian rộng lớn của toàn vùng Nam Bộ. Đây là một địa danh chứa đựng nội dung văn hoá – lịch sử rất lớn, rất đặc biệt. Sự tồn tại của nó có một vị trí rất quan trọng, không chỉ là minh chứng cho sự tồn tại của một nền văn minh đã từng hiện hữu trên đất nước Việt Nam mà còn giúp chúng ta hiểu rõ hơn về lịch sử, về quá trình hình thành lãnh thổ, dân tộc và con người Việt Nam trong quá khứ và hiện tại. Phân bố trên toàn vùng Nam Bộ, hiện nay, văn hoá Ốc Eo là vùng đất trọng yếu nhạy cảm nên việc nghiên cứu chứng minh nguồn gốc bản địa của văn hoá Ốc Eo có ý nghĩa quan trọng không những góp phần khẳng định chủ quyền quốc gia mà còn để góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Là Thư viện Khoa học xã hội lớn nhất của Việt Nam và có lịch sử tồn tại hơn 100 năm, Thư viện Khoa học xã hội do Viện Thông tin Khoa học xã hội (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) quản lý, hiện đang sở hữu một số lượng tài liệu nghiên cứu đồ sộ được sưu tầm và lưu trữ tại thư viện Viện Viễn Đông Bác cổ thời thuộc Pháp, trong đó có rất nhiều tài liệu về Ốc Eo nói riêng và về vùng Nam Bộ nói chung. Qua khảo sát nguồn tư liệu tại thư viện này, chúng tôi nhận thấy văn hoá Ốc Eo đã được các học giả người Pháp trước đây nghiên cứu rất công phu, sâu sắc và toàn diện không chỉ từ phương diện khảo cổ học mà còn từ phương diện sử liệu, nghệ thuật, ngôn ngữ, tôn giáo, dân tộc học, địa lí, kinh tế, chính trị...

Để có một bức tranh toàn cảnh, những tri thức đa diện về văn hoá, con người nơi đây, góp phần vào việc xây dựng và phát triển nguồn thông tin khoa học đa dạng, phong phú và ngày càng đầy đủ về vùng đất này của đất nước, bài viết của chúng tôi sẽ tổng quan các công trình và các nội dung nghiên cứu mà các học giả người Pháp đã dày công thực hiện khi nghiên cứu về văn hoá Ốc Eo qua khảo sát những nguồn tư liệu quý tại thư viện Khoa học xã hội. Trong đó, bài viết sẽ tập trung tổng quan những nội dung chủ yếu mà các nhà nghiên cứu người Pháp đã đề cập đến khi nghiên cứu về văn hoá Ốc Eo như: *Về vị trí của Ốc Eo trong vương quốc Phù Nam và các quốc gia Đông Dương khác; Về hoạt động kinh tế của cư dân Ốc Eo; Vấn đề xã hội, con người của văn hoá Ốc Eo; Vấn đề văn hoá, tôn giáo của Văn hoá Ốc Eo.*

Từ khoá: văn hoá Ốc Eo, Phù Nam, Tây Nam Bộ, thư viện Khoa học xã hội

ÉTUDE SUR LA CULTURE D'OC EO SOUS LE REGARD DES CHERCHEURS FRANÇAIS (En basant sur les documents à la Bibliothèque des sciences sociales)

✉ **Dr. Phạm Thu Trang**

📄 *l'Institut des informations des sciences sociales,
Académie des Sciences sociales du Vietnam*

✉ *Courriel: trangissi@gmail.com*

✉ **Phạm Phương Hà**

📄 *l'Institut des informations des sciences sociales,
Académie des Sciences sociales du Vietnam*

✉ *Courriel: rikapham@gmail.com*

Résumé: La culture d'Oc Eo est une culture archéologique à haut niveau de développement, répartie dans une vaste région au Sud du Vietnam. C'est un toponyme qui a une grande valeur historique et culturel exceptionnelle. Son existence a une place très importante, démontrant non seulement l'existence d'une civilisation qui a existé au Vietnam, mais nous aide également à mieux comprendre l'histoire, le processus de formation territoriale ainsi que les peuples vietnamiens du passé et du présent. Répartie dans toute la région du Sud, la culture d'Oc Eo est actuellement une zone sensible et importante, alors l'étude prouvée l'origine indigène de la culture d'Oc Eo est considérable pour contribuer à l'affirmation de la souveraineté ainsi qu'à la mise en œuvre de tâches politiques importantes, portée une signification particulière.

Étant la plus grande bibliothèque des sciences sociales au Vietnam et ayant une histoire de plus de 100 ans, la bibliothèque des sciences sociales qui est gérée par l'Institut des Informations des sciences sociales (l'Académie des sciences sociales du Vietnam) possède un grand nombre de documents. Des documents ont été rassemblés et conservés à la bibliothèque de L'École française d'Extrême-Orient à l'époque coloniale, y compris de nombreux documents sur Oc Eo en particulier et le Sud du Vietnam en général. Nous avons constaté que les recherches sur la culture d'Oc Eo des professeurs français à la bibliothèque sont abondantes, profondes et complètes, non seulement de l'archéologie mais aussi de l'histoire, de l'art, de la langue, de la religion, de l'ethnographie, de la géographie, de l'économie, de la politique...

Afin d'avoir une connaissance générale de la culture et des peuples d'Oc Eo contribuant au développement d'une ressource d'information scientifique diversifiée, riche et toujours croissante de cette région, notre recherche donnera un aperçu des travaux de recherches des professeurs français, en basant sur les documentations précieuses de la bibliothèque des sciences sociales. Notre étude aborde sur les principaux contenus que les chercheurs français ont mentionnés dans leurs études de la culture d'Oc Eo: *La position d'Oc Eo dans le royaume de Fou-nan et dans d'autres pays d'Indochine; Les activités économiques et des habitants d'Oc Eo; Les questions sociales, humaines de la culture d'Oc Eo; Les questions culturelles et religieuses de la culture d'Oc Eo.*

Mots-clés: culture d'Oc Eo, Fou-nan, région du Sud-Ouest, Bibliothèque des sciences sociales

ÁP DỤNG MỘT SỐ LUẬT XÃ HỘI CỦA PHÁP VÀO VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XX: SỰ NHÂN VĂN ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT HAY VÌ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI PHÁP TRONG THUỘC ĐỊA?

✍ **TS. Trần Xuân Trí**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: tranxuantri.hnue@gmail.com

Tóm tắt: Trong giai đoạn thuộc địa, bên cạnh sự tồn tại của luật pháp phong kiến xưa, chính quyền thuộc địa đã từng bước áp dụng vào Việt Nam một số luật xã hội của chính quốc: Luật về Thanh tra lao động (02/11/1892) áp dụng từ năm 1918, đặc biệt từ năm 1926 đến năm 1927; Luật hoà giải và phân xử tranh chấp giữa chủ và công nhân (27/12/1892) có hiệu lực ở Việt Nam từ năm 1930; Luật về lao động trẻ em và phụ nữ (2/11/1892, bổ sung ngày 22/11/1911) thực hiện ở Việt Nam từ năm 1927, đặc biệt là từ 1936; Luật tai nạn lao động (09/4/1898, sửa đổi bổ sung ngày 15/7/1914 và 15/12/1922), Luật ngày làm 8 giờ (23/4/1919), Luật nghỉ phép được hưởng lương (20/6/1936) áp dụng ở Việt Nam từ năm 1936.

Việc áp dụng luật xã hội của Pháp vào Việt Nam bắt nguồn một phần từ nhu cầu quản lí xã hội, nhu cầu phát triển kinh tế và chính sách cai trị cộng tác của Pháp. Đặc biệt, đó là kết quả của phong trào đấu tranh dân chủ, áp lực của phong trào công nhân, đặc biệt là phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam. Dù thế nào đi nữa thì việc áp dụng luật xã hội của Pháp vào Việt Nam cũng tạo cơ hội cho người lao động Việt Nam được tiếp cận và được hưởng một số quyền như người lao động Pháp và ở một số nước trên thế giới. Trên bình diện văn hoá, nó góp phần làm phong phú thêm bức tranh giao lưu văn hoá Việt – Pháp trong giai đoạn thuộc địa.

Từ khoá: Việt Nam, Pháp, thuộc địa, luật pháp, luật ngày làm 8 giờ, luật tai nạn lao động, luật nghỉ phép được hưởng lương, luật lao động phụ nữ và trẻ em.

L'APPLICATION DES LOIS SOCIALES FRANÇAISES AU VIETNAM, AU DÉBUT DU XX^{ÈME} SIÈCLE: L'ŒUVRE HUMAINE RÉSERVÉE AUX VIETNAMIENS OU AU PROFIT DES FRANÇAIS DANS LA COLONIE?

✍ **Dr. Trần Xuân Trí**

📄 École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)

✉ Courriel: tranxuantri.hnue@gmail.com

Résumé: Dans l'époque coloniale française, à côté de l'existence de l'ancienne législation féodale, le Gouvernement coloniale a introduit et appliqué au Vietnam certaines dispositions, parfois la totalité des lois sociales métropolitaine: Loi sur la création de l'Inspection du Travail (2 novembre 1892) a été appliqué en 1918 pour la Cochinchine, en 1926 et 1927 pour le Tonkin et l'Annam; Loi sur la conciliation et l'arbitrage pour les différends entre patrons et ouvriers (27 décembre 1892) a été mise en vigueur au Vietnam à partir de 1930; l'application en 1918, surtout depuis 1927, de la loi

sur le travail des enfants et des femmes (2 novembre 1892, modifiée par loi du 22 novembre 1911). En 1936, loi sur les accidents du travail (9 avril 1898, modifiée par lois du 15 juillet 1914 et du 15 décembre 1922), loi sur la journée de huit heures (23 avril 1919) et loi sur le congé payé (20 juin 1936) ont aussi été appliquées pour les travailleurs vietnamiens.

L'application de lois françaises sociales au Vietnam provenant du besoin de société, du développement d'économie et la politique en collaboration du gouvernement français, mais aussi était les fruits du mouvement de la lutte démocratique, la pression du mouvement des ouvriers, notamment la lutte révolutionnaire du peuple vietnamien. Dans l'aspect de société et de culture, l'application de ces lois sociales au Vietnam a permis aux travailleurs vietnamiens de bénéficier des droits reconnus en France et dans certaines nations dans le monde. Cela contribué à enrichir la réalisation de la acculturation Franco-vietnamienne dans l'époque coloniale.

Mots-clés: Le Vietnam, la France, colonie, la législation, la loi sur la journée de huit heures, la loi sur les accidents de travail, la loi sur le congé payé, la loi sur le travail des enfants et des femmes

NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG Ở CHÂU THỔ SÔNG HỒNG HIỆN NAY QUA ĐỐI SÁNH VỚI NGHIÊN CỨU NGƯỜI NÔNG DÂN Ở CHÂU THỔ BẮC KÌ CỦA HỌC GIẢ PIERRE GOUROU CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

✍ **TS. Vũ Diệu Trung**

📄 *Trung tâm Dữ liệu di sản văn hoá, Viện Văn hoá Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam*

✉ *Email: vudieutrongvicas@yahoo.com*

Tóm tắt: Từ nghiên cứu đối sánh, báo cáo tham luận đưa ra các vấn đề về sự phân bố, sự chuyển dịch không gian giữa các làng nghề, sự chuyển đổi về cơ cấu ngành nghề thủ công của vùng châu thổ sông Hồng hiện nay so với những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Đây là một trong những tiền đề quan trọng giúp cho những nhà hoạch định chính sách có cái nhìn tổng quan, tìm ra xu hướng vận động và phát triển kinh tế cho nghề thủ công truyền thống Việt Nam.

Từ khoá: nghề thủ công

EN COMPARAISON AVEC L'ÉTUDE "LES PAYSANS DU DELTA TONKINOIS" DE PIERRE GOUROU, FIN DU XIX^e SIÈCLE – DÉBUT DU XX^e SIÈCLE

✍ **Dr. Vũ Diệu Trung**

📄 *Centre des données des héritages culturels, Institut national de la Culture et des Arts du Vietnam*

✉ *Email: vudieutrongvicas@yahoo.com*

Résumé: En se basant sur l'étude comparative, cette étude vise à présenter des problèmes concernant la répartition, la mobilité spatiale des villages de métiers, les changements de la structure des métiers artisanaux dans le delta du fleuve Rouge à

l'heure actuelle par rapport à des années fin XIX^e – début XX^e siècle. C'est une des prémisses importantes qui apportent aux décideurs politiques une vue générale sur l'évolution et la tendance de développement des métiers artisanaux traditionnels au Vietnam.

Mots-clés: métiers artisanaux

VIỆT NAM, PHÁP VÀ PHÁP NGỮ

✉ **ThS. Vũ Đoàn Kết**

📄 *Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác Pháp ngữ châu Á – Thái Bình Dương*
Giảng viên khoa Chính trị Quốc tế và Ngoại giao Việt Nam, Học viện Ngoại giao

✉ *Email: vudoanket@dav.edu.vn*

✉ **TS. Nguyễn Hoàng Như Thanh**

📄 *Trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác Pháp ngữ châu Á – Thái Bình Dương*
Giảng viên khoa Chính trị Quốc tế và Ngoại giao, Học viện Ngoại giao

✉ *Email: nhuthanh@dav.edu.vn*

Tóm tắt: Việc Việt Nam tham gia Hội nghị thượng đỉnh Pháp ngữ năm 1986 ở Versailles (Pháp) đã đánh dấu một mốc quan trọng. Đối với Tổ chức quốc tế Pháp ngữ, sự tham gia của Việt Nam với tư cách thành viên sáng lập củng cố và tăng cường sự hiện diện của tổ chức tại châu Á – Thái Bình Dương. Không những thế, Hội nghị thượng đỉnh Pháp ngữ VII tại Hà Nội năm 1997 còn hoàn thiện tổ chức về mặt thể chế, đề ra vị trí Tổng Thư kí, khởi động hợp tác kinh tế trong khuôn khổ Pháp ngữ... Về phía Việt Nam, sự tham gia vào Tổ chức quốc tế Pháp ngữ nằm trong tổng thể đổi mới tư duy đối ngoại từ Đại hội lần thứ VI năm 1986 nhằm phá thế bị bao vây, cô lập của đất nước. Phương châm đối ngoại “Đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế” xác định tại Hội nghị Trung ương 3 tháng 6/1992. Trong những năm đầu Đổi mới, có thể nói việc Việt Nam tham gia vào các hoạt động của Pháp ngữ đa phương chính là đột phá khẩu mở cửa ngõ thông ra thế giới trong khi các hướng đối ngoại khác chưa đạt được những tiến bộ cụ thể.

Sự đổi mới tư duy và hoạch định chính sách đối ngoại nhằm thoát khỏi thế bị bao vây, cô lập không đủ để giải thích cho lựa chọn Pháp ngữ làm đột phá khẩu của Việt Nam. Quan hệ Việt Nam – Pháp ngữ còn được thúc đẩy bởi vai trò của Pháp. Đây là một trong số ít ỏi các quốc gia ủng hộ Việt Nam trong tình thế bị cấm vận quốc tế. Pháp cũng ủng hộ Việt Nam tham dự Hội nghị thượng đỉnh Pháp ngữ năm 1986 và hỗ trợ Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh VII ở Hà Nội. Có thể nói, quan hệ Việt – Pháp chính là “chất kích thích” thúc đẩy Việt Nam hội nhập sâu rộng vào cộng đồng Pháp ngữ và qua đó là cộng đồng quốc tế.

Từ khoá: Pháp ngữ, Quan hệ Pháp – Việt, Đổi mới

LE VIETNAM, LA FRANCE ET LA FRANCOPHONIE

✉ **Vũ Đoàn Kết**

📄 Centre d'Études et de Coopération Francophone en Asie Pacifique

📄 Faculté de Politique Internationale et de Diplomatie, Académie Diplomatique du Vietnam

✉ Courriel: vudoanket@dav.edu.vn

✉ **Dr. Nguyễn Hoàng Như Thanh**

📄 Centre d'Études et de Coopération Francophone en Asie Pacifique

📄 Faculté de Politique Internationale et de Diplomatie, Académie Diplomatique du Vietnam

✉ Courriel: nhuthanh@dav.edu.vn

Résumé: La participation du Vietnam au premier Sommet de la Francophonie à Versailles (France) en 1986 en tant que membre fondateur de l'Organisation se révèle très importante. Pour la Francophonie, l'adhésion du Vietnam, le plus grand pays de l'ancienne Indochine française, renforça sa présence et son rayonnement en Asie-Pacifique et lui a été bénéfique sur plusieurs aspects. Le VII^e Sommet de la Francophonie, à Hanoi en 1997, a marqué une étape importante de la Francophonie institutionnelle qui a permis, entre autres, la mise en place du poste de Secrétaire général, la naissance de la Francophonie économique, ainsi qu'un certain essor de la Francophonie en Asie-Pacifique. Pour le Vietnam, sa participation à l'OIF a été la suite des efforts de désenclavement politico-économique du pays entamés au milieu des années 1980s et faisait partie intégrale de la politique étrangère de diversification et de multilatéralisation des relations extérieures déployée début des années 1990s. La Francophonie constituait, alors, un pont, une porte ouverte, sinon la seule possible, au monde non-socialiste extérieur, une percée au service de l'œuvre de Renouveau du pays. Depuis cette adhésion, la relation entre le Vietnam et la Francophonie s'est développée pour bénéficier à toutes les parties. La tenue du VII^e Sommet de la Francophonie à Hanoi en 1997 et sa réussite ont été non seulement la preuve de ces efforts, elles démontrent judicieusement la bonne voie de l'intégration régionale et internationale du Vietnam.

Le Renouveau ne suffit pas à lui seul à expliquer le choix francophone du Vietnam. La relation Vietnam – Francophonie est également impulsée par le biais de la France. Cette dernière reste un des rares pays qui ont soutenu le Vietnam durant l'embargo dans les années 1980. C'est elle qui a incité l'adhésion vietnamienne à la Francophonie en 1986 et l'a aidé pour la tenue du VII^e Sommet sur son sol. Nous pouvons conclure qu'avec la participation active du Vietnam à la Francophonie, les relations bilatérales entre le Vietnam et la France ont également prospéré et ont à leur tour poussé les relations entre le Vietnam et la Francophonie.

Mots-clés: Francophonie, relation franco-vietnamienne, Renouveau, VI^e Sommet de la Francophonie

VAI TRÒ CỦA NƯỚC PHÁP ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM (1981 – 1995)

✉ **TS. Hoàng Hải Hà**

📖 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: hahh@hnue.edu.vn; hoanghaiha84@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò của nước Pháp trong quá trình Việt Nam tiến hành phá thế bao vây cấm vận và hội nhập quốc tế. Nước Pháp đã duy trì mối quan hệ chính trị chặt chẽ, và những lợi ích kinh tế ở Việt Nam lớn hơn nhiều so với các quốc gia châu Âu khác suốt thập niên 80, 90 của thế kỉ XX. Không giống như Washington, từ sau năm 1975, Paris đã lựa chọn một chính sách đối ngoại mang tính “thực dụng” và cố gắng xây dựng mối quan hệ ưu tiên đặc biệt với Việt Nam, cho dù Việt Nam đang tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam, củng cố mối quan hệ đồng minh với Liên Xô. Trong giai đoạn 1979 – 1990, Việt Nam, bị cô lập, bị loại khỏi hầu hết diễn đàn chính trị trên thế giới, và không được tham gia vào các thể chế tài chính quốc tế do lệnh cấm vận của Hoa Kỳ. Việt Nam cũng bị các nước ASEAN, Trung Quốc và EU lên án một cách gay gắt. Việt Nam chỉ duy trì mối quan hệ với các quốc gia cách xa về địa lí nhưng gần gũi về mặt ý thức hệ như Liên Xô, các nước thành viên của Hội đồng Tương trợ Kinh tế (COMECON) vốn có nhiều ủng hộ tinh thần và cung cấp viện trợ quân sự, kinh tế cho Việt Nam. Trong bối cảnh này, vai trò của nước Pháp như “cầu nối” giữa Việt Nam và thế giới phương Tây có ý nghĩa quan trọng. Mặc dù là thành viên của Liên minh châu Âu (EU) song nước Pháp đã hoạt động như một đối tác “đặc biệt” không thuộc khối các nước xã hội chủ nghĩa của Việt Nam. Trước hết, Pháp đã hoạt động như người hoà giải tích cực trong các cuộc đàm phán giải quyết vấn đề Campuchia. Giới lãnh đạo Pháp cũng chỉ trích lệnh cấm vận của Hoa Kỳ là lỗi thời, và mở nhiều kênh đối thoại với Hà Nội. Bên cạnh đó, các hoạt động hỗ trợ và đầu tư tài chính, hợp tác văn hoá với Việt Nam được tăng cường. Những hoạt động này là thể hiện nỗ lực của Pháp nhằm tạo dựng hình ảnh “thân thiện” và vai trò của Pháp trong kinh tế, an ninh chính trị ở Việt Nam nói riêng và khu vực Đông Nam Á nói chung.

Từ khoá: quan hệ Việt – Pháp, hội nhập quốc tế, cấm vận, vấn đề Campuchia

LE RÔLE DE LA FRANCE DANS L'INTÉGRATION INTERNATIONALE DU VIETNAM (1981 – 1995)

✉ **Dr. Hoàng Hải Hà**

📖 École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)

✉ Courriel: hahh@hnue.edu.vn; hoanghaiha84@gmail.com

Résumé: La présente communication analyse l'importance que la France a joué dans le processus d'intégration internationale du Vietnam suite au conflit du Cambodge depuis 1978. Pas comme Washington, Paris a mené une politique étrangère pragmatique et essaie à construire une relation privilégiée pour Hanoi, même quand le Vietnam a commencé à installer l'intégration socialiste au Sud Vietnam durant la

période 1975 – 1978 en consolidant une alliance avec l’Union des républiques socialistes soviétiques (URSS). De 1979 à 1990, le Vietnam était un pays isolé, il a été exclu de la plupart des forums politiques et diplomatiques internationaux, il n’avait pas le droit de participer aux institutions financières internationales à cause de l’embargo américain. De plus, le Vietnam était gravement condamné par la Chine et l’Union Européenne pour son intervention aux questions intérieures du Cambodge.

Le Vietnam n’avait pas une seule issue de maintenir la relation avec les pays lointains en géographie mais proches en idéologie comme l’URSS, le COMECON qui a apporté des soutiens sans faille pour le Vietnam en matière idéologique mais aussi politique, militaire et économique. Dans ce contexte, le rôle de la France d’être un lien entre le Vietnam et le monde occidental était très significatif. Malgré son statut dans l’Union européenne, la France garde toujours un partenariat particulier avec le Vietnam hors du monde communiste et socialiste. Durant les années 80s du XX^{ème} siècle, la France a développé une relation politique très attachée avec le Vietnam en considérant des intérêts économiques beaucoup plus grands que les autres pays européens. Les autorités français ont également critiqué que la politique d’embargo des Etats-Unis était démodée et elles ont mis en place plusieurs forums de communication avec le Vietnam. Ainsi, la France a joué le rôle de “réconciliateur” le plus actif dans les négociations concernant la question cambodgienne.

Mots-clés: relation franco-vietnamienne, intégration internationale, embargo américain

“NHỮNG NGƯỜI HẢI PHÒNG LỚN” CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX (Lịch sử đô thị Hải Phòng thời kì thuộc Pháp)

✍ **TS. Trần Văn Kiên**

📖 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: trankienedu@gmail.com

Tóm tắt: Những người Hải Phòng lớn” là từ dùng của Henri Cucherousset khi diễn giải về những người chủ trương duy trì, xây dựng, phát triển thương cảng Hải Phòng trong bài viết đăng trên tờ *Thức tỉnh kinh tế Đông Dương* (L’Éveil économique de l’Indochine) năm 1923. Xây dựng thành phố cảng Hải Phòng thời thuộc Pháp là quá trình hợp tác và xung đột của hai chủ trương: *thuận* của “những người Hải Phòng lớn” và *chống* của “những người Hải Phòng nhỏ” [Les Petit-Haiphonnais] từ cuối thế kỉ XIX đến giữa thập niên 20 của thế kỉ XX. Song không chỉ có các nhà hàng hải, mà đông đảo các nhà công nghiệp, thương mại... đã kiến thiết cảng này thực sự trở thành thương cảng lớn, được ví như một “Bordeaux thứ hai” [second Bordeaux] của Pháp ở Bắc Kỳ và đồng thời là trung tâm công nghiệp lớn đương thời. Lịch sử Hải Phòng thời thuộc địa đã ghi nhận những thành quả của giới tư bản Pháp và Việt Nam trong quá trình xây dựng đô thị, phát triển công nghiệp mà di sản và kí ức về nó vẫn còn lại đến ngày nay.

Qua khai thác nguồn tư liệu gốc cùng hệ thống tài liệu thứ cấp, bài viết trình bày về đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu – “những người Hải Phòng lớn” (cùng cộng sự của họ) – trong lịch sử phát triển đô thị và công nghiệp ở Hải Phòng những năm 1885 – 1930.

Từ khoá: Hải Phòng, thành phố cảng, công nghiệp hoá, đô thị hoá

“LES GRAND-HAIPHONNAIS” DE LA FIN DU XIXE SIÈCLE AU DÉBUT DU XXE SIÈCLE (L’histoire de Haiphong à l’époque coloniale française)

✉ **Dr. Trần Văn Kiên**

📄 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: trankienedu@gmail.com*

Résumé: Henri Cucherousset a utilisé le terme “Les Grand-Haiphonnais” dans son article sur *L’Éveil économique de l’Indochine* en 1923 pour parler des gens qui voulaient développer le port commercial de Haiphong. La construction et le développement de cette ville à l’époque coloniale sont un processus coopératif et conflictuel de deux politiques: “le pour” des “Grand-Haiphonnais” et “le contre” des “Petite-Haiphonnais” de la fin du XIX^e au milieu du XX^e siècle. En effet, non seulement les navigateurs, mais aussi un grand nombre de commerçants et d’industriels français ont construit à la ville de Haiphong le grand port commercial, le “second Bordeaux” au Tonkin ainsi qu’un centre industriel, à l’époque. L’histoire coloniale de la ville portuaire de Haiphong a reconnu les acquis des capitalistes français et vietnamiens dans la construction urbaine, le développement industriel dont son patrimoine et sa mémoire demeurent à ce jour. Grâce à l’exploitation des sources et des documents secondaires, cette étude présente les contributions de certaines figures historiques importantes – “Les Grand-Haiphonnais” (et leurs associés) – dans l’histoire du développement urbain et industriel à Haiphong pendant les années 1885 – 1930s.

Mots-clés: Haiphong, ville portuaire, industrialisation, urbanisation

SỰ HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG PHÁP NGỮ TẠI VIỆT NAM VÀ VIỆT NGỮ TẠI PHÁP NHỮNG TÁC NHÂN CỦA CHUYỂN GIAO VĂN HOÁ PHÁP VIỆT

✉ **ThS. Nguyễn Thảo Hương**

📄 *Nghiên cứu sinh Viện Quốc tế Pháp ngữ*

Phòng nghiên cứu “Pháp ngữ, Toàn cầu hoá và quan hệ quốc tế” – Trường Đại học Jean Moulin Lyon 3

✉ *Email: thaohuong@hnue.edu.vn*

Tóm tắt: Cuộc gặp gỡ giữa Pháp và Việt Nam là cuộc gặp gỡ lịch sử, một “cú va chạm” điển hình giữa một dân tộc phương Tây và một dân tộc phương Đông. Trong suốt một khoảng thời gian dài từ nửa cuối thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX, Pháp và Việt Nam đã cùng nhau chứng kiến những khoảng khắc lịch sử của thế giới nói chung và của mỗi nước nói riêng cho dù góc nhìn thật khác biệt: một bên là tầng lớp đô hộ và một

bên là tầng lớp bị đô hộ, một bên là những người thực dân và một bên là những người cách mạng. Cuối thế kỉ XIX, Việt Nam là nơi người Pháp đến để hình thành và vận hành bộ máy cai trị thuộc địa, trong đó có các chính trị gia, các nhà quản lí, các nhà nghiên cứu khoa học, thương nhân, hay lính chiến. Tiếp đó, vào đầu thế kỉ XX, Pháp lại là nơi đón những dòng người di cư từ Việt Nam sang. Trong đó có những người lính thợ Đông Dương, người tị nạn chính trị, thuyền nhân, người đoàn tụ gia đình và cả những trí thức trẻ đi nghiên cứu, học tập. Những hành trình với mục đích chinh phạt, khám phá hay là trốn chạy đó đã hình thành nên hai cộng đồng ngôn ngữ lớn: cộng đồng người nói tiếng Pháp tại Việt Nam và cộng đồng người nói tiếng Việt tại Pháp. Sự trao đổi về con người hẳn nhiên sẽ dẫn đến những sự trao đổi về vật chất và ý thức. Bất chấp khoảng cách địa lí, sự sẻ chia văn hoá từ những trao đổi đó đã dần được hình thành trong nhiều lĩnh vực: ngôn ngữ, giáo dục, kiến trúc, thói quen ăn và mặc, các sản phẩm nghệ thuật và văn chương, các tư tưởng và quan điểm, con người và tình yêu, chiến tranh và hoà bình, xung đột và tình bằng hữu. Quả thực, hai cộng đồng này vừa là những tác nhân truyền tải hết sức quan trọng, vừa là minh chứng sống cho sự giao thoa văn hoá Pháp – Việt với việc hình thành nên những giá trị bản sắc trong văn hoá của mỗi dân tộc từ quá khứ đến hiện đại. Trong mối giao lưu hai chiều đó, ảnh hưởng của Pháp đến Việt Nam hẳn nhiên mạnh mẽ hơn bởi Việt Nam đóng vai trò tiếp nhận và Pháp đóng vai trò truyền phát. Nhưng điều đó không có nghĩa là những dấu ấn của Việt Nam tại Pháp là không đáng kể. Vậy hai cộng đồng ngôn ngữ này đã được hình thành như thế nào? Khu biệt chúng ra sao? Đây là những dấu ấn văn hoá của Pháp trên đất Việt Nam và ngược lại? Đây là mối liên hệ giữa sự hình thành hai cộng đồng ngôn ngữ này với các dấu ấn văn hoá? Các dấu ấn văn hoá này đã, đang và sẽ được gìn giữ như thế nào bởi nước tiếp nhận? Bằng cách tiếp cận đồng đại và lịch đại, bài phân tích này mong muốn trả lời những câu hỏi trên, đồng thời đem lại một góc nhìn khác về nguồn gốc của sự giao thoa văn hoá Pháp – Việt.

Từ khoá: văn hoá, bản sắc, dấu ấn, cộng đồng, di cư, bảo tồn, pháp ngữ, việt ngữ, trao đổi, tác nhân

LA FORMATION DES COMMUNAUTÉS FRANCOPHONES AU VIETNAM ET VIETNAMOPHONES EN FRANCEACTEURS DU TRANSFERT CULTUREL FRANCO-VIETNAMIEN

✍ **Nguyễn Thảo Hương**

📄 *Doctorante, Laboratoire "Francophonie, Mondialisation et Relations internationales"*

Institut international de la Francophonie – Université Jean Moulin Lyon 3

✉ *Courriel: thaohuong@hnue.edu.vn*

Résumé: La rencontre entre la France et le Vietnam est une rencontre du destin, un "clash" typique entre un peuple occidental et un peuple oriental. Pendant une longue durée de la deuxième moitié du XIX^e siècle jusqu'à la fin du XX^{ème} siècle, la France et le Vietnam témoignent ensemble des moments historiques du monde en général et de

chaque pays en particulier même si l'angle du regard est différent: l'un des dominants et l'autre des dominés, l'un des colonisateurs et l'autre des révolutionnaires.

Durant la fin du XIX^e siècle, le Vietnam est la destination des flux d'hommes français venir pour établir et fonctionner le système de gouvernance coloniale. Dans ces déplacements, il y a les hommes politiques, et les administrateurs, mais aussi les soldats, les chercheurs et les hommes d'affaires. Ensuite, vers le début du XX^e siècle, la France a accueilli les vagues d'immigration vietnamienne qui ont emporté les soldats ouvriers, les réfugiés, les "boat-peoples", les rejoints familiaux et aussi les intellectuels. A partir de ces voyages de conquête, de découverte ou même de fuite, deux communautés linguistiques ont été formées: celle des francophones au Vietnam et celle des vietnamophones en France.

Les échanges humains mobilisent certainement les échanges matériels et spirituels. Certes, malgré la distance géographique, un *partage culturel* est produit partir de ces échanges dans une multitude d'aspects: la langue, l'éducation, l'architecture, les habitudes vestimentaires et culinaires, les œuvres artistiques et littéraires, les idées et les pensées, les personnes et les amours, la guerre et la paix, le conflit et l'amitié... Ces deux communautés constituent donc des acteurs très importants pour le transfert culturel franco-vietnamien en composant des valeurs identitaires dans la culture de chaque peuple du passé jusqu'au présent. Dans cette interculturalité, l'influence française à la culture vietnamienne est visiblement plus forte car le Vietnam joue le rôle de récepteur alors la France joue le rôle d'émetteur. Néanmoins, cela ne veut pas dire que les empreintes vietnamiennes dans la culture française ne sont pas considérables.

Comment sont formées ces deux communautés linguistiques et comment sont-elles identifiées? Quelles sont les empreintes de la culture française dans la culture vietnamienne et à l'inverse? Quel est le lien entre la formation de ces communautés et ces empreintes culturelles? Comment ces empreintes sont préservées par les pays d'accueil? En utilisant une approche synchronique et diachronique, cette présente communication voulait répondre à ces questions en apportant un autre angle d'observation de la source du transfert culturel franco-vietnamien. Au premier temps, nous allons identifier les communautés linguistiques en groupes spécifiques soit en fonction du temps chronologique, soit en fonction de leur composition. Ensuite, nous évoquons tous les apports de ces témoins vivants à ce transfert à travers les traces qu'ils ont laissées au fil du temps. La dernière partie se consacre à décrire la situation actuelle des deux communautés, leurs efforts dans la préservation des valeurs identitaires face aux enjeux sociétaux, politiques et économiques.

Mots-clés: immigration, culture, empreinte, identité, préservation, francophone, vietnamophone, échange, acteur

45 NĂM QUAN HỆ VIỆT – PHÁP (1973 – 2018)

✉ **PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh**

📄 *Khoa Chính trị Quốc tế và Ngoại giao, Học viện Ngoại giao*

✉ *Email: hanh.nt@hnue.edu.vn*

Tóm tắt: Quan hệ Pháp – Việt trong 45 năm (1973 – 2018) đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong suốt tiến trình lịch sử của mối quan hệ hai nước. So với quan hệ của Việt Nam đối với các nước phương Tây khác thì nó có những đặc điểm hết sức riêng biệt.

Điểm nổi bật nhất của mối quan hệ này có thể được gọi là “*lợi ngược dòng*” trong xu hướng chung của quan hệ quốc tế. Trên thực tế, kể từ khi chiến tranh Đông Dương kết thúc, Paris và Hà Nội chưa bao giờ quay lưng lại với nhau, bất chấp những thăng trầm của lịch sử và những sự khác biệt về chính trị và hệ tư tưởng. Cũng tương tự như vậy, Pháp luôn “mở rộng cửa” đối với Việt Nam ngay cả trong thời kì “thế giới cấm vận”. Không bị cuốn hoàn toàn theo xu hướng chung của lịch sử, hai nước Việt Nam và Pháp đã vượt lên những bất đồng chính trị, sự đối đầu về ý thức hệ để luôn giữ được sự liên tục của mối quan hệ cả trong những năm tháng khó khăn nhất. Do vậy, mối quan hệ Pháp – Việt không chỉ được bắt nguồn từ truyền thống lịch sử, mà còn được củng cố bền vững hơn qua các giai đoạn phát triển.

Từ khoá: Việt Nam, Pháp, quan hệ ngoại giao, quan hệ quốc tế

VIETNAM-FRANCE: 45 ANS DES RELATIONS DIPLOMATIQUES (1973 – 2018)

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Thị Hạnh**

📄 *Faculté de Politique Internationale et de Diplomatie (Académie Diplomatique du Vietnam)*

✉ *Courriel: hanh.nt@hnue.edu.vn*

Résumé: Les relations franco-vietnamiennes ont joué un rôle très important dans l'histoire des relations liant les deux pays, durant 45 ans (1973 – 2018). A titre de comparaison, les relations du Vietnam avec d'autres pays occidentaux, ont des caractéristiques très distinctes.

Le meilleur aspect de ces relations peut être nommé “le renversement” dans la tendance commune des relations internationales. En fait, même si la guerre d'Indochine est terminée, Paris et Hanoi ne manifestent jamais de rancœur de l'un vis-à-vis de l'autre, en dépit des vicissitudes de l'histoire et les différences de leurs politiques respectives et aussi de l'idéologie. En même temps, la France garde toujours “la porte ouverte” au Vietnam, même durant la période “l'embargo du monde”. Ne suivant pas tout à fait la tendance commune de l'histoire, les deux pays ont dépassé tous les désaccords politiques et les oppositions de conscience pour le maintien sans cesse, de ces relations même dans les années les plus dures. C'est pourquoi les relations franco-vietnamiennes n'ont pas débuté seulement par l'histoire traditionnelle mais se sont aussi consolidées de plus en plus traversant les périodes du développement.

Mots-clés: Vietnam, France, relations diplomatiques, relations internationales

GIAO THÔNG, TIÊU DÙNG HÀNG NGOẠI NHẬP VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG VĂN HOÁ TRONG VÙNG PHÁP (1945 – 1954)

✉ **TS. Lương Thị Hồng**

📄 Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: hongflower@gmail.com

Tóm tắt: Trong giai đoạn 1945 – 1954, ở Việt Nam lúc này hình thành hai vùng: một vùng do chính quyền Pháp kiểm soát và một vùng do chính quyền Việt Minh kiểm soát. Khi cuộc chiến tranh bùng nổ, chính quyền Việt Minh chủ trương phá huỷ hoàn toàn các tuyến đường giao thông để ngăn cản việc Pháp tấn công. Chính vì vậy, Pháp chủ trương đẩy mạnh phát triển giao thông đường hàng không để lấp đầy chỗ trống của ngành vận tải đường sắt và đường bộ. Sự phát triển của hệ thống giao thông đã gắn liền với sự mở rộng hành vi tiêu dùng hàng ngoại nhập, đưa đến những biến đổi văn hoá của người dân trong vùng Pháp. Bài viết sẽ làm rõ sự thay đổi của hệ thống giao thông thuộc địa và sự cải tiến này đã ảnh hưởng ra sao tới đời sống người dân. Trong khi phát triển hệ thống giao thông để thu được lợi nhuận, hệ thống mới này cũng đem đến những lợi ích lớn lao cho người dân Đông Dương – những người sống trong vùng Pháp kiểm soát đã cố gắng thay đổi truyền thống và học theo các nét văn hoá của người Pháp. Giai đoạn 1947 – 1954, bất chấp sự mở rộng của chiến tranh, hàng tiêu dùng ngoại nhập vẫn tiếp tục có mặt và ảnh hưởng tới đời sống và văn hoá của người dân, đưa đến những thay đổi trong xã hội của những cư dân thành thị.

Từ khoá: Việt Nam, Pháp, Đông Dương, giao thông, văn hoá

LA COMMUNICATION ET LA CONSOMMATION DES EXPORTATIONS ET LES INFLUENCES CULTURELLES DANS LA ZONE FRANÇAISE D'OCCUPATION (1945 – 1954)

✉ **Dr. Lương Thị Hồng**

📄 Institut de l'Histoire, Académie des Sciences sociales du Vietnam

✉ Courriel: hongflower@gmail.com

Résumé: Au cours de la période 1945 – 1954, au Vietnam il existait deux zones: une zone occupée par le gouvernement français et celle par le Viet Minh (La ligue d'indépendance Vietnamienne). Lorsque la guerre a éclaté, le gouvernement Viet Minh a tenté de détruire complètement les routes afin d'empêcher l'attaque française. Alors, la France a renforcé le développement de la circulation aérienne pour combler le poste vacant des transports ferroviaires et routiers. Le développement du transport a été lié à l'expansion de la consommation des exportations, conduisant à la transformation culturelle de la population dans la zone française. Cette étude voulait expliquer le changement du transport et comment cette amélioration a-t-elle affecté la vie sociale urbaine. Pour des bénéfiques, ce nouveau système a également apporté de grands avantages aux Indochinois dans la zone contrôlée par les français qui ont essayé de changer les traditions et d'introduire la culture française au Vietnam. Pendant la période

1947 – 1954, malgré l’expansion de la guerre, les marchandises d’exportation ont continué à être apparues et affecté la vie et la culture, cela entraîne des changements des habitants urbains.

Mots-clés: Vietnam, France, Indochine, transport, culture, zone occupée, Viet Minh

PHE PHÁI, LỢI ÍCH NHÓM VÀ QUYỀN LỰC Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XIX

✉ **ThS. Vũ Đức Liêm**

📖 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Nghiên cứu sinh, Đại học Hamburg, Cộng hòa Liên bang Đức

✉ Email: liemvd@hnue.edu.vn; Liem.Vu.Duc@studium.uni-hamburg.de

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát cuộc đấu tranh quyền lực và phe nhóm trong nội bộ triều đình Huế đầu thế kỉ XIX và lập luận rằng xung đột phe phái là mối đe dọa lớn nhất ảnh hưởng đến sự ổn định nền chính trị và thống nhất lãnh thổ ở Việt Nam trong thời kì Gia Long, Minh Mệnh. Bằng cách định vị các mạng lưới quyền lực và phân tích mối tương quan giữa chúng, bài viết tìm cách đưa ra ánh sáng những đặc trưng của cấu trúc chính trị và sự cân bằng phe phái mong manh tại triều đình Huế. Trả lời câu hỏi về sự tương tác giữa các quan chức hàng đầu? Nguyên nhân dẫn đến sự thù hận? Và động cơ của chúng? Bài viết không chỉ giúp giải mã những vấn đề lớn sau hậu trường của một nền chính trị nhiều biến động mà còn gợi mở về phong cách điều hành của Gia Long và Minh Mệnh cũng như nỗ lực không mệt mỏi của họ nhằm củng cố nền hành chính tập quyền và thống nhất lãnh thổ. Thành công của họ trong việc xây dựng nền chính trị hậu chiến đặt viên gạch nền móng cho sự ra đời của nước Việt Nam hiện đại.

Từ khoá: Gia Long, Minh Mệnh, lịch sử chính trị, triều Nguyễn, xung đột phe phái

LES PARTIS, L’INTÉRÊT DU GROUPE ET LE POUVOIR AU VIÊT NAM AU DÉBUT DU XIX – NEUVIÈME SIÈCLE

✉ **Vũ Đức Liêm**

📖 École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE); Doctorant, l’Université de Hambourg, Allemagne

✉ Courriel: liemvd@hnue.edu.vn; Liem.Vu.Duc@studium.uni-hamburg.de

Résumé: Le but de cette étude est d’examiner le conflit de pouvoir et l’existence des groupes politiques dans la Cour de Huế au début du dix-neuvième siècle. Il explique que le conflit des groupes menace fortement et évidemment la stabilité politique et l’unification territoriale du Viêt Nam sous les règnes des empereurs Gia Long et Minh Mệnh. Par la relocalisation des réseaux de pouvoir et l’analyse de leur rapport, cette étude vise à mettre en lumière les caractéristiques de la structure politique et l’équilibre fragile à la Cour de Huế et à répondre des questions: Quels sont les rapports entre les mandarins les plus hauts de la Cour de Huế? Quelles sont les raisons à amener à la haine? Et leur motivation? Cette étude aide non seulement à décoder les grands problèmes dans les coulisses d’une politique très active, mais à suggérer aussi à la fois le

style de gestion des empereurs Gia Long et Minh Mệnh et leurs efforts en vue de la consolidation de l'administration concentrée et l'unité territoriale. Leurs succès dans la construction d'un système politique d'après-guerre ont établi "une brique de fondation" de la naissance d'un Việt Nam moderne.

Mots-clés: Gia Long, Minh Mệnh, l'histoire politique, le conflit des groupes, la dynastie de Nguyễn

QUAN HỆ NGOẠI GIAO GIỮA PHÁP VÀ CHÍNH PHỦ QUỐC GIA VIỆT NAM 1949 – 1955: TIẾP CẬN TỪ NGUỒN TÀI LIỆU LƯU TRỮ TẠI PHÁP

✉ **ThS. Ninh Xuân Thao**

📖 *Nghiên cứu sinh, Đại học Bordeaux Montaigne, Cộng hòa Pháp;*

Giảng viên, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ *Email: thaonx@hnue.edu.vn*

Tóm tắt: Sẽ là thiếu sót nếu như nghiên cứu về quan hệ Pháp – Việt mà không đề cập đến sự tồn tại, hoạt động của Quốc gia Việt Nam (hay còn được nhắc đến với các tên gọi "Chính phủ Bảo Đại", "Chính quyền Bảo Đại", "Quốc gia liên kết Việt Nam") và quan hệ của chính phủ này với Pháp từ năm 1949 đến năm 1955. Sự cởi mở về quan điểm nghiên cứu trong bối cảnh mới và nguồn tài liệu lưu trữ phong phú tại Pháp và Việt Nam là những điều kiện cần thiết cho việc nghiên cứu một cách chuyên sâu, khách quan về sự tồn tại của chính phủ này trong lịch sử Việt Nam hiện đại. Tài liệu lưu trữ tại Pháp về Việt Nam nói chung, Quốc gia Việt Nam nói riêng, từ những năm 80 của thế kỷ XX trở đi, đặc biệt là hai thập niên gần đây, được công bố, sắp xếp lại và phục vụ việc nghiên cứu một cách tự do. Nguồn tài liệu này khá đồ sộ, được lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ lớn của Pháp, trong đó cần phải kể đến 4 trung tâm: Trung tâm lưu trữ quốc gia tại địa chỉ Pierrefitte-sur-Seine, Paris, trung tâm lưu trữ ngoại giao Bộ Ngoại giao Pháp tại La Courneuve, Paris; trung tâm lưu trữ quân đội tại Lâu đài Vincennes và trung tâm lưu trữ quốc gia Hải ngoại, tại Aix-en-Provence. Với việc khảo sát nguồn tài liệu lưu trữ kể trên, người viết đề xuất một số vấn đề khi nghiên cứu về quan hệ Pháp – Quốc gia Việt Nam như thương lượng Bảo Đại – Pháp từ năm 1947 đến năm 1949; hoạt động của Quốc gia Việt Nam dưới sự điều hành của những người theo chủ nghĩa hợp tác, thân Pháp như Nguyễn Văn Xuân, Bảo Đại, Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm từ năm 1949 đến năm 1954; hay sự trở lại của những nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa dân tộc chống Pháp trong Nội các cuối của Ngô Đình Diệm (1954 – 1955)... Thông qua việc nghiên cứu này, chính sách chính trị của Pháp đối với Đông Dương hay hoạt động của các nhóm thân Pháp tại Việt Nam sẽ từng bước được làm sáng tỏ, qua đó cung cấp cái nhìn đầy đủ, toàn diện và khách quan hơn về lịch sử Việt Nam cũng như sự hiện diện của Pháp tại Việt Nam trong chiến tranh Đông Dương (1945 – 1954).

Từ khóa: Quốc gia Việt Nam, chính phủ Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, lưu trữ Pháp, chiến tranh Đông Dương

LES RAPPORTS DIPLOMATIQUES ENTRE LA FRANCE ET L'ÉTAT DU VIÊT NAM (1949 – 1955): UNE APPROCHE PAR LES SOURCES ARCHIVÉES EN FRANCE

✉ **Ninh Xuân Thao**

📖 *Doctorant, L'Université de Bordeaux Montaigne*

Chargé de cours, Faculté d'Histoire, École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)

✉ *Courriel: thaonx@hnue.edu.vn*

Résumé: Pour étudier les relations diplomatiques franco-vietnamiennes, ce sera une lacune si nous n'abordons pas les rapports entre l'État du Viêt Nam (dit "le gouvernement de Bảo Đại", ou "l'État associé du Viêt Nam") et la France de 1949 à 1955. À nos jours, deux conditions nécessaires nous permettent d'approfondir et réexaminer objectivement le mouvement de l'État du Viêt Nam dans l'histoire contemporaine du Viêt-Nam en général, dans les rapports avec la France en particulier, qui sont: le point de vue plus ouvert du côté vietnamien et les archives très riches en France. Depuis deux premières décennies du XXI^{ème} siècle, les archives de France concernant le Viêt Nam, notamment l'État du Viêt Nam sont reclassées, ouvertes au public et librement communicables. Ces archives sont immenses et conservées dans les grands centres d'archives de France. Parmi lesquels il faut mentionner quatre centres suivants: les Archives nationales du site de Pierrefitte-sur-Seine, les Archives diplomatiques de la Courneuve, le Service historique de la Défense au château de Vincennes, à Paris, et les Archives nationales d'Outre-mer, à Aix-en-Provence. En examinant l'état des archives dans ces centres, nous voulons suggérer quelques sujets intéressants en vue d'étudier les rapports entre la France et l'État du Viêt Nam de 1949 à 1955 en terme de négociations entre la France et l'ex-empereur Bảo Đại et la naissance de l'État du Viêt Nam; l'existence et le mouvement de l'État du Viêt Nam sous l'égide des Premiers Ministres francophiles de Nguyễn Văn Xuân, Bảo Đại, Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm de 1949 à 1954 dans ses rapports avec la France, ou le retour sur la scène politique des dirigeants vietnamiens anti-français dans le Cabinet de Ngô Đình Diệm de juin 1954 à octobre 1955, etc... Par ces recherches à venir, nous souhaitons de mettre en lumière la politique de la France à l'égard du Viêt Nam et les activités des partis, des groupes politiques pro-français au Viêt Nam en vue de donner successivement une conception plus complète et plus objective sur à la fois l'histoire contemporaine du Viêt Nam et la présence française au Viêt Nam pendant la guerre d'Indochine (1945 – 1954).

Mots-clés: l'État du Viêt-Nam, le gouvernement de Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, les archives de France, la guerre d'Indochine

GIÁO DỤC Ở LÀNG XÃ CỔ TRUYỀN BẮC KÌ QUA NGHIÊN CỨU CỦA NGƯỜI PHÁP

✉ **PGS.TS. Nguyễn Thị Thọ, TS. Hồ Công Lưu**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: congluu8981@hnue.edu.vn

✉ **ThS. Nguyễn Văn Biếu**

📄 Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tóm tắt: Trong xã hội Việt Nam trước đây, có một nền giáo dục không qua tổ chức trường lớp, được truyền tiếp từ thế hệ này qua thế hệ khác, đó là giáo dục truyền thống làng xã. Mục tiêu chính của giáo dục làng xã nhằm giáo dục nhân cách, đào tạo con người, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của quê hương, đất nước. Trong bài viết này chúng tôi đề cập đến một vài nét về giáo dục ở làng xã cổ truyền Bắc Kỳ qua một số công trình tiêu biểu của người Pháp, phản ánh những nét sinh hoạt và tổ chức của xã hội làng xã vào cuối thế kỉ XIX đầu XX.

Từ khóa: giáo dục, Bắc Kỳ, làng xã cổ truyền

L'ÉDUCATION TRADITIONNELLE DANS LES VILLAGES TONKINOIS À TRAVERS LES ÉTUDES DES FRANÇAIS

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Thị Thọ, Dr. Hồ Công Lưu**

📄 École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)

✉ Courriel: congluu8981@hnue.edu.vn

✉ **Nguyễn Văn Biếu**

📄 Institut de l'Histoire, Académie des Sciences sociales du Vietnam

Résumé: Dans la société ancienne du Vietnam, il existe une éducation informelle qui ne s'organise pas dans les classes ou les écoles, mais qui est transférée de génération à génération sous forme des traditions villageoises. Ces dernières sont pour l'objectif d'éduquer le bien-être, l'honneur humain en vue de maintenir et de promouvoir les identités culturelles du village et du pays. Cette communication tend à présenter certaines caractéristiques très typiques de l'éducation traditionnelle des villages au Tonkin à travers quelques recherches connues réalisées par les Français, celles qui reflètent le quotidien et l'organisation sociétale des villages tonkinois de la fin du XIX^{ème} siècle au début du XX^{ème} siècle. De surcroît, cette communication apporte aussi les connaissances sur l'interculturalité franco-vietnamienne, l'influence du pouvoir coloniale sur l'éducation traditionnelle des villages tonkinois qui n'avaient subi guère des influences féodales.

Most-words: L'éducation, le Tonkin, traditionnelle dans les villages

TIỂU BAN D

TRIẾT HỌC – TÔN GIÁO

Philosophie – Religion

LA PHILOSOPHIE ET SES CONTEXTES

✉ **Prof. Charlotte MOREL**

📄 *École Normale Supérieure, Paris*

✉ *Contact: charlotte.morel@ens.fr; <https://cnrs-gif.academia.edu/CharlotteMorel>*

Résumé: “La philosophie n’est qu’une simple idée d’une science possible qui n’est donnée nulle part *in concreto*. [Jusqu’ici on ne peut apprendre aucune philosophie; car où est-elle, qui la possède et à quoi peut-on la connaître? On ne peut qu’apprendre à philosopher, c’est-à-dire à exercer le talent de la raison dans l’application de ses principes généraux à certaines tentatives qui se présentent [...]”. “La méthode de l’enseignement de la philosophie est zététique [...], c’est-à-dire qu’elle est une méthode de recherche”. (*Critique de la raison pure; Annonce du programme des leçons de M.E. Kant durant le semestre d’hiver 1765 – 1766*).

Ces phrases connues d’Emmanuel Kant disent parfaitement la difficulté de transmettre l’histoire de la philosophie en philosophie: c’est-à-dire d’enseigner la philosophie conjointement dans les *deux* sens du mot discipline, comme héritage (de corpus et de pratiques constituées) et comme acte (impliquant auto-contrainte de la pensée par la méthode, l’exigence de vérité et de critique). A partir de ma propre pratique, à partir de quelques modèles historiques à interroger (l’enseignement scolastique; Fichte, Humboldt à la fondation de l’université allemande; l’enseignement des fondateurs de la philosophie analytique), je tenterai de réfléchir les contraintes qui définissent la marge de manœuvre d’une entreprise dont on pourrait donc dire qu’elle s’apparente à la quadrature du cercle. Si enseigner est l’une des tâches impossible (Freud), enseigner la philosophie l’est-il doublement? Que faut-il pour que l’enseignement de la philosophie remplisse indissociablement sa double fonction: *transmission, et transfert?*

Réfléchir à cet “impossible” par la médiation de l’échange interculturel se révèle une voie favorable: le transfert d’un contexte d’enseignement à l’autre implique un “détour”, produit donc une occasion critique de tenter d’apercevoir depuis le regard de l’autre ce qu’il en est des pratiques usuelles à chacun. Par ailleurs, entrer en contact avec le contexte culturel vietnamien doit m’inciter à demander comment celui-ci, dans son histoire présente, constitue un espace de constitution et de réception particulier de l’entreprise philosophique: comment et en quoi donne-t-il lieu à la valorisation plus marquée de certains problèmes? Quelles sont les attentes de la communauté philosophique vietnamienne, actuelle et à venir, par rapport aux modèles institutionnels et aux centres d’intérêt de la recherche philosophique occidentale d’aujourd’hui?

TRIẾT HỌC VÀ BỐI CẢNH CỦA TRIẾT HỌC

✉ **GS. Charlotte MOREL**

📄 Trường Sư phạm Cao cấp Paris

✉ Contact: charlotte.morel@ens.fr; <https://cnrs-gif.academia.edu/CharlotteMorel>

Tóm tắt: Triết học chỉ là một ý niệm đơn thuần về một khoa học khả hữu mà ta không tìm thấy ở bất cứ nơi đâu một cách rõ ràng cụ thể. [Cho đến giờ ta chưa từng học được bất kì một triết thuyết nào; bởi lẽ triết thuyết ấy ở đâu, ai là người thụ đắc và dựa vào đâu để ta nhận ra nó? Ta chỉ có thể học cách triết lí mà thôi, tức là sử dụng tài năng lí tính của mình trong việc thực hiện các nguyên tắc phổ quát trước một số cảm dỗ nào đó [...]] (*Phê phán lí tính thuần túy*, Cấu trúc lí tính thuần túy). Phương pháp giảng dạy triết học mang tính truy cứu [...], tức là một phương pháp nghiên cứu. (*Thông báo chương trình bài giảng của M.E. Kant trong học kì mùa đông 1765 – 1766*)

Những lời trên đây của Emmanuel Kant, giáo sư triết học, đã cho ta thấy rõ những nào những khó khăn trong việc chuyển tải lịch sử triết học đối với một triết gia. Có nghĩa là giảng dạy triết học ở cả hai nghĩa của từ “môn học”: vừa như một sự kế thừa (về mặt tư liệu và thực tiễn) vừa như là một hành vi (hàm chứa sự tiết chế của tư duy thông qua phương pháp, tính nghiêm cẩn của sự chân tính và tinh thần phản biện). Từ thực tế công việc nghiên cứu, từ những mô thức lịch sử được xem xét (phương pháp kinh viện; tư tưởng Fichte, Humboldt trong sự thành lập trường đại học Đức; phương pháp của các nhà sáng lập trường phái triết học phân tích), tôi muốn trình bày những khó khăn ràng buộc trong việc giảng dạy môn Triết học, một việc được xem như là nan khó. Nếu giảng dạy là một nhiệm vụ bất khả thi (Freud), thì phải chăng giảng dạy triết học là một nhiệm vụ bất khả thi gấp đôi? Làm thế nào để việc giảng dạy triết học có thể chu toàn được hai chức năng gắn kết của nó, đó là *truyền thụ* và *chuyển giao*?

Bàn về cái “bất khả” thông qua giao tiếp liên văn hoá có vẻ là một cách làm hợp lí: việc chuyển từ một bối cảnh sư phạm này sang một bối cảnh sư phạm kia hàm chứa một “lối đi vòng”, tạo nên một cơ hội phản biện giúp ta thông qua cái nhìn đến từ bên ngoài mà biết được thực tiễn của mỗi nước. Mặt khác, khi tiếp xúc với bối cảnh văn hoá của Việt Nam hiện tại, tôi tự đặt cho mình câu hỏi nền văn hoá ấy hình thành và tiếp nhận các tư tưởng triết học như thế nào: nền văn hoá ấy đã có những đánh giá như thế nào đối với các vấn đề của triết học? Đây là những chờ đợi của cộng đồng các nhà triết học Việt Nam, hiện tại và tương lai, trong mối quan hệ với các mô hình thể chế và với những quân tâm của các nhà triết học phương Tây ngày nay?

QUAN ĐIỂM VỀ TÔN GIÁO CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC KHAI SÁNG PHÁP

✉ **PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn**

📄 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

✉ Email: nguyenanhtuantr@gmail.com

Tóm tắt: Triết học Khai sáng Pháp là trào lưu tư tưởng nảy sinh và phát triển trong một bối cảnh lịch sử đặc thù với những biến động mạnh mẽ của xã hội Pháp trong thế kỉ XVIII đã làm lung lay tận gốc rễ những thiết chế đang thống trị. Vào thời kì đó, những thay đổi rất căn bản đã khiến cho toàn bộ hệ giá trị tinh thần cũ trở thành đối tượng phê phán, đồng thời đặt ra nhu cầu xây dựng hệ giá trị mới. Triết học Khai sáng được hình thành đã đáp ứng nhu cầu này. Trong số các quan điểm và giá trị mà các nhà triết học Khai sáng Pháp đã luận chứng, quan điểm về tôn giáo có ý nghĩa và ảnh hưởng rất lớn đến các quan điểm duy vật về tôn giáo sau này của C. Mác và Ph. Ăngghen và cũng đã có ảnh hưởng không nhỏ đến các nhà tư tưởng Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay.

Bài viết tập trung phân tích quan điểm về tôn giáo của các nhà triết học Khai sáng Pháp được thể hiện qua các nội dung như: nhìn nhận lại về tinh thần chống tôn giáo của triết học Khai sáng Pháp, luận giải về sự cần thiết tồn tại của tôn giáo, tư tưởng về khoan dung tôn giáo và tôn giáo dân sự.

Từ khoá: tôn giáo, triết học khai sáng Pháp, khoan dung, tôn giáo dân sự.

LES POSITIONS RELIGIEUSES DES PHILOSOPHES DES LUMIÈRES FRANÇAIS

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Anh Tuấn**

📄 L'École supérieure de sciences sociales et humaines, Université nationale de Hanoi

✉ Courriel: nguyenanhtuantr@gmail.com

Résumé: La philosophie des Lumières française est un mouvement de pensée qui a surgi et s'est développé dans un contexte historique particulier avec de forts changements de la société française au XVIII^e siècle qui ont ébranlé les fondements des institutions dominantes. À ce moment-là, des changements radicaux ont fait que toutes les vieilles valeurs spirituelles sont devenues critiques, donc il était nécessaire de créer de nouvelles valeurs. La philosophie des Lumières a répondu à ce besoin. Parmi les points de vue et les valeurs que les philosophes français ont éclairés, leurs points de vue sur la religion ont été significatifs et ont considérablement influencé aussi sur les points de vue marxiste sur la religion que sur les intellectuels vietnamiens depuis le début du XX^e siècle jusqu'au jourd'hui.

Notre contribution se concentre sur les points de vue des philosophes français des Lumières sur la religion, qui sont exprimés par les contenus suivants: l'esprit anti-religieux de la philosophie des Lumières, l'interprétation de la nécessité de la religion, l'idée de la tolérance religieuse et de la religion civile.

Mots-clés: religion, philosophie des Lumières, tolérance, religion civile

NÉT TƯƠNG ĐỒNG TRONG QUAN NIỆM CỦA HỒ XUÂN HƯƠNG VÀ S. DE BEAUVOIR VỀ THÂN PHẬN NGƯỜI PHỤ NỮ

✉ **PGS.TS. Bùi Thị Tĩnh**

📖 Học viện chính trị Công an nhân dân

✉ Email: tinhtu_02@yahoo.com

Tóm tắt: Thi sĩ Hồ Xuân Hương và nhà văn, nhà triết học hiện sinh S.de Beauvoir là hai phụ nữ sống ở hai thời đại và hai nền văn hoá khác nhau. Song có lẽ, do cùng chung mối quan tâm, sự trăn trở về phụ nữ, nên hai nữ sĩ đã có những điểm tương đồng trong quan niệm về thân phận người phụ nữ. Vì vậy, việc tìm hiểu những nét tương đồng trong quan niệm về thân phận phụ nữ của hai nữ sĩ có ý nghĩa quan trọng, nhằm kế thừa những giá trị hợp lí, tích cực, góp phần thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay. Mặc dù ở từng luận điểm, giữa Hồ Xuân Hương và Beauvoir có sự khác biệt nhất định, song điểm gặp gỡ chung, lớn nhất giữa họ là những suy tư, trăn trở, sự thấu hiểu, chia sẻ với thân phận “nữ nhi thường tình” mà xã hội đã áp đặt cho phụ nữ; và khát vọng thay đổi, giải phóng phụ nữ, mang lại ánh sáng, niềm vui cho cuộc đời của chính họ. Bỏ qua những tiểu tiết, có thể tìm ra những nét tương đồng cơ bản trong quan niệm về thân phận người phụ nữ của hai nữ sĩ, đó là: quan niệm về nguyên nhân phụ thuộc của người phụ nữ; biểu hiện sự phụ thuộc của người phụ nữ; về mối quan hệ đàn ông – đàn bà; về con đường giải phóng phụ nữ.

Không chỉ xót thương, chia sẻ với thân phận yếu đuối, thiệt thòi của phụ nữ, để thay đổi thân phận “tiểu nhân”, “tha nhân” của họ, hai bà đã yêu cầu phụ nữ phải tự vươn lên giải phóng cho chính mình. Bằng tinh thần hiện sinh, dám làm, dám chịu trách nhiệm, các bà khuyến khích phụ nữ phải vượt qua các rào cản xã hội để tự mình làm nên mình, khẳng định cái tôi nhân vị của chính mình. Có thể nói, điểm chung, lí tưởng giải phóng phụ nữ của hai bà là sự tự do. Phụ nữ cần phải được tự do để nắm trong tay số phận của mình, bởi: “con người chỉ được sống có một lần và đừng thờ ơ với cuộc sống ấy”. Đó là thông điệp quan trọng mà các nữ sĩ gửi gắm đến phụ nữ toàn thế giới.

Từ khoá: thân phận phụ nữ, tương đồng, Hồ Xuân Hương, S.de Beauvoir

DE LA SIMILITUDE DANS LES CONCEPTIONS DE LA FEMME ENTRE DEUX FEMME AUTEURS HỒ XUÂN HƯƠNG ET SIMONE DE BEAUVOIR

✉ **Prof.as.Dr. Bùi Thị Tĩnh**

📖 Académie politique de police populaire

✉ Courriel: tinhtu_02@yahoo.com

Résumé: Hồ Xuân Hương et Simone de Beauvoir vivent respectivement dans les périodes différentes, l'une au Vietnam du tournant du XVIII et XIX siècles, l'autre dans un pays occidental, la France au XX siècle. L'une est une femme poète bien connue au Vietnam, par l'intermédiaire de sa poésie, comme une féministe; l'autre, par ses écrits existentialistes sur la question féminine, est bien connue dans le monde entier comme la

première écrivaine féministe au temps moderne. Mais on peut trouver des traits communs dans leur conception sur la condition féminine bien que leurs vocations soient différentes. Tout d'abord elles subissent les mêmes préfixes, imposées aux femmes par les sociétés masculines; et ensuite elles sont le désir de changer, de se libérer. Non seulement elles déplorent les désavantages féminines, mais aussi elles ont demandé aux femmes de se libérer, de se déterminer. On peut dire que leur point commun, leur commune idée est de libérer des femmes parce que: "L'homme ne peut vivre qu'une seule fois alors, ne néglige pas cette vie". C'est le message important que les femmes lettrées envoient aux femmes du monde entier.

Mots-clés: Condition féminine, Ho Xuan Huong, S. de Beauvoir

TRIẾT HỌC KHAI SÁNG PHÁP VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ TỚI TRIẾT HỌC VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX– ĐẦU THẾ KỈ XX

✉ **ThS. Vũ Thị Hải, ThS. Hoàng Phương Thảo**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: vuhai100286@gmail.com

Tóm tắt: Triết học Khai sáng là một trào lưu văn hoá, triết học đặc thù của châu Âu thế kỉ XVIII, được khơi nguồn từ chủ nghĩa duy lí thế kỉ XVII, đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống tư tưởng cũng như thực tiễn xã hội châu Âu thời kì cận đại. Với tác phẩm "Trả lời câu hỏi: Khai sáng là gì?" (1783), I. Kant là người đầu tiên đưa ra khái niệm Khai sáng: "Khai sáng là sự thoát li của con người ra khỏi tình trạng vị thành niên do chính con người gây ra. Vị thành niên là sự bất lực không thể vận dụng trí tuệ của mình một cách độc lập mà không cần sự chỉ đạo của người khác". Nước Pháp trở thành trung tâm của tư tưởng Khai sáng nhờ đóng góp của giới trí thức, được gọi là các "philosophe". Trong số họ có thể là các triết gia thực thụ, cũng có thể là các nhà văn, nhà sử học, nhà nghiên cứu lĩnh vực khoa học tự nhiên... Nhưng họ có chung một lí tưởng là xây dựng một xã hội tiến bộ, phát triển trên tinh thần bác ái, khoan dung, tự do và bình đẳng, đấu tranh chống lại xã hội phong kiến đương thời đầy rẫy những bất công và xiềng xích kìm hãm con người.

Phong trào Khai sáng làm thay đổi căn bản tinh thần của người châu Âu và tạo nên sự chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội. Điều đặc biệt là tư tưởng Khai sáng đã vượt qua đại dương để đến với châu Á, với nền văn hoá Đông phương, trong đó có Việt Nam. Sự khủng hoảng, trì trệ, suy yếu trầm trọng của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn cùng với hoạ xâm lăng của thực dân Pháp vào nửa cuối thế kỉ XIX đã đặt ra nhu cầu cấp bách đối với sự thịnh suy, tồn vong của dân tộc Việt Nam: muốn thoát khỏi ách nô lệ và phụ thuộc, không còn con đường nào khác ngoài việc phải canh tân đổi mới triệt để. Tiếp thu tinh thần khai sáng qua các Tân thư của các nhà cải cách Trung Hoa như Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, các trước tác của Montesquieu, Rousseau, Voltaire cùng với tấm gương cuộc cải cách Duy tân Minh Trị của Nhật Bản, các sĩ phu

yêu nước như: Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu với Duy tân hội cùng phong trào Đông Du, Phan Châu Trinh với phong trào Duy tân... tích cực lĩnh hội và truyền bá sâu rộng những tư tưởng tiến bộ. Họ đã thể hiện ý thức trách nhiệm cũng như tâm sự của một công dân yêu nước bằng những đề nghị cải cách, canh tân qua các bản điều trần, những bức tấu, sớ, những bức thư, những ghi chép của mình. Dù còn có nhiều cách biệt, bất đồng nhưng những tư tưởng của các nhà trí thức Khai sáng Việt Nam đều tụ lại ở một điểm: đó là thái độ phê phán nền học thuật Nho gia, văn chương cừ tử, tức cái học kinh viện giáo điều tách rời cuộc sống thực tế, tổ cáo nọc độc của cái học khoa cử; đó là ở tinh thần cầu tiến, ham học hỏi các kiến thức tân kì, sản phẩm khoa học và công nghệ của phương Tây cùng những tư tưởng dân chủ, nhân văn với khát vọng xây dựng một Việt Nam phú cường giàu mạnh; và trên hết, đó là tất cả niềm trân trọng, suy tư của những tấm lòng sắt son yêu nước, luôn đau đáu trước vận mệnh của quốc gia dân tộc.

Từ khoá: triết học Khai sáng, thời kì Khai sáng, tư tưởng Việt Nam, triết học khai sáng Pháp, triết học Ánh sáng

LA PHILOSOPHIE DES LUMIÈRES EN FRANCE ET SON INFLUENCE SUR LA PHILOSOPHIE VIETNAMIENNE À LA FIN DU XIX^E SIÈCLE ET AU DÉBUT DU XX^E SIÈCLE

✍ **Vũ Thị Hải, Hoàng Phương Thảo**

📖 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: vuhai100286@gmail.com*

Résumé: La Philosophie des Lumières constitue un mouvement culturel, philosophique particulière de l'Europe au XVIII^e siècle, qui provient du rationalisme du XVII^e siècle et a créé un changement important dans la vie idéologique et la société européenne de l'ère moderne. Avec l'œuvre "Qu'est-ce que les Lumières?" (1783), I. Kant représente la première personne qui définit la notion "Lumières" comme la "sortie hors de l'état de tutelle" c'est-à-dire la situation de l'homme hors d'état de faire usage par lui-même de sa raison. Cette condition hétéronome est imputable car elle résulte d'un manque de "résolution" et de "courage"¹. La France devient le centre de la pensée des Lumières grâce aux contributions des intellectuels, appelés "philosophes". Ils peuvent être de vrais philosophes, peut-être des écrivains, des historiens, des chercheurs dans le domaine des sciences naturelles, etc. Mais ils partagent le même idéal de construction d'une société progressiste, développé dans un esprit de charité, de tolérance, de liberté et d'égalité en luttant contre la société féodale contemporaine, pleine d'injustices et d'entraves à l'humanité.

Le mouvement des Lumières a changé l'esprit des européens et a créé un changement positif dans la vie sociale. Particulièrement, la pensée des Lumières a traversé l'océan pour venir à l'Asie, à la culture orientale, dont le Vietnam. En face de la crise, de la stagnation, de la grave faiblesse de la dynastie féodale des Nguyen et surtout

du risque d'invasion coloniale française dans la seconde moitié du XIX^e siècle, la réforme radicale au profit de la prospérité et de la survie du peuple vietnamien devient urgent. En acceptant l'esprit de l'illumination à partir des nouveaux documents des réformateurs chinois comme Kang Youwei et Liang Qichao, des écrits de Montesquieu, Rousseau, Voltaire, ainsi que l'exemple de la restauration de Meiji au Japon, les érudits patriotiques comme: Pham Phu Thu, Nguyen Lo Trach, Nguyen Truong To, Phan Boi Chau avec Duy tan hoi (Association de réforme) et le mouvement Dong Du (Voyage en Orient), Phan Chu Trinh avec le mouvement Duy Tan (Pour la Réforme)... ont acquis activement la pensée des Lumières et l'ont diffusée largement. Bien qu'il existe de nombreuses différences, des désaccords, les intellectuels dits *Lumières du Vietnam* ont un point de vue commun: c'est la critique du système académique du confucianisme, le décalage entre les études et la vie réelle. Ils expriment leur curiosité vis-à-vis des nouvelles connaissances sur les produits scientifiques et technologiques occidentaux ainsi que leur idée de démocratie et d'humanité.

Mots-clés: Philosophie des Lumières, Siècle des Lumières, Pensée Vietnamienne, Philosophie française des Lumières, Philosophie des Lumières

ETUDIER LES RITUELS SACRALITÉS CONFUCÉENNES ET RÉPUBLICAINES –

✉ **Benoît VERMANDER**

📖 *Université Fudan, Shanghai, Chine*

✉ *Courriel: mdwei@fudan.edu.cn*

Résumé: Les rituels ne contribuent pas seulement à révéler ou justifier des rapports de force; ils en créent, autrement dit ils *font* au moins autant qu'ils *disent*; ils sont éducateurs des consciences et pratiques; ils sont opérateurs des distinctions entre le profane et le sacré.

En Chine ancienne, gouverner revient à sacrifier. La mise en place d'un système rituel de nature sacrificiel est marquée par le balancement entre les figures et fonction du roi (wang 王) et du prêtre-devin (wu 巫). Le sacrifice était image inversée de l'ordre social effectif, le roi offrant les viandes et n'en goûtant qu'une toute petite part. Les transformations affectant les régulations rituelles se sont accompagnées de la montée en puissance de la plus basse classe de la noblesse (shi 士). Si, peu avant l'apparition du premier Empire, la nostalgie des rituels anciens refait surface, elle est vite submergée par des exigences de normalisation, d'impartialité, de rationalisation qui modifient la matrice théologico-politique de la Chine ancienne.

L'excellence et le goût déployés dans la performance musicale sont indice du degré de stabilité et de pérennité qu'un Etat peut espérer atteindre. Vers le temps de la rédaction du Zhuangzi 莊子, le terme d'Harmonie s'étend à l'édifice cosmique. Chez Confucius, le rapport entre li 禮 (rituel) et ren 仁 (vertu d'humanité) est conçu sur le modèle de la performance musicale: la réussite d'un rituel comme la performance d'un

acte d'humanité sont analogues à celles d'un musicien, dans laquelle on pourra percevoir confiance et sincérité (ou leur absence). De ce point de vue, le rituel ne saurait être compris sur la seule base de son rapport au politique. Telle que présentée par Confucius et certains textes postérieurs, la pratique rituelle à la fois ordonne et libère. A partir de ce moment, le rapport entre "rituel" et "politique" ne saurait se penser sans référence à un troisième terme: celui de "l'homme profond" (junzi 君子), qui pratique et régule l'un et l'autre depuis le lieu de son intériorité et de son jugement moral.

Un champ tout différent va nous orienter pareillement vers le croisement du substrat religieux des opérations rituelles, de leur fonctionnement politique et de leur dimension pédagogique. Le livre de Mona Ozouf, *La fête révolutionnaire*, paru en 1976 rappela à ses lecteurs que la fête révolutionnaire française opérait un transfert de sacralité.

Toutes les croyances, écrivait Durkheim, "supposent une classification des choses, réelles ou idéales, que se représentent les hommes, en deux classes, en deux genres opposés, désignés généralement par deux termes distincts que traduisent assez bien les mots de profane et de sacré". A sa suite, Marcel Mauss s'intéresse au don des objets sacrés, symboles de collectivité, véhicules de *mana*. Le sacré est phénomène de circulation – et c'est en ce sens qu'il *est* le social.

Prêtant attention à cette circulation entre le religieux et le politique, Claude Nicolet écrit: "la France est un peuple-Christ, la révolution un fait symbolique universel où se joue le destin de l'humanité. (...) La République emprunte au sacré, voire au divin, ses mots, et peut-être plus que ses mots." Ainsi, la ville de Versailles, étudiée par moi, représentait son vivre-ensemble au travers de deux célébrations concurrentes, celles de la Fête-Dieu et celle du général républicain Lazare Hoche, enfant de la ville. L'une et l'autre célébration se tenaient vers la fin juin.

Ainsi, la performance rituelle correspond à un travail de sens par lequel la communauté redéfinit ses frontières, son fondement et sa destinée.

TÌM HIỂU VỀ CÁC NGHI LỄ NHỮNG BIỂU TƯỢNG THIÊNG LIÊNG CỦA NHO GIÁO VÀ CỦA NỀN CỘNG HOÀ

✉ **Benoît VERMANDER**

📖 Đại học Phúc Đán, Thượng Hải, Trung Quốc

✉ Email: mdwei@fudan.edu.cn; benoit.vermander@gmail.com

Tóm tắt: Nghi lễ không chỉ góp phần vào việc làm sáng tỏ hay minh chứng cho các mối quan hệ trong xã hội; chúng tạo ra các mối quan hệ; chúng đóng vai trò giáo dục cho ý thức và hành động; qua nghi lễ ta thấy có sự phân biệt giữa cái phàm tục và cái thiêng liêng.

Ở thời Trung Hoa cổ, cai trị chính là hiến sinh. Nghi lễ hiến tế được thực hiện dựa trên quan niệm cân bằng giữa ngôi vua và vai trò của nhà vua (vương, wang 王) với vũ thuật (wu 巫). Nghi lễ hiến tế là một hình ảnh đảo ngược của trật tự thật trong xã hội,

nhà vua đóng vai trò là người phân phát thịt của con vật tế nhưng chỉ nhận một phần rất nhỏ từ khoản thịt ấy. Những biến đổi tác động đến sự điều hoà của các nghi lễ đến từ sự lớn mạnh của tầng lớp thấp nhất trong giới quan lại (sĩ, shi 士). Không lâu trước sự ra đời của Đế chế, nổi lên một phong trào phục hồi các nghi lễ xưa, nhưng nó đã nhanh chóng bị dập tắt bởi yêu cầu về sự chuẩn hoá, sự công minh và hợp lí. Những yêu cầu này đã điều chỉnh bức tranh thần học-chính trị của Trung Hoa cổ.

Khả năng hoàn thiện và sở thích về âm nhạc được xem như là dấu hiệu cho mức độ ổn định và trường tồn mà một quốc gia muốn đạt tới. Đến khoảng thời kì sách Trang Tử được biên soạn thì khái niệm về sự Hải hoà mới được mở rộng sang trật tự vũ trụ. Theo Khổng Tử, mối quan hệ giữa lễ (li 禮) và nhân (ren 仁) được xây dựng dựa trên sự hoàn thiện của nhạc: việc thực hiện một nghi lễ hay làm một điều thiện cũng giống như việc một nhạc công đang chơi nhạc, ở đó ta thấy có sự tự tin và lòng chân thật. Theo cách nhìn nhận như thế, nghi lễ không thể được kiến giải một cách đơn giản bằng cách chỉ dựa vào mối quan hệ của nó với chính trị. Như Khổng Tử đã nói và cũng như các sách đời sau cũng có nêu, việc thực hành nghi lễ vừa giúp con người giữ được sự nghiêm cẩn vừa mang đến cho họ sự tự do. Từ đó, mối quan hệ giữa “nghi lễ” và “chính trị” không thể được kiến giải rõ ràng nếu ta không kể đến một yếu tố thứ ba: đó là người quân tử (junzi 君子).

Trên một phương diện khác, tác phẩm của Mona Ozouf, *Lễ hội dưới thời cách mạng*, xuất bản năm 1976, nhắc chúng ta rằng các buổi lễ được tổ chức dưới thời cách mạng Pháp trên thực tế là một sự chuyển giao những điều thiêng liêng. Qua đó tác giả cho ta thấy nền tảng mang tính tôn giáo, chức năng chính trị cũng như khía cạnh mô phạm của các nghi lễ ấy.

Durkheim nói, tất cả các tín ngưỡng đều “giả định rằng có một sự phân loại nào đó của sự vật, thực tế hoặc lí tưởng, được con người chia làm hai lớp, hai loại tách biệt nhau và thường được định danh bằng những từ ngữ mang tính khu biệt rõ ràng, ví như hai từ phạm tục và thiêng liêng chẳng hạn.” Sau đó, Marcel Mauss quan tâm đến việc ban tặng các vật thiêng liêng, biểu tượng của tính cộng đồng, là phương tiện thể hiện đối với thần (*mana*). Thiêng liêng là hiện tượng tuần hoàn – và chính vì lẽ đó mà nó mang tính xã hội.

Chính vì ý thức về sự tuần hoàn giữa tôn giáo và chính trị mà Claude Nicolet cho rằng: “Pháp là một dân tộc-Kitô, cuộc cách mạng Pháp mang một ý nghĩa biểu tượng toàn cầu, ảnh hưởng đến vận mệnh của cả nhân loại. (...) Nền cộng hoà vay mượn ở yếu tố thiêng liêng, kể cả ở yếu tố thần linh, những ngôn từ của họ, và có thể còn nhiều hơn cả ngôn từ nữa”. Như vậy, trường hợp của thành phố Versailles, mà tôi đã nghiên cứu, cho ta thấy sự “sống chung” của nó thông qua hai nghi lễ mang tính tương tranh: đó là lễ kính Mình Máu Thánh Chúa và lễ tưởng niệm tướng Lazare Hoche, một người con của thành phố. Cả hai đều được tổ chức vào cuối tháng sáu hàng năm.

Tính hoàn chỉnh của nghi lễ được thể hiện thông qua khả năng thực hiện mong muốn của cộng đồng nhằm tái xác định lại các giới hạn, nền tảng và vận mệnh của họ.

GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP TRONG LĨNH VỰC TÔN GIÁO. TRƯỜNG HỢP HỘI PHẬT GIÁO BẮC KÌ (1934 – 1945)

✉ **TS. Ninh Thị Sinh**

📖 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

✉ Email: sinhninh@gmail.com

Tóm tắt: Việt Nam giai đoạn thuộc địa đã được nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau như kinh tế, văn hoá, xã hội, tôn giáo. Tuy nhiên, trong lĩnh vực tôn giáo, thông thường các tác giả chỉ quan tâm đến Thiên Chúa giáo và hai tôn giáo mới, đó là Cao Đài và Hoà Hảo, còn Phật giáo, một trong ba tôn giáo cổ truyền của người Việt dường như vẫn được coi như hàng thế kỉ trước. Trong bài tham luận này, chúng tôi đặt vấn đề Phật giáo quan tâm đến bên ngoài và có tiếp nhận những ảnh hưởng của văn hoá phương Tây. Vấn đề này sẽ được nghiên cứu qua trường hợp Hội Phật giáo Bắc Kỳ (1934 – 1945). Trên cơ sở các nguồn tài liệu lưu trữ, cũng như phân tích các ấn phẩm do Hội Xuất bản, nhất là báo Đuốc Tuệ (1935 – 1945) cơ quan ngôn luận của Hội, bài viết làm sáng tỏ sự tiếp nhận ảnh hưởng văn hoá phương Tây trên các phương diện như tuyên truyền (sử dụng báo chí làm công cụ), giải thích (sử dụng đa dạng các thể loại văn học để giải thích giáo lí đạo Phật một cách sinh động và dễ hiểu), nội dung giáo lí (những nội dung căn bản của đạo Phật cũng được giải thích lại theo nhận thức mới của lớp trí thức vũng vàng Tây học). Sự tiếp nhận này không nằm ngoài mục đích hiện đại hoá đạo Phật, làm cho đạo Phật phù hợp với những nhu yếu của xã hội hiện đại nhưng không xa rời với những tôn chỉ mà Phật tổ đã dạy.

Từ khoá: Hội, Phật giáo, tạp chí, Bắc Kỳ, Đuốc Tuệ, chấn hưng

ECHANGES ET ACCULTURATION VIETNAM-FRANCE DANS LE DOMAINE RELIGIEUX. CAS DE L'ASSOCIATION DES BOUDDHISTES DU TONKIN (1934 – 1945)

✉ **Dr. Ninh Thị Sinh**

📖 École Normale Supérieure de Hanoi 2

✉ Courriel: sinhninh@gmail.com

Résumé: Le Vietnam à l'époque coloniale française a été étudié dans plusieurs domaines différents tels que l'économie, la culture, le société, la religion. Dans le domaine religieux, des auteurs s'intéressent souvent au catholicisme et aux deux nouvelles religions, Cao Dai et Hoa Hao, alors que les changements du Bouddhisme, dûs aux contextes historiques n'attirent pas suffisamment l'attention. Ainsi, nous proposons la question des changement du Bouddhisme sous les influences culturelles venant de la France. Cette question sera étudiée à travers le cas de l'Association des bouddhistes du Tonkin (1934 – 1945). A partir des documents d'archives conservés en France et au Vietnam ainsi que des publications, surtout la revue Đuốc Tuệ (le Flambeau

de la Spiritualité), organe de porte-parole de l'Association des bouddhistes, nous nous concentrons sur les trois domaines: diffusion (la revue est le moyen privilégié), méthodes d'explication (l'utilisation de divers genres littéraires pour présenter et expliquer de manière facilement le bouddhisme), réinterprétation des contenus bouddhiques (selon la connaissance des nouveaux diplômés). Toutes ces procédés visent à la modernisation du bouddhisme, de le rendre conforme à sa doctrine, et en même temps, adapté à la société moderne.

Mots-clés: association, bouddhique, revue, Tonkin, Đuốc Tuệ, rénovation

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

✍ **PGS.TS. Chu Văn Tuấn**

📖 Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: chuvantuan_jh07@yahoo.com

Tóm tắt: Trên cơ sở kết quả của các chuyến khảo sát, điền dã trong thời gian gần đây, bài viết bước đầu chỉ ra một số biến đổi của Phật giáo ở Việt Nam trên các phương diện cơ bản là biến đổi của niềm tin Phật giáo, biến đổi của thực hành Phật giáo và biến đổi của cộng đồng Phật giáo. Trong tương quan so sánh với 15 năm trước đây cho thấy, sự biến đổi của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay diễn ra mạnh mẽ hơn nhiều. Sự biến đổi của Phật giáo ở Việt Nam là một tất yếu trước những yếu tố tác động của bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và của chính bản thân Phật giáo. Báo cáo cũng đặt vấn đề về Phật giáo ở Pháp trong mối tương quan lịch sử – văn hoá nhất định.

Từ khóa: Sự biến đổi, biến đổi của tôn giáo, biến đổi của Phật giáo, niềm tin Phật giáo, thực hành Phật giáo, cộng đồng Phật giáo

LA TRANSFORMATION DU BOUDDHISME AU VIETNAM AUJOURD'HUI

✍ **Prof.as.Dr. Chu Văn Tuấn**

📖 Institut des Recherches sur les Religions, Académie des Sciences Sociales du Vietnam

✉ Courriel: chuvantuan_jh07@yahoo.com

Résumé: Partant des résultats des enquêtes récentes sur le terrain, l'article montre les transformations du Bouddhisme au Vietnam à différents niveaux: de la croyance, de la pratique et de la communauté bouddhistes. En faisant la comparaison avec le Bouddhisme du 15 ans auparavant, le Bouddhisme d'aujourd'hui change beaucoup du aux influences des contextes économique, politique, social et bouddhiste eux-mêmes. L'article a mis aussi la question sur le Bouddhisme en France dans le contexte culturel-historique.

Mots-clés: changement, changement de religion, transformation du Bouddhisme, croyance bouddhiste, pratique bouddhiste, communauté bouddhiste

LÍ GIẢI TÔN GIÁO HỌC VỀ MỘT SỐ BIẾN ĐỔI TRONG SỰ THỜ CÚNG THÀNH HOÀNG LÀNG VIỆT (TRƯỜNG HỢP LÀNG THỔ HÀ, BẮC GIANG)

✉ *ThS. Hoàng Thị Thu Hương*

📄 *Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

✉ *Email: huongk44@gmail.com*

Tóm tắt: Thờ cúng Thành hoàng (vị thần bảo hộ cho làng mạc) vẫn luôn là một đề tài hấp dẫn đối với nhiều nhà nghiên cứu.

Ở Việt Nam, trước đây và hiện tại đã có nhiều công trình nghiên cứu về Thành hoàng và lễ hội liên quan đến Thành hoàng. Tuy nhiên, phần đa những nghiên cứu này đều là những công trình viết riêng về Thành hoàng, riêng về lễ hội hoặc về sự biến đổi của lễ hội nhưng với những cách tiếp cận ngoài tôn giáo. Vì vậy, kết quả luôn dừng ở việc nói về nguồn gốc Thành hoàng, nguồn gốc lễ hội, mô tả lễ hội, ý nghĩa của lễ hội hoặc nói đến biến đổi của lễ hội dưới góc độ văn hoá... mà ít để ý đến sự biến đổi mang tính chất tôn giáo trong sự thờ cúng Thành hoàng.

Bài viết với cách tiếp cận tôn giáo học trên cơ sở định nghĩa về tôn giáo của Émile Durkheim và áp dụng lí thuyết sáng tạo truyền thống của Eric Hobsbawm để làm sáng tỏ một số biến đổi trong sự thờ cúng Thành hoàng làng Việt – trường hợp làng Thổ Hà, Bắc Giang

Từ khoá: Thành hoàng, thờ cúng Thành hoàng, Thổ Hà, sáng tạo truyền thống, biến đổi tôn giáo

EXPLICATION DE QUELQUES CHANGEMENTS DANS LE CULTÉ DU GÉNIE TUTÉLAIRE D'UN VILLAGE VIETNAMIEN SELON SCIENCES RELIGIEUSES (LE CAS DU VILLAGE DE THO HA, PROVINCE DE BAC GIANG)

✉ *Hoàng Thị Thu Hương*

📄 *L'Institut des Recherches sur les Religions, Académie des Sciences Sociales du Vietnam*

✉ *Courriel: huongk44@gmail.com*

Résumé: Le culte du génie tutélaire (le dieu protège le village) reste un sujet intéressant pour de nombreux chercheurs.

Au Vietnam, il y a beaucoup d'ouvrages qui font des recherches sur les génies tutélaire et les rites relatifs au culte du génie tutélaire. Cependant, ces travaux ne traitent pas le sujet des génies tutélaire, des fêtes ou des changements de fêtes dans la perspective des études religieuses. Ainsi, le résultat revient toujours à l'origine des génies tutélaire, l'origine des fêtes, la description des fêtes, le sens des fêtes, ou le changement des fêtes du point de vue des études culturelles, etc., au lieu de se concentrer sur le changement religieux dans le culte du génie tutélaire.

Basé sur la perspective des sciences religieuses, l'article reprend la définition de la religion d'Emile Durkheim et sert de la théorie de l'invention de la tradition d'Eric Hobsbawm à éclairer certains changements dans le culte du génie tutélaire des Vietnamiens en concentrant dans le cas du village Tho Ha, province de Bac Giang

Mots-clés: génie tutélaire, culte du génie tutélaire, Tho Ha, invention de la tradition, changement religieux

VĂN MINH PHƯƠNG TÂY TRONG QUAN NIỆM CỦA TRÍ THỨC NHO HỌC VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX

✍ **TS. Phan Thị Thu Hằng**

📄 Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

✉ Email: thuhangvth@hotmail.co.uk

Tóm tắt: Cho đến nửa cuối thế kỉ XIX, văn minh phương Tây được du nhập vào xã hội Việt Nam chủ yếu thông qua ba con đường; thứ nhất là qua sự giao thương, trao đổi hàng hoá giữa các nước phương Tây và triều đình phong kiến; thứ hai là thông qua sự truyền bá Công giáo của các giáo sĩ thừa sai tại Việt Nam; thứ ba là văn minh phương Tây được du nhập vào xã hội Việt Nam từ công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp sau khi đánh bại phong trào Cần vương của các sĩ phu yêu nước nửa cuối thế kỉ XIX. Có thể khẳng định rằng, văn minh phương Tây thâm nhập vào xã hội Việt Nam dưới hai hình thức là tự nguyện và cưỡng bức, từ giai đoạn xã hội Việt Nam chuyển từ thời phong kiến độc lập sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Do đó, vào nửa cuối thế kỉ XIX, các trí thức Nho học Việt Nam đứng trước ngưỡng cửa của sự chuyển đổi trong nền văn minh nhân loại- sự phát triển của nền văn minh công nghiệp trên toàn thế giới. Có thể nói, văn minh phương Tây với các yếu tố như khoa học kĩ thuật, ngôn ngữ, văn hoá Công giáo khi xâm nhập vào xã hội Việt Nam đã tạo ra những biến đổi mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Đặc biệt, sự đụng độ giữa hai nền văn minh phương Tây và văn minh phương Đông trong lòng xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX đã khiến những cá nhân sống trong thời đại đó, đặc biệt là các nhà Nho phải đứng trước những lựa chọn phức tạp. Đó là nên tiếp nhận hay phản đối văn minh phương Tây, hoặc nếu tiếp nhận thì căn cứ vào hệ giá trị nào, yếu tố nào đóng vai trò chủ đạo. Hơn nữa, ở giai đoạn cuối thế kỉ XIX, văn minh phương Tây thâm nhập vào xã hội Việt Nam chủ yếu thông qua con đường xâm lược. Chính vì thế, việc bảo vệ văn hoá Nho giáo truyền thống không chỉ đơn thuần xuất phát từ ý thức hệ Nho giáo của các nhà Nho mà còn từ lập trường yêu nước, gắn liền văn hoá Nho giáo với quốc gia dân tộc. Do đó, quan niệm của trí thức Nho học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX về văn minh phương Tây bên cạnh những mặt hạn chế vẫn chứa đựng những giá trị lịch sử nhất định cần được nghiên cứu sâu thêm.

Từ khoá: trí thức Nho học, văn minh phương Tây, Công giáo, Bình Tây Sát Tà, chủ nghĩa thực dân

CIVILISATION OCCIDENTALE DANS LA VISION DES LETTRÉS VIETNAMIENS DE LA SECONDE MOITIÉ DU XIX^e SIÈCLE

✉ **Dr. Phan Thị Thu Hằng**

📄 *Institut de philosophie, Académie des sciences sociales du Vietnam*

✉ *Courriel: thuhangvth@hotmail.co.uk*

Résumé: Jusqu'à la seconde moitié du XIX^e siècle, la civilisation occidentale a été introduite dans la société vietnamienne principalement par trois voies. La première est le commerce entre les pays occidentaux et le Việt Nam. La seconde est la propagande catholique des missionnaires. La troisième est l'exploitation coloniale après avoir vaincu le mouvement Cần Vương dans la seconde moitié du XIX^e siècle. Il s'agit de la réception à la fois volontaire et contrainte de la culture vietnamienne au seuil de la nouvelle ère. On peut dire que la civilisation occidentale avec la technologie, la langue et le catholicisme, en pénétrant dans la société vietnamienne, a créé des changements dramatiques. En particulier, l'affrontement entre deux civilisations, occidentale et orientale, dans la seconde moitié du XIX^e siècle a fait les lettrés choisir difficilement. Accepter ou rejeter la civilisation occidentale. Si l'accepter, quel système de valeurs, quel facteur joue le rôle principal. En plus, l'agression occidentale fait que la conservation de la culture traditionnelle ne provient pas seulement de l'idéologie confucéenne, mais aussi de la position patriotique qui identifie la culture confucéenne à la nation. C'est cette identification qui sera le sujet de notre contribution.

Mots-clés: érudition confucéenne, civilisation occidentale, catholicisme, Binh Tay Satisfaction, colonialisme

TÁC ĐỘNG CỦA VĂN HOÁ PHÁP ĐỐI VỚI TRÍ THỨC MỚI Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XX

✉ **TS. Nguyễn Thị Thanh Tùng, Trần Ngọc Viên**

📄 *Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

✉ *Email: thanhtungspn@gmail.com*

Tóm tắt: Giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp nổ súng xâm lược và biến Việt Nam thành thuộc địa của Pháp. Sau hai chương trình khai thác thuộc địa của Pháp, Việt Nam có những biến đổi to lớn, sâu sắc về tính chất xã hội, cơ cấu xã hội và mâu thuẫn xã hội. Các trào lưu văn hoá, tư tưởng phương Tây, trong đó có văn hoá Pháp cũng theo các con đường đó vào Việt Nam, mang theo những diện mạo mới trong đời sống văn hoá, tư tưởng ở nước ta trong những năm đầu thế kỉ XX, đặc biệt là góp phần mở mang trí tuệ và đưa đến sự chuyển biến tư tưởng trong một bộ phận trí thức “mới” ở Việt Nam mà sự đóng góp của họ đối với lịch sử dân tộc Việt Nam vô cùng to lớn, vĩ đại.

Từ khoá: văn hoá Pháp, trí thức mới, lịch sử Việt Nam, quan hệ Việt – Pháp

LES INFLUENCES DES CULTURES FRANÇAISES SUR LES INTELLECTUELS VIETNAMIENS PENDANT LES PREMIÈRES ANNÉES DU XX^e SIÈCLE

✉ *Dr. Nguyễn Thị Thanh Tùng, Trần Ngọc Viên*

📄 *École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)*

✉ *Courriel: thanhtungspn@gmail.com*

Résumé: Au milieu du XIX^e siècle, les Français ont officiellement envahi le Vietnam et progressivement ont transformé Vietnam en colonie. Après deux programmes des exploitations coloniales, le Vietnam a connu de grands changements en matière de la société: nature, structure et conflits. Les mouvements culturels et la pensée occidentale, comprenant la culture française, étaient introduits au Vietnam, donnant un nouveau visage à la vie culturelle Vietnamienne pendant les premières années de XX^e siècle. Ils ont contribué au développement et à la transformation de pensée dans une partie de “nouveaux” intellectuels au Vietnam qui ont joué les rôles importants dans l’histoire de la nation vietnamienne.

Mots-clés: Culture française, intellectuels Vietnamiens, histoire coloniale, début du XX^e siècle

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG PHÁP ĐỐI VỚI HÀNH TRÌNH CỨU NƯỚC CỦA HỒ CHÍ MINH

✉ *TS. Trần Thị Phúc An*

📄 *Trường Đại học Mở – Địa chất*

✉ *Email:phucantt@gmail.com*

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ những ảnh hưởng của cách mạng Pháp, đặc biệt là khẩu hiệu Tự do – Bình đẳng – Bác ái đối với quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh; Người đã phân tích những ưu, nhược điểm của cách mạng Pháp và xác định được con đường giải phóng dân tộc Việt Nam.

Trong thời gian học tại trường tiểu học Pháp – bản xứ ở thành phố Vinh (1905), Hồ Chí Minh đã đọc được những từ “Tự do – Bình đẳng – Bác ái” trên tấm bảng đen của trường. Những chữ đó đã tạo nên sự tò mò ở Người vì những điều này chưa được đề cập trong các sách mà Người đã đọc. Do đó, Người quyết định sang Pháp và các nước phương Tây để tìm hiểu, sau đó trở về giúp đồng bào mình.

Cuộc hành trình viễn dương gần như vòng quanh thế giới của Hồ Chí Minh như là một cuộc khảo nghiệm thực tiễn những giá trị của Tự do – Bình đẳng – Bác ái. Nhờ đó, Người hiểu rõ được cái giá trị nhất của Đại cách mạng Pháp là vai trò của các giai cấp trong cách mạng tư sản, về tổ chức, tinh thần, ý chí cách mạng của quần chúng, là tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái... Tuy nhiên, cũng chính trong quá trình hoạt động thực

tiền đã giúp Người nhận ra mặt trái của xã hội tư bản; bản chất của những lời lẽ hoa mỹ mà giai cấp tư sản thường ra sức tô vẽ để lừa bịp quần chúng nhân dân với thực tế phũ phàng của xã hội phương Tây lúc đó. Đồng thời, vận dụng tinh thần của bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*, Hồ Chí Minh phê phán những người Pháp đã phản bội lại lí tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái khi tiến hành xâm lược các nước khác.

Cả một quá trình khảo sát trong nhiều năm tháng về con đường giải phóng dân tộc, học tập lí luận, tham gia đấu tranh chính trị, vào Đảng Xã hội, sát cánh với giai cấp công nhân và trí thức cách mạng Pháp, là những tiền đề quan trọng giúp cho Hồ Chí Minh có thêm những nhận thức mới, sáng rõ hơn về cách mạng thuộc địa, về con đường giải phóng các dân tộc và tự do cho nhân dân. Sau khi đọc được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, đặc biệt là sau sự kiện bỏ phiếu gia nhập Quốc tế cộng sản, trở thành người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp... đã tạo ra bước ngoặt cơ bản trong sự phát triển nhận thức, tư tưởng của Hồ Chí Minh. Điều đó giúp Người khẳng định con đường giải phóng dân tộc Việt Nam là con đường cách mạng vô sản.

Từ khóa: Cách mạng Pháp, Hồ Chí Minh

L'INFLUENCE DE LA RÉVOLUTION FRANÇAISE SUR LE PROCESSUS DE SALUT NATIONAL DE HO CHI MINH

✍ **Dr. Trần Thị Phúc An**

📖 *Université des Mines et de Géologie,*

✉ *Courriel: phucantt@gmail.com*

Résumé: Ce travail a pour but d'éclaircir l'influence des pensées de la Révolution française, plus précis sa devise: *liberté-égalité-fraternité*, sur la décision de Ho Chi Minh au cours de son trajet de "sauver le pays". Ho Chi Minh a analysé les avantages et les inconvénients de la Révolution française et a confirmé le chemin de la libération pour le peuple vietnamien.

Les conditions préalables importantes comme l'étude de la théorie, participation à la lutte politique et au Parti socialiste en France, les dialogues avec les ouvriers et les intellectuels français ont permis à Ho Chi Minh d'obtenir de nouvelles connaissances plus claires sur la révolution dans les colonies, la révolution pour l'indépendance et la liberté des nations et les peuples.

Mots-clés: Révolution française, Ho Chi Minh

SỰ TIẾP BIẾN TƯ TƯỞNG DÂN CHỦ VÀ CÁCH MẠNG PHÁP CỦA CÁC TRÍ THỨC VIỆT NAM: NHÌN TỪ HAI NHÀ TRÍ THỨC NGUYỄN MẠNH TƯỜNG VÀ PHAN NGỌC

✉ *Nhà báo Kiều Mai Sơn*

📖 *Báo Nông nghiệp Việt Nam*

✉ *Email: sonkiemai@gmail.com*

Tóm tắt: Tư tưởng dân chủ và cách mạng Pháp (1789) có ảnh hưởng nhất định đến trí thức Việt Nam. Đặc biệt từ khẩu hiệu “Tự do – Bình đẳng – Bác ái” và tư tưởng dân chủ đã ảnh hưởng đến tầng lớp trí thức Việt Nam từ trước Cách mạng tháng Tám 1945 và cuộc Kháng chiến chống Pháp trở lại 9 năm (1946 – 1954). Tư tưởng dân chủ của Cách mạng Pháp còn ảnh hưởng đến cả cuộc đời những trí thức Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của nền giáo dục Pháp cho đến cuối đời. Trong tham luận của chúng tôi xin dẫn chứng bằng hai trường hợp là Giáo sư – Tiến sĩ Văn khoa và Luật khoa Nguyễn Mạnh Tường và Phó Giáo sư Phan Ngọc.

Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường (1909 – 1997) sinh tại Hà Nội trong một gia đình viên chức. Cha làm việc tại Phủ Toàn quyền Đông Dương. Năm 1932, Nguyễn Mạnh Tường lập kỉ lục một năm lấy liền 2 bằng Tiến sĩ Văn khoa và Tiến sĩ Luật khoa. Kỉ lục này hình như suốt hơn 80 năm nay chưa có người thứ hai lặp lại?

Chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ, về nước, không vào làm công chức trong chính quyền, Nguyễn Mạnh Tường dạy văn chương Pháp ở trường Bảo hộ (Lycée du Préfecturat, tức trường Bưởi, sau này là Chu Văn An) và trường Cao đẳng Công Chánh (École Supérieure des Travaux Publics). Năm 1940, phát xít Nhật vào Đông Dương, lập Hội đồng trưng thu thóc lúa của nông dân. Hội đồng mời Nguyễn Mạnh Tường nhưng ông từ chối. Vì vậy, ông bị gây khó khăn trong công việc. Nguyễn Mạnh Tường làm đơn từ chức, ông mở văn phòng luật sư riêng tại Hà Nội.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường cùng gia đình tham gia kháng chiến gian khổ 9 năm rồi trở về Hà Nội làm giáo sư giảng dạy Đại học. Ngày 30 tháng 10 năm 1956, ông có bài phát biểu tại Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với nhan đề “*Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo*” gây chấn động cả trong nước và thế giới.

Phó Giáo sư Phan Ngọc, sinh năm 1925 tại Nghệ An. Từ nhỏ ông đã được học tại trường Dòng, rồi trường Thiên Hựu (Huế). Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông tham gia quân đội, từng là Sĩ quan Ban Liên hiệp đình chiến Việt – Pháp tại Sài Gòn. Trở ra Hà Nội, Phan Ngọc làm cán bộ giảng dạy tại Đại học.

Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường và Phó Giáo sư Phan Ngọc cùng bị kỉ luật và cho thôi giảng dạy Đại học vì tư tưởng tự do dân chủ ảnh hưởng của cách mạng Pháp 1789. Cả

hai, tuy khác thế hệ, song cùng lên tiếng về tự do dân chủ. Sau hơn 30 năm “cô đơn trong sa mạc”, khi công cuộc Đổi mới ở Việt Nam bắt đầu, cả hai nhà trí thức Nguyễn Mạnh Tường và Phan Ngọc đều được sang Pháp. Với lòng tự trọng của người trí thức, họ đều có những hoạt động tiếp tục phát huy tư tưởng dân chủ của Cách mạng Pháp 1789, đồng thời góp ý kiến về việc xây dựng đất nước Đổi mới.

Từ khoá: Nguyễn Mạnh Tường, Phan Ngọc, tư tưởng dân chủ

RÉCEPTION DES IDÉOLOGIES DÉMOCRATIQUES ET DE LA RÉVOLUTION FRANÇAISE PAR LES INTELLECTUELS VIETNAMIENS: LES CAS DE NGUYEN MANH TUONG ET PHAN NGOC

✉ *Journaliste Kiều Mai Sơn*

📖 *Journal de l'agriculture du Vietnam*

✉ *Courriel: sonkieumai@gmail.com*

Résumé: La pensée démocratique et la révolution française 1789 ont laissé leurs impacts sur les intellectuels vietnamiens, particulièrement avec la devise “Liberté, égalité, fraternité”, qui n’a pas cessé d’encourager les intellectuels vietnamiens au cours de la Résistance contre le colonialisme français (1946 – 1954). Ces idéologies se font sentir pendant toute la vie des intellectuels bénéficiaires de l’éducation française. Notre étude cherche à défendre cette hypothèse par deux cas du professeur d’Etat Nguyen Manh Tuong et du professeur Phan Ngoc.

Professeur Nguyen Manh Tuong (1909 – 1997), né à Hanoï, dans une famille fonctionnaire. En 1932, Nguyen Manh Tuong se fit remarqué par l’obtention du double doctorat en Littérature et Droit Civil. Du retour de la France, Nguyen Manh Tuong refusa de travailler pour le gouvernement colonial d’alors. Il choisit à enseigner la littérature française au Lycée du Préfecturat, et à l’Ecole Supérieur des Travaux Publics. Nguyen Manh Tuong s’engagea avec toute sa famille à la Résistance. Le 11 octobre 1956, il prit la parole devant le Front National du Vietnam et y prononce la lecture intitulée “Pour une nouvelle perspective du gouvernement: leçon des erreurs de la Réforme agraire”.

Professeur Phan Ngoc, né en 1925, à Nghe An est aussi universitaire. Les deux intellectuels furent à la fin sanctionnés à l’Université pour leur position démocratique, déjà acquise de la Révolution française 1789. Les deux, différents des autres de leur génération, eurent revendiqué très tôt la démocratie. Après trente ans de “solitude dans le désert”, au moment initial de la Réforme de Renouveau, les deux allèrent en France. Dignes de leur classe intellectuelle, ils continuèrent à se combattre pour la diffusion des idéologies démocratiques et donnèrent leurs conseils à la Réforme du Vietnam.

Mots-clés: Nguyen Manh Tuong, Phan Ngoc, pensée démocratique

TIẾP CẬN CHỨC NĂNG LUẬN CỦA ÉMILE DURKHEIM TRONG NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO VÀ KHẢ NĂNG VẬN DỤNG LUẬN GIẢI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TIN LÀNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

✉ **ThS. Phạm Thị Thu Huyền**

📄 Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: thuhuyen63@gmail.com

Tóm tắt: Thông qua việc thu thập thông tin, phân tích tài liệu thứ cấp, Bài viết khái quát nội dung quan điểm chức năng luận về tôn giáo của nhà xã hội học Pháp Émile Durkheim và phân tích những khả năng vận dụng quan điểm của ông vào việc luận giải sự phát triển của đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay. Theo quan điểm của Émile Durkheim, tôn giáo có khả năng đem lại những lợi ích nhất định cho con người và xã hội thông qua các chức năng cơ bản của nó. Đó là các chức năng sau: cố kết xã hội, phản ánh xã hội, hỗ trợ xã hội và duy trì sự thống nhất đạo đức trong xã hội. Chức năng cố kết xã hội được ông nhìn nhận là chức năng cơ bản nhất. Có thể nói, từ khi du nhập vào Việt Nam, đạo Tin Lành đã làm tốt những chức năng cơ bản này, đặc biệt là chức năng cố kết xã hội và chức năng hỗ trợ xã hội. Điều đó được thể hiện trong nội dung của Kinh Thánh, thông qua hoạt động truyền giáo, hoạt động từ thiện... Qua đó, đạo Tin Lành góp phần củng cố và tăng cường sự cố kết xã hội, hỗ trợ các tín đồ trên các phương diện của cuộc sống nhằm giúp họ hướng đến sống tốt đời, đẹp đạo trên tinh thần duy trì sự thống nhất đạo đức trong xã hội. Chính điều này đã giúp Tin Lành thu hút đông đảo tín đồ tin nhận Chúa, mở rộng địa bàn nhanh chóng. Việc chỉ ra mối liên hệ giữa quan điểm chức năng luận về tôn giáo của Émile Durkheim và sự phát triển của Tin Lành chứng tỏ sự ảnh hưởng của thuyết chức năng đối với lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam. Suy rộng ra có thể thấy sự ảnh hưởng của nền văn minh châu Âu (Pháp) đối với Việt Nam (một nước thuộc địa trong quá khứ) vẫn rất sâu rộng bao gồm cả lĩnh vực khoa học xã hội, từ đó góp phần củng cố và phát triển hơn mối quan hệ giữa hai quốc gia.

Từ khóa: chức năng luận, Tin Lành, cố kết xã hội, phản ánh xã hội, hỗ trợ xã hội

L'APPROCHE FONCTIONNALISTE D'ÉMILE DURKHEIM DANS LES ÉTUDES RELIGIEUSES ET SA CAPACITÉ D'APPLIQUER POUR INTERPRÉTER LE DÉVELOPPEMENT DU PROTESTANTISME AU VIETNAM AUJOURD'HUI

✉ **Phạm Thị Thu Huyền**

📄 L'Institut des Recherches sur les Religions, Académie des sciences sociales du Viet Nam

✉ Courriel: thuhuyen63@gmail.com

Résumé: En recueillant des informations et en analysant des documents secondaires, notre contribution décrit le développement du protestantisme au Vietnam

aujourd'hui depuis le point de vue fonctionnaliste de la religion d'Émile Durkheim. Selon ce sociologue français, la religion a la capacité d'apporter certains avantages à l'homme et à la société à travers ses fonctions de base. Il s'agit des fonctions suivantes: la solidarité sociale, la réflexion sociale, le soutien social et le maintien de l'unité morale dans la société. La solidarité sociale est considérée comme la fonction la plus fondamentale. On peut dire que depuis son entrée au Vietnam, le protestantisme a bien exercé ces fonctions de base, en particulier la fonction de solidarité sociale et la fonction de soutien social. Cela s'est exprimé dans le contenu de la Bible, les activités missionnaires et les activités de bienfaisance... Ainsi, le Protestantisme a contribué à renforcer la solidarité, à soutenir les croyants dans tous les aspects de la vie, à les aider à mener "une vie serviable une religion servante". C'est avec l'esprit de maintenir une unité morale dans la société que le Protestantisme attire de nombreux croyants, et se développer rapidement.

Mots-clés: Fonctionnaliste, Protestantisme, solidarité, réflexion sociale, soutien social

KHẢO CỨU VỀ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA ALEXANDRE DE RHODES

✍ **ThS. Trương Thuý Trinh**

📄 Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: truongthuytrinh@gmail.com

Tóm tắt: Trong các thế kỉ XVII – XVIII, Giáo hội Công giáo nhìn nhận thờ cúng tổ tiên như những tín ngưỡng dị đoan, trong khi các giáo sĩ dòng Jesus, tiêu biểu là Matteo Ricci (ở Trung Hoa) và Alexandre De Rhodes (ở Việt Nam) dành nhiều sự quan tâm tìm hiểu về tín ngưỡng bản địa này. Bài viết "Khảo cứu về thờ cúng tổ tiên của người Việt qua một số tác phẩm của Alexandre de Rhodes" tiến hành khảo cứu hai tác phẩm là: "Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài" (*Histoire du Royaume de Tunquin*) và "Hành trình và truyền giáo" (*Divers Voyages et Mission*). Bài viết sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh đối chiếu nhằm mục đích thẩm định, đánh giá nguồn tư liệu của A. Rhodes về thờ cúng tổ tiên của người Việt. Ngoài ra, bài viết đặt đối tượng nghiên cứu trong bối cảnh truyền giáo ở Việt Nam thế kỉ XVII – XVIII để thấy rõ những đóng góp của A. Rhodes và các tác phẩm của ông.

Từ khoá: thờ cúng tổ tiên, nghi lễ Trung Hoa, tín ngưỡng bản địa, lịch sử truyền giáo, thế kỉ XVII – XVIII, Giáo hội Công giáo, châu Á, Trung Hoa, Việt Nam

RECHERCHE SUR LE CULTES DES ANCÊTRES DES VIETNAMIENS À TRAVERS LES OEUVRES D’ALEXANDRE DE RHODES

✉ **Trương Thuý Trinh**

📄 *Institut des Recherches sur les Religions, Académie des Sciences Sociales du Vietnam*

✉ *Courriel: truongthuytrinh@gmail.com*

Résumé: Aux XVII^e et XVIII^e siècles, l’Église catholique a considéré le culte des ancêtres comme superstitieux, tandis que les Jésuites, représentés par Matteo Ricci (en Chine) et Alexandre De Rhodes (au Vietnam), se sont consacré à faire des recherches sur cette croyance indigène. L’article fait des recherches sur le culte des ancêtres des Vietnamiens à travers certaines œuvres d’Alexandre de Rhodes comme *Histoire du Royaume de Tunquin* et *Divers Voyages et Mission*.

L’article utilise des méthodes d’analyse, de synthèse et de comparaison pour évaluer les sources de données sur le culte des ancêtres vietnamiens. L’objet de recherche est observé au contexte de l’évangélisation au Vietnam du XVII^{ème} au XVIII^{ème} siècle afin de reconnaître les contributions d’Alexandre de Rhodes et ses écrits.

Mots-clés: culte des ancêtres, croyance indigène, Église Catholique, l’Asie, la Chine, Vietnam, XVII^e et XVIII^e siècles, rite chinois

HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA NỀN VĂN HOÁ, TƯ TƯỞNG PHÁP

✉ **TS. Đỗ Thị Ngọc Anh**

📄 *Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*

✉ *Email: dothingocanhhdhqq@gmail.com*

Tóm tắt: Hồ Chí Minh là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, nhà văn hoá kiệt xuất của dân tộc. Có điều lạ là một người như Hồ Chí Minh, hiện thân của cuộc đấu tranh quyết liệt chống thực dân Pháp, lại rất gần với văn hoá Pháp. Trong 30 năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Hồ Chí Minh chủ yếu ở châu Âu nên đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền văn hoá, tư tưởng Pháp. Bộ trưởng Pháp thuộc phái De Gaulle là Edmond Michelet nhận xét “Ông Hồ Chí Minh rất Pháp”.

Bài viết luận giải quá trình tiếp biến văn hoá, tư tưởng của Hồ Chí Minh, cụ thể là những ảnh hưởng của Hồ Chí Minh qua việc tiếp thu văn hoá, tư tưởng Pháp.

Từ khoá: Hồ Chí Minh, ảnh hưởng, văn hoá Pháp, tư tưởng phương Tây

HO CHI MINH AU CONTACT INTELLECTUEL ET CULTUREL DE LA FRANCE

✉ **Dr. Đỗ Thị Ngọc Anh**

📄 *Université des sciences humaines et sociales, Université Nationale de Hanoi*

✉ *Courriel: dothingocanhhdhqq@gmail.com*

Résumé: Ho Chi Minh est un leader du peuple vietnamien, un grand intellectuel de la nation. Il a été donc influencé profondément par la culture occidentale. Ce texte s’intéresse particulièrement au processus – la culture – l’idée de Ho Chi Minh,

concrètement, il s'agit des idéologies de Ho Chi Minh influencées par la culture française.

Mots-clés: Ho Chi Minh, France, culture, influence, occidental

PHẠM QUỲNH VỚI QUÁ TRÌNH GIỚI THIỆU TRIẾT HỌC PHÁP Ở VIỆT NAM

✉ **PGS.TS. Nguyễn Bá Cường**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: cuongnb@hnue.edu.vn

Tóm tắt: Phạm Quỳnh là một trí thức lớn của Việt Nam đầu thế kỉ XX có vốn hiểu biết sâu rộng về văn hoá, triết học Đông – Tây. Gạt bỏ những vấn đề thuộc về lập trường chính trị, có thể coi ông như là người có vai trò quan trọng trong chuyển giao văn hoá, tư tưởng Việt – Pháp. Ông là một trong những người đầu tiên giới thiệu triết học Pháp vào Việt Nam một cách có hệ thống. Bài viết được triển khai theo các nội dung cơ bản: (1) Làm rõ quá trình Phạm Quỳnh giới thiệu triết học Pháp, từ vấn đề khái niệm triết học theo cách hiểu của người phương Tây, đến việc phân tích nội dung tư tưởng của các triết gia Pháp qua mỗi thời kì hoặc các phạm trù, các vấn đề thuộc lĩnh vực triết học và mỹ học Pháp; (2) Phân tích một số nhận định về sự khác biệt tư duy Đông – Tây trong đời sống xã hội, trong việc tiếp thu tư tưởng phương Tây của người Việt; (3) Khái quát những đóng góp của Phạm Quỳnh đối với việc giới thiệu triết học Pháp vào Việt Nam.

Từ khóa: Phạm Quỳnh, triết học, triết học Pháp, mỹ học Pháp

PHAM QUYNH ET SON INTRODUCTION DE LA PHILOSOPHIE FRANÇAISE AU VIETNAM

✉ **Prof.as.Dr. Nguyễn Bá Cường**

📄 École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)

✉ Courriel: cuongnb@hnue.edu.vn

Résumé: Pham Quynh est une grande figure de la vie intellectuelle vietnamienne du début du XX^e siècle pour ses vastes et profondes connaissances en culture et en philosophie orientale et occidentale. Sans prenant en compte des questions idéologiques, cet érudit joue un rôle non négligeable dans les transferts culturels entre le Vietnam et la France, en ce qu'il est l'un des premiers à introduire, de façon systématique, la philosophie française au Vietnam. Notre objectif est d'abord de mettre en évidence son processus d'introduction de la philosophie française, qui repose sur le système des concepts de la tradition philosophique occidentale et sur l'interprétation des pensées ou des catégories philosophiques et esthétiques françaises de chaque époque. Nous analyserons ensuite ses observations sur la différence de pensée entre les orientaux et les occidentaux dans la vie sociale et dans l'adoption des pensées occidentales par les Vietnamiens. Enfin, nous présenterons les contributions de Pham Quynh au développement de la philosophie française au Vietnam.

Mots-clés: Pham Quynh, philosophie, philosophie française, transferts culturels

TIỂU BAN E

NGHỆ THUẬT HỌC – KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Arts – Architecture urbaine

DÉBATS CONTEMPORAINS AUTOUR DE L'IMAGE, LE CAS DE LA PHOTOGRAPHIE

✉ **Carole MAIGNÉ**

📄 *Université de Lausanne, Suisse*

✉ *Courriel: carole.maigne@unil.ch*

Résumé: La présentation qui suit aura pour but de proposer un panorama des débats qui se cristallisent en philosophie de l'art et en esthétique autour de l'image. Il s'agira de se demander ce que recouvre l'*iconic turn* contemporain, un tournant iconique qui se traduit par des champs disciplinaires tels que les *Visual Studies* et la *Bildtheorie*. Comment isoler un discours sur l'image indépendamment des autres manifestations artefactuelles? que veut dire "pouvoir des images": est-ce celui que nous prêtons aux images ou est-ce un pouvoir propre de l'image comme image (cf. H. Bredekamp, *L'acte d'image*, 2016)? Les débats autour de la photographie sont actuellement riches et virulents: y a-t-il continuité du médium photographique alors que l'on parle de photographie numérique et non plus argentique? que faire de la théorie de l'indexicalité des images photographiques (R. Barthes, R. Krauss) dans le cadre du numérique? Peut-on maintenir une réflexion ontologique sur l'image ou est-elle rendue caduque par des approches qui saisissent l'image en termes de pratiques et d'usages (en France actuellement: Q. Bajac, A. Gunthert, Cl. Chéroux...)? Quelle conséquence a ce flux d'images pour le marché de l'art et la conservation muséale?"

TRANH LUẬN ĐƯƠNG ĐẠI XUNG QUANH HÌNH ẢNH: TRƯỜNG HỢP NHIẾP ẢNH

✉ **Carole MAIGNÉ**

📄 *Đại học Lausanne, Thụy Sĩ*

✉ *Email: carole.maigne@unil.ch*

Tóm tắt: Bài trình bày sau đây nhằm mục đích cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về các cuộc tranh luận được kết tinh trong triết học nghệ thuật và trong mỹ học xoay quanh hình ảnh. Đó là đặt vấn đề về những gì ẩn chứa trong *iconic turn* đương đại, một bước ngoặt biểu tượng được phản ánh trong các lĩnh vực nghiên cứu như *Visual Studies* và *Bildtheorie*. Làm thế nào để tách riêng một tư tưởng về hình ảnh một cách độc lập với các biểu hiện của hiện tượng nhân tạo khác? "Quyền lực của hình ảnh" muốn nói lên điều gì: đó có phải là cái mà chúng ta khoác lên hình ảnh hay đó là quyền lực của chính hình ảnh như là hình ảnh (xem H. Bredekamp, *L'acte d'image* (Hành động hình ảnh), 2016)? Các cuộc tranh luận về nhiếp ảnh hiện nay rất phong phú và kịch liệt: liệu có một sự liên tục của phương tiện khoa học luận hình ảnh khi mà chúng ta bàn về hình ảnh số hoá chứ không phải là hình ảnh chụp phim nữa? Phải làm gì với lý thuyết chỉ xuất của các bức ảnh (R. Barthes, R. Krauss) trong thế giới số hoá? Có thể duy trì một suy tưởng mang tính bản thể luận về hình ảnh không, hay nó đã trở nên lạc hậu bởi các xu hướng nhận thức về hình ảnh theo góc độ thực tiễn và thói quen sử dụng hình ảnh (như hiện nay tại Pháp: Q. Bajac, A. Gunthert, Cl. Chéroux...)? Và đâu là hệ lụy của luồng hình ảnh ấy đối với thị trường nghệ thuật và việc bảo tồn trong bảo tàng?

BIẾN ĐỔI ĐỜI SỐNG VIỆT NAM THẾ KỈ XIX – XX

✍ *Nhà nghiên cứu Phan Cẩm Thượng*

Tóm tắt: Bài viết phác thảo một số biến đổi trong đời sống Việt Nam trong giai đoạn từ thế kỉ XIX đến nửa đầu thế kỉ XX, cũng là giai đoạn có sự giao lưu, tiếp xúc Việt – Pháp sâu đậm nhất trong lịch sử quan hệ tiếp xúc giữa hai dân tộc. Xuất phát từ quan niệm xem lịch sử của một đất nước không chỉ là lịch sử của các sự kiện chính trị, quân sự mà còn là lịch sử của các lĩnh vực dân sự như ẩm thực, trang phục, khoa học – kĩ thuật... (mà tác giả thường gọi chung là “văn minh vật chất”), tác giả đi sâu tìm hiểu sự biến đổi trong đời sống của người Việt Nam từ các mặt: phương tiện giao thông, thông tin liên lạc, báo chí, ăn uống, cư trú, đô thị... Qua sự khảo sát các mặt này, tác giả bài viết nhận thấy có một sự biến đổi to lớn và nhanh chóng trong đời sống của người Việt Nam trong khoảng hơn 100 năm từ nửa cuối thế kỉ XIX đến nửa đầu thế kỉ XX, để vừa hoà nhập với thế giới hiện đại vừa tạo ra những giá trị, sản phẩm riêng của sự tiếp thu văn hoá, văn minh. Rõ ràng, sự biến đổi đó có vai trò rất lớn của người Pháp. Tuy nhiên, tác giả bài viết cũng cho rằng, không nên tuyệt đối hoá vai trò của người Pháp đối với sự biến đổi đời sống của người Việt Nam, bởi nếu không phải là người Pháp thì sớm hay muộn cũng sẽ có thể là một lực lượng khác vì xu thế hiện đại hoá, toàn cầu hoá là một xu thế tất yếu, kéo dài nhiều thế kỉ trong lịch sử nhân loại. Nhưng dù sao chăng nữa, bài viết thừa nhận lịch sử không thể đảo ngược và đời sống của người Việt Nam vẫn ghi đậm dấu ấn ảnh hưởng của văn hoá, văn minh Pháp trong một số lĩnh vực.

Từ khoá: văn minh vật chất, đời sống Việt Nam, biến đổi, thế kỉ XIX – XX

CHANGEMENTS DE LA VIE PENDANT LES XIX^e et XX^e SIÈCLE

✍ *Chercheur Phan Cẩm Thượng*

Résumé: Nous aborderons des changements de la vie du Vietnam pendant la période du XIX^e au début du XX^e siècle. Selon nous, c'était la période dans laquelle la rencontre culturelle Franco-vietnamienne atteignit des réalisations les plus profondes dans l'histoire d'échange culturel entre deux nations. L'histoire d'une nation comportait, non seulement celle d'événements politiques, militaires, mais aussi l'histoire de divers secteurs: gastronomie, science-technologie, etc (civilisation matérielle).

Nous nous consacrerons à étudier des changements de la vie vietnamienne dans certains aspects: les moyens de transports; des informations et la communication; de la presse; l'urbanisation, etc. Nous constatons, par ces examens, des changements profonds de la vie vietnamienne pendant des années de la fin XIX^e au début du XX^e. Les Français ont pris un rôle important dans ces changements, pourtant, nous pensons que c'était une tendance nécessaire de la globalisation dans l'histoire de l'humanité. De toute façon, nous reconnaissons que les Français ont laissé de nombreuses empreintes de leur culture dans la vie culturelle vietnamienne.

Mots-clés: civilisation matérielle, la vie vietnamienne, changements, XIX^e– XX^e siècle

DESSINER POUR COMPRENDRE L'AUTRE: DEUX ŒUVRES GRAPHIQUES INÉDITES NÉES DU CONTACT COLONIAL

✉ **Prof.as.Dr. Olivier TESSIER**

📄 *École française d'Extrême-Orient, Antenne à Hồ Chí Minh ville*

✉ *Courriel: olivier.tessier@efeo.net / otessier2002@yahoo.fr*

Résumé: Durant les premières décennies de la domination coloniale, rares furent les rencontres désintéressées entre intellectuels, artistes, lettrés ou, tout simplement, entre hommes de bien issus du petit monde colonial et de la société colonisée. Et pourtant, des amitiés sincères et des échanges culturels ont pu naître et nourrir une histoire partagée entre des hommes que tout semblait séparer. Qui eût pu croire en effet que deux jeunes militaires français dont la mission était d'étendre et d'asseoir l'emprise du pouvoir colonial, consacraient une partie de leurs deux années passées en Indochine à se passionner pour la culture du pays, qu'elle soit populaire ou érudite, au point de chercher à la restituer sous forme graphique?

Le premier d'entre eux, Eugène Gibert, officier de marine affecté à Hué entre 1895 et 1897, a demandé à un lettré de la cour du nom de Lê Đức Trạch, de réaliser un manuscrit enluminé du célèbre poème *Lục Vân Tiên* de Nguyễn Đình Chiểu composé en caractères sino-vietnamien au milieu du XIX^e siècle et traduit en français dès 1864 par Abel des Michels. Si ce poème est un joyau de la culture populaire qui relève tout à la fois de l'érudition classique et de la littérature orale du Vietnam méridional, le manuscrit engendré par le contact franco-vietnamien, est une œuvre d'art qui l'est tout autant. Offert par son commanditaire en 1899 à la bibliothèque de l'Académie des Inscriptions et Belles Lettres (Paris) où il a été redécouvert en 2011, il est l'unique version illustrée (139 planches polychromes) de l'intégralité d'un poème vietnamien connue à ce jour.

Le second, Henri Oger, a effectué à Hanoi entre 1908 – 1909 son service militaire comme simple soldat. Fasciné par le spectacle qui s'offrait à lui, il s'est livré à une étude inédite consacrée à la culture populaire profane et religieuse du Vietnam du début du XX^e siècle. Accompagné de dessinateurs vietnamiens, l'auteur a parcouru inlassablement pendant deux années les rues de Hanoi et des faubourgs de la capitale afin d'inventorier et de restituer par le trait la formidable diversité des industries et des commerces développés par le peuple, en ne négligeant aucun aspect de la vie privée et publique de l'époque. Plus de 4000 dessins et croquis ont ainsi été recueillis qui nous donnent à voir autant de procédés, de gestes, d'outils et de produits artisanaux auxquels sont associées leurs dénominations vernaculaires. Cette somme a été publiée en 1910 dans un ouvrage monumental, "Technique du peuple Annamite", tirait seulement à 50 exemplaires du fait de contraintes techniques d'impression.

L'objet de cette communication est de retracer brièvement le parcours singulier de ces deux personnages d'exception dont la soif de compréhension de la civilisation

vietnamienne leur a permis de transcender les profonds clivages imposés par le système colonial en adoptant pour cela une attitude tournée vers l'altérité culturelle et l'innovation des idées.

VỀ ĐỂ HIỂU NGƯỜI KHÁC: HAI HOẠ PHẨM ĐỘC NHẤT RA ĐỜI TỪ CUỘC TIẾP XÚC THUỘC ĐỊA

✉ **PGS.TS. Olivier TESSIER**

📄 Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp

✉ Email: olivier.tessier@efeo.net / otessier2002@yahoo.fr

Tóm tắt: Trong những thập kỉ đầu của thời kì thuộc địa, rất hiếm khi có sự gặp gỡ vô cơ vô tâm giữa người trí thức, nghệ sĩ, học giả, hoặc đơn giản là giữa những người xuất thân từ thế giới thuộc địa nhỏ bé và xã hội bị trị. Tuy nhiên, tình bạn chân thành và giao lưu văn hoá đã làm nảy nở và nuôi dưỡng một lịch sử sẻ chia giữa những người dường như bị chia cắt mọi thứ. Quả thật, ai có thể nghĩ rằng hai người lính trẻ Pháp có nhiệm vụ mở rộng và củng cố ảnh hưởng của chính quyền thực dân, lại dành một phần trong hai năm sống ở Đông Dương cho niềm đam mê văn hoá bản địa, cho dù đó là văn hoá dân gian hay uyên bác, đến mức họ đã cố gắng khôi phục lại nó dưới dạng tranh minh hoạ?

Người thứ nhất, Eugene Gibert, sĩ quan hải quân được bổ nhiệm ở Huế giữa năm 1895 và 1897, yêu cầu một nho sĩ triều đình tên là Lê Đức Trạch làm một bản thảo có tranh minh hoạ cho truyện thơ nổi tiếng *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu được viết bằng kí tự Hán – Việt vào giữa thế kỉ XIX và được Abel des Michels dịch sang tiếng Pháp vào năm 1864. Nếu bài thơ là một viên đá quý của văn hoá dân gian thể hiện nền văn học uyên bác cổ điển và nền văn học dân gian truyền miệng tại miền Nam Việt Nam, thì bản thảo có được nhờ cuộc tiếp xúc Pháp - Việt cũng là một tuyệt phẩm nghệ thuật giống như bài thơ. Năm 1899, tác phẩm được người bảo trợ hiến tặng cho thư viện của Viện Hàn lâm Văn khắc và Văn chương (Paris). Đây cũng là nơi tái khám phá tác phẩm vào năm 2011, nó là phiên bản độc nhất có minh hoạ (gồm 139 bản khắc nhiều màu sắc rực rỡ) toàn bộ một bài thơ tiếng Việt được biết tới cho đến nay.

Người thứ hai là Henri Oger đang thi hành nghĩa vụ quân sự như một người lính bình thường tại Hà Nội từ năm 1908 đến năm 1909. Bị mê hoặc bởi màn trình diễn mà anh được xem, anh đã dẫn thân vào một nghiên cứu chưa từng thấy về nền văn hoá dân gian thể tục và văn hoá tín ngưỡng dân gian Việt Nam vào đầu thế kỉ XX. Cùng với các họa sĩ Việt Nam, tác giả đã rong ruổi không biết mệt mỏi trong hai năm trên khắp nẻo đường Hà Nội và vùng ngoại ô thủ đô để thống kê danh mục và khôi phục qua nét vẽ sự đa dạng tuyệt vời của các kĩ thuật ngành nghề và phương cách giao tế của người dân, mà không bỏ qua bất cứ khía cạnh nào của đời sống riêng và đời sống cộng đồng vào thời bấy giờ. Hơn 4000 bản vẽ và phác hoạ được thu thập cho chúng ta thấy biết bao phương thức, cử chỉ điệu bộ, công cụ và sản phẩm thủ công gắn liền với tên gọi theo ngôn ngữ bản địa. Thành quả trên đã được công bố vào năm 1910 dưới dạng một tác phẩm đồ sộ

có nhan đề “Kĩ thuật của người Annam” nhưng chỉ in được 50 bản vì những hạn chế về kĩ thuật in vào thời bấy giờ.

Mục đích của tham luận là thuật lại ngắn gọn hành trình đặc thù của hai nhân vật đặc biệt này, mà niềm khát khao hiểu biết về nền văn minh Việt cho phép họ vượt qua những phân chia sâu sắc áp đặt từ hệ thống thuộc địa nhờ vào thái độ biết hướng đến sự khác biệt văn hoá và đổi mới ý tưởng.

NGHIÊN CỨU ĐÔ THỊ VIỆT NAM CỦA HỌC GIẢ PHÁP (1865 – 1954)

✍ **PGS.TS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

📖 *Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*

Tóm tắt: Trong các công trình nghiên cứu của học giả người Pháp trước năm 1954, vấn đề lịch sử hình thành và phát triển của các đô thị ở Việt Nam xuất hiện với mật độ thường xuyên trên các tạp chí nghiên cứu khoa học lớn ở Đông Dương: từ đô thị Thăng Long ở Bắc Kỳ, kinh đô Huế ở Trung Kỳ cùng cấu trúc thành lũy Gia Định tại Nam Kỳ... Các bài nghiên cứu phản ánh nhiều lĩnh vực của đô thị Việt Nam như kinh tế, văn hoá, tôn giáo, kiến trúc... góp phần bổ sung nhiều mảnh ghép và sắc màu trong bức tranh toàn cảnh về lịch sử đô thị Việt Nam giai đoạn trung – cận đại.

Đặc biệt, cùng với sự ra đời của hệ thống tạp chí Pháp ngữ, việc xuất bản các sách chuyên khảo ngay từ những ngày đầu của chế độ thuộc địa cho thấy sự quan tâm đặc biệt của người Pháp đến các khía cạnh của sử học nói chung, vấn đề đô thị trong lịch sử Việt Nam nói riêng. Chỉ cần khảo sát qua một số tập san ra đời trong thời kì này, chúng ta dễ dàng nhận thấy số lượng các công trình khảo cứu về các đô thị trong lịch sử Việt Nam chiếm tỉ lệ không nhỏ trong tương quan với các chủ đề sử học khác về nông thôn Việt Nam. Vì vậy, có thể nói rằng, từ cuối thế kỉ XIX – đến đầu thế kỉ XX, các nhà nghiên cứu Pháp đã đặt nền móng cho xu hướng nghiên cứu hiện đại về lịch sử đô thị và đô thị học ở Việt Nam.

Trên cơ sở khảo cứu các tạp chí và ấn phẩm đương thời, bài viết này phân tích một cách hệ thống sự hình thành, các giai đoạn phát triển chính và những trọng tâm nghiên cứu về đô thị Việt Nam của các học giả Pháp. Thông qua đó, bài viết cũng phân tích những khuynh hướng tiếp cận về lịch sử đô thị Việt Nam được các học giả Pháp quan tâm sử dụng trong thời kì này.

ÉTUDES SUR L'URBANISME AU VIETNAM PAR DES CHERCHEURS FRANÇAIS (1865 – 1954)

✍ **Prof.as.Dr. Hoàng Anh Tuấn; Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

📖 *Université des sciences humaines et sociales, Université Nationale de Hanoi*

Résumé: On peut constater que les questions sur l'histoire et le développement des villes au Vietnam ont été abordées assez fréquemment sur les revues d'études scientifiques de prestige en Indochine, précisément dans des ouvrages de recherche de chercheurs français réalisés avant 1954, qu'il s'agisse de Thang Long du Tonkin, de

l'ancienne capitale Hue de l'Annam, de l'ancienne citadelle de Gia Dinh de la Cochinchine... Ces études ont traité des aspects des plus divers des villes vietnamiennes: économie, culture, religion, architecture..., et elles ont ainsi contribué à rendre notre tableau global sur l'urbanisme à l'ère post-moderne du Vietnam bien plus complet et riche en couleurs.

Surtout, de pair avec la naissance des revues en français, la publication des monographies dès les débuts du régime colonial a aussi démontré l'intérêt particulier que les Français portaient alors sur les aspects historiques en général et sur les questions de l'urbanisme vietnamien en particulier. Il nous suffirait de jeter un coup d'oeil à un certain nombre de revues datées de cette période pour constater que le nombre des monographies sur l'histoire et le développement des villes vietnamiennes sont tout à fait comparable à celui des thèmes sur la campagne vietnamienne. Nous pouvons donc affirmer que les chercheurs français ont posé depuis la fin du XIX^e siècle jusqu'au début du XX^e siècle les premières briques de la faculté de recherche moderne en urbanisme au Vietnam.

Sur la base de monographies sur des revues et de publications datées de cette période, cet article essaie d'offrir une analyse méthodique sur le processus de formation, les périodes de développement principales des villes vietnamiennes, ainsi que sur les champs d'intérêt des chercheurs français sur l'urbanisme au Vietnam. On pourra découvrir là aussi leurs diverses approches de l'urbanisme.

DI SẢN KIẾN TRÚC CÔNG GIÁO Ở SÀI GÒN – TP. HỒ CHÍ MINH

✍ **TS. Nguyễn Thị Hậu**

📖 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

✍ **ThS. Trương Phúc Hải**

📖 Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, TP. Hồ Chí Minh; Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;

Tóm tắt: Văn hoá là một hệ thống những kí hiệu, biểu tượng. Nhà xã hội học Émile Durkheim đã chỉ ra rằng hệ thống biểu tượng bao gồm ba khía cạnh: thứ nhất là cá nhân, thứ hai là cộng đồng và thứ ba là biểu tượng. Vai trò cơ bản của biểu tượng là “điểm hội tụ”, cầu nối giữa cá nhân và cộng đồng, giữa quá khứ và hiện tại; là “máng trung chuyển” tư tưởng triết lí, kí ức thời gian; là phương tiện thuận lợi vừa làm sáng tỏ nhận thức vừa tạo ra nhận thức.

Văn hoá đô thị cũng có hệ thống biểu tượng riêng của nó. Biểu tượng đô thị (*urban symbolism*) được thể hiện thông qua những yếu tố khác nhau, chẳng hạn quy hoạch thành phố, kiến trúc, tên đường và địa danh cũng như lễ nghi, lễ hội; ở bộ phận khác bao gồm

lịch sử, giai thoại, thi ca, âm nhạc, phim ảnh... Biểu tượng đô thị góp phần làm nên sự phong phú và đa dạng của đời sống đô thị, làm nên “sức hút” của thành phố. Biểu tượng đô thị định hình theo thời gian sẽ tạo nên bản sắc đô thị, “cái hồn của đô thị”.

Đô thị Sài Gòn có bốn đặc trưng cơ bản là: một đô thị sông nước, là đô thị trung tâm kinh tế, là một đô thị theo kiểu phương Tây và đô thị đa dạng về văn hoá. Trong tất cả các đặc điểm ấy đều có thể nhìn thấy những dấu ấn văn hoá Pháp. Một trong vài điểm nhấn nổi bật của sự đa dạng văn hoá và đô thị phương Tây ở Sài Gòn là những công trình kiến trúc Công giáo do người Pháp đưa vào từ nửa sau thế kỉ XIX: nhà thờ, tu viện, trường học... Bài viết này trình bày về lịch sử lâu đời, kiến trúc nổi bật của một số công trình Công giáo ở Sài Gòn và vấn đề bảo tồn những di sản đức tin ấy từ phía Giáo hội. Qua đó cho chúng ta cái nhìn khách quan hơn và sự hiểu biết giá trị nhiều mặt của di sản công giáo, cũng là những di sản lịch sử văn hoá của đô thị Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh.

PATRIMOINE D'ARCHITECTURE CATHOLIQUE À SAIGON-HO CHI MINH VILLE



Dr. Nguyễn Thị Hậu



*Université des Sciences Sociales et Humaines
de Ho Chi Minh-ville*



Trương Phúc Hải



*Université Nguyen Tat Thanh; Doctorant,
à L'Université des Sciences Sociales et Humaines
de Ho Chi Minh-ville*

Résumé: La culture est un système de symboles. Émile Durkheim (un sociologue) a montré que le système de symbole comprenait trois aspects: individu, communauté et symbole. Ce dernier joue un rôle comme un point convergent et un pont de liaison entre individu et communauté, entre passé et présent. Il est considéré comme un vecteur de philosophie et de mémoire.

La culture urbaine a son système de symbole propre. Cela manifeste par divers facteurs: urbanisme, architecture, dénomination de rues, fêtes, histoire, musique... etc. Le symbole urbain contribue à enrichir la vie urbaine. Il constitue une attraction d'une ville. Le symbole urbain se forme d'année en année et constitue un caractère particulier de la vie urbaine.

Saigon comporte quatre caractéristiques principales: Villes de cours d'eau; centre économique; ville d'après le type occidental; ville multiculturelle. On peut reconnaître d'entre elles des empreintes de la culture française. L'une de ces empreintes était l'architecture catholique construite depuis la fin du XIX^{ème}, par le Français: églises, écoles et monastères. Dans le cadre de cette recherche, nous abordons l'histoire de certaines architectures catholiques à Saigon et la conservation de ces patrimoines. Par là, nous voulons affirmer la valeur sous tous aspects de ces patrimoines catholiques, ainsi que les patrimoines culturels de Saigon-Ho Chi Minh ville.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI PHÁP TRONG VIỆC ĐÀO TẠO VÀ THIẾT LẬP HỆ THỐNG CÁC TRƯỜNG MĨ THUẬT TẠI VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

✉ **PGS.TS. Hoàng Minh Phúc**

📄 Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

✉ Email: hoangminhphuc@gmail.com

Tóm tắt: Ngay từ buổi đầu đô hộ Việt Nam, người Pháp đã nhận thấy việc tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, văn hoá, tập tục của người Việt đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người Pháp cai trị và khai hoá vùng đất mới này. Cùng với những trụ sở hành chính, chính quyền Pháp đã cho xây dựng các trung tâm, viện nghiên cứu và xuất bản nhiều công trình có giá trị. Năm 1877, khi triều đình Huế chấp thuận sự tự do hoạt động khoa học của Pháp ở Việt Nam, nhiều chuyên gia Pháp trong các lĩnh vực văn hoá học, dân tộc học, khảo cổ học, nghệ thuật học... đã có mặt tại đây để thực hiện các chuyên khảo nghiên cứu và phê bình. Trong lĩnh vực mỹ thuật, với mục đích ban đầu là đào tạo nghệ cho đội ngũ thợ ở Việt Nam nhằm hướng tới một sản phẩm thẩm mỹ phục vụ khách hàng, người Pháp đã thiết lập hệ thống các trường như Mỹ nghệ bản xứ Thủ Dầu Một (còn gọi là Mỹ nghệ Bình Dương) (1901), trường Mỹ nghệ bản xứ Biên Hoà (1903), trường Mỹ nghệ bản xứ Gia Định (trường Vẽ Gia Định) (1913), trường Nghệ thuật thực hành (1920)... Mặc dù, hệ thống các trường này chưa phải là nơi đào tạo về mỹ thuật tạo hình nhưng việc người Pháp thiết lập hệ thống các trường mỹ thuật tại Việt Nam đầu thế kỉ XX đóng một vai trò quan trọng trong việc đào tạo cho người Việt một đội ngũ từ thợ thủ công, đến thợ thủ công lành nghề rồi danh xưng hoạ sĩ; thành lập hệ thống các trường dạy nghề (thực hành) đến các trường cao đẳng (lí thuyết khoa học và thực hành) và sau này là hệ thống các trường đại học (giáo dục chuyên nghiệp về chuyên ngành mỹ thuật) đã góp phần xác lập một hệ thống đào tạo chính quy về mỹ thuật tại Việt Nam.

Từ khoá: mỹ thuật, đào tạo mỹ thuật, trường mỹ thuật, mỹ thuật đầu thế kỉ XX

LE RÔLE DES FRANÇAIS DANS LA FORMATION ET LA FONDATION DU SYSTÈME DES ÉCOLES DES BEAUX-ARTS AU VIETNAM AU DÉBUT DU XX^e SIÈCLE

✉ **Prof.as.Dr. Hoàng Minh Phúc**

📄 Université des Beaux-Arts de Hồ Chí Minh-Ville

✉ Courriel: hoangminhphuc@gmail.com

Résumé: Dès le début de la domination française, les Français ont réalisé l'importance de la recherche de l'histoire, de la culture et des coutumes du peuple vietnamien dans le soutien de la domination et de la civilisation française à cette nouvelle terre. Avec les bureaux administratifs, le Gouvernement français a construit des centres, des instituts, des sociétés de recherche et a publié de nombreuses recherches scientifiques précieuses. En 1877, lorsque la Cour de Huế accepta la liberté de l'activité scientifique française au Vietnam, de nombreux experts français dans des domaines tels

que la culture, l'ethnologie, l'archéologie, l'histoire de l'art... étaient présents ici pour faire des recherches et des monographies.

Dans le domaine des beaux-arts, avec l'objectif initial de la formation professionnelle du personnel vietnamien vers un produit cosmétique au service des clients, les Français ont mis en place un système d'écoles telles que l'École de l'artisanat indigène Thủ Dầu Một en 1901 (dit École des Beaux-Arts de Bình Dương), l'École des Beaux-Arts indigène de Bien Hoa en 1903, l'École des Beaux-Arts indigènes Gia Định (École de Peinture Gia Định) (1913), l'École d'Art Pratique (1920)... Bien que ce système scolaire ne soit pas un lieu de formation en arts plastiques, la mise en place d'un système d'écoles des Beaux-Arts au Vietnam au début du XX^e siècle a joué un rôle important dans la formation d'une équipe d'artisans vietnamiens: de l'artisanat aux artisans qualifiés, puis aux peintres; de l'établissement d'un système de l'écoles allant de la formation professionnelle (pratique) aux collèges (théories scientifiques et pratiques) et, plus tard, au système de l'université (formation professionnelle dans le domaine des beaux-arts) a contribué à la mise en place d'un système de formation officiel pour les beaux-arts au Vietnam.

Mots-clés: beaux-art, formation artistique, école des beaux-ar, beaux-art au début du XX^e siècle

ĐÔ THỊ HOÁ THEO NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG: KHU PHỐ “CHÂU ÂU” Ở HÀ NỘI CUỐI THẾ KỈ XIX – NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

✍ **TS. Nguyễn Thị Bình**

📖 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội

✉ Email: nguyenbinh179@gmail.com

Tóm tắt: Đô thị hoá (Urbanization) là một khái niệm phức hợp. Các hướng tiếp cận nghiên cứu khác nhau sẽ đưa đến những lí thuyết và quan điểm khác nhau về đô thị hoá. Tuy nhiên, về căn bản, đô thị hoá được hiểu như là một cách thức phát triển không gian đô thị thông qua sự phát triển dân số, hoặc được hiểu như sự chuyển đổi về kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp hay sự biến chuyển văn hoá, xã hội trên một khu vực... Những đặc trưng của vùng hay khu vực ảnh hưởng rõ nét tới tiến trình đô thị hoá của vùng hay khu vực đó. Ở các nước phát triển phương Tây, đô thị hoá diễn tiến theo chiều sâu, tập trung cải tạo các điều kiện sinh thái, nâng cao chất lượng cuộc sống và dần dần tạo nên những “siêu thành phố”. Ở các nước đang phát triển, tiến trình đô thị hoá không song hành cùng với tốc độ phát triển dân số. Bên cạnh đó, tính lịch sử cũng quy định tới những nét đặc thù, riêng biệt của tiến trình đô thị hoá ở mỗi thành phố, quốc gia và khu vực.

Thăng Long – Hà Nội là một trong những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội quan trọng bậc nhất của Việt Nam đồng thời là một đô thị có lịch sử lâu đời. Bên cạnh yếu tố “đô” (kinh đô hay đô thành), Thăng Long – Hà Nội đã phát triển cả yếu tố

“thị” (buôn bán qua các triều đại quân chủ phong kiến). Tính đến thời điểm người Pháp bắt đầu xâm lược vào nửa sau thế kỉ XIX, Thăng Long – Hà Nội vẫn chỉ là “một đô thị khiêm nhường” với đặc trưng “lai ghép” giữa “một mẫu đô thị cộng với một mẫu nông thôn”. Thế kỉ XX đánh dấu sự trỗi dậy và bước vào tiến trình đô thị hoá mạnh mẽ của Hà Nội. Các nhà nghiên cứu lịch sử, đô thị đã đưa ra nhiều nhận định, phân tích về hiện tượng đô thị hoá của Hà Nội thời kì cận đại. Điều đáng lưu tâm là các nhà nghiên cứu quá tập trung phân tích hiện tượng đô thị hoá của Hà Nội dưới các thành tố chủ yếu như chuyển đổi không gian từ “làng đến phố”, sự bùng nổ của cư dân đô thị, sự phát triển hoạt động kinh tế thương nghiệp, sự thay đổi lối sống – văn hoá cùng các giai tầng xã hội... mà ít khi quan tâm tìm hiểu về khởi nguyên của các thành tố này. Trong khi đó, những căn nguyên này định hình cách thức để xây dựng nên một đô thị, quy định hình ảnh của đô thị hay chính xác hơn là “mã gen gốc” của một đô thị. Theo đó, chúng là tác nhân chi phối mạnh mẽ đời sống đô thị từ khi hình thành đến các giai đoạn phát triển về sau.

Vậy, điểm khởi nguyên cho quá trình đô thị hoá của Hà Nội nửa đầu thế kỉ XX là gì? Theo cách đặt vấn đề khác: mô hình đô thị của Hà Nội được thiết lập như thế nào vào nửa đầu thế kỉ XX? Trên cơ sở phân tích tư liệu lưu trữ và áp dụng hướng tiếp cận lịch sử – quy hoạch đô thị, bài viết sẽ trả lời câu hỏi trên thông qua nghiên cứu trường hợp “khu phố châu Âu”.

URBANISATION À TRAVERS DES RUES – “QUATIER EUROPÉEN” À HANOI DE LA FIN DU XIX^e SIÈCLE AU DÉBUT DU XX^e SIÈCLE

✉ **Dr. Nguyễn Thị Bình**

📖 *Université des sciences humaines et sociales, Université Nationale de Hanoi*

✉ *Courriel: nguyenbinh179@gmail.com*

Résumé: Les différentes recherches donnent des pointes de vue et des concepts divers de l’urbanisation. En principe, l’urbanisation due au développement de la population, à la transformation d’économie agricole en économie industrielle, au changement culturel et social sur le même lieu. Ceux qui influent le chemin qui conduit à l’urbanisation de la region.

Dans les pays européens l’urbanisation due fondament à l’amélioration des conditions écologiques et au perfectionnement de la qualité de vie. Peu à peu, tout cela crée la “super ville” – ville parfaite. Dans les pays en vois de développement, l’urbanisation et la population augmentent parallèlement. La particularité de l’urbanisation de chaque ville, chaque nation ou region depend encore de son histoire.

Thăng Long – Hà Nội était le centre économique, politique, culturel et social le plus

important du Vietnam. La ville était encore un bourg avec une longue histoire. En vietnamien, “đô thị” se compose de deux éléments: **đô** c’est-à-dire *capitale* (royal ou citadelle) et **thị** signifie *marché*. La ville capitale connaît une transformation de tous ces deux parties. À partir de l’invasion des Français à la fin du dix-neuvième siècle, la ville de Thăng Long-Hà Nội restait encore un “bourg modeste” composé de deux pièces d’un puzzle: l’une de ville et l’autre de campagne. Le XX^e siècle marqué par la présence et la force de l’urbanisation profonde de la ville de Hanoi. Les chercheurs de l’histoire de l’urbanisation ont plusieurs analyses et termes concernant l’urbanisation de la ville de Hanoi au temps moderne. Mais le problème intéressé n’est pas le changement de l’apparence de la ville, “la transformation du village en ville”, ni le boom citadins, ni le commerce, le changement de mode de vie des classes sociales non plus.... C’est l’origine de tout qui décide la construction d’un bourg, l’image de la ville ou bien c’est le “code génétique” de l’urbanisation de la ville. Celle qui influe à la naissance et au développement de la vie en ville dans les époques différentes.

ÁP DỤNG CÔNG CỤ TDR ĐỂ BẢO VỆ CÁC BIỆT THỰ CŨ THEO PHONG CÁCH KIẾN TRÚC PHÁP TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HOÁ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

✍ **ThS.KTS. Phạm Trần Hải**

📄 Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

✉ Email: phamtranhai@yahoo.com

Tóm tắt: Bảo tồn di sản kiến trúc trong quá trình phát triển đô thị là một vấn đề cần thiết. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, các biệt thự cũ theo phong cách kiến trúc Pháp có vai trò quan trọng trong quỹ di sản kiến trúc. Trong thời gian qua, trước áp lực phát triển đô thị, các biệt thự cũ (trong đó có nhiều biệt thự cũ có giá trị cần bảo tồn) được tháo dỡ hàng loạt để xây dựng các công trình cao tầng, gây các tác động tiêu cực trong phát triển đô thị. Để giải quyết tình trạng trên, bên cạnh các biện pháp chế tài, việc giải quyết hài hoà giữa lợi ích chung của toàn xã hội, cộng đồng và lợi ích riêng của các cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng các khu đất có biệt thự cũ là giải pháp cơ bản nhất. Chuyển quyền phát triển bất động sản (Transfer of Development Rights – TDR) được xem là công cụ có khả năng giải quyết hiệu quả vấn đề này. Bài viết nêu một số trường hợp thành công khi áp dụng TDR ở các đô thị lớn trên thế giới cũng như làm rõ khả năng áp dụng và điều kiện để có thể áp dụng TDR tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khoá: bảo tồn di sản, phát triển đô thị, chuyển quyền phát triển bất động sản, TDR

LA MISE EN PLACE D'UN PROGRAMME "TRANSFER OF DEVELOPMENT RIGHTS" (TRANSFERT DE DROITS DE DÉVELOPPEMENT) DANS LA CONVERSION DES ANCIENNES VILLAS À L'ARCHITECTURE FRANÇAISE FACE À L'URBANISATION À HỒ CHÍ MINH VILLE

✍ **Architecte. Phạm Trần Hải**

📄 *L'Institute de recherche et de développement de Hồ Chí Minh Ville*

✉ *Courriel: phamtranhai@yahoo.com*

Résumé: A nos jours, il est nécessaire de se poser la question de la conservation des patrimoines architecturaux face à l'urbanisation. A Hồ Chí Minh ville, les anciennes villas à l'architecture française joue un rôle important dans l'ensemble des patrimoines architecturaux. Dans ces derniers temps, face à la pression de l'urbanisation, des anciennes villas sont massivement détruites pour reconstruire des nouvelles maisons à plusieurs étages. Ceci fait créer des mauvaises répercussions sur le développement urbain. Pour résoudre cette situation, à côté des mesures de sanction, il est nécessaire d'harmoniser deux intérêts: d'un côté de la société et de la communauté, l'autre des individus et des associations qui sont propriétaires des anciennes villas. Cette solution est considérée comme une mesure principale. En effet, le programme de "Transfer of Development Rights" (TDR) (traduit: transfert de droits de développement (TDD)) est appliqué efficacement en vue de régler cette question. Le but de cet article est de montrer les cas de réussite et d'éclaircir à la fois la capacité et les conditions de la mise en place du programme TDR à Hồ Chí Minh Ville.

Mots-clés: la conservation du patrimoine, l'urbanisation, le transfert de droits de développement, TDR

HỘI NHẬP VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP QUA MỘT SỐ NHÀ THỜ CÔNG GIÁO MANG KIẾN TRÚC GOTHIC TẠI HÀ NỘI

✍ **ThS. Dương Văn Biên**

📄 *Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

Tóm tắt: Công giáo tới Hà Nội từ thế kỉ XVII và sớm đã có sự tiếp xúc với văn hoá bản địa của người Việt ở đây. Đáng chú ý, sự phát triển của Công giáo ở Hà Nội còn có vai trò rất lớn của Hội Thừa sai Paris (MEP) với vai trò của các giáo sĩ Công giáo người Pháp. Chính điều đó đã tạo điều kiện để quá trình giao lưu văn hoá Việt – Pháp thông qua Công giáo được diễn ra mạnh mẽ hơn. Trong quá trình tồn tại và phát triển của Công giáo tại Hà Nội đã để lại nhiều di sản mang đậm dấu ấn hội nhập văn hoá giữa Việt Nam và Pháp. Điển hình là các nhà thờ Công giáo mang phong cách kiến trúc Gothic – một phong cách kiến trúc đỉnh cao của người Pháp – ở Hà Nội. Đặc trưng của lối kiến trúc Gothic chính là mái vòm và đầu nhọn. Phong cách này nhấn mạnh vào các hình khối theo chiều thẳng đứng, trần cao và sự kết hợp với hệ thống cửa sổ kính nhiều ánh sáng. Những nhà thờ tiêu biểu cho phong cách này ở Hà Nội hiện có nhà thờ lớn, nhờ thờ xứ Hàm Long, nhà thờ Phùng Khoang, nhà thờ Nam Dư, nhà thờ Cổ Nhuế... Tuy nhiên, phong cách Gothic đã được tái thiết kế theo hướng giản đơn hơn. Ngoài ra

còn pha trộn nhiều nét bản địa về hoa văn trang trí. Ví dụ như nhà thờ lớn Hà Nội có gian cung thánh được chạm trổ hoa văn bằng gỗ sơn son thiếp vàng theo nghệ thuật dân gian truyền thống Việt Nam. Trong khi các ô cửa vòm Gothic được kết hợp với mái ngói truyền thống. Hay các trang trí hình tròn bên cạnh các cửa lấy ánh sáng hình quả trám của nhà thờ Hàm Long. Chính sự kết hợp giữa nét văn hoá Đông và Tây trong không gian nhà thờ Gothic đã tạo ra sự gắn gũi với văn hoá dân tộc Việt Nam. Đây chính là một trong những cơ sở quan trọng để Công giáo về sau này đẩy mạnh hơn nữa quá trình hội nhập vào văn hoá bản địa tại Việt Nam để vận động theo xu hướng đồng hành cùng dân tộc.

Từ khoá: hội nhập, văn hoá, nhà thờ, Công giáo, kiến trúc, Gothic, Hà Nội, phục hưng, Pháp, trang trí, hoa văn, biểu tượng, văn hoá Việt truyền thống

ACCULTURATION ENTRE LE VIETNAM ET LA FRANCE À TRAVERS CERTAINES EGLISES GOTHIQUES DU CATHOLICISME A HA NOI

✍ **Dương Văn Biên**

📖 *L'Institut des Recherches sur les Religions, Académie des Sciences Sociales du Vietnam*

Résumé: Le catholicisme est arrivé à Hanoi à partir du XVII^e siècle et contacté rapidement avec la culture indigène des Vietnamiens. Il convient de noter que le développement du catholicisme à Hanoi a également joué un grand rôle au sein de *La Société des Missions Étrangères de Paris* (MEP) auprès des clergés français. Cela a renforcé plus fort le processus d'échange culturel franco-vietnamien à travers le catholicisme. L'existence et le développement du catholicisme à Hanoi ont laissé beaucoup de patrimoines qui ont été imprimés l'intégration culturelle entre le Vietnam et la France, spécialement les églises catholiques gothiques à Hanoi avec un style architectural français. L'architecture gothique est caractérisée par le dôme et le pic. Ce style se concentre sur des formes verticales, de hauts plafonds et une combinaison de fenêtres en vitre beaucoup de lumières. Les églises typiques de ce style existent à Hanoi maintenant comme la cathédrale St. Joseph de Hanoi, l'église d'Ham Long, l'église de Phung Khoang, l'église de Nam Du, l'église de Co Nhue, etc. Cependant, le style gothique a été redessiné à la manière la plus simple. En outre, il a été mélangé avec la culture autochtone à travers des motifs décoratifs. Par exemple, la Cathédrale de Hanoi a obtenu le sanctuaire décoré en or et par des matériaux en bois rouge dans le style traditionnel de l'art vietnamien, on peut voir les fenêtres de style gothique avec des toits de tuiles traditionnelles ou les décorations circulaires à côté de la porte pleine la lumière de l'église d'Ham Long. C'est-à-dire que la combinaison entre la culture orientale et celle occidentale, dans l'espace des églises gothiques, a fait de se familiariser à la culture nationale du Vietnam. C'est une des bases importantes pour le catholicisme qui peut favoriser davantage l'acculturation avec la culture autochtone vietnamienne pour accompagner la nation.

Mots-clés: acculturation, église, catholicisme, architecture, gothique, Hanoi, renaissance, France, motifs décoratifs, symbole, culture traditionnelle vietnamienne

GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP: BẢNG CHỨNG TỬ LỊCH SỬ HỘI HOẠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

✉ **TS.Họa sĩ. Phạm Văn Tuyền**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: tuyenpv@hnue.edu.vn

Tóm tắt: Người Pháp mở trường đào tạo mỹ thuật tại Việt Nam vào thời điểm ở phương Tây còn đang trong ảnh hưởng của Chủ nghĩa Ấn Tượng và Hậu Ấn tượng. Vì thế, hội họa hiện đại Việt Nam đã tiếp cận song hành học thuật phương Tây và hội họa Ấn tượng Pháp. Các dữ liệu lịch sử và lịch sử mỹ thuật cho thấy quan điểm ứng xử của người Pháp đã làm thay đổi lịch sử mỹ thuật Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng. Sự ra đời Trường Mỹ thuật Đông Dương với việc đào tạo hội họa và điêu khắc bên cạnh các lĩnh vực mỹ thuật khác đã mở ra trang mới cho hội họa Việt Nam. Bằng thái độ tôn trọng nền văn hoá bản địa, người Pháp đã góp phần lưu giữ thắm mỹ dân tộc Việt Nam trong các họa sĩ. Từ đó, những họa sĩ Việt Nam danh tiếng của Trường Mỹ thuật Đông Dương, một mặt chủ động tiếp thu học thuật Cổ điển phương Tây và chủ nghĩa Ấn tượng, đồng thời luôn hướng về quan niệm nghệ thuật truyền thống Việt Nam nên đã có những thành công ban đầu. Nhiều học giả quốc tế đã cho là có một “trường phái An Nam” trong hội họa, đồng thời nhận định rằng hội họa Việt Nam là độc đáo và không giống với các nước khác như Nhật Bản hay Trung Quốc. Bài viết mong muốn phân tích về sự giao thoa văn hoá Việt Pháp qua vài cứ liệu lịch sử và một số tác giả, tác phẩm hội họa của các họa sĩ được đào tạo tại Trường Mỹ thuật Đông Dương. Đây chỉ là một đánh giá góp phần khẳng định sự giao thoa giữa hai nền văn hoá Pháp – Việt vốn đã là sự thật lịch sử.

Từ khóa: mỹ thuật truyền thống; hội họa Ấn tượng; văn hoá Pháp; Mỹ thuật Đông Dương; hội họa hiện đại Việt Nam

LE TRANSFERT CULTUREL FRANCO-VIETNAMIEN: PREUVES DANS L’HISTOIRE DES BEAUX-ARTS MODERNES DU VIETNAM

✉ **Dr.Peintre. Phạm Văn Tuyền**

📄 École Normale Supérieure de Hanoi (HNUE)

✉ Courriel: tuyenpv@hnue.edu.vn

Résumé: Les Français ont fondé l’Ecole des Beaux-Arts au Vietnam au moment où la peinture occidentale est fortement influencée par l’Impressionnisme et le Post-impressionnisme. Ainsi, la peinture moderne du Vietnam a absorbé tant les écoles d’art occidentales que la peinture impressionniste française. Les documents historiques et l’histoire des Beaux-Arts montrent que la vision française a changé l’histoire des beaux-arts en Indochine en général et celle du Vietnam en particulier. L’inauguration de l’Ecole des Beaux-Arts de l’Indochine, où l’enseignement de la peinture et de la sculpture était installé parallèlement avec celui d’autres beaux-arts, a ouvert une

nouvelle page de la peinture du Vietnam. Avec le respect pour la culture autochtone, les Français ont contribué à maintenir l'identité esthétique au sein des artistes vietnamiens. Dès lors, les peintres vietnamiens de l'Ecole des Beaux-Arts de l'Indochine, ceux qui ont acquis les connaissances de la peinture classique occidentale et la peinture impressionniste tout en conservant les concepts traditionnels artistiques du Vietnam, ont eu des succès réputés. Certes, plusieurs chercheurs étrangers remarquent qu'il existe une "école d'art d'Annam" dans la peinture, et que la peinture vietnamienne est très originale et particulière, différente de celle des Grandes Puissances comme le Japon ou la Chine. La présente communication souhaite donc analyser l'interculturalité franco-vietnamienne à travers certains preuves et témoignages, certains auteurs et peintures des peintres formés sous les toits de l'Ecole des Beaux-Arts de l'Indochine. Elle n'est pourtant qu'une évaluation qui sert à affirmer l'interférence entre les deux cultures France et Vietnam qui est en effet une vérité incontournable.

Mots-clés: beaux-arts traditionnels, peinture impressionniste, culture française, beaux-arts indochinois, peinture moderne vietnamienne.

QUÁ TRÌNH TIẾP BIẾN VĂN HOÁ PHÁP TRONG THỂ LOẠI CA KHÚC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 1975

✍ **ThS. Tạ Hoàng Mai Anh**

📄 Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

✉ Email: tahoangmaianh@gmail.com

Tóm tắt: Thể loại ca khúc ra đời ở Việt Nam là một tất yếu do ảnh hưởng từ cuộc tiếp biến văn hoá Pháp. Thể loại này du nhập vào Việt Nam cùng với những nội dung, đề tài, phong cách, ngôn ngữ sáng tác của nghệ thuật phương Tây. Khi nền Tân nhạc của Việt Nam ra đời, người Việt có những ca khúc của riêng mình. Những ca khúc này không chỉ kế thừa những yếu tố từ văn hoá phương Tây mà còn đưa vào đó những đặc điểm đặc trưng trong sáng tác của con người Việt Nam. Sự tương tác giữa văn hoá Đông – Tây trong thể loại này được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Những đặc điểm về nội dung, đề tài, phong cách, thể loại của ca khúc không chỉ phản ánh xã hội Việt Nam thời bấy giờ, suy nghĩ, tình cảm của con người Việt Nam và còn phản ánh chính những con đường du nhập thể loại này từ Pháp vào Việt Nam. Trong đặc điểm âm nhạc, tính dân tộc kết hợp với những ảnh hưởng từ văn hoá phương Tây được biểu hiện qua các yếu tố tiêu biểu là cấu trúc, chất liệu âm nhạc và điệu thức đã tạo nên tính giao thoa văn hoá Đông – Tây trong thể loại ca khúc.

Bài viết nghiên cứu quá trình tiếp biến văn hoá Pháp được biểu hiện trong thể loại ca khúc Việt Nam dưới góc độ âm nhạc học bằng phương pháp nghiên cứu lí thuyết. Phạm vi nghiên cứu được giới hạn trong các ca khúc giai đoạn trước năm 1975 do đây là

giai đoạn chịu ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt từ quá trình tiếp biến văn hoá Pháp diễn ra vào đầu thế kỉ XX. Kết quả nghiên cứu sẽ làm rõ những ảnh hưởng của nghệ thuật phương Tây được thể hiện, đồng thời khẳng định sự giao thoa giữa văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam trong thể loại ca khúc Việt Nam.

Từ khoá: ca khúc Việt Nam, văn hoá Pháp, ảnh hưởng, thế kỉ XX

LE PROCESSUS DE L'INFLUENCE DE LA CULTURE FRANÇAISE DANS LES CHANSONS VIETNAMIENNES AVANT 1975

✍ **Tạ Hoàng Mai Anh**

📄 *École Normale Supérieure de Hanoi*

✉ *Courriel: tahoangmaianh@gmail.com*

Résumé: Le genre de chanson a apparu au Vietnam comme une nécessité en raison de l'influence de la culture française. Ce genre est importé au Vietnam avec le contenu, le thème, le style, la composition linguistique de l'art occidental. Quand la Nouvelle musique vietnamienne est née, les Vietnamiens avaient leurs propres chansons. Ces chansons héritent non seulement des éléments de la culture occidentale, mais encore apportent également les caractéristiques de la composition du peuple vietnamien. L'interaction entre la culture orientale et occidentale dans ce genre s'exprime de différentes manières. Les caractéristiques du contenu, le thème, le style et le genre de chanson reflètent non seulement la société vietnamienne de l'époque, les pensées et les émotions du peuple vietnamien, mais encore reflètent également les voies d'importation de culture française au Vietnam. Les caractéristiques musicales, l'ethnicité combinée avec les influences de la culture occidentale sont exprimées à travers trois éléments typiques telles que la structure, la matière et la tonalité. Cela a créé une intersection de la culture Orientale-Occidentale dans le genre de chanson.

Ce document de recherche montre le processus d'introduction de la culture française dans les œuvres musicales vietnamiennes. Cette recherche est écrite en termes d'apprentissage musical au moyen d'études théoriques. La zone de recherche est limitée aux chansons de la période antérieure en 1975, car c'est une période directement influencée par la culture française qui a eu lieu au début du XX^e siècle. Les résultats de cette recherche permettront de clarifier les effets de l'art occidental, tout en affirmant l'interférence entre la culture occidentale et la culture vietnamienne dans le genre de chanson vietnamienne.

Mots-clés: chanson vietnamienne, culture française, influence, XX^e siècle

**NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ TRÊN ĐỒ ĐỒNG THỜI NGUYỄN
QUA GÓC NHÌN CỦA CÁC HỌC GIẢ NGƯỜI PHÁP
TRONG BỘ B.A.V.H (NHỮNG NGƯỜI BẠN CỐ ĐÔ HUẾ)**

✍ **ThS. Phan Lê Chung**

📄 Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

✉ Email: chung.artist@gmail.com

Tóm tắt: Trong mạch nguồn lịch sử văn hoá dân tộc thì thời đại đồ đồng đóng một vai trò hết sức quan trọng, việc làm rõ những giá trị nghệ thuật tạo hình trên đồ đồng sẽ góp phần đánh giá và khẳng định sự phát triển văn hoá nghệ thuật Việt Nam trong mối tương quan khu vực châu Á cũng như trên bình diện chung về lịch sử văn hoá nghệ thuật của thế giới. Đây cũng là cơ sở để đưa ra những nhận định và hướng nghiên cứu mở cho những vấn đề chuyên sâu khác trong quá trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá nghệ thuật của đất nước mà thời Nguyễn là một trong những điểm nhấn quan trọng. Để nghiên cứu về thời Nguyễn và nghệ thuật trang trí trên đồ đồng thời kì này, chúng ta không thể không nhắc đến bộ sách B.A.V.H (Những người bạn Cố đô Huế). Tạp chí “Những người bạn Cố đô Huế” (Bulletin des Amis du Vieux Huế – được viết tắt là B.A.V.H) là một ấn phẩm do linh mục Léopold Cadière chủ biên. Tạp chí xuất bản số đầu tiên vào năm 1914 và số cuối cùng là năm 1944. Công trình được viết bằng tiếng Pháp, đến năm 1997 mới được dịch ra tiếng Việt và do Nhà xuất bản Thuận Hoá (Huế) ấn hành. Đây là bộ sách có giá trị do các học giả người Việt và người Pháp thực hiện với tổng số 121 tập được phát hành. Trong số đó phải kể đến những bài viết của các học giả Pháp về thời Nguyễn nói chung cũng như đồ đồng thời Nguyễn nói riêng, trở thành một nguồn tài liệu quý giá hỗ trợ cho các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Bài tham luận được chia thành ba phần:

– Phần đầu giới thiệu tổng quan về thời Nguyễn và nghệ thuật trang trí trên đồ đồng thời Nguyễn. Mô tả các trường hợp điển hình như: Cừu đỉnh, cừu Vị thần công, vạc đồng thời chúa Nguyễn, Đại hồng chung chùa Thiên Mụ. Đây cũng chính là những di vật đã được công nhận là bảo vật quốc gia Việt Nam.

– Phần hai giới thiệu bộ sách B.A.V.H và các bài viết của các học giả Pháp về lĩnh vực nghệ thuật liên quan đến mảng trang trí trên đồ đồng thời Nguyễn (danh mục dựa trên 121 bộ sách B.A.V.H).

– Phần kết luận sẽ đưa ra các nhận định chung về nghệ thuật trang trí đồ đồng thời Nguyễn, đánh giá về các bài viết của các học giả người Pháp và việc sử dụng tài liệu này trong nghiên cứu cho các học giả và trong môi trường giáo dục nghệ thuật.

Từ khoá: nghệ thuật, thời Nguyễn, trang trí, đồ đồng, B.A.V.H.

**LES ARTS DÉCORATIFS DES OBJETS EN CUIR À LA DYNASTIE DES NGUYEN SELON DES SAVANTS
FRANÇAIS DANS LA SÉRIE DES LIVRES B.A.V.H
(LES AMIS DE L'ANCIENNE CAPITALE DE HUE)**

✍ **Phan Lê Chung**

📄 *École des Beaux-Arts, Université de Hué*

✉ *Courriel: chung.artist@gmail.com*

Résumé: À tout au long des histoires et de la culture du peuple, l'âge du bronze joue un rôle très important, la clarification des valeurs des arts plastiques sur les objets en cuir contribue à évaluer et affirmer le développement de la culture artistique vietnamienne dans le rapport du zone asiatique ainsi que sur le plan général de l'histoire de la culture artistique mondiale. Ceci est une base pour donner les commentaires et directions de recherches ouvertes pour d'autres questions spéciales dans le processus de conservation et de valorisation des valeurs culturelles et artistiques du pays où la dynastie de Nguyen est un des points importants. Pour faire des études de la dynastie de Nguyen et des arts décoratifs sur les objets en cuir à cette époque-là, on ne peut pas oublier la série des livres B.A.V.H (Les amis de l'ancienne capitale de Hue). Le Bulletin "des Amis du Vieux Hué" en abréviation B.A.V.H, est un imprimé de Léopold Cadière comme rédacteur général. Le premier article publié en 1914 et le dernier en 1944. L'oeuvre a été écrit en français, traduit en vietnamien en 1977 et publié et imprimé par l'éditeur Thuan Hoa (Hué). C'est une série des livres à valeur réalisée par les savants vietnamiens et français avec 121 volumes publiées au total. Parmi lesquels, il faut mentionner des textes des savants français sur la dynastie de Nguyen en particulier, devenant une des ressources précieuses intérieures et extérieures du pays. L'intervention a été divisée en 3 parties:

– *La première partie* présentera un aperçu de la dynastie de Nguyen et les arts décoratifs sur les objets en cuir à la dynastie de Nguyen. Les descriptions des exemples typiques comme: Cũu đĩnh, cũu Vĩ thĩn cũng, Urne en cuir au seigneur des Nguyen, Đĩ hũng cũng đũ Pagode de Thien Mu. Ce sont des objets spĩciauxreconnus comme des objet prĩcieux nationaux du Vietnam.

– *La deuxième partie* introduit la série de livres B.A.V.H et d'autres l'article des savants français sur les arts décoratifs sur les objets en cuir à la dynastie de Nguyen (Liste fait par rapport à 121 livres B.A.V.H).

– *La conclusion* va donner les critiques gĩnĩrales sur les arts dĩcoratifs sur les objets en cuir à la dynastie de Nguyen, ĩvaluer des articles des savants français et l'ũtilisation de ces documents dans l'ĩtũde des savants et l'ĩducation artistique.

Mots-clĩs: art, dynastie des Nguyen, dĩcoration bronze, B.A.V.H.

DẤU ẤN PHONG CÁCH ROCOCO – PHÁP TRONG TRANG TRÍ TẠI LĂNG CÁC BÀ HOÀNG THỜI NGUYỄN

✉ **ThS. Trần Thị Hoài Diễm**

📖 *Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế*

✉ *Email: hoaidiemtran@yahoo.com*

Tóm tắt: Vào thời kì giao thoa văn hoá Pháp – Việt vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX đã để lại những nét đặc sắc trong kiến trúc thời Nguyễn mà một trong những minh chứng là các giá trị tạo hình phong cách kiểu Rococo kết hợp các kiểu thức tạo hình trang trí đậm chất phương Đông tại các công trình kiến trúc của nhà vua và các bà hoàng, nổi bật một số công trình kiến trúc như lăng Khải Định, lăng Thánh Cung, lăng Vạn Vạn (Tiên Cung), điện Kiến Trung... Sự kết hợp nhiều ý nghĩa tâm linh và biểu tượng vũ trụ cho thấy tính chất tam giáo đồng nguyên rất sâu đậm trong kiến trúc cung đình Nguyễn, và đó cũng là một trong những yếu tố tạo hình có nét liên hệ gần gũi, in dấu trong nghệ thuật tạo hình mang đậm phong cách Rococo trên các công trình kiến trúc lăng của các bà hoàng với giá trị nghệ thuật trang trí chạm khắc đá, nổi bật là các yếu tố tạo hình pha trộn Âu – Á một cách chừng mực nhưng đầy ấn tượng.

Các giá trị tạo hình trang trí không chỉ là sự phản ánh mỹ thuật của triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam mà còn là sự khẳng định phong cách và bản sắc mỹ thuật của một vùng đất có truyền thống lịch sử, có sự đan xen dung nạp từ nhiều nền văn hoá, trong đó dấu ấn phong cách Rococo là một điểm đáng chú ý của mỹ thuật thời Nguyễn.

Từ khoá: phong cách Rococo, nghệ thuật tạo hình, Mỹ thuật thời Nguyễn, Bố cục, Nhịp điệu

TRACES DU MOUVEMENT FRANÇAIS ROCOCO À LA DÉCORATION AUX TOMBEAUX DES PRINCESSES DE LA DYNASTIE NGUYEN

✉ **Trần Thị Hoài Diễm**

📖 *Doctorante, Ecole des Beaux-Arts, Université de Hué*

✉ *Courriel: hoaidiemtran@yahoo.com*

Résumé: La période des interactions culturelles franco-vietnamiennes à la fin du XIX^e et au début du XX^e siècle a laissé des traits remarquables à l'architecture de la dynastie Nguyen, dont l'un semblait des valeurs d'art plastique du mouvement Rococo combinant avec de différents styles architecturaux d'art plastique de décoration entièrement orientaux aux tombeaux royaux des rois et des princesses, notamment au tombeau Khai Dinh, sanctuaire Thanh Cung, tombeau Van Van (Tien Cung), pavillon Kien Trung... La combinaison des significations spirituelles et des symboles de l'univers montre les caractères très profonds des Trois Enseignements (le confucianisme, le taoïsme et le bouddhisme) dans l'architecture de la dynastie Nguyen. C'est également l'un des éléments d'art plastique populaire, ce qui grave directement dans l'art plastique

de Rococo aux tombeaux des princesses Nguyen, avec la valeur artistique de la sculpture des pierres, surtout des éléments remarquables qui mélangent des styles occidentaux et orientaux d'une manière modeste mais impressionnante.

Les valeurs décoratives sont non seulement le reflet artistique de la dernière dynastie féodale au Vietnam mais aussi l'affirmation du style et du caractère artistique d'un terrain traditionnel historique en ayant l'harmonie de nombreuses cultures dont la marque de style Rococo est un point remarquable de beaux-arts de la dynastie Nguyen.

Mots-clés: style Rococo, art plastique, beaux-arts de la dynastie Nguyen, plan, rythme

NGHỆ THUẬT QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC SÀI GÒN: BẢO TỒN NGUỒN DI SẢN VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

✉ **TS.KTS. Ngô Minh Hùng**

📖 Trường Đại học Bách khoa,
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

✉ Email: hungnm_vn@yahoo.com

✉ **PGS.TS. Hoàng Minh Phúc**

📖 Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

✉ Emailhoangminhphuc.dhmt@gmail.com

Tóm tắt: Kiến trúc truyền thống Việt Nam có thể kể đến hình thái kinh thành và kiến trúc tường thành (thành Cổ Loa, thế kỉ III trước CN), nhà ở truyền thống và nhà cộng đồng, tôn giáo (đình, đền và chùa) và nông thôn truyền thống. Qua những thăng trầm của đất nước, thời kì tiền quy hoạch và kiến trúc truyền thống bản địa trải qua những biến đổi đã minh chứng một sự tổng hợp của nền văn hoá Việt truyền thống và Pháp. Với sự hiện diện của người Pháp, chính sách phát triển với lối kiến trúc Pháp và quy hoạch phương Tây được áp đặt vào Việt Nam; để rồi dần giao hoà với đặc điểm địa phương. Ở Nam Kỳ, Sài Gòn được thiết kế để trở thành một Paris tương lai (qua quy hoạch Coffyn, 1862), phát triển sau đó và được mệnh danh là “hòn ngọc Viễn Đông”. Các công trình kiến trúc và sản phẩm quy hoạch Pháp phần nào thể hiện: sự giao lưu văn hoá Đông – Tây vẫn có sức ảnh hưởng nhất định.

Ngày nay, trước quá trình đô thị hoá và dự án hạ tầng lớn của thành phố, số lượng công trình kiến trúc Pháp xưa dần biến mất, nhất là biệt thự cổ trên địa bàn quận 1, 3 và 5. Nhiều hình thức kiến trúc mới được du nhập, vay mượn và áp đặt vào các khu đô thị mới trong khu vực nội đô. Rất nhiều trong số đó là các công trình vẫn giữ phong cách Pháp (từ cổ điển đến hiện đại). Chính vì vậy, mục tiêu bài viết là xem xét thêm các khía cạnh (kí ức, nhận thức và khả năng) của cộng đồng liên quan tới “nghệ thuật kiến trúc – quy hoạch” vốn có trong lòng một Sài Gòn – Chợ Lớn xưa. Những tìm kiếm, qua khảo sát “snow balling” cho thấy nguồn di sản văn hoá Việt – Pháp tiềm ẩn trong cộng đồng. Từ đó, khung gìn giữ và bảo tồn di sản kiến trúc Pháp – Việt nói riêng, và di sản đô thị nói chung rất cần thiết cho các nhà quản lí đô thị nhằm tái hiện lại TP. Hồ Chí Minh – nơi mang những nét đặc trưng của “Paris châu Á” một thời và thúc đẩy thành phố ngày phát triển bền vững hơn.

Từ khoá: nghệ thuật quy hoạch – kiến trúc, nguồn di sản, văn hoá Việt – Pháp

**L'ART DE L'URBANISME-ARCHITECTURE DE SAI GON:
LA CONSERVATION DES SOURCES DU PATRIMOINE CULTUREL
FRANCO– VIETNAMIEN À HO CHI MINH VILLE**

✍ **Dr.Architecte .Ngô Minh Hùng**

📄 *Ecole Polytechnique – Université nationale de Ho Chi Minh ville*

✉ *Courriel: hungnm_vn@yahoo.com*

✍ **Prof.as.Dr. Hoàng Minh Phúc**

📄 *Université des Beaux-Arts de Hô Chi Minh-Ville*

✉ *Courriel: hoangminhphuc.dhmt@gmail.com*

Résumé: L'architecture traditionnelle du Vietnam peut citer la citadelle morphologique et l'architecture des murailles (la muraille Co Loa, 3^e siècle avant JC), le logement traditionnel et communautaire, religieux (maisons communes, temples et pagodes) et le village traditionnel. À travers des vicissitudes du pays, la période de pré-planification et l'architecture indigène traditionnelle subissent une transformation – témoignant d'une synthèse de la culture traditionnelle vietnamienne et celle de France. Avec la présence des Français, des politiques de développement pour l'architecture française et la planification occidentale ont été imposées au Vietnam; puis, conciliées progressivement avec les caractéristiques locales. Au Sud, Saigon est projeté pour devenir un futur Paris (par la planification Coffyn 1862), développé plus tard et a été surnommé la “Perle de l'Extrême-Orient”. Les monuments architecturaux et les produits d'aménagement français sont exprimés partiellement les échanges culturels indo-chinoises-occidentales qui ont encore une certaine influence.

De nos jours, le nombre de l'ancienne architecture française disparaît de jour en jour, en particulier des anciennes villas dans les 1^{er}, 3^e et 5^e arrondissements à cause du processus d'urbanisation et des grands projets d'infrastructures de la ville. De nombreuses nouvelles formes architecturales ont été introduites, en empruntant et en imposant dans les nouvelles zones urbaines dans la région métropolitaine. Beaucoup d'entre eux sont des bâtiments qui gardent encore le style français (du classique au moderne). Par conséquent, le but du texte considérera plus d'aspects (la mémoire, la perception et la capacité) de la communauté liée à “l'art de la planification et de l'architecture” inhérente au cœur de Saigon-Cholon antique. Des recherches à travers l'enquête “snow balling” montrent que la source du patrimoine culturel franco – vietnamienne cachée dans la communauté. Donc le cadre de protection et de conservation du patrimoine architectural franco – vietnamien en particulier et celui-ci du patrimoine urbain en général est très essentielle pour les gestionnaires urbains de faire retracer l'image de Ho Chi Minh-Ville – “Paris d'Asie” une fois et de pousser la ville sur un développement plus durable.

Mots-clés: architecture-urbanisme, Issu du patrimoine culturel franco-vietnamien

PHÂN TÍCH HÌNH ẢNH VIỆT NAM QUA CÁC MẪU HÌNH CỐT TRUYỆN CỦA ĐIỆN ẢNH PHÁP THẬP KỈ 90 CỦA THẾ KỈ XX

✉ **ThS. Đinh Mỹ Linh**

📄 Viện Nghiên cứu Văn hoá, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

✉ Email: linhchm@yahoo.fr; linhcloche@gmail.com

Tóm tắt: Pháp và Việt Nam là hai quốc gia có bề dày tiếp xúc văn hoá, lịch sử. Thập kỉ 90 của thế kỉ XX đánh dấu sự trở lại của Pháp ở Việt Nam, qua các thước phim điện ảnh. Năm 1989, lần đầu tiên một đoàn làm phim nước ngoài được phép tiến hành quay phim tại Việt Nam, kể từ sau hoà bình lập lại. Đó là một đoàn làm phim của Pháp: *Người tình* (1991). Liên đó một số bộ phim Pháp cũng được quay tại Việt Nam: *Đông Dương* (1992), *Điện Biên Phủ* (1993). Khác với dòng điện ảnh tư liệu được quay trong thời kì thực dân Pháp, lần này Việt Nam xuất hiện trong điện ảnh đương đại Pháp với hình tượng độc lập và tính chân thực văn hoá rõ rệt. Việc miêu tả văn hoá Việt Nam trong phim truyện Pháp không bằng con đường trực tiếp, mà các yếu tố này được đưa vào tầng sâu hơn trong cấu trúc, ngôn ngữ phim. Bài viết tìm hiểu cách các nhà làm phim sử dụng hình ảnh Việt Nam như một chất liệu điện ảnh, để lí giải bằng cách nào điện ảnh đã khiến hàng triệu khán giả trên thế giới rung động về một Việt Nam hoàn toàn mới mẻ vào cuối thế kỉ XX. Cụ thể, bài viết thống kê và phân tích 11 mẫu hình cấu trúc trong các phim Pháp lấy đề tài Việt Nam vào thập kỉ 90 của thế kỉ XX. Thông qua tìm hiểu chúng, có thể khái quát nên những mối quan tâm cũng như tinh thần chủ đạo gửi gắm trong tác phẩm; cách các nhà làm phim xây dựng nên hình tượng Việt Nam: đó là sự hoà niệ, sự biến đổi, sự chung sống đa tầng và sự gợi cảm hứng cho tự vấn và khám phá thế giới. Từ đây lí giải nên sự thành công của nhóm phim này nằm ở sự tích hợp văn hoá Việt Nam trong tầng ngầm ẩn, đồng thời phản chiếu lại dưới quan điểm tiến bộ của nhân loại: những quan điểm tự do, bình đẳng, công lí, nhân văn.

Từ khoá: điện ảnh Pháp, văn hoá Việt Nam, giao lưu văn hoá Pháp – Việt, tự sự, mẫu hình cốt truyện

L'IMAGE DU VIETNAM À TRAVERS DES MODÈLES D'INTRIGUE DU CINÉMA FRANÇAIS DES ANNÉES 1990

✉ **Đinh Mỹ Linh**

📄 Institut de Recherche sur la Culture, Académie des Sciences Sociales du Vietnam

✉ Courriel: linhchm@yahoo.fr; linhcloche@gmail.com

Résumé: La France et le Vietnam entretiennent une relation étroite des siècles. Les années 1990 ont marqué le retour de la France au Vietnam, à travers des films. En 1989, une équipe de tournage étrangère a été autorisée pour la première fois après la guerre à filmer au Vietnam. C'était un film français: *L'Amant* (1991). Dès que ce tournage, d'autres films français ont été faits aussi au Vietnam: *Indochine* (1992), *Dien Bien Phu* (1993). Contrairement au cinéma de la période coloniale, à cette fois le Vietnam est

apparu dans le cinéma contemporain français avec une image indépendante et l'authenticité de la culture. La façon de la représentation de la culture vietnamienne dans les longs métrages français n'est pas directe, mais plutôt cachée sous la structure du scénario et de la langue du film. Cet article explore la façon dont les cinéastes utilisent l'image du Vietnam comme un matériel cinématographique pour expliquer les raisons que le cinéma français donnait une impression profonde sur le nouveau Vietnam aux millions de spectateurs dans le monde à travers les 11 structures (Patterns of Plot development) dans les films français sur le Vietnam aux années 1990. De plus, il nous permet d'obtenir un aperçu des préoccupations ainsi que le point de vue des cinéastes français sur le Vietnam, ce sont: la nostalgie, le changement, l'harmonie et la découverte de la nouvelle valeur. En effet, le succès de ces films a présenté la culture vietnamienne dans la langue cinématographique et reflété les valeurs avancées: la liberté, l'égalité, la justice ou bien l'humanité.

Mots-clés: cinéma français, culture vietnamienne, échanges culturels franco-vietnamiens, narration, modèles de l'intrigue

ĐỒ HOẠ BÁO CHÍ VIỆT NAM THỜI PHÁP THUỘC

✉ **TS. Nguyễn Hồng Ngọc**

📖 Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

✉ Email: hongngocsdh@gmail.com; hongngoc0080@yahoo.com

Tóm tắt: Khi những người Pháp đầu tiên đến Việt Nam để truyền giáo ở thế kỉ XVII, lịch sử đã ngẫu nhiên chọn văn hoá là điểm tiếp xúc đầu tiên và xuyên suốt của mối quan hệ Pháp- Việt. Cuối thế kỉ XIX, trong công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở xứ Đông Dương, sự can thiệp của người Pháp vào Việt Nam ngày càng sâu hơn. Kể từ đây, sự va chạm rồi ảnh hưởng văn hoá lẫn nhau bắt đầu trên nhiều phương diện của đời sống văn hoá xã hội và nghệ thuật, đặc biệt khi người Pháp coi Đông Dương là xứ Đông Pháp, họ muốn áp đặt một nền văn hoá thực dân ở đây.

Trước khi tiếp xúc với văn hoá Pháp, Việt Nam cũng có một nền đồ hoạ truyền thống khá lâu đời với hai dòng ấn loát, bao gồm in ấn bản kinh, sách thời phong kiến và tranh dân gian, song chỉ dừng lại ở kĩ thuật in khắc gỗ thô sơ bằng tay. Báo chí thoạt tiên phát triển ở thuộc địa Nam Kỳ, cùng với các quảng cáo thương mại và tham gia với chính quốc trong chiến tranh Thế giới I, sự phát triển của các đô thị đòi hỏi những thiết kế đồ hoạ mới (sách báo, quảng cáo, biển hiệu, nhãn mác, bao bì), cho nên thương mại tiền tư bản. Sự phát triển của văn minh, của khoa học kĩ thuật – mà biểu hiện ở chiều sâu của nó là ở cách tư duy, hoạt động sáng tạo và ngôn ngữ đồ hoạ của người Pháp trong quá trình tiếp xúc với Việt Nam đã tác động sâu sắc đến việc hình thành nên nhiều đặc điểm, diện mạo của một lĩnh vực mới. Đó là đồ hoạ ấn phẩm và quảng cáo ở thời Pháp thuộc, tiền thân của nghệ thuật thiết kế đồ hoạ Việt Nam sau này.

Sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành (Văn hoá học, Nghệ thuật học, Lịch sử – so sánh), giới hạn ở một số ấn phẩm tiêu biểu của đồ hoạ báo chí Việt Nam thời Pháp thuộc (giai đoạn cuối thế kỉ XIX đến năm 1945), tham luận đề cập tới bước chuyển từ nghệ thuật đồ hoạ ấn loát truyền thống sang nghệ thuật đồ hoạ ấn loát của thời Pháp thuộc (khi bắt đầu có phương tiện in ấn và truyền thông báo chí), phân tích đối tượng nghiên cứu trên các khía cạnh công nghệ kĩ thuật, quan niệm thẩm mỹ, phong cách tạo hình, mô típ, màu sắc, kiểu chữ và các yếu tố đồ hoạ khác... Từ đó, hướng đến việc nhận diện những đặc điểm có tính quy luật trong quá trình phát triển của văn hoá nghệ thuật Việt Nam nói chung, của thiết kế đồ hoạ Việt Nam nói riêng. Dựa trên cơ sở của lí thuyết về tính sắc tộc, tính dân tộc và lí thuyết về sự giao lưu tiếp biến trong nghiên cứu văn hoá, tham luận đặt chúng trong mối quan hệ có tính chất đối trọng, giữa một bên là những gì tạo ra ranh giới của văn hoá Việt Nam với những nền văn hoá khác và một bên là sự tiếp nhận, thay đổi để phát triển.

Từ khoá: giao lưu tiếp biến, đồ hoạ báo chí, thiết kế đồ hoạ, Việt Nam, thời Pháp thuộc

LAGAPHICQUE DANS LA PRESSE VIETNAMIENNE DANS LA PÉRIODE COLONIALE FRANÇAISE

✉ **Dr. Nguyễn Hồng Ngọc**

📖 *Université des beaux-arts de Ho Chi Minh ville*

✉ *Courriel: hongngocsdh@gmail.com, hongngoc0080@yahoo.com*

Résumé: Quand les Français premiers sont venus au Vietnam pour but d'évangéliser au XVII^e siècle, l'histoire a choisi, par hasard, la culture comme le premier point de contact qui traverse la relation franco-vietnamienne d'un bout à l'autre. À la fin du XIX^e siècle, lors de la première exploitation coloniale en Indochine, l'intervention française au Vietnam s'est approfondie. De là, la collision et l'influence culturelle mutuelle commençaient dans de nombreux aspects de la vie sociale, culturelle et artistique, surtout quand les Français considéraient l'Indochine comme la France de l'Est, et ils voulaient imposer une culture coloniale ici.

Avant de contacter avec la culture française, le Vietnam a eu également une longue tradition de dessin avec deux lignes d'impression, y compris l'impression des livres canoniques du confucianisme, des livres au régime féodale et des peintures folkloriques, toutefois il reste seulement à la technique manuelle de graver sur bois. La presse s'est d'abord développée dans la colonie sud-vietnamienne, avec des publicités commerciales et une implication dans la métropole pendant la Première Guerre mondiale. Le développement des villes exigeant de nouveaux designs graphiques (livres et journaux,

publicité, signalisation, étiquettes, emballage), pour le commerce pré-capitaliste. Le développement de la civilisation, de la science et de la technologie qui se reflète dans sa profondeur, dans la manière de penser, l'activité créatrice et le langage graphique des Français au cours du contact avec les Vietnamiens a influencé profondément sur la formation de nombreuses caractéristiques, l'apparition d'un nouveau champ. Ce sont l'imprimé graphique et la publicité dans la période coloniale française, le précurseur du projet graphique au Vietnam plus tard.

En utilisant la méthode de recherche interdisciplinaire (la culturologie, l'artologie, l'histoire – la comparaison...), limitée à un certain nombre de publications typiques du dessin de presse vietnamiens à la période coloniale française (de la fin du XIX^e siècle à 1945), cette intervention aborde la transition de la gravure traditionnelle aux arts graphiques de la période coloniale française (lors de l'apparition des moyens d'impression et de la la presse), l'analyse des objets de recherche sur les aspects techniques, les concepts esthétiques, les styles visuels, les motifs, les couleurs, la typographie et d'autres éléments graphiques, etc. A partir de la méthode ci-dessus, on s'oriente vers l'identification des caractéristiques ayant la régularité au cours du développement de la culture artistique du Vietnam en général et du dessin graphique du Vietnam en particulier.

Sur la base de la théorie de l'ethnicité, du peuple et la théorie de la communication dans l'étude de la culture, cette intervention les met dans une relation de contrepoids: d'une part ce qui crée des frontières de la culture vietnamienne avec d'autres cultures et d'autre part ce qui recoit et change pour le développement.

Mots-clés: Echanges culturels, Presse graphique, Graphisme, Vietnam, Epoque coloniale française

MINH HOẠ BÌA BÁO “PHONG HOÁ” GIAI ĐOẠN PHÁP THUỘC

✉ **PGS.TS. Hoàng Minh Phúc**

📄 Trường Đại học Mỹ thuật TP.Hồ Chí Minh

✉ Email: hoangminhphuc.dhmt@gmail.com

✉ **ThS. Trần Thị Thy Trà**

📄 Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội

✉ Email: tranthytra@gmail.com

Tóm tắt: Vào những năm đầu của thế kỉ XX, xã hội Việt Nam có những thay đổi đáng kể khi có sự xuất hiện của người Pháp. Đặc biệt là trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, việc in ấn phát hành những sách báo, tạp chí đóng vai trò trong việc truyền bá tư tưởng chủ yếu từ giới trí thức và giáo dục quần chúng nhằm tiếp thu cái mới, xoá bỏ

dẫn sự lạc hậu. Trước bối cảnh đó, tuần báo Phong hoá ra đời mở ra diễn đàn trao đổi về tình hình kinh tế, xã hội, chính trị và minh hoạ với vai trò giải thích, làm rõ nội dung bài báo cần chuyển tải đã đóng vai trò quan trọng bên cạnh nội dung.

Bài viết đề cập đến những minh hoạ trên bìa báo Phong hoá giai đoạn Pháp thuộc nhằm mục đích lí giải vai trò cũng như giá trị của nghệ thuật trên các trang bìa. Qua đó thấy được các phong tục, tập quán xã hội của người Việt khi có sự xuất hiện của văn hoá Pháp và một phần diện mạo lớp hoạ sĩ hiện đại Việt Nam được đào tạo một cách chính quy tại Trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương cùng tham gia sáng tác minh hoạ bìa báo Phong hoá như hoạ sĩ như Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Đỗ Cung, Trần Văn Cẩn, Lương Xuân Nhị...

Những minh hoạ trên báo Phong hoá thời Pháp thuộc rất phong phú, luôn bám sát chủ đề của từng số báo để diễn tả nội dung của các chuyên mục như phóng sự, truyện, thơ... và bìa báo luôn đóng vai trò là bộ mặt thể hiện đầy đủ nội dung tư tưởng của số báo đó. Có bìa in màu, có bìa in đen trắng, có bìa sử dụng tranh in khắc gỗ hay in lưới thông qua các kĩ thuật in typo được người Pháp mang đến Việt Nam từ năm 1861 dù còn nhiều hạn chế lúc bấy giờ. Một nền đồ hoạ mặc dù còn thủ công, đơn sơ đó nhưng dưới sự góp sức của các hoạ sĩ danh giá của Việt Nam lúc bấy giờ đã đóng vai trò ghi dấu ấn giao thoa văn hoá, lịch sử, kĩ thuật và nghệ thuật thông qua những minh hoạ trên báo Phong hoá thời Pháp thuộc.

Từ khoá: minh hoạ, minh hoạ báo chí, minh hoạ báo chí giai đoạn Pháp thuộc, minh hoạ bìa báo Phong hoá

L'ILLUSTRATION DE LA COUVERTURE DES JOURNAUX "PHONG HOÁ" À L'ÉPOQUE DE LA DOMINATION FRANÇAISE

✉ **Prof.as.Dr. Hoàng Minh Phúc**

📄 *Université des Beaux-Arts de Hô Chi Minh-Ville*

✉ *Email: hoangminhphuc.dhmt@gmail.com*

✉ **Trần Thị Thy Trà**

📄 *Theory and history of Art, Vietnam National Institute of Culture and Art*

✉ *Courriel: tranthytra@gmail.com*

Résumé: Dans les premières années du XX^e siècle, la société vietnamienne a fait des changements significatifs, surtout dans le domaine culturel et artistique. L'impression de journaux et de magazines non seulement joue un rôle dans la diffusion des idées des intellectuels, mais encore se charge l'éducation des masses afin d'absorber les nouvelles

et d'éliminer des idées arriérées. Dans ce contexte, la naissance du magazine "Phong hoá" (Des Mœurs) ouvre un forum de discussion sur les questions économiques, sociales et politiques. L'illustration qui est aussi importante que le contenu joue le rôle d'expliquer et de clarifier le contenu des articles.

Dans cette recherche, il s'agit des illustrations sur la couverture de l'édition française de la période française afin d'expliquer le rôle ainsi que la valeur de l'art sur la couverture. Cela montre les coutumes sociales du peuple vietnamien lors de l'apparition de la culture française et les contributions des artistes vietnamiens qui sont formées de manière formelle au Collège des Beaux-Arts de l'Indochine. Ce sont eux ont participé à l'illustration de la couverture du journal "Phong hoá", comme To Ngoc Van, Nguyen Gia Tri, Nguyen Tuong Tam, Nguyen Cat Tuong...

Les illustrations des journaux "Phong hoá" sont très riches, s'en tenant toujours au thème de chaque numéro pour bien exprimer le contenu de la chronique sous forme de nouvelles, d'histoires, de poésie... Grâce à ces éléments, la couverture des journaux s'exprime complètement le contenu d'esprit de ce numéro. Il y avait des couvertures imprimées en couleur, des couvertures imprimées en noir et blanc, des couvertures imprimées par la gravure sur bois ou une sérigraphie à l'aide de techniques d'impression de typo apportées par les Français en 1861 malgré des restrictions à l'époque. Sous les auspices de certains des artistes les plus éminents du Vietnam un dessin d'art artisanal, simple de cette époque-là, a joué un rôle en marquant le carrefour de la culture, de l'histoire, de la technologie et de l'art à travers les illustrations du journal "Phong hoá" à l'époque de la domination française.

Mots-clés: illustrations, illustrations de journaux, illustrations de presse à l'époque de la domination française, illustrations de la couverture du journal des Mœurs

MỤC LỤC

▶ CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ “GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP: THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG”	III
▶ PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI <i>GS.TS. Nguyễn Văn Minh Trưởng Ban Chỉ đạo tổ chức Hội thảo</i>	1
▶ PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG CỦA ĐẠI BIỂU TRƯỜNG SƯ PHẠM CAO CẤP (ENS) <i>GS. Michel ESPAGNE</i> <i>Giám đốc nghiên cứu Trung tâm Nghiên cứu khoa học Quốc gia (CNRS),</i> <i>Giám đốc LABEX Transfers</i>	5
▶ PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG CỦA ĐẠI BIỂU ĐẠI SỨ QUÁN PHÁP TẠI VIỆT NAM <i>Ngài Etienne ROLLAND-PIEGUE</i> <i>Tham tán Hợp tác và Văn hoá Đại sứ quán Pháp,</i> <i>Giám đốc Viện Pháp tại Việt Nam</i>	9
▶ BÁO CÁO ĐỂ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ “GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP: THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG” <i>GS.TS. Đỗ Việt Hùng</i> <i>Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i> <i>Trưởng Ban tổ chức Hội thảo</i>	11
▶ CÓ THỂ VIẾT MỘT LỊCH SỬ VIỆT NAM Ở NƯỚC PHÁP?	20
<i>Prof. Michel ESPAGNE</i>	20
TIỂU BAN A: GIÁO DỤC – TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI HỌC – CÔNG TÁC XÃ HỘI	
Éducation – Psychologie Sociologie – Activités sociales	21
▶ NỀN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÁC TINH HOA DÂN TỘC PHÁP, TỪ THỜI KÌ PHỤC HƯNG ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX: TIẾNG LATINH HAY TIẾNG PHÁP <i>GS. Guillaume BONNET</i>	22
▶ VAI TRÒ CỦA NƯỚC PHÁP TRONG VIỆC THAY ĐỔI NỀN GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CỦA VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX <i>PGS.TS. Phạm Công Nhất</i>	22
▶ TIẾP BIẾN VĂN HOÁ PHÁP – VIỆT TRONG NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1884 – 1945 <i>ThS. Nguyễn Hoa Mai</i>	23
▶ CHUYỂN ĐỘNG CÙNG HIỆN ĐẠI – NỮ GIÁO VIÊN VÀ VIỆC LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ TRONG BỐI CẢNH GIÁO DỤC NỮ Ở BẮC KÌ THỜI THUỘC ĐỊA (1907 – 1945) <i>TS. Trần Thị Phương Hoa</i>	25
▶ TỪ SONG PHƯƠNG ĐẾN ĐA PHƯƠNG: KINH NGHIỆM CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH HỢP TÁC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆN QUỐC TẾ PHÁP NGỮ (IFI) <i>TS. Ngô Tự Lập</i>	28
▶ PHẢN BIỆN VỀ CÔNG TRÌNH CỦA NHÓM CÁNH BUỒM QUA BẢN BÁO CÁO “SÁCH GIÁO KHOA CỦA CÁNH BUỒM – MỘT ƯỚC VỌNG GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI” <i>GS. Alain FENET</i>	29
▶ HỢP TÁC VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP TỪ NHỮNG TRẢI NGHIỆM CỦA NHÓM CÁNH BUỒM <i>Phạm Toàn</i>	30
▶ GIÁO DỤC GIA ĐÌNH: MỘT NGHIÊN CỨU SO SÁNH GIỮA CÁC PHỤ HUYNH PHÁP VÀ VIỆT NAM <i>TS. Nguyễn Khánh Trung</i>	31

▶ ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC DẠY HỌC TIẾNG PHÁP VÀ BẰNG TIẾNG PHÁP Ở VIỆT NAM THEO CÁCH TIẾP CẬN LỊCH ĐẠI TỪ THỜI KÌ PHÁP THUỘC ĐẾN NAY <i>PGS.TS. Trần Đình Bình, TS. Nguyễn Văn Toàn</i>	32
▶ DẠY VĂN HỌC PHÁP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRÁNH LỐI MÒN? <i>TS. Trần Văn Công</i>	35
▶ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN Ở PHÁP VÀ MỘT SỐ NƯỚC CHÂU ÂU THAM KHẢO MỘT SỐ MÔ HÌNH THÔNG QUA PHÂN TÍCH SO SÁNH <i>TS. Nguyễn Văn Toàn</i>	36
▶ THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG PHÁP ĐỐI VỚI HỌC SINH TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CỦA VIỆT NAM <i>ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga</i>	37
▶ ĐÀO TẠO KÍ SƯ CHẤT LƯỢNG CAO Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH THÍCH NGHI VÀ HỘI NHẬP TOÀN CẦU HOÁ GIÁO DỤC: ĐIỂN HÌNH VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KÍ SƯ CHẤT LƯỢNG CAO VIỆT PHÁP (PFIEV) <i>Nguyễn Quang Vinh; ThS. Trần Đan Tâm; Lê Thị Mỹ; ThS. Đào Quang Bình</i>	38
▶ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH GIẢI THÍCH HÀNH VI TIÊU DÙNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI: ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TIÊU DÙNG NỮ TẠI VIỆT NAM <i>TS. Bùi Ngọc Như Nguyệt, GS.TS. Pierre VALETTE-FLORENCE</i>	39
▶ KINH NGHIỆM GẦN 30 NĂM THỰC HÀNH LÂM SÀNG THEO TRƯỜNG PHÁI PHÁP TẠI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÂM LÝ TRẺ EM Ở VIỆT NAM <i>PGS.TS. Nguyễn Minh Đức</i>	41
▶ ĐẠI HỌC ĐÔNG DƯƠNG VÀ CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐÔNG DƯƠNG: RA ĐỜI, HOẠT ĐỘNG VÀ THÀNH TỰU <i>ThS. Lê Xuân Phan</i>	43
▶ CÔNG NGHỆ SỐ VÀ KIỂM ĐỊNH ĐÀO TẠO: LÀM THẾ NÀO ĐỂ XÂY DỰNG MỘT CÁCH TIẾP CẬN VỀ CHẤT LƯỢNG CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM? <i>ThS. Hoàng Thị Vân Anh</i>	45
▶ HẠNH PHÚC Ở TRƯỜNG HỌC: NGHIÊN CỨU TRÊN HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI VIỆT NAM <i>PGS.TS. Trần Thu Hương, TS. Nguyễn Hạnh Liên, TS. Ngô Thanh Huệ, TS. Trần Thu Hương</i>	46
BIEN-ÊTRE SCOLAIRE: UNE ETUDE DES COLLEGIENS AU VIETNAM <i>Prof.as.Dr. Trần Thu Hương, Dr. Nguyễn Hạnh Liên, Dr. Ngô Thanh Huệ, Dr. Trần Thu Hương</i>	46
▶ TRẺ EM BỎ HỌC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ CỦA CHA MẸ VÀ CƠ CẤU GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM <i>PGS.TS. Vũ Tuấn Huy</i>	47
▶ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI MẸ TRONG GIÁO DỤC GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM TRƯỚC THẾ KỈ XX (QUA TỤC NGŨ, CA DAO VIỆT NAM) <i>TS. Phạm Thị Quỳnh</i>	48
TIỂU BAN B: VĂN HỌC – NGÔN NGỮ HỌC (Littérature – Linguistique)	50
▶ GẶP GỠ VĂN HỌC PHÁP <i>PGS.TS. Đặng Anh Đào</i>	51
▶ MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ SÁCH NGHIÊN CỨU CỦA PHÁP ĐƯỢC DỊCH Ở VIỆT NAM THỜI GIAN GẦN ĐÂY <i>GS.TS. Trần Đình Sử</i>	52
▶ LOẠN LUÂN TRONG TIỂU THUYẾT VỀ ĐÔNG DƯƠNG CỦA MARGUERITE DURAS <i>TS. Trần Văn Công</i>	53
▶ NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN HỌC PHÁP <i>PGS.TS. Nguyễn Thanh Tú, ThS. Bùi Quang Vinh</i>	55
▶ NGŨ PHÁP PHỔ QUÁT VÀ NGŨ PHÁP ĐẶC THÙ: CUỘC TRANH LUẬN CỦA NGÔN NGỮ HỌC CHÂU ÂU VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ TRONG MÔ TẢ TIẾNG VIỆT <i>GS. Daniel PETIT</i>	57
▶ DỊCH TÁC PHẨM SONG NGỮ CỦA SAMUEL BECKETT RA TIẾNG VIỆT: VĂN BẢN THỨ BA VÀ NGƯỜI DỊCH PERFORMATIF <i>ThS. Nguyễn Vũ Hưng</i>	58

▶ SÁNG TÁC SONG NGỮ PHÁP – HÁN: MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỘC ĐÁO TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX <i>PGS.TS. Nguyễn Công Lý</i>	58
▶ “HƯƠNG THƠM VÀ TÂM HỒN” NGHIÊN CỨU TRONG THƠ CHARLES BAUDELAIRE VÀ HÀN MẶC TỬ <i>Prof.as.Dr. Hoai Huong-Aubert NGUYEN</i>	60
▶ THƠ TƯỢNG TRƯNG PHÁP VÀ THƠ MỚI VIỆT NAM NHÌN TỪ THUYẾT TƯƠNG GIAO <i>TS. Đinh Minh Hằng</i>	61
▶ VAI TRÒ CỦA NHỮNG CÔNG TRÌNH SỬU TÂM, NGHIÊN CỨU FOLKLORE CỦA NGƯỜI PHÁP VÀ SỰ HÌNH THÀNH NGÀNH FOLKLORE HỌC Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX <i>PGS.TS. Nguyễn Việt Hùng</i>	62
▶ ĐÔNG DƯƠNG TÂN TẠP CHÍ: MỘT KHÔNG GIAN CHUYỂN GIAO VĂN HOÁ <i>TS. Phạm Văn Quang</i>	63
▶ HÌNH DUNG VỀ NGƯỜI PHÁP TRÊN BÁO CHÍ ĐÔNG DƯƠNG, TRƯỜNG HỢP TỰ LỰC VĂN ĐOÀN <i>TS. Phùng Ngọc Kiên</i>	65
▶ TƯƠNG TÁC QUYỀN LỰC/ TRI THỨC TRONG BỐI CẢNH THUỘC ĐỊA (Trường hợp <i>Quốc văn giáo khoa thư</i> và <i>Luân lí giáo khoa thư</i>) <i>PGS.TS. Trần Văn Toàn</i>	66
▶ GIAO LƯU VĂN HOÁ PHÁP – VIỆT: TIẾP XÚC VÀ TIẾP BIẾN <i>PGS.TS. Lê Nguyễn Cẩm</i>	68
▶ KỊCH PHÁP VÀ KHUYNH HƯỚNG LÃNG MẠN TRONG KỊCH VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1930 (TRƯỜNG HỢP ĐOÀN PHÚ TỬ) <i>TS. Nguyễn Thuỳ Linh</i>	71
▶ TIẾNG PHÁP VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CHO SỰ ĐA DẠNG NHẬN THỨC, VĂN HOÁ VÀ KHOA HỌC: TRƯỜNG HỢP ĐỐI VỚI TIẾNG VIỆT <i>PGS.TS. Trịnh Văn Minh, ThS. Trịnh Thuỳ Dương</i>	73
▶ TỔNG QUAN VỀ THƠ VĂN ĐI SỬ NƯỚC PHÁP CỦA NGƯỜI VIỆT NAM THỜI TIỀN HIỆN ĐẠI <i>PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng</i>	75
VUE D'ENSEMBLE SUR DES ŒUVRES LITTÉRAIRES ET POÉTIQUES DE DIPLOMATES VIETNAMIENS ENVOYÉS EN FRANCE PENDANT DES ANNÉES DE LA FIN DU XIX SIÈCLE <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Thanh Tùng</i>	75
▶ ĐƯỜNG HƯỚNG DẠY HỌC TRONG GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ: CHUYỂN DI NGÔN NGỮ VÀ/HAY CHUYỂN DI VĂN HOÁ? TRƯỜNG HỢP DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ <i>TS. Nguyễn Việt Anh, PGS.TS. Đào Huy Linh</i>	75
TIỂU BAN C: SỬ HỌC – KHẢO CỔ HỌC – DÂN TỘC HỌC NHÂN HỌC; ĐỊA LÍ – KINH TẾ – XÃ HỘI	
Histoire – Archéologie – Ethnographie Anthropologie; Géographie – Economie – Société	77
▶ VỀ MỘT LỊCH SỬ CÁC THẾ GIỚI. MỘT LỊCH SỬ “ĐỒNG ĐẲNG” VỀ CÁC BỐI CẢNH TIẾP XÚC GIỮA CHÂU ÂU VÀ ĐÔNG NAM Á (TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX) <i>Romain BERTRAND</i>	78
▶ TRƯỜNG VIỄN ĐÔNG BẮC CỔ PHÁP VÀ ĐẠI HỌC ĐÔNG DƯƠNG – DI SẢN NÀO ĐỂ LẠI? (Một cách tiếp cận từ lịch sử Khoa học và Giáo dục) <i>TS. Nguyễn Mạnh Dũng</i>	79
▶ THE “BILAN” FRENCH PERSPECTIVES ON VIETNAMESE CASUALTIES AT THE BATTLE OF DIEN BIEN PHU <i>MA, M Soc.Sci. Peter HUNT</i>	80
THE “BILAN” QUAN ĐIỂM CỦA PHÁP VỀ THƯƠNG VONG CỦA VIỆT NAM TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ <i>MA, M Soc.Sci. Peter HUNT</i>	81
▶ HƯƠNG ƯỚC CẢI LƯƠNG Ở VIỆT NAM THỜI THUỘC PHÁP ĐẦU THẾ KỈ XX <i>PGS.TS. Đinh Khắc Thuân</i>	82

▶ TỦ SÁCH VIỆT NAM TẠI THƯ VIỆN QUỐC GIA PHÁP MỘT KHO TÀNG LỊCH SỬ VĂN HOÁ XÃ HỘI <i>TS. Nguyễn Giáng Hương</i>	84
▶ NGUỒN TÀI LIỆU TIẾNG PHÁP LIÊN QUAN VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA <i>TS. Trần Đức Anh Sơn</i>	85
▶ VIỆT NAM HỌC NHÌN TỪ PHÁP QUỐC: GÓC NHÌN SỬ HỌC <i>TS. Cao Việt Anh</i>	87
▶ VĂN HOÁ CUNG ĐÌNH HUẾ ĐẦU THẾ KỈ XX VÀ CUỘC TIẾP XÚC VỚI VĂN MINH PHƯƠNG TÂY <i>TS. Huỳnh Thị Ánh Vân</i>	87
▶ NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HOÁ ỐC EO DƯỚI GÓC NHÌN CỦA CÁC NHÀ KHOA HỌC PHÁP (QUA KHẢO SÁT NGUỒN TÀI LIỆU TẠI THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI) <i>TS. Phạm Thu Trang, ThS. Phạm Phương Hà</i>	90
<i>Dr. Phạm Thu Trang, Phạm Phương Hà</i>	91
▶ ÁP DỤNG MỘT SỐ LUẬT XÃ HỘI CỦA PHÁP VÀO VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XX: SỰ NHẬN VẤN ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT HAY VÌ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI PHÁP TRONG THUỘC ĐỊA? <i>TS. Trần Xuân Trí</i>	92
▶ NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG Ở CHÂU THỎ SÔNG HỒNG HIỆN NAY QUA ĐỐI SÁNH VỚI NGHIÊN CỨU NGƯỜI NÔNG DÂN Ở CHÂU THỔ BẮC KÌ CỦA HỌC GIẢ PIERRE GOUROUCUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX <i>TS. Vũ Diệu Trung</i>	93
▶ VIỆT NAM, PHÁP VÀ PHÁP NGỮ <i>ThS. Vũ Đoàn Kết, TS. Nguyễn Hoàng Như Thanh</i>	94
▶ VAI TRÒ CỦA NƯỚC PHÁP ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM (1981 – 1995) <i>TS. Hoàng Hải Hà</i>	96
▶ “NHỮNG NGƯỜI HẢI PHÒNG LỚN” CUỐI THẾ KỈ XIX –ĐẦU THẾ KỈ XX (Lịch sử đô thị Hải Phòng thời kì thuộc Pháp) <i>TS. Trần Văn Kiên</i>	97
▶ SỰ HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG PHÁP NGỮ TẠI VIỆT NAM VÀ VIỆT NGỮ TẠI PHÁP NHỮNG TÁC NHÂN CỦA CHUYỂN GIAO VĂN HOÁ PHÁP VIỆT <i>ThS. Nguyễn Thảo Hương</i>	98
▶ 45 NĂM QUAN HỆ VIỆT – PHÁP (1973 – 2018) <i>PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh</i>	101
VIETNAM-FRANCE: 45 ANS DES RELATIONS DIPLOMATIQUES (1973 – 2018) <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Thị Hạnh</i>	101
▶ GIAO THÔNG, TIÊU DÙNG HÀNG NGOẠI NHẬP VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG VĂN HOÁ TRONG VÙNG PHÁP (1945 – 1954) <i>TS. Lương Thị Hồng</i>	102
▶ PHE PHÁI, LỢI ÍCH NHÓM VÀ QUYỀN LỰC Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XIX <i>ThS. Vũ Đức Liêm</i>	103
▶ QUAN HỆ NGOẠI GIAO GIỮA PHÁP VÀ CHÍNH PHỦ QUỐC GIA VIỆT NAM 1949 – 1955: TIẾP CẬN TỪ NGUỒN TÀI LIỆU LƯU TRỮ TẠI PHÁP <i>ThS. Ninh Xuân Thao</i>	104
▶ GIÁO DỤC Ở LÀNG XÃ CỔ TRUYỀN BẮC KÌ QUA NGHIÊN CỨU CỦA NGƯỜI PHÁP <i>PGS.TS. Nguyễn Thị Thọ, TS. Hồ Công Lưu, ThS. Nguyễn Văn Biểu</i>	106
TIỂU BAN D: TRIẾT HỌC – TÔN GIÁO (Philosophie – Religion)	107
▶ TRIẾT HỌC VÀ BỐI CẢNH CỦA TRIẾT HỌC <i>GS. Charlotte MOREL</i>	109
▶ QUAN ĐIỂM VỀ TÔN GIÁO CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC KHAI SÁNG PHÁP <i>PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn</i>	110

▶ NÉT TƯƠNG ĐỒNG TRONG QUAN NIỆM CỦA HỒ XUÂN HƯƠNG VÀ S. DE BEAUVOIR VỀ THÂN PHẬN NGƯỜI PHỤ NỮ <i>PGS.TS. Bùi Thị Tĩnh</i>	111
▶ TRIẾT HỌC KHAI SÁNG PHÁP VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ TỚI TRIẾT HỌC VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX <i>ThS. Vũ Thị Hải, ThS. Hoàng Phương Thảo</i>	112
▶ TÌM HIỂU VỀ CÁC NGHI LỄ NHỮNG BIỂU TƯỢNG THIÊNG LIÊNG CỦA NHO GIÁO VÀ CỦA NỀN CỘNG HOÀ <i>Benoît VERMANDER</i>	115
▶ GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP TRONG LĨNH VỰC TÔN GIÁO. TRƯỜNG HỢP HỘI PHẬT GIÁO BẮC KÌ (1934 – 1945) <i>TS. Ninh Thị Sinh</i>	117
▶ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY <i>PGS.TS. Chu Văn Tuấn</i>	118
▶ LÍ GIẢI TÔN GIÁO HỌC VỀ MỘT SỐ BIẾN ĐỔI TRONG SỰ THỜ CÚNG THÀNH HOÀNG LÀNG VIỆT (TRƯỜNG HỢP LÀNG THỔ HÀ, BẮC GIANG) <i>ThS. Hoàng Thị Thu Hương</i>	119
▶ VĂN MINH PHƯƠNG TÂY TRONG QUAN NIỆM CỦA TRÍ THỨC NHO HỌC VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX <i>TS. Phan Thị Thu Hằng</i>	120
▶ TÁC ĐỘNG CỦA VĂN HOÁ PHÁP ĐỐI VỚI TRÍ THỨC MỚI Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XX <i>TS. Nguyễn Thị Thanh Tùng, Trần Ngọc Viên</i>	121
▶ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG PHÁP ĐỐI VỚI HÀNH TRÌNH CỨU NƯỚC CỦA HỒ CHÍ MINH <i>TS. Trần Thị Phúc An</i>	122
▶ SỰ TIẾP BIẾN TƯ TƯỞNG DÂN CHỦ VÀ CÁCH MẠNG PHÁP CỦA CÁC TRÍ THỨC VIỆT NAM: NHÌN TỪ HAI NHÀ TRÍ THỨC NGUYỄN MẠNH TƯỜNG VÀ PHAN NGỌC <i>Nhà báo Kiều Mai Sơn</i>	124
▶ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUAN HỆ TÔN GIÁO-KINH TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: TRƯỜNG HỢP ĐẠO TIN LÀNH TRONG GIAI ĐOẠN ĐỔI MỚI <i>TS. Hoàng Văn Chung, ThS. Trần Thị Phương Anh</i>	126
▶ TIẾP CẬN CHỨC NĂNG LUẬN CỦA ÉMILE DURKHEIM TRONG NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO VÀ KHẢ NĂNG VẬN DỤNG LUẬN GIẢI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TIN LÀNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY <i>ThS. Phạm Thị Thu Huyền</i>	127
▶ KHẢO CỨU VỀ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA ALEXANDRE DE RHODES <i>ThS. Trương Thuý Trinh</i>	128
▶ HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA NỀN VĂN HOÁ, TƯ TƯỞNG PHÁP <i>TS. Đỗ Thị Ngọc Anh</i>	129
▶ PHẠM QUỲNH VỚI QUÁ TRÌNH GIỚI THIỆU TRIẾT HỌC PHÁP Ở VIỆT NAM <i>PGS.TS. Nguyễn Bá Cường</i>	130
TIỂU BAN E: NGHỆ THUẬT HỌC – KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ (Arts – Architecture urbaine)	131
▶ TRANH LUẬN ĐƯƠNG ĐẠI XUNG QUANH HÌNH ẢNH: TRƯỜNG HỢP NHIẾP ẢNH <i>Carole MAIGNÉ</i>	132
▶ BIẾN ĐỔI ĐỜI SỐNG VIỆT NAM THẾ KỈ XIX – XX <i>Nhà nghiên cứu Phan Cẩm Thượng</i>	133
▶ VẼ ĐỂ HIỂU NGƯỜI KHÁC: HAI HOẠ PHẨM ĐỘC NHẤT RA ĐỜI TỪ CUỘC TIẾP XÚC THUỘC ĐỊA <i>PGS.TS. Olivier TESSIER</i>	135
▶ NGHIÊN CỨU ĐÔ THỊ VIỆT NAM CỦA HỌC GIẢ PHÁP (1865 – 1954) <i>PGS.TS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt</i>	136
▶ DI SẢN KIẾN TRÚC CÔNG GIÁO Ở SÀI GÒN – TP. HỒ CHÍ MINH <i>TS. Nguyễn Thị Hậu, ThS. Trương Phúc Hải</i>	137

▶ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI PHÁP TRONG VIỆC ĐÀO TẠO VÀ THIẾT LẬP HỆ THỐNG CÁC TRƯỜNG MĨ THUẬT TẠI VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX <i>PGS.TS. Hoàng Minh Phúc</i>	139
▶ ĐÔ THỊ HOÁ THEO NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG: KHU PHỐ “CHÂU ÂU” Ở HÀ NỘI CUỐI THẾ KỈ XIX – NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX <i>TS. Nguyễn Thị Bình</i>	140
▶ ÁP DỤNG CÔNG CỤ TDR ĐỂ BẢO VỆ CÁC BIỆT THỰ CŨ THEO PHONG CÁCH KIẾN TRÚC PHÁP TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HOÁ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH <i>ThS.KTS. Phạm Trần Hải</i>	142
▶ HỘI NHẬP VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP QUA MỘT SỐ NHÀ THỜ CÔNG GIÁO MANG KIẾN TRÚC GOTHIC TẠI HÀ NỘI <i>ThS. Dương Văn Biên</i>	143
▶ GIAO LƯU VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP: BẰNG CHỨNG TỪ LỊCH SỬ HỘI HOẠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM <i>TS.Họa sĩ. Phạm Văn Tuyển</i>	145
▶ QUÁ TRÌNH TIẾP BIẾN VĂN HOÁ PHÁP TRONG THỂ LOẠI CA KHÚC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 1975 <i>ThS. Tạ Hoàng Mai Anh</i>	146
▶ NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ TRÊN ĐỒ ĐỒNG THỜI NGUYỄN QUA GÓC NHÌN CỦA CÁC HỌC GIẢ NGƯỜI PHÁP TRONG BỘ B.A.V.H (NHỮNG NGƯỜI BẠN CỐ ĐÔ HUẾ) <i>ThS. Phan Lê Chung</i>	148
▶ DẤU ẤN PHONG CÁCH ROCOCO – PHÁP TRONG TRANG TRÍ TẠI LÃNG CÁC BÀ HOÀNG THỜI NGUYỄN <i>ThS. Trần Thị Hoài Diễm</i>	150
▶ NGHỆ THUẬT QUY HOẠCH– KIẾN TRÚC SÀI GÒN: BẢO TỒN NGUỒN DI SẢN VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH <i>TS.KTS. Ngô Minh Hùng, PGS.TS. Hoàng Minh Phúc</i>	151
▶ PHÂN TÍCH HÌNH ẢNH VIỆT NAM QUA CÁC MẪU HÌNH CỐT TRUYỆN CỦA ĐIỆN ẢNH PHÁP THẬP KỈ 90 CỦA THẾ KỈ XX <i>ThS. Đinh Mỹ Linh</i>	153
▶ ĐỒ HOẠ BÁO CHÍ VIỆT NAM THỜI PHÁP THUỘC <i>TS. Nguyễn Hồng Ngọc</i>	154
▶ MINH HOẠ BÌA BÁO “PHONG HOÁ” GIAI ĐOẠN PHÁP THUỘC <i>PGS.TS. Hoàng Minh Phúc, ThS. Trần Thị Thy Trà</i>	156

TABLE DES MATIÈRES

▶ PROGRAMME DU COLLOQUE INTERNATIONAL "ÉCHANGES CULTURELS FRANCO-VIETNAMIENS: RÉALISATIONS ET PERSPECTIVES"	V
▶ ALLOCUTION DE SALUTATION DU PRÉSIDENT DE L'ÉCOLE NORMALE SUPÉRIEURE DE HANOI <i>Professeur NGUYEN Van Minh</i> <i>Chef du Comité de direction du Colloque</i>	2
▶ ALLOCUTION DE BIENVENUE <i>Professeur Michel Espagne</i> <i>Directeur de recherche CNRS, Directeur du LABEXTransfers, ENS de Paris</i>	3
▶ ALLOCUTION DE BIENVENUE <i>Monsieur Etienne ROLLAND</i> <i>Conseiller de coopération et d'action culturelle, Directeur de l'Institut français du Vietnam</i>	7
▶ COMMUNICATION INTRODUCTIVE COLLOQUE INTERNATIONAL "ÉCHANGES CULTURELS FRANCO-VIETNAMIENS: RÉALISATIONS ET PERSPECTIVES" <i>Prof. Do Viet Hung</i> <i>Vice-président de l'École Normale supérieure de Hanoi</i> <i>Chef du Comité d'organisation du colloque</i>	16
▶ ECRIRE UNE HISTOIRE VIETNAMIENNE DE LA FRANCE? <i>Prof. Michel ESPAGNE</i>	19
TIỂU BAN A: GIÁO DỤC HỌC – TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI HỌC – CÔNG TÁC XÃ HỘI	
Éducation – Psychologie Sociologie – Activités sociales	21
▶ LA FORMATION DES ÉLITES NATIONALES FRANÇAISES, DE LA RENAISSANCE À LA FIN DU XIXE SIÈCLE: ENTRE LATIN ET FRANÇAIS <i>Prof. Guillaume BONNET</i>	22
▶ LE RÔLE DE LA FRANCE DANS L'ÉVOLUTION DE L'ÉDUCATION TRADITIONNELLE DU VIETNAM DANS LA SECONDE PARTIE DU XIX ^e SIÈCLE ET AU DÉBUT DU XX ^e SIÈCLE <i>Prof.as.Dr. Phạm Công Nhất</i>	23
▶ ACCULTURATION FRANÇAISE DANS L'ÉDUCATION DU VIETNAM DU 1884 AU 1945 <i>Nguyễn Hoa Mai</i>	24
▶ LA MODERNITÉ EN MOUVEMENT: LES INSTITUTRICES ET LA MOBILITÉ DANS LE CONTEXTE DE LA CROISSANCE DE L'ÉDUCATION FÉMININE AU TONKIN COLONIAL <i>Dr. Trần Thị Phương Hoa</i>	26
▶ DE BILATÉRAL À MULTILATÉRAL: CHANGEMENT DU MODÈLE DE LA COOPÉRATION UNIVERSITAIRE À L'INSTITUT DE LA FRANCOPHONIE POUR L'INNOVATION (IFI) <i>Dr. Ngô Tự Lập</i>	28
▶ REMARQUES SUR LE DOCUMENT DU GROUPE CANH BUOM "DES MANUELS SCOLAIRES COMME UN VŒU DE MODERNISATION DE L'ÉDUCATION DU VIETNAM" <i>Prof. Emeritus. Alain FENET</i>	29
▶ "LE PETIT POT DE L'ESPACE" ET MES HEUREUSES EXPÉRIENCES SUR LA COOPÉRATION CULTURELLE FRANCO – VIETNAMIENNE <i>Phạm Toàn</i>	30
▶ L'ÉDUCATION FAMILIALE: UNE ÉTUDE COMPARATIVE ENTRE LES PARENTS FRANÇAIS ET VIETNAMIENS <i>Dr. Nguyễn Khánh Trung</i>	31

▶ IMPACT DE L'ENSEIGNEMENT-APPRENTISSAGE DU ET EN FRANÇAIS AU VIETNAM SELON APPROCHE DIACHRONIQUE DEPUIS L'ÉPOQUE COLONIALE JUSQU'À PRÉSENT <i>Prof.as.Dr. Trần Đình Bình, Dr. Nguyễn Văn Toàn</i>	33
▶ ENSEIGNER LA LITTÉRATURE FRANCOPHONE AUX ÉTUDIANTS À L'UNIVERSITÉ DE HANOI COMMENT ÉVITER LA ROUTINE? <i>Dr. Trần Văn Công</i>	35
▶ ANALYSE COMPARATIVE DE LA FORMATION DES ENSEIGNANTS EN FRANCE ET DANS CERTAINS PAYS EUROPÉENS <i>Dr. Nguyễn Văn Toàn</i>	37
▶ ÉVALUATION DE LA COMPÉTENCE DU FRANÇAIS POUR LES ÉLÈVES DANS LES LYCÉES AU VIETNAM <i>Nguyễn Thị Thanh Nga</i>	38
▶ FORMATION D'INGÉNIEURS D'EXCELLENCE AU VIETNAM DANS LE CONTEXTE D'ADAPTATION ET D'INTÉGRATION DE L'ÉDUCATION À LA GLOBALISATION: CAS DU PROGRAMME DE FORMATION D'INGÉNIEURS D'EXCELLENCE AU VIETNAM (PFIEV) <i>Nguyễn Quang Vinh; Trần Đan Tâm; Lê Thị Mỹ; Đào Quang Bình</i>	39
▶ PROPOSITION D'UN MODÈLE EXPLICATIF DE LA CONSOMMATION SOCIALEMENT RESPONSABLE: UNE APPLICATION PORTANT SUR LES CONSOMMATRICES VIETNAMIENNES <i>Dr. Bùi Ngọc Như Nguyệt, Prof.Dr. Pierre VALETTE-FLORENCE</i>	40
▶ UNE TRENTAINE D'ANNÉES D'EXPÉRIENCE DE PRATIQUE CLINIQUE SELON L'ÉCOLE FRANÇAISE À LA FONDATION D'ETUDES EN PSYCHOLOGIE ET PSYCHOPATHOLOGIE DE L'ENFANT AU VIETNAM <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Minh Đức</i>	42
▶ UNIVERSITÉ INDOCHINOISE ET ÉCOLE SUPÉRIEURE DE PÉDAGOGIE DE L'INDOCHINE: NAISSANCE, FONCTIONNEMENT ET BILAN <i>Lê Xuân Phán</i>	44
▶ TITRE DE LA COMMUNICATION: DISPOSITIF NUMÉRIQUE ET AUDIT DE FORMATION: COMMENT METTRE EN PLACE UNE DÉMARCHE QUALITÉ EN FORMATION CONTINUE À L'ENVIRONNEMENT ET AU DÉVELOPPEMENT DURABLE DANS LE CONTEXTE DU VIETNAM? <i>Hoàng Thị Vân Anh</i>	45
▶ BIEN-ÊTRE SCOLAIRE: UNE ETUDE DES COLLEGIENS AU VIETNAM <i>Prof.as.Dr. Trần Thu Hương, Dr. Nguyễn Hạnh Liên, Dr. Ngô Thanh Huệ, Dr. Trần Thu Hương</i>	46
▶ L'ABANDON SCOLAIRE DES ENFANTS, LES IMPACTS DE L'ORIENTATION DES VALEURS PARENTALES ET LA STRUCTURE FAMILIALE AU VIETNAM <i>Prof.as.Dr. Vũ Tuấn Huy</i>	47
▶ LE RÔLE DE LA MÈRE DANS L'ÉDUCATION FAMILIALE AU VIETNAM A L'ÉPOQUE FÉODALE <i>Dr. Phạm Thị Quỳnh</i>	48
TIỂU BAN B: VĂN HỌC – NGÔN NGỮ HỌC (Littérature – Linguistique)	50
▶ A LA RENCONTRE DE LA LITTÉRATURE FRANÇAISE <i>Prof.as.Dr. Đặng Anh Đào</i>	51
▶ QUELQUES OBSERVATIONS SUR LA TRADUCTION DES OUVRAGES FRANÇAIS DE LA RECHERCHE LITTÉRAIRE <i>Prof.Dr. Trần Đình Sử</i>	53
▶ L'INCESTE DANS LES ROMANS INDOCHINOIS DE MARGUERITE DURAS <i>Dr. Trần Văn Công</i>	54
▶ NGUYEN AI QUOC – HO CHI MINHET LA LITTÉRATURE FRANÇAISE <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Thanh Tú, Bùi Quang Vinh</i>	55

▶ GRAMMAIRE UNIVERSELLE ET GRAMMAIRE PARTICULIÈRE: UN DÉBAT RÉCURRENT DE LA LINGUISTIQUE EUROPÉENNE DEPUIS LE XIX ^e SIÈCLE <i>Prof. Daniel PETIT</i>	56
▶ COMMENT TRADUIRE L'ŒUVRE BILINGUE DE SAMUEL BECKETT EN VIETNAMIEN: TROISIÈME TEXTE ET TRADUCTEUR PERFORMATIF	
<i>Nguyễn Vũ Hùng</i>	58
▶ AUTEUR BILINGUE FRANCO – SHINO: UN PHÉNOMÈNE UNIQUE DANS LA LITTÉRATURE VIETNAM EN FIN DU XIX ^e SIÈCLE <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Công Lý</i>	59
AUTHOR BILINGUAL FRANCO-SHINO: A UNIQUE PHENOMENON IN LITERATURE VIETNAM LATE NINETEENTH CENTURY <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Công Lý</i>	59
▶ LE PARFUM DANS LA POÉSIE DE CHARLES BAUDELAIRE ET DE HÀN MẶC TỬ <i>PGS.TS. Hoai Huong Aubert NGUYEN</i>	60
▶ POÉSIE SYMBOLISTE FRANÇAISE ET LA POÉSIE MODERNE VIETNAMIENNE VUE DES CORRESPONDANCES <i>Dr. Đinh Minh Hằng</i>	62
▶ RÔLE DES TRAVAUX DE COLLECTION ET DE RECHERCHE FOLKLORIQUE DES FRANÇAIS, FORMATION DU SECTEUR DU FOLKLORE AU VIETNAM FIN DU XIX ^e – DÉBUT DU XX ^e SIÈCLE <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Việt Hùng</i>	63
▶ LA NOUVELLE REVUE INDOCHINOISE: UN VECTEUR DE TRANSFERT CULTUREL <i>Dr. Phạm Văn Quang</i>	64
▶ REPRÉSENTATION FRANÇAISE DANS LA PRESSE COLONIALE CAS DE TỰ LỰC VĂN ĐOÀN <i>Dr. Phùng Ngọc Kiên</i>	65
▶ INTERACTION DES POUVOIRS DANS LA PERSPECTIVE COLONIALE (cas de <i>Quốc văn giáo khoa thư</i> et <i>Luân lí giáo khoa thư</i>) <i>Prof.as.Dr. Trần Văn Toàn</i>	67
▶ L'INTERCHANGE DE LA CULTURE FRANCO-VIETNAMIEN: LA RENCONTRE ET L'ACCULTURATION <i>Prof.as.Dr. Lê Nguyễn Cẩm</i>	70
▶ THÉÂTRE FRANÇAIS ET TENDANCES ROMANTIQUES DANS LE THÉÂTRE VIETNAMIEN DES ANNÉES 1930 (CAS DE ĐOÀN PHÚ TỬ) <i>Dr. Nguyễn Thủy Linh</i>	72
▶ LA LANGUE FRANÇAISE ET SES APPORTS À LA DIVERSITÉ COGNITIVE, CULTURELLE ET SCIENTIFIQUE: UN POINT DE VUE VIETNAMIEN <i>Prof.as.Dr. Trịnh Văn Minh, Trịnh Thủy Dương</i>	74
▶ VUE D'ENSEMBLE SUR DES ŒUVRES LITTÉRAIRES ET POÉTIQUES DE DIPLOMATES VIETNAMIENS ENVOYÉS EN FRANCE PENDANT DES ANNÉES DE LA FIN DU XIX ^e SIÈCLE <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Thanh Tùng</i>	75
▶ APPROCHE PRAGMATIQUE EN DIDACTIQUE DES LANGUES ÉTRANGÈRES: TRANSFERTS LINGUISTIQUES ET/OU TRANSFERTS CULTURELS? LE CAS DU VIETNAMIEN LANGUE ÉTRANGÈRE <i>Dr. Nguyễn Việt Anh, Prof.as.Dr. Đào Huy Linh</i>	76
TIỂU BAN C: SỬ HỌC – KHẢO CỔ HỌC – DÂN TỘC HỌC NHÂN HỌC; ĐỊA LÍ – KINH TẾ – XÃ HỘI	
Histoire – Archéologie – Ethnographie Anthropologie; Géographie – Economie – Société	77
▶ VERS UNE HISTOIRE-MONDES. POUR UNE HISTOIRE "À PARTS ÉGALES" DES SITUATIONS DE CONTACT ENTRE L'EUROPE ET L'ASIE DU SUD-EST (XVI ^e – XIX ^e SIÈCLE) <i>Romain BERTRAND</i>	78
▶ L'ÉCOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME-ORIENT ET L'UNIVERSITÉ INDOCHINOISE – DE QUOI ONT-ELLES HÉRITÉ? (Une approche de l'histoire de la science et de l'éducation) <i>Dr. Nguyễn Mạnh Dũng</i>	80

▶ THE “BILAN” FRENCH PERSPECTIVES ON VIETNAMESE CASUALTIES AT THE BATTLE OF DIEN BIEN PHU <i>MA, M Soc.Sci. Peter HUNT</i>	80
▶ LES CONVENTIONS VILLAGEOISES RÉFORMÉES DU VIETNAM SOUS LA PÉRIODE FRANCAISE AU DÉBUT DU XX ^e SIÈCLE <i>Prof.as.Dr. Đinh Khắc Thuân</i>	82
▶ LES COLLECTIONS VIETNAMIENNES DE LA BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DE FRANCE: UN TÉMOIGNAGE SUR L'HISTOIRE CULTURELLE ET SOCIALE DU VIETNAM <i>Dr. Nguyễn Giáng Hương</i>	83
▶ LES SOURCES DOCUMENTATIVES EN FRANÇAIS CONCERNANT LA SOUVERAINETÉ DU VIETNAM POUR LES ARCHIPELS PARACELS <i>Dr. Trần Đức Anh Sơn</i>	86
▶ ÉTUDES SUR LE VIETNAM VUE À PARTIR DE FRANCE: À TRAVER DES RECHERCHES HISTORIQUES <i>Dr. Cao Việt Anh</i>	87
▶ VĂN HOÁ CUNG ĐÌNH HUẾ ĐẦU THẾ KỈ XX VÀ CUỘC TIẾP XÚC VỚI VĂN MINH PHƯƠNG TÂY <i>TS. Huỳnh Thị Ánh Vân</i>	87
LA CULTURE ROYALE DE HUẾ AU DÉBUT DU VINGTIÈME SIÈCLE ET LE CONTACT AVEC LA CIVILISATION OCCIDENTALE <i>Dr. Huỳnh Thị Ánh Vân</i>	88
▶ ÉTUDE SUR LA CULTURE D'OC EO SOUS LE REGARD DES CHERCHEURS FRANÇAIS (En basant sur les documents à la Bibliothèque des sciences sociales)	91
<i>Dr. Phạm Thu Trang, Phạm Phương Hà</i>	91
▶ L'APPLICATION DES LOIS SOCIALES FRANÇAISES AU VIETNAM, AU DÉBUT DU XX ^{ÈME} SIÈCLE: L'ŒUVRE HUMAINE RÉSERVÉE AUX VIETNAMIENS OU AU PROFIT DES FRANÇAIS DANS LA COLONIE? <i>Dr. Trần Xuân Trí</i>	92
▶ EN COMPARAISON AVEC L'ÉTUDE “LES PAYSANS DU DELTA TONKINOIS” DE PIERRE GOUROU, FIN DU XIX ^e SIÈCLE – DÉBUT DU XX ^e SIÈCLE <i>Dr. Vũ Diệu Trung</i>	93
▶ LE VIETNAM, LA FRANCE ET LA FRANCOPHONIE <i>Vũ Đoàn Kết, Dr. Nguyễn Hoàng Như Thanh</i>	95
▶ LE RÔLE DE LA FRANCE DANS L'INTÉGRATION INTERNATIONALE DU VIETNAM (1981 – 1995) <i>Dr. Hoàng Hải Hà</i>	96
▶ “LES GRAND-HAIPHONNAIS” DE LA FIN DU XIXE SIÈCLE AU DÉBUT DU XXE SIÈCLE (L'histoire de Haiphong à l'époque coloniale française)	98
<i>Dr. Trần Văn Kiên</i>	98
▶ LA FORMATION DES COMMUNAUTÉS FRANCOPHONES AU VIETNAM ET VIETNAMOPHONES EN FRANCEACTEURS DU TRANSFERT CULTUREL FRANCO-VIETNAMIEN <i>Nguyễn Thảo Hương</i>	99
▶ VIETNAM-FRANCE: 45 ANS DES RELATIONS DIPLOMATIQUES (1973 – 2018) <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Thị Hạnh</i>	101
▶ LA COMMUNICATION ET LA CONSOMMATION DES EXPORTATIONS ET LES INFLUENCES CULTURELLES DANS LA ZONE FRANÇAISE D'OCCUPATION(1945 – 1954) <i>Dr. Lương Thị Hồng</i>	102
▶ LES PARTIS, L'INTÉRÊT DU GROUPE ET LE POUVOIR AU VIÊT NAM AU DÉBUT DU XIX – NEUVIÈME SIÈCLE <i>Vũ Đức Liêm</i>	103
▶ LES RAPPORTS DIPLOMATIQUES ENTRE LA FRANCE ET L'ÉTAT DU VIETNAM (1949 – 1955): UNE APPROCHE PAR LES SOURCES ARCHIVÉES EN FRANCE <i>Ninh Xuân Thao</i>	105

▶ L'ÉDUCATION TRADITIONNELLE DANS LES VILLAGES TONKINOIS À TRAVERS LES ÉTUDES DES FRANÇAIS <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Thị Thọ, Dr. Hồ Công Lưu, Nguyễn Văn Biếu</i>	106
TIỂU BAN D: TRIẾT HỌC – TÔN GIÁO (Philosophie – Religion)	107
▶ LA PHILOSOPHIE ET SES CONTEXTES <i>Prof. Charlotte MOREL</i>	108
▶ LES POSITIONS RELIGIEUSES DES PHILOSOPHES DES LUMIÈRES FRANÇAIS <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Anh Tuấn</i>	110
▶ DE LA SIMILITUDE DANS LES CONCEPTIONS DE LA FEMME ENTRE DEUX FEMME AUTEURS HỒ XUÂN HƯƠNG ET SIMONE DE BEAUVOIR <i>Prof.as.Dr. Bùi Thị Tĩnh</i>	111
▶ LA PHILOSOPHIE DES LUMIÈRES EN FRANCE ET SON INFLUENCE SUR LA PHILOSOPHIE VIETNAMIENNE À LA FIN DU XIX ^E SIÈCLE ET AU DÉBUT DU XX ^E SIÈCLE <i>Vũ Thị Hải, Hoàng Phương Thảo</i>	113
▶ ETUDIER LES RITUELS SACRALITÉS CONFUCÉENNES ET RÉPUBLICAINES <i>Benoît VERMANDER</i>	114
▶ ECHANGES ET ACCULTURATION VIETNAM-FRANCE DANS LE DOMAINE RELIGIEUX. CAS DE L'ASSOCIATION DES BOUDDHISTES DU TONKIN (1934 – 1945) <i>Dr. Ninh Thị Sinh</i>	117
▶ LA TRANSFORMATION DU BOUDDHISME AU VIETNAM AUJOURD'HUI <i>Prof.as.Dr. Chu Văn Tuấn</i>	118
▶ EXPLICATION DE QUELQUES CHANGEMENTS DANS LE CULTE DU GÉNIE TUTÉLAIRE D'UN VILLAGE VIETNAMIEN SELON SCIENCES RELIGIEUSES (LE CAS DU VILLAGE DE THO HA, PROVINCE DE BAC GIANG) <i>Hoàng Thị Thu Hương</i>	119
▶ CIVILISATION OCCIDENTALE DANS LA VISION DES LETTRÉS VIETNAMIENS DE LA SECONDE MOITIÉ DU XIX ^E SIÈCLE <i>Dr. Phan Thị Thu Hằng</i>	121
▶ LES INFLUENCES DES CULTURES FRANÇAISES SUR LES INTELLECTUELS VIETNAMIENS PENDANT LES PREMIÈRES ANNÉES DU XX ^E SIÈCLE <i>Dr. Nguyễn Thị Thanh Tùng, Trần Ngọc Viên</i>	122
▶ L'INFLUENCE DE LA RÉVOLUTION FRANÇAISE SUR LE PROCESSUS DE SALUT NATIONAL DE HO CHI MINH <i>Dr. Trần Thị Phúc An</i>	123
▶ RÉCEPTION DES IDÉOLOGIES DÉMOCRATIQUES ET DE LA RÉVOLUTION FRANÇAISE PAR LES INTELLECTUELS VIETNAMIENS: LES CAS DE NGUYEN MANH TUONG ET PHAN NGOC <i>Journaliste Kiều Mai Sơn</i>	125
▶ CHANGEMENTS DE RELATION RELIGIEUSE ET ÉCONOMIQUE AU VIETNAM: LE CAS DU PROTESTANTISME EN ĐỔI MỚI (RÉNOVATION) <i>Dr. Hoàng Văn Chung, Trần Thị Phương Anh</i>	126
▶ L'APPROCHE FONCTIONNALISTE D'ÉMILE DURKHEIM DANS LES ÉTUDES RELIGIEUSES ET SA CAPACITÉ D'APPLIQUER POUR INTERPRÉTER LE DÉVELOPPEMENT DU PROTESTANTISME AU VIETNAM AUJOURD'HUI <i>Phạm Thị Thu Huyền</i>	127
▶ RECHERCHE SUR LE CULTE DES ANCÊTRES DES VIETNAMIENS À TRAVERS LES OEUVRES D'ALEXANDRE DE RHODES <i>Trương Thuý Trinh</i>	129
▶ HO CHI MINH AU CONTACT INTELLECTUEL ET CULTUREL DE LA FRANCE <i>Dr. Đỗ Thị Ngọc Anh</i>	129
▶ PHAM QUYNH ET SON INTRODUCTION DE LA PHILOSOPHIE FRANÇAISE AU VIETNAM <i>Prof.as.Dr. Nguyễn Bá Cường</i>	130

TIỂU BAN E: NGHỆ THUẬT HỌC – KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ (Arts – Architecture urbaine)	131
▶ DÉBATS CONTEMPORAINS AUTOUR DE L'IMAGE, LE CAS DE LA PHOTOGRAPHIE	
<i>Carole MAIGNÉ</i>	<i>132</i>
▶ BIẾN ĐỔI ĐỜI SỐNG VIỆT NAM THẾ KỈ XIX – XX	
<i>Nhà nghiên cứu Phan Cẩm Thượng.....</i>	<i>133</i>
CHANGEMENTS DE LA VIE PENDANT LES XIX ^e et XX ^e SIÈCLE	
<i>Chercheur Phan Cẩm Thượng</i>	<i>133</i>
▶ DESSINER POUR COMPRENDRE L'AUTRE: DEUX ŒUVRES GRAPHIQUES INÉDITES NÉES DU CONTACT COLONIAL	
<i>Prof.as.Dr. Olivier TESSIER</i>	<i>134</i>
▶ ÉTUDES SUR L'URBANISME AU VIETNAM PAR DES CHERCHEURS FRANÇAIS (1865 – 1954)	
<i>Prof.as.Dr. Hoàng Anh Tuấn; Nguyễn Thị Minh Nguyệt.....</i>	<i>136</i>
▶ PATRIMOINE D'ARCHITECTURE CATHOLIQUE À SAIGON-HO CHI MINH VILLE	
<i>Dr. Nguyễn Thị Hậu, Trương Phúc Hải.....</i>	<i>138</i>
▶ LE RÔLE DES FRANÇAIS DANS LA FORMATION ET LA FONDATION DU SYSTÈME DES ÉCOLES DES BEAUX-ARTS AU VIETNAM AU DÉBUT DU XX ^e SIÈCLE.....	139
<i>Prof.as.Dr. Hoàng Minh Phúc</i>	<i>139</i>
▶ URBANISATION À TRAVERS DES RUES – “QUATIER EUROPÉEN” À HANOI DE LA FIN DU XIX ^e SIÈCLE AU DÉBUT DU XX ^e SIÈCLE	
<i>Dr. Nguyễn Thị Bình.....</i>	<i>141</i>
▶ LA MISE EN PLACE D'UN PROGRAMME “TRANSFER OF DEVELOPMENT RIGHTS” (TRANSFERT DE DROITS DE DÉVELOPPEMENT) DANS LA CONVERSION DES ANCIENNES VILLAS À L'ARCHITECTURE FRANÇAISE FACE À L'URBANISATION À HỒ CHÍ MINH VILLE	
<i>Architecte. Phạm Trần Hải.....</i>	<i>143</i>
▶ HỘI NHẬP VĂN HOÁ VIỆT – PHÁP QUA MỘT SỐ NHÀ THỜ CÔNG GIÁO MANG KIẾN TRÚC GOTHIC TẠI HÀ NỘI	
<i>ThS. Dương Văn Biên</i>	<i>143</i>
ACCULTURATION ENTRE LE VIETNAM ET LA FRANCE À TRAVERS CERTAINES EGLISES GOTHIQUES DU CATHOLICISME A HA NOI	
<i>Dương Văn Biên.....</i>	<i>144</i>
▶ LE TRANSFERT CULTUREL FRANCO-VIETNAMIEN: PREUVES DANS L'HISTOIRE DES BEAUX-ARTS MODERNES DU VIETNAM	
<i>Dr.Peintre. Phạm Văn Tuyển</i>	<i>145</i>
▶ LE PROCESSUS DE L'INFLUENCE DE LA CULTURE FRANÇAISE DANS LES CHANSONS VIETNAMIENNES AVANT 1975	
<i>Tạ Hoàng Mai Anh.....</i>	<i>147</i>
▶ LES ARTS DÉCORATIFS DES OBJETS EN CUIR À LA DYNASTIE DES NGUYEN SELON DES SAVANTS FRANÇAIS DANS LA SÉRIE DES LIVRES B.A.V.H (LES AMIS DE L'ANCIENNE CAPITALE DE HUE)	
<i>Phan Lê Chung</i>	<i>149</i>
▶ TRACES DU MOUVEMENT FRANÇAIS ROCOCO À LA DÉCORATION AUX TOMBEAUX DES PRINCESSES DE LA DYNASTIE NGUYEN	
<i>Trần Thị Hoài Diễm</i>	<i>150</i>
▶ L'ART DE L'URBANISME-ARCHITECTURE DE SAI GON: LA CONSERVATION DES SOURCES DU PATRIMOINE CULTUREL FRANCO- VIETNAMIEN À HO CHI MINH VILLE	
<i>Dr. Architecte .Ngô Minh Hùng, Prof.as.Dr. Hoàng Minh Phúc</i>	<i>152</i>
▶ L'IMAGE DU VIETNAM À TRAVERS DES MODÈLES D'INTRIGUE DU CINÉMA FRANÇAIS DES ANNÉES 1990	
<i>Đinh Mỹ Linh</i>	<i>153</i>
▶ LAGAPHICQUE DANS LA PRESSE VIETNAMIENNE DANSLA PÉRIODE COLONIALS FRANÇAISE	
<i>Dr. Nguyễn Hồng Ngọc.....</i>	<i>155</i>
▶ L'ILLUSTRATION DE LA COUVERTURE DES JOURNAUX“PHONG HOÁ” À L'ÉPOQUE DE LA DOMINATION FRANÇAISE	
<i>Prof.as.Dr. Hoàng Minh Phúc, Trần Thị Thy Trà</i>	<i>157</i>